

CỎ THƠM

MÙA THU 2016

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.
NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.
HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. ĐẶNG NGUYỄN.
NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: California
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Phạm Hữu Bính,
Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, B. Diễm Châu, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu,
Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng,
Ô.B. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt,
B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, Ô.B. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên,
Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô.B. Đinh Kỳ, Ô.B. Nguyễn Lân,
Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Nguyễn Huy Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,
Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô.B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳnh, B. Nghiêm Thái Phượng, B. Lý Ngọc Quyên,
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu,
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô.B. BS Nguyễn Văn Thành.
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang,
B. Diễm Trần Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Lê Thúy Trúc, B. Tô Bạch Tuyết,
Ô.B. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

Sầu Cỏ Hương: TÂM MINH	65	GIAO ĐIỂM	
Vui Tao Ngộ: TRẦN QUỐC PHIỆT	69	Nghĩ Về Việt Nam Đến Yosemite	87
Hạnh Ngộ: PHAN KHÂM	69	DUY NĂNG	
Người Em Phố Núi: ĐỖ BÌNH	75	To Yosemite Thinking Back	87
Thơ Cho chim Nhỏ:	80	To Vietnam: THANH THANH	
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH		TRANH ẢNH	
Độc Âm Chiều Thu: TÂM MINH	96	Nàng: DIỄM CHÂU	01
Đôi bờ Chiến Tuyến: HỒ CÔNG TÂM	103	Cúc Vàng: HS TRƯƠNG CAM KHẢI	12
Thu Mơ: ĐỖ THỊ MINH GIANG	115	Phát Hành Báo Cỏ Thơm Mùa Hè	172
Tiếc Thương: NHƯ LAN	127	Cánh Bướm Vườn Sen: DIỄM CHÂU	210
Nguyễn Cầu: HOÀI VIỆT N.V.T.	127	GIỚI THIỆU	
Bình Phục: LÝ HIỆU	141	Hà Nguyễn & Associates C.P.A.	2
Bình Phục: NGUYỄN PHÚ LONG	141	Washington Music	37
Lục Bát Về Nguồn: PHAN KHÂM	144	Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	88
Bến Quạnh Hiu: KIỀU ANH	154	Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	110
Ý Thu: NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	171	Trùng Trùng Duyên Khởi	204
Chuyến Mùa: TÂM MINH	171	Của Nhà Văn Vũ Mạnh Phát.	
Mừng Hội Ngộ Cỏ Thơm Lần thứ 21	186	Nhạc Thánh Phòng: Những Ngày	205
NGÔ VĂN GIAI		Tháng Không Quên	
Tình Vãn: KỂ VẤN	186	Harvest Moon Restaurant	206
Mừng Tạp Chí Cỏ Thơm:	186	Phiếu Mua Báo	208
PHÙNG TRẦN T.Q.S		Tủ Sách Cỏ Thơm	207
Ngày Vui Hội Ngộ: NHƯ THU	186	Ivan M. Waldman & Associates	209



CẢNH NHẬN SANG THU

Mùa đã bắt đầu vào thu. Gió heo may lạnh. Nắng hanh long lanh trong vắt. Lác đác vài chiếc lá vàng rụng rơi. Không gian dịu mát. Từng đàn chim nhận sát cánh nhau bay về đâu. Những khóm cúc tím ngắt, đỏ au, vàng thắm, trắng muốt nở hoa thơm ngát trong vườn, bên lối đi trên đường bộ hành. Lãng đãng vài cặp vợ chồng tuổi về hưu tản bộ, vài người chạy bộ mang điện thoại bên tai. Mùa thu vùng tòa soạn Cỏ Thơm thường bắt đầu những cảnh êm đềm hạnh phúc như vậy.

Trước khi tâm tình chuyện Cỏ Thơm, chúng tôi muốn hỏi thăm quý vị về mùa hè vừa qua của quý vị ra sao? Quý vị đi biển, đi sông, đi núi vui lắm nhỉ? Nhưng không nghe quý vị nào đi du lịch Anh, Pháp, Đức, Bỉ ... Hẳn ai cũng không muốn gặp cảnh khủng bố của bọn hồi giáo quá khích ISIS diễn ra bất ngờ khắp Âu châu. Nhưng không cứ ở Âu châu, viết đến đây chúng tôi vừa nghe có vụ bom nổ của quân khủng bố ở New York làm bị thương mấy chục người. Trong một khu thương mại, có tên khủng bố hỏi người nào không là hồi giáo thì lia dao đâm nạn nhân.

Cỏ Thơm vui mừng, không nghe độc giả, tác giả nào gặp tai nạn, chắc rằng quý vị đều có một mùa hè bình an, vui vẻ, có những giây phút hào hứng xem Olympics tại Rio de Janeiro, Brazil. Quý ông thì chắc là mê bóng đá, Tennis và Volleyball trên cát của các nữ cầu thủ mặc bikini hai mảnh nhỏ xíu. Chúng tôi đây cũng phải chú ý tới thân hình các nữ cầu thủ cao thon, khỏe mạnh và bắt mắt ấy. Quý bà chắc là thích *gymnastics* và bơi lội hơn, tuy nhiên cũng cảm thấy ái ngại cho mấy nữ lực sĩ Trung Quốc gầy gò, bé nhỏ như bị ăn đói. Bốn năm về trước mấy cô bé thế nào thì năm nay trông vẫn vậy. Các cô bị uốn nắn xương cốt chân tay một cách dã man từ lúc 3, 4 tuổi, không được lớn mau, lớn mạnh thì mới được phép theo đuổi *gymnastics* và gửi đi dự thi Olympics.

Trung Cộng xưa nay vẫn nham hiểm, tham lam lắm. Đất đai của họ mệnh mông là thế, nhưng chúng vẫn muốn bành trướng thôn tính các nước láng giềng. Từ bốn ngàn năm nay có bao giờ chúng buông tha các nước nhỏ bé xung quanh đâu? Chúng đang cất dần non sông và lan tràn khắp đất nước Việt. Bước chân Tàu phù đi đến đâu muốn tác yêu, tác quái, trà đạp dân ta đến đó. Sự uất ức đã lên tới tột đỉnh, biển người giáo dân Đà Nẵng biểu tình gào thét những khẩu hiệu nổi dậy chống quân Trung Cộng đang đầu độc dân ta, đang xâm lăng đất nước ta. Đức cha làm lễ trước hàng ngàn giáo dân Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn và công khai tố cáo hành động xâm lăng của Trung Cộng và hô hào người dân phải cảnh giác trước nguy cơ mất nước. Thật đau xót nhìn thấy bao khuôn mặt thanh thiếu niên nam nữ

sáng láng, thông minh, nhưng đăm chiêu, lo lắng không biết tương lai đất nước đi về đâu. Thuở chúng ta còn đi học, đã uất ức khi đọc đến những trang sử nước Nam ta bị Tàu đô hộ, dân ta bị chúng đồng hóa, hành hạ tàn nhẫn. Bây giờ bà con thân thuộc, đàn em, con cháu chúng ta đang gặp cảnh đó. Đi đâu người ta cũng thấy biển chữ Tàu, sách báo chữ Tàu, quần áo kiểu cách Tàu. Vậy thì chống Tàu Cộng ở đâu? Mai một Việt Nam biến thành một xứ tự trị của Tàu thì cũng không oan. Ôi, thật đau xót biết bao!!!

Trung Cộng còn có thái độ hạ cấp và hèn mọn đối với cả Tổng Thống Hoa Kỳ trong dịp ông và đoàn tùy tùng tham dự hội nghị Thượng Đỉnh G20 ở Hàng Châu, vào đầu tháng 9, 2016, thì Trung cộng cũng chẳng coi Việt Nam ta ra gì. Các thủ lãnh Việt Cộng hạ mình quy phục Trung Cộng thì cũng không lạ. Thương cho cái xứ ta nhỏ bé chịu bi lụy Trung Quốc hết thế kỷ này qua thế kỷ khác. Mong sao có một Lê Lợi, Hưng Đạo hay Quang Trung trong lịch sử Việt Nam mới.

Tạm gác qua những phiền muộn về vấn đề Trung cộng và Việt Nam, chúng tôi xin chuyển sang những chuyện vui Cỏ Thơm.

Mùa hè vừa qua, Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm cũng có một "ngày lịch sử" đặc biệt. Sinh nhật thứ 21 của Tạp Chí Cỏ Thơm đã được tổ chức vào ngày 28 tháng 8 vừa qua tại Nhà Hàng Harvest Moon Falls Church, Virginia như mọi năm, với gần 240 quan khách tham dự và với hai mục ra mắt sách lớn: "Quê Người Nhớ Quê Nhà" của Nhà Văn Vũ Nam đến từ Đức Quốc; "Một Tổng Thống Mỹ Gốc Việt" và "A U.S. President of Vietnamese Descent" của Nhà Văn Phạm Hữu Bình. Cả ba quyển đều mang tên nhà Xuất Bản Cỏ Thơm và do Nhà In Focus Digital tại Annandale, Virginia in ấn.

Nhà văn Phong Thu giữ việc giới thiệu tác giả Vũ Nam và tác phẩm. Giáo Sư Phạm Trọng Lệ giới thiệu tác giả Phạm Hữu Bình và tác phẩm. Ngoài ra trên bàn sách báo còn có các tác phẩm của Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn, Văn Thi Sĩ Ngô Tăng Giao, Nhà Thơ Ý Anh và báo Cỏ Thơm số mùa hè. Tất cả sách báo Cỏ Thơm đều được chiếu cố nồng nhiệt. Phần văn nghệ cũng rất suất sắc hào hứng do Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Nhạc sĩ Phan Anh Dũng điều khiển với các văn nghệ sĩ nổi danh vùng Thủ Đô. Ông Phó #2 của chúng tôi sẽ có bài tường thuật đầy đủ và thú vị trong phần cuối của số báo Cỏ Thơm. Vì số trang giới hạn, còn rất nhiều hình ảnh đẹp, chúng tôi không thể đưa nhiều lên báo. Xin mời quý vị vào Website Cỏ Thơm, www.cothommagazine.com, sẽ gặp đủ các khuôn mặt quan khách và văn nghệ sĩ vùng thủ đô.

Trước tiệc sinh nhật Cỏ Thơm một ngày, 8/27/2016, Tòa soạn Cỏ Thơm đã có hân hạnh được đón tiếp Chủ Bút Trần Bích San về từ New Orleans, Nhà văn Vũ Nam đến từ Đức Quốc.

Trong tiệc sinh nhật Cỏ Thơm, chúng tôi bất ngờ được sự ủy thác của Chủ Bút Biên Khảo Gia Trần Bích San khuyến khích làm một mục quyền tiền giúp nạn nhân bão lụt nặng nề, cuốn theo bao nhiêu nhà cửa, tài sản, nhiều nhân mạng ở Baton Rouge, Louisiana. Hàng ngàn người tay trắng, gia đình tang tóc, đau thương. Chúng tôi đã thu được \$1240 ngay hôm đó và nhờ Chủ Bút Trần Bích San đem về New Orleans. Chủ tịch Cộng Đồng Louisiana là Bà Nguyễn Ngọc Châu đã có thư ký nhận số tiền đó để mua gạo, nước mắm và mì gói cho các nạn nhân bão lụt. Gia đình Trung Vương Hoa Thịnh Đôn đã hưởng ứng sự quyên góp của Tạp Chí Cỏ Thơm giúp nạn bão lụt và đã gửi check đến anh Trần Bích San nhờ chuyển tới cộng đồng Louisiana. Nhiều nhóm, hội trong Cộng Đồng người Việt Hoa Thịnh Đôn cũng đã và đang chung lưng tổ chức lạc quyên giúp nạn nhân bão lụt nói trên. Hoan hô tinh thần "lá lành đùm lá rách", "một miếng khi đói bằng một gói khi no" của quý vị.

Chúng ta đang ở trong mùa thu nên quý vị sẽ được đọc trong số báo này, ngoài những bài biên khảo giá trị, còn có những bài văn, bài thơ viết về mùa thu muôn năm thơ mộng với lá vàng, hoa vàng, với trăng thanh gió mát, với đêm Halloween lạnh rợn... Nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao biên soạn cho chúng ta thường lãm những vần thơ chân tình nhẹ nhàng, nhưng điều luyện về mùa thu của cố Thi Sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh, thân mẫu Nhà Văn Trương Anh Thụy. Tôi nói thơ Nữ Sĩ Kim Y điều luyện, lẽ dĩ nhiên, vì Nữ Sĩ đã dùng thơ 7 chữ nhưng có luật, có vần nên dòng thơ lưu loát, nhẹ nhàng. Người đọc muốn bay bổng, thoát tục theo cánh thơ của người thơ. Theo tôi nghĩ, cũng như viết văn, phải giữ luật chấm phẩy sau trước chữ cho đúng, luật chính tả s hay x, ch hay tr... Viết xong một bài, một truyện, phải xem lại sửa chữ viết sai, thay đổi chữ cho hợp thời, đúng cảnh hơn, không dùng nhiều chữ "trập trùng, nghèo túng"... Đối với chúng tôi, được người xem lại và nhuận sắc bài viết của mình là một điều may mắn, phải cảm tạ, không tự ái, giận hờn. Các nhà xuất bản Âu Mỹ lớn và khả tín, có nhiều "editor" sửa chữa chính tả, văn phạm, ý tưởng, bố cục trong một tác phẩm trước khi cho in. Ca sĩ có giọng hay cũng phải tập hát đúng nhịp, đúng điệu, được thầy chỉ dẫn tận tâm mới trở thành ca sĩ có hạng được.

Ở đây chúng tôi không bàn tới thơ Đường luật, rắc rối đối với những người không quen làm hay không thích tìm hiểu. Nhưng ít nhất, chúng tôi nghĩ rằng cũng cần phải có ý kiến về thơ 7 chữ trong một tạp chí nghiêm chỉnh. Trong số báo này Cỏ Thơm có hai bài thơ 7 chữ làm mẫu tiêu biểu: "Nghĩ Về Việt-Nam Đền Yosemite" của Thi Sĩ Duy Năng và bài thơ "Thu Mơ" của Nhà Thơ Đỗ Thị Minh Giang. Nội dung hai bài thơ truyền cảm hơn vì dòng thơ giữ đúng vần điệu, uyển chuyển, nhịp nhàng, bài thơ trở nên có hạng hơn. Cỏ Thơm rất vui mừng nhận được hai bài thơ trên và cảm ơn hai tác giả Duy Năng và Minh Giang để làm thí dụ.

Cỏ Thơm xin cảm ơn quý tác giả đã đóng góp văn thơ, tranh, hình làm tăng giá trị Tạp chí Cỏ Thơm. Cảm ơn quý độc giả vẫn ủng hộ tài chánh in ấn để báo phát hành đều đặn trong 21 năm qua. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm trưởng thành vì sự khuyến khích của quý văn thi hữu và độc giả.

Thưa quý vị, vào cuối mùa thu trong dịp Lễ Thanksgiving và Lễ Giáng Sinh, vùng Tòa Soạn Cỏ Thơm, tràn ngập lá vàng, lá đỏ rơi rụng từ những hàng cây, rừng cây phong, cây sồi, cây hạt dẻ... Trẻ con, người lớn vun lá thành đồng. Đám thì reo hò nhảy múa, lăn lộn trên lá, tung lá vào nhau. Đám thì nằm dài trên lá nói chuyện iphone, chụp hình quay phim gửi cho bạn, cho người thân, đưa lên Facebook. Trước khi hăng làm vườn thổi lá hết đi, con cháu Cỏ Thơm cũng thường vun lá trong vườn và "lá rơi hàng xóm lá bay sang", thành đồng để chơi đùa vô tư, hồn nhiên làm vui cảnh Tòa Soạn.

Vâng, ở xứ sở tự do, tôn trọng nhân quyền, nhân bản, con cháu chúng ta luôn luôn được vui chơi nô đùa, hạnh phúc vậy đó. Nếu cánh nhạn này có bay về miền đất hình chữ S bên kia Thái Bình Dương, xin gửi một câu hỏi và cũng là một lời cầu nguyện vẫn mệnh mang trong tâm hồn chúng ta: "Cho tới bao giờ đồng bào, thế hệ đàn em, con cháu của chúng ta trên đất nước Việt Nam mới được hưởng thanh bình, thịnh trị?"

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



Tại tòa soạn, Ban Trị sự đón tiếp Nhà văn Vũ Nam từ Đức Quốc tới tham dự sinh 21 của Tạp Chí Cỏ Thơm. Hàng ngồi: Tâm Hảo, Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Ý Anh, Hàng đứng: Ngô Tăng Giao, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Bích San, Vũ Nam, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn.

NỮ SĨ KIM Y VÀ MÙA THU



Nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh (1913-1999) là một nhà thơ của mùa Thu. Ngoài lòng yêu thiên nhiên nói chung, nhà thơ tỏ ra đặc biệt yêu mùa Thu vô hạn. Yêu mùa Thu mãi từ cái thủa xa xưa cho tới lúc tóc hoa râm điểm bạc:

*"Bấy chực năm trời bạn với Thu,
Yêu Thu từ lúc tuổi còn thơ.
Biết bao hờn giận bao thương mến,
Cùng với nàng Thu tựa thủa giờ!"*
(Thu xưa)

Nhà thơ dễ lòng hòa nhập cùng với Thu, với cái sầu muộn của Thu:

*"Muôn vật đắm chìm trong tịch mịch,
Thu về thêm ngán cảnh vô liêu."*
(Thu sầu)

Hòa nhập với cái cảnh trơ trụi của rừng cây mùa lá vàng:

*"Mỗi độ thu sang lá lại vàng,
Lá vàng lá tả chạy theo sương.
Lá còn rơi mãi, còn rơi mãi,*

Bỏ mặc cây trơ với bể bàng!"
(Lá rụng)

Trong lòng khó quên những biến cố lịch sử liên quan tới mùa Thu:

*"Bồi hồi nhớ mãi thu năm Ngọ,
Đất nước chia đôi vạn tử hờn!"*
(Thu xưa)

Khó quên những cảnh hợp tan, tan hợp của đời người trong mùa Thu:

*"Mùa thu năm ấy bước ra đi,
Thôn thức khôn cầm lệ biệt ly."*
(Mùa thu năm ấy...)

Tuy giữa độ xuân về nhưng mùa Thu vẫn được mang ra để làm đơn vị thời gian nhằm tính ngày xa quê Mẹ:

*"Bèo trôi trôi mãi có ai ngờ,
Chớp mắt qua rồi mấy chục thu!"*
(Mỗi độ xuân về...)

Thoảng như đâu đây vắng tiếng quỳên, hồn quê xin gọi theo ngọn mây Tần về chốn cũ:

*"Thấm thoắt xa nhà ba chục thu,
Hồn quê càng nặng lúc tàn mơ."*
(Theo ngọn mây Tần)

Mùa Thu về trên xứ lạ làm não lòng khách xa quê:

*"Chợt thấy rừng thu điểm lá vàng,
Ngậm ngùi chạnh nhớ phút ly hương"*
(Thu về trên đất khách)

Bóng dáng Thu phẳng phất trong tình hoài hương và còn ẩn hiện cả trong tâm hồn nhà thơ nghệ sĩ. Chỉ có mùa Thu là đẹp hơn tất cả vạn vật:

*"Ngày chỉ đẹp khi bóng chiều bằng lãng,
Rừng chỉ tươi khi có nắng thu về."
(Ngày chỉ đẹp)*

Những vần thơ vang vọng cái âm thanh du dương của nhạc và cái hình ảnh rực rỡ của họa:

*"Văng vẳng bên trời nhận gọi sương,
Rừng thu lá biếc đã hoe vàng."
(Chớ cậy tay người)*

Tâm hồn nghệ sĩ rộng mở đón nhận cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh thu, để đưa con người vào cõi thơ:

*"Thấm thoát hè qua lại tới thu,
Thu về bao cảnh gọi hồn thơ.
Trời cao thăm thẳm mây bay nhẹ,
Hồ rộng mông mênh nước lặng tờ."
(Thu)*

Thơ quện lấy cái hình ảnh của họa một cách hài hòa tuyệt mỹ:

*"Mây trắng phất phơ vờn bóng nguyệt,
Cúc vàng lóng lánh đượm hơi sương."
(Thu sầu)*

Nhà thơ có cái nhìn tài hoa như của một họa sĩ để nắm bắt được cái cảnh thiên nhiên trữ tình của một bức tranh thủy mặc:

*"Mênh mông ngàn dặm vàng chen tía,
Bát ngát muôn trùng đá lẫn cây.
Sườn núi xanh rì thông rợp bóng,
Lòng khe trong vắt nước lồng mây."
(Mùa thu thăm lá vàng)*

Quả thật mùa Thu đã để lại nhiều hình ảnh trong tâm khảm nhà thơ!

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Tiểu sử Nữ sĩ Kim Y Phạm Lê Oanh sinh trưởng ở miền Bắc Việt Nam năm 1913. Quê quán tại làng Thụy Phú, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Lập gia đình với họa gia Tá Chi Trương Cam Khải. Di cư vào Nam năm 1954. Sang định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1968 ở với con gái, con rể và cháu ngoại tại Arlington, Virginia cho đến ngày mãn phần năm 1999.

Đã xuất bản bộ sách dịch Liễu Trai Chí Dị của Bồ từng Linh, nhà xuất bản Cảnh Nam.

Bộ sách dịch Thi Kinh Quốc Phong, nhà xuất bản Cảnh Nam.



Tranh lụa *Cúc Vàng* của
Cổ Họa Sư Trương Cam Khải

Trả lại sự thật cho lịch sử. Ai sáng chế ra chữ Hán?

LỊCH SỬ và NGUỒN GỐC CHỮ HÁN

+++++

TRẦN BÍCH SAN

Chữ Hán, chữ Tàu hay chữ Trung Hoa chỉ là một, chữ Nho cũng là chữ Hán nhưng bị Việt hóa. Nước Tàu gồm sáu giống dân Hán, Việt, Mãn, Mông, Tạng, Hồi hợp thành. Riêng giống Hán (giống Hoa Hạ, gốc người nước Sở) [01] mạnh và thông minh đã đồng hoá năm sắc dân kia và dùng thứ chữ họ chiếm đoạt được của Bách Việt làm quốc tự. Triều đại nhà Hán, gồm Tây Hán (202 TTL - 08 STL) và Đông Hán (25 STL - 220 STL) là một triều đại huy hoàng, dài hơn 400 năm, ánh sáng văn minh rực rỡ chiếu tỏa sang các nước láng giềng. Do đó người Tàu rất tự hào về thời đại hoàng kim này, họ xưng là Hán tộc, chữ viết gọi là chữ Hán.

LỊCH SỬ TIỀN TRÌNH BÁCH VIỆT BỊ XÂM CHIẾM

Từ đời nhà Thương 商朝 [02], trong văn tự chỉ có một chữ Việt 戍 (nghĩa là cái rìu, do bộ tộc này sử dụng rìu). Về sau, vào thời Xuân Thu Chiến Quốc 春秋 戰國 bắt đầu trong văn tự có hai chữ Việt: chữ 越 Việt bộ 走 走 (đi, chạy) và chữ 粵 Việt bộ 艸 (lúa) đều chỉ dân tộc Việt. Chữ Việt 越 bộ 走 chỉ tên nước Việt có lãnh thổ ở vùng bắc Triết Giang, Chữ Việt bộ 走 này cũng là tên của bộ tộc Mân Việt (Phúc Kiến), Điền Việt (Vân Nam, Quảng Tây), Nam Việt (Triệu Đà), Âu Việt và Lạc Việt (Việt Nam ngày nay). Chữ Việt 粵 bộ 艸 dùng chỉ tên cư dân vùng Quảng Đông, Hồng Kông, Ma Cao [03]. Vì thời cổ có rất nhiều bộ tộc Việt nên sử sách Trung Hoa gọi chung là Bách Việt 百越 hoặc 百粵 tuy trên thực tế chưa hẳn đã có đủ 100 bộ tộc giống Việt [04]. Trong lịch sử Trung Hoa, toàn bộ vùng đất Giang Nam thời Tần - Hán đều là nơi cư ngụ của các bộ tộc Bách Việt.

Tiến trình Bách Việt bị xâm chiếm có thể chia làm 3 giai đoạn chính:

1. **Giai đoạn 1 (1042 TTL - 306 TTL) từ thời nước Sở lập quốc đến lúc thôn tính nước Ngô Việt:** giai đoạn này người Hán chiếm được vùng Bách Việt từ Hoàng Hà xuống đến Ngũ Lĩnh.

Hai nước Ngô - Việt là hai tộc Bách Việt được sử sách ghi chép rất sớm [05]. Nước Ngô 吳国 còn gọi là Cú Ngô 句吳, Công Ngô 工吳, 攻吾 lập quốc vào thời Chu Vũ Vương (thế kỷ 12 TTL), kinh đô ở Tô Châu 苏州 ngày nay, thủy tổ là Ngô Thái Bá 吳太伯 truyền đến Phù Sai 夫差 thì bị diệt vong bởi nước Việt (473 TTL).

Nước Việt có từ thời nhà Thương, tuy không tham gia vào sự kiện Vũ Vương Phạt Trụ (1046 TTL), nhưng sử có ghi trước đó đã là tân khách của Chu Thành Vương 周成王 (1132 TTL - 1083 TTL). Nước Việt có một văn hóa dân tộc đặc sắc, gọi là văn hóa Mã Kiều 馬橋文化 mà các chứng tích đã tìm thấy khi khai quật di chỉ Thái Hồ 太湖地區.

Nước Việt đóng đô ở Cối Kê 會稽 (Thiệu Hưng ngày nay) truyền đến đời Câu Tiễn 句踐 (496 TTL - 464 TTL) sau khi diệt nước Ngô năm 473 TTL, nước Việt mở rộng bờ cõi, phía bắc chiếm Giang Tô 江蘇, phía nam đoạt Môn Đài 閩台 (tức Phúc Kiến ngày nay), đông giáp Đông Hải 東海, tây đến Hoàn Nam 皖南 (phía Nam An Huy ngày nay), hùng cứ một cõi đông nam. Đến năm 306 TTL, nước Sở 楚國 (giống Hoa Hạ) nhân nước Ngô Việt dưới triều vua Vô Cương có nội loạn, bèn liên kết với nước Tề 齊國 tiến chiếm nước Ngô Việt, đổi thành quận Giang Đông, nước Ngô Việt bị tiêu diệt từ đó [06].

Nền văn minh Ngô Việt sau khi bị nước Sở tiêu diệt, một phần người Ngô Việt chạy ra biển sang Nhật. Một phần theo bộ phận tinh hoa Ngô Việt chạy xuống phía Nam hợp cùng dân Việt bản địa, thành ra văn minh Việt kéo từ Lĩnh Nam (phía nam dãy Ngũ Lĩnh [07], tức bắc Lương Quảng ngày nay) đến Giao Chỉ. Nhiều từ cổ của người nước Ngô Việt hiện vẫn còn thông dụng trong tiếng Việt Nam ngày nay, thí dụ các từ: *chết, chó, đồng (đồng cốt), sông, khải (hố), ngà (ngà voi), con (con cái), ruồi, đằm (đằm ướt), sam (con sam), biết, bọt, bèo...* [08].

Trước khi Tần Thủy Hoàng diệt được sáu nước, dẹp nhà Chu, thống nhất Trung Hoa (221 TTL) thì dân Hoa Hạ (Hán tộc) chỉ chiếm lĩnh và đồng hóa được dải đất từ Hoàng Hà xuống đến Ngũ Lĩnh, còn từ Kinh Sở trở về Tây, Tây Nam (Vân Nam) vẫn còn thuộc về Điền Việt, Tây Âu, Đại Lý, từ Ngũ Lĩnh trở về Nam gồm Lương Quảng, Giao Chỉ, Hải Nam (gọi tắt là Lĩnh Nam) thuộc về Âu Việt và Lạc Việt.

2. Giai đoạn 2 (306 TTL - 111 TTL) từ khi chiếm nước Ngô Việt đến lúc chiếm Lĩnh Nam: giai đoạn này người Hán chiếm vùng Bách Việt từ Ngũ Lĩnh xuống phía Nam gồm Lương Quảng, Giao Chỉ, Hải Nam.

Sau khi diệt được Sở, nhà Tần cử đô úy Triệu Đà quản lĩnh Quế Lâm, Tượng Quận. Nhân khi mọi nơi nổi lên chống nhà Tần, năm 204 TTL Triệu Đà chiếm lấy Lĩnh Nam lập ra nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu), rồi đánh chiếm Âu Lạc của Thục An Dương Vương nhà Thục. Nước Âu Lạc từ đó nhập vào nước Nam Việt. Triệu Đà giữ độc lập với nhà Hán được 92 năm, truyền 5 đời vua, đến đời vua Triệu Kiến Đức, thừa tướng là Lữ Gia thì mất vào tay Hán Vũ Đế năm 111 TTL. Một dải Lĩnh Nam và Đông Hải bị Hán chiếm ngoại trừ Lạc Việt [09]. Lạc Việt (nước Việt ngày nay) bị người Hán đô hộ hơn 1000 năm nhưng vẫn giành được độc lập và giữ được bản sắc, nền văn hóa riêng.

3. **Giai đoạn 3 (306 TTL - 1253 STL) từ khi chiếm Lĩnh Nam đến lúc chiếm tây nam Kinh Sở:** giai đoạn cuối này do người Mông Cổ chiếm vùng Bách Việt từ Kinh Sở về phía Tây Nam (Vân Nam) gồm Điền Việt, Tây Âu, Đại Lý.

Các nước Bách Việt trong vùng này mãi đến giữa thế kỷ 13 STL vẫn còn giữ được nền độc lập dù người Hán có tiến hành nhiều cuộc xâm lăng nhưng bất thành. Năm 1253, Mông Cổ chiếm Đại Lý, Vân Nam, rồi sau đó chiếm nốt Trung Hoa, lập ra nhà Nguyên, thì vùng Bách Việt phía tây nam mới hoàn toàn nhập vào Trung Hoa.

Tóm lại, trong tiến trình xâm chiếm các nước Bách Việt, người Hán thực hiện hai giai đoạn đầu, giai đoạn cuối do sự tình cờ của lịch sử, Mông Cổ vô tình đã giúp gióng Hán hoàn tất giấc mộng bành trướng của họ.

LỊCH SỬ CHỮ HÁN

Căn cứ vào loại Giáp Cốt Văn cổ nhất của Tàu và nguồn gốc sự hình thành văn tự loại chữ tượng hình của dân Sumériens trong thung lũng sông Euphrate (thuộc lãnh thổ Iraq ngày nay), các sử gia Tây phương cho rằng chữ Hán xuất xứ từ chữ của dân Sumériens (có vào khoảng 5000 TTL). Người Tàu, trái lại, quả quyết chữ Hán do chính họ nghĩ ra. Theo cổ sử Trung Hoa, sử thần Thương Hiệt đời Hiên Vương Hoàng Đế (khoảng 2700 TTL) nhìn vết chân chim nghĩ ra chữ viết thay thế lối Kết Thằng đời thái cổ là lối ghi nhớ công việc lớn nhỏ bằng cách thắt nút (kết thằng). Một số học giả cho rằng Thương Hiệt chỉ có công sưu tập và hệ thống hoá một thứ chữ đã có sẵn từ trước mà thôi [10].

	Chân	Thảo	Lệ	Triện	Đại Triện
Mã (ngựa)	馬	𠩺	馬	𠩺	𠩺
Trung (trung, giữa)	中	𠩺	中	中	𠩺
Truy (chim)	隹	隹	隹	隹	隹
Nguyệt (trăng)	月	月	月	月	月
Hành (đi, lối đi)	行	行	行	行	行
Hổ (cọp)	虎	𠩺	虎	𠩺	𠩺

Thuyết Giải Văn Tự

Từ thể đại tự

Đến khoảng năm 800 TTL, đời nhà Chu, thái sử họ Lữ đặt ra lối *Đại Triện* thường được gọi là Lữ văn. Đến năm 213 TTL, đời nhà Tần, thừa tướng Lý Tư lại đặt ra lối *Tiểu Triện*. Cũng trong đời Tần, Trình Mỗ nghĩ ra *Lệ Văn*. Đến đời nhà Hán, Hứa Thận hệ thống các loại chữ Tiểu Triện, Đại Triện, Lệ Văn thành 540 bộ thủ theo ý nghĩa trong sách *Thuyết Giải Văn Tự* của ông. Chung Do, đời Tam Quốc, tạo thêm lối viết *Chân*, và Vương Hi Chi, đời Tấn, tạo ra lối viết *Thảo*.

Từ đó chữ Hán dừng lại ở bốn lối viết *Chân*, *Thảo*, *Lệ*, *Triện*, tuy nét chữ có khác nhưng hình dạng vẫn giống nhau. *Chân* là chữ viết chân phương (standard), dùng trong việc học hành, thi cử, in sách báo. *Thảo* là chữ viết ngoáy, viết thẩu nên không đủ nét, đủ hình (*Đá Thảo* là chữ viết hơi ngoáy, hơi thẩu một chút nhưng vẫn giữ được nét chân phương). *Lệ* và *Triện* (phân ra *Tiểu Triện* và *Đại Triện*) là loại chữ cổ kính thường dùng viết trên bia, ấn tín, đối tượng hay cáo sắc hoàng đế.

Vào năm 800 TTL, chữ Hán có khoảng 3,300 chữ. Đầu thế kỷ thứ nhất sau tây lịch được 7,380 chữ. Đến thế kỷ thứ hai tăng lên khoảng 10,000 chữ. Khi bộ tự điển Khang Hi ra đời vào năm 1716 chữ Hán đã có tới 47,000 chữ. Ngày nay, tự điển Tiêu Chuẩn Nhà Nước Trung Quốc (2005) có 70,217 chữ, Trung Hoa Tự Hải có 85,568 chữ.

CÁCH VIẾT VÀ CẤU TẠO CHỮ HÁN

Chữ Hán là loại chữ tượng hình, nhìn vào ta hình dung được người, cảnh, vật. Mỗi chữ là một bức họa, gợi tưởng tượng của người đọc, "*vọng văn sinh nghĩa*" đem lại thi hứng cho văn nhân. Văn thi sĩ phóng bút để lại đời sau những thư họa với đường nét như hội họa. Tranh thủy mặc không thể thiếu thủ bút bay bướm tài hoa của tác giả. Vương Hi Chi đời Tấn (thế kỷ thứ 4) là một đại danh bút chữ Thảo. Chữ ông viết đẹp quán quân kim cổ để lại những tuyệt tác muôn đời. Nổi tiếng nhất là đường nét Đại Thảo trong bài tựa tập Lan Đình [11] ông dùng búp pháp Hành Thư chữ viết tuôn chảy sinh động như đi trên giấy.

木	木	Mộc (cây) : vẽ hình cái cây	詔傳羅山夫子阮汝欵知縣畧委朱夫子 又安相地濫都朱及朋尼回御宰術綉 覽節從罷職嗔駕回富春京休息半在 詔頒下夫子早宜興鎮守慎世爭經之 文相地作都浮石行宮稍後遊山其止地
日	日	Nhật (mặt trời) : vẽ hình mặt trời	
月	月	Nguyệt (mặt trăng) : vẽ hình mặt trăng	
口	口	Khẩu (miệng) : vẽ hình cái miệng	
山	山	Sơn (núi) : vẽ hình cái núi	
鳥	鳥	Điểu (chim) : vẽ hình con chim	
魚	魚	Ngư (cá) : vẽ hình con cá	
象	象	Tượng (voi) : vẽ hình con voi	
子	子	Tử (con) : vẽ hình đứa bé	
水	水	Thủy (nước) : vẽ hình giòng nước	
刀	刀	Đao (dao) : vẽ hình lưỡi dao	
門	門	Môn (cửa) : vẽ hình cánh cửa	
三	三	Tam (ba) : vẽ hình ba nét	
人	人	Nhân (người) : vẽ hình người bước	

Tượng hình của chữ Hán

Thủ bút vua Quang Trung

Về phương diện hình thức, chữ Hán có tính cách tề chỉnh, đều đặn, song song và đối xứng. Mỗi chữ Hán được hạn chế trong một ô vuông diện tích bằng nhau. Các nét của một chữ được viết theo nguyên tắc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. Các chữ được viết từ trên xuống dưới theo hàng dọc, hàng chữ bên cực phải là hàng đầu tiên, hàng chữ bên cực trái là hàng cuối cùng của một trang. Trang bìa ngoài của một quyển sách chữ Hán nằm ở vị trí trang bìa sau của một quyển sách bằng chữ quốc ngữ.

Chữ Hán được cấu tạo bằng sáu nguyên tắc gọi là *Lục Thư*, gồm ba nguyên tắc về hình thức và ba nguyên tắc về âm thanh:

Ba nguyên tắc về hình thức:

1. *Tượng Hình*: chữ vẽ nên vật, nương theo hình thể mà ra (*họa thành kỳ vật, tùy thể cật chuát*)
2. *Chỉ Sự*: trông mà biết được, xem thời rõ ý (*thị nhi khả thức, sát nhi khả ý*).
3. *Hội Ý*: loại chữ được thành lập bởi sự phối hợp hai hoặc nhiều chữ căn bản, hợp ý các thành phần mà làm ra nghĩa (*tỷ loại hội nghị, dĩ kiến chỉ huy*).

Ba nguyên tắc về âm thanh:

1. *Hình Thanh*: tập hợp của hai chữ, một chỉ âm một chỉ hình, lấy việc gọi tên lấy thí dụ mà tạo thành (*dĩ sự vi danh, thú thí tương thành*).
2. *Chuyển Chú*: dùng một chữ có sẵn tạo thành một chữ tương tự với nghĩa gần giống.
3. *Giả Tá*: mượn một chữ có sẵn để đọc theo cách khác.

Trong *Lục Thư* thì hai loại *Giả Tá* và *Chuyển Chú* không phải là cách tạo lập chữ vì không tạo ra chữ mới mà chỉ dùng các chữ đã có sẵn tạo nên những ý mới, nghĩa mới, hoặc cách đọc mới mà thôi.

LỊCH SỬ CHỮ HÁN Ở VIỆT NAM

Chữ Hán được người Việt gọi là chữ Nho nghĩa là người có đi học (Nho sinh). Trước khi có Chữ Quốc Ngữ, chữ Hán được dùng làm quốc tự, theo sử sách, đã theo gót chân quân xâm lược của hai tướng nhà Hán vào nước ta. Năm Canh Ngọ 111 TTL, Hán Vũ Đế sai Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem năm đạo quân sang đánh lấy nước Nam Việt. Triệu Dương Vương và quan Thái Phó Lữ Gia thua chạy bị quân Hán bắt và giết chết [12]. Sau khi chiếm được nước Nam Việt, nhà Hán đổi thành Giao Chi Bộ, chia làm 9 quận cất đặt các Thái Thú cai trị và Thứ Sử để giám sát các quận.

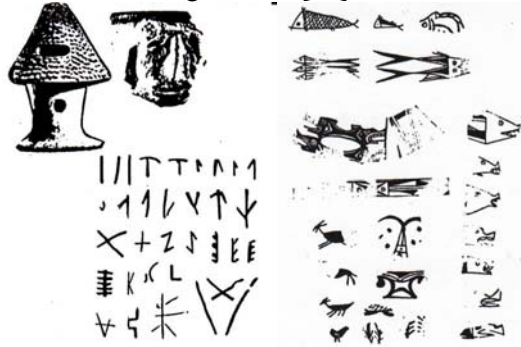
Chữ Hán dần dần được truyền bá kể từ thời kỳ Bắc Thuộc lần thứ nhất này. Đời Hán Quang Võ, Tích Quang, Thái Thú quận Giao Chi (01 STL - 05 STL) mở trường dạy dân ta lễ nghĩa. Nhâm Diên, Thái Thú quận Cửu Chân (29 STL - 33 STL) dạy dân ta về lễ giá thú. Sĩ Nhiếp, Thái Thú quận Giao Chi (187 STL - 226 STL) được suy tôn là "Nam Bang Học Tổ" vì có công lớn trong việc truyền bá chữ Hán và đạo Nho. Ông là một người Việt Nam đã chăm lo mở mang việc giáo dục, mở trường học, giảng kinh truyện khiến cho dân ta "*thông thi thư, tập lễ nhạc, trở nên một nước văn hiến bắt đầu từ đây*" [13].

Ngoài ra, phải kể đến một số quan lại, sĩ phu nhà Hán, chạy sang nước ta tránh loạn Vương Mãng (09 STL - 23 STL) và trong thời Tam Quốc phân tranh, đã giúp các Thái Thú truyền bá chữ Hán và văn hoá Tàu cho dân ta [14]. Cũng phải kể đến các nhà sư Tàu, những người Việt Nam qua Tàu học thành tài như Trương Trọng, Lý Tiến, Lý Cầm, Khương Công Phụ đã đem những điều học được truyền lại cho dân chúng.

Trên thực tế, đúng ra chữ Hán đã hiện diện ở Việt Nam từ thời Triệu Đà. Triệu Đà, giữ chức Đô Úy, được vua Tần cho quản lĩnh Quế Lâm và Tượng Quận, năm 204 TTL chiếm lấy Lĩnh Nam lập ra nước Nam Việt. Năm Quý Ty 207 TTL Triệu Đà đem quân đánh lấy nước Âu Lạc. Thục An Dương Vương thua chạy bị quân Triệu đuổi đến núi Mộ Dạ (thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An bây giờ), thế cùng lực kiệt phải chém chết con gái là Mị Châu rồi nhảy xuống biển tự vẫn. Triệu Đà sát nhập nước Âu Lạc vào nước Nam Việt, cắt đất quan lại, đem chính trị, pháp luật của Tàu cai trị. Công văn, bố cáo, bạ thư, luật dịch, điển lệ phải dùng Hán tự làm phương tiện truyền đạt. Các quan lại người Việt thời đó phải học chữ Hán để làm việc và giao thiệp. Như thế, đến khi nhà Triệu mất về tay Hán Vũ Đế nhà Tây Hán, các Thái Thú Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp chỉ có công phát triển chữ Hán rộng rãi trong quần chúng trên mức độ qui mô và có phương pháp hơn mà thôi.

CHỮ HÁN LÀ SÁNG TẠO CỦA NGƯỜI VIỆT

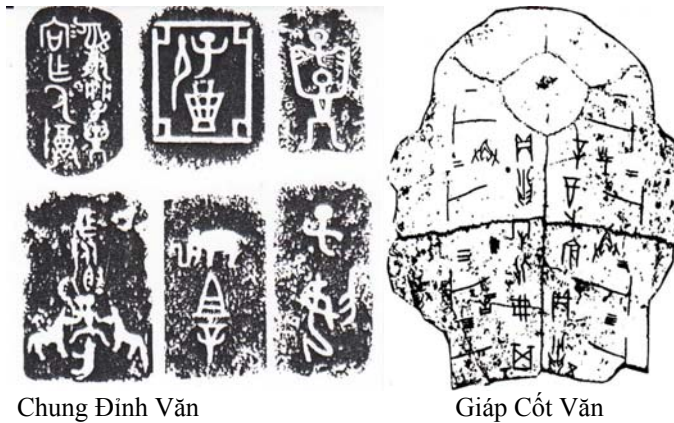
Người Việt Nam ngày nay là một trong các dân tộc Bách Việt từng sống ở Giang Nam (phía Nam của sông Dương Tử), đã có một nền văn minh rực rỡ, và chính dân tộc Hán (giống Hoa Hạ, người gốc Sở) tuy chiếm được giang sơn rộng lớn của Bách Việt gồm Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến và đồng hóa dân Bách Việt nhưng ngược lại cũng thâm nhiễm một phần văn hóa Bách Việt. Người Hán chiếm được toàn bộ Bách Việt trừ Lạc Việt (Việt Nam ngày nay). Người Hán đã xóa sạch văn tự Việt nhưng không tiêu diệt được ngôn ngữ Việt, ngay cả các bộ tộc Bách Việt còn sống rải rác trên vùng đất cũ bị người Hán xâm chiếm vẫn còn nói tiếng Việt cổ [15].



Các dấu hiệu trên đồ đất tại di chỉ thôn Bán Pha tìm thấy năm 1952
(Tây An Bán Pha – Văn Vật xuất bản, Bắc Kinh 1963)

Năm 1952 các nhà khảo cổ tìm thấy di chỉ ở thôn Bán Pha, Tây An, thuộc tỉnh Sơn Tây ngày nay, một số đồ đất thuộc nền văn hoá Ngưỡng Triều (4000 TTL) có những hình vẽ mà các nhà khảo cổ cho là tiền thân của những chữ tượng hình nguyên thủy.

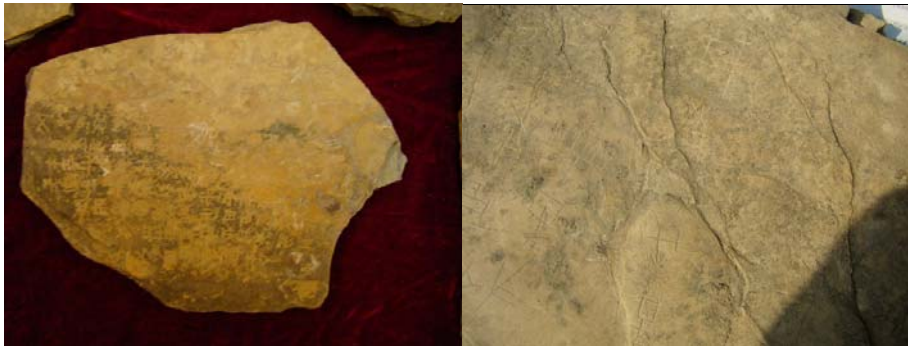
Người ta cũng tìm thấy ở vùng An Dương, tỉnh Hà Nam nhiều chữ lồi cổ thời cuối đời nhà Thương (1800 TTL - 1025 TTL) viết trên mai rùa và xương thú vật (Giáp Cốt Văn), trên chuông, vạc bằng đồng (Chung Đỉnh Văn). Các chữ này đã có nguyên tắc rõ rệt và vượt qua giai đoạn thuần túy hình tượng và chỉ sự.



Chung Đỉnh Văn

Giáp Cốt Văn

Mới đây, năm 2011, sự phát hiện nhiều chữ cổ Lạc Việt ở di chỉ Cầm Tang tỉnh Quảng Tây là những chứng tích rõ ràng cho thấy người Việt đã sáng tạo ra chữ viết từ hơn 4000 năm trước và bị người Tàu chiếm đoạt khi xâm chiếm Bách Việt.



Hai phiến đá trong rất nhiều chứng tích khác có khắc chữ cổ Lạc Việt (Cầm Tang 2011)

Tất cả các chứng tích tại di chỉ Bán Pha và Cầm Tang chứng minh chữ Lạc Việt xuất hiện vào đầu thời đại “đồ đá mới” và hình thành vào thời kỳ đỉnh cao của “văn hóa xẻng đá

lớn” (từ thế kỷ 40 TTL đến thế kỷ 20 TTL). Tuy nhiên thứ chữ tối cổ đó còn thô sơ mới đang phát triển và ở trong thời kỳ “Tự” [16] thì phải bỏ dở vì bị người Tàu xâm chiếm. Sự thành đạt về chữ viết của Lạc Việt đã được người Tàu tiếp nối. Họ sử dụng chữ cổ Việt làm cơ sở để phát triển tiếp từ giai đoạn “Tự” đã có sẵn sang giai đoạn “Thu” để thành chữ Hán.



Chữ khắc trên xương thú

Chiếc qua đá có khắc chữ của người Lạc Việt sông Tả người Lạc Việt sông Ung

CHỮ NHO: CHỮ HÁN BỊ VIỆT HÓA

Chữ Nho là chữ Hán được đọc bằng âm tiếng Việt, khác với người Tàu đọc chữ Hán bằng âm Tàu. Chữ Nho khác chữ Hán ở phần ngữ âm. Người Việt học chữ Hán chỉ cần học mặt chữ, nghĩa chữ và cách viết chữ mà không cần học cách phát âm. Người biết chữ Nho có thể đọc hiểu các thư tịch chữ Hán, viết văn chữ Hán, tuy không nói hoặc nghe hiểu được tiếng Tàu, nhưng vẫn có thể dùng bút đàm để giao tiếp với người Tàu.

Chữ Nho là chữ Hán đã được Việt Nam hóa phần ngữ âm, còn về tự dạng và nghĩa chữ thì y nguyên như chữ Hán. Vì thế, chữ Nho là chữ Hán đã được Việt hóa. Đây là một yếu tố quan trọng khiến người Tàu đã thất bại trong kế hoạch đồng hóa dân Việt dù đã đô hộ nước ta hơn 1000 năm.

TÁC PHẨM CHỮ HÁN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

Chữ Hán vào Việt Nam đã trở thành thứ chữ chính thức của nước ta kể từ thời Bắc Thuộc đến tận đầu thế kỷ thứ 20. Khóa thi Hội năm Mậu Ngọ 1919 ở Huế được coi như mốc thời gian chính thức cho sự cáo chung nền Hán học. Ngoài một thời gian ngắn chữ Nôm được sử dụng như quốc tự dưới thời Hồ Quý Ly, Nguyễn Quang Trung, và thời gian Nguyễn

Ánh còn xung vương chưa bình định xong Nam Bắc, việc học, việc thi, giấy tờ, công văn, cáo sắc nhất nhất đều dùng chữ Hán. Ngay trong lãnh vực văn học cũng vậy, các sách về sử ký, địa lý, thơ văn, truyện ký đều được biên soạn, trước tác bằng Hán văn. Do đó một vấn đề được đặt ra trên quan điểm biên khảo là "có nên chấp nhận phân Hán văn trong văn học sử Việt Nam hay không?"

Quan điểm đầu tiên do nhóm Nam Phong khởi xướng mà Dương Quảng Hàm là đại diện. Nguyễn Đông Chi với *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*, Hạo Nhiên Nghiêm Toàn với *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu* cùng đồng quan điểm.

Dương Quảng Hàm cho rằng: "*Vì tình hình lịch sử gây nên, hồi xưa các văn gia nước ta học chữ Nho, thi chữ Nho, lúc làm quan lại viết công văn bằng chữ Nho, nói tóm lại lấy chữ Nho làm "chữ ta", nên khi các nhà ấy muốn diễn đạt tư tưởng, tình tình... thường dùng chữ Nho. Vì thế, những tác phẩm viết bằng Hán văn của các bậc tiền nhân nước ta lại có nhiều hơn số tác phẩm viết bằng văn Nôm, mà phần nhiều những sách có quan hệ đến văn hoá nước nhà như chính trị, lịch sử, địa lý, phong tục, lễ nghi v.v. lại viết bằng Hán văn. Bởi vậy, khi xét đến văn học nước ta không thể không xét đến Hán văn được" [17].*

Sau này, tác giả Nguyễn Sĩ Tế còn đi xa hơn, đòi phải nhận tất cả những tác phẩm bằng Hán văn, tiếp thu các tác phẩm bằng Pháp văn của người Việt vào văn học sử kể cả kinh Phật, triết lý, sử ký, địa lý [18].

Một số nhà biên khảo khác mà tiêu biểu là Phạm Văn Diêu, tác giả *Văn Học Việt Nam*, đã gạt phần Hán văn ra khỏi văn học Việt Nam. Phái này lý luận rằng văn chương Việt Nam phải được viết bằng thứ chữ nước mình, văn học sử Việt Nam chỉ nghiên cứu những tác phẩm viết bằng thứ chữ của người Việt. Hán tự không phải là chữ của ta mà là vay mượn của Tàu trong một đoạn lịch sử, do đó những tác phẩm viết bằng Hán văn, hay bằng bất cứ một thứ ngoại ngữ nào khác, không thể chấp nhận vào văn học Việt Nam được.

Phạm Thế Ngũ tuy có chiều hướng đồng ý với Phạm Văn Diêu nhưng ông vẫn cho phần văn học Hán văn vào trong tác phẩm của ông vì "*với hai mươi thế kỷ thì có tới mười chín thế kỷ rưỡi Hán học chi phối mạnh mẽ văn chương chữ nghĩa của ta. Hơn nữa, theo ông, không thể coi chữ Hán là một ngoại ngữ bởi những áng văn quan trọng trong lịch sử quốc gia tuy viết bằng chữ Hán văn, như Bình Ngô Đại Cáo chẳng hạn, dào dạt cả một linh hồn dân tộc. Vài trăm năm nữa khi văn học nước ta thực hiện được năm bảy giai đoạn sáng tác rực rỡ, phần Hán văn chắc chắn sẽ rơi vào quên lãng hoặc chỉ được coi là dấu vết một thời đại xa xưa mà văn học Việt Nam phải tựa vào một cái học ngoại lai để đi những bước chập chững đầu tiên, cũng vì như văn học Pháp đã có ba bốn thế kỷ huy hoàng người Pháp không còn công sức đi diễn giải những tác phẩm bằng La Tinh viết từ thời Trung Cổ nữa" [19].*

Quan điểm của người viết: tác phẩm viết bằng Hán văn hay bằng thứ chữ nào khác, kể cả các tác phẩm của người Việt hải ngoại, nếu đạt được tiêu chuẩn nghệ thuật, có tác dụng sâu xa và phản ảnh lịch sử, xã hội, đời sống con người Việt Nam, được viết bằng tâm tình Việt Nam đều có thể chấp nhận vào văn học sử.

KẾT LUẬN

Về nguồn gốc chữ Hán, giả thuyết của các học giả Tây phương không đứng vững vì không dựa trên chứng liệu khảo cổ học lẫn cổ ngữ học mà chỉ giải thích một cách dễ dãi dựa trên nguồn gốc tổng quát của sự hình thành văn tự. Hơn nữa, giả thuyết này càng không đứng vững vì sự khác biệt niên kỷ giữa loại chữ tượng hình Sumériens (3100 TTL) và các cổ văn chữ Hán (1300 TTL).

Thuyết sử thần Thương Hiệt xem vết chân chim chạy nhảy mà sáng tạo ra chữ Hán của người Tàu (2500 TTL) không có giá trị vì thuần túy chỉ là truyền thuyết, không có chứng tích khoa học chứng minh. Và lại, sử thần, một chức quan bên cạnh vua chuyên chép những việc liên quan đến triều đại thì tất nhiên chữ viết đã phải có rồi.

Theo lịch sử sự hình thành của dân cư Tàu thì trong thời gian thuộc “văn hóa xeng đá lớn” (trước thế kỷ 20 TTL) trên địa bàn Trung Hoa chỉ có dân Bách Việt sinh sống, lúc đó chưa có sự hiện diện của giống người Hoa Hạ (giống Hoa Hạ thiên di đến nước Sở. Sở lập quốc vào cuối đời nhà Thương 1042 TTL). Điều này chứng tỏ những chứng tích khai quật ở di chỉ thôn Bán Pha, tỉnh Sơn Tây và phát hiện ở di chỉ Cẩm Tang, tỉnh Quảng Tây là thứ chữ cổ của người Việt.

Như thế, người Việt đã có văn tự riêng từ thời thượng cổ trước khi bị người Tàu xâm chiếm. Sự kiện này phá bỏ hoàn toàn quan niệm thời cổ người Lạc Việt không có chữ viết. Đã đến lúc phải trả lại sự thực cho lịch sử. Lịch sử nguồn gốc chữ Hán cần phải được viết lại.

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH

[01] Giống Hoa Hạ, người nước Sở (là dân tộc Hán sau này), nhận mình là con cháu của Tam Hoàng, Ngũ Đế. Theo *Sử Ký* của Tư Mã Thiên thì có năm chi: Hoàng Đế (黃帝), Chuyên Húc (顓頊), Đế Cốc (帝嚳), Đế Nghiêu (帝堯), Đế Thuấn (帝舜). Dân nước Sở tự nhận thuộc chi Chuyên Húc, họ Cao Dương 高阳. Nước Sở nằm ở đoạn giữa sông Trường Giang, vùng Nam Bắc Động Đình Hồ, quen gọi là vùng Kinh Sở (Hồ Bắc - Hồ Nam của Trung Hoa ngày nay). Vùng Kinh Sở nằm chông lẩn phía Nam lưu vực sông Hoài, sông Vị. Đó là vùng đất đầu tiên mà một chi của dân Hoa Hạ (chi Chuyên Húc) thiên di xuống. Nước Sở lập quốc vào cuối đời Thương đầu đời Chu (1042 TTL). Những khai quật khảo cổ ở vùng Kinh Sở gần đây cho thấy rằng cư dân tối cổ ở vùng này có nguồn gốc Tam Miêu, một dân tộc thuộc Bách Việt. Đây là nhóm Âu Việt ở phía Tây nên còn gọi là tộc Tây Âu, để phân biệt với Đông Âu là tộc Âu Việt phía Đông, tức vùng Mân Đài (Phúc Kiến). Tộc Tây Âu, theo các nhà dân tộc học, có thể là tổ tiên các tộc H'mông, Lào, Miến, Thái hiện nay, ít nhiều cũng có cùng huyết thống người Việt Nam cổ.

[02] Trước đời nhà Thương (1800 TTL - 1025 TTL) là nền văn hóa Ngưỡng Triều (4000 TTL). Sau nhà Thương là nhà Hạ (không rõ niên lịch), rồi đến nhà Chu (1020 TTL - 700 TTL), thời Xuân Thu (722 TTL - 476 TTL), thời Chiến Quốc (475 TTL - 221 TTL), nhà Tần (220 TTL - 207 TTL), nhà Tây Hán (206 TTL - 24 STL), nhà Đông Hán (25 STL - 220 STL), thời Tam Quốc (222 STL - 265 STL), đời Tấn (265 STL - 420 STL).

[03] Những cư dân này sử dụng tiếng Quảng Đông (Cantonese). Ai đến Quảng Châu đều thấy biển xe hơi đều bắt đầu bằng chữ Việt 粵 bộ mễ là vì vậy.

[04] Thời nhà Hạ gọi là Vu Việt 于越, đời Thương gọi là Man Việt 蛮越 hoặc Nam Việt 南越, đời Chu gọi là Dương Việt 扬越, Kinh Việt 荆越, từ thời Chiến Quốc gọi là Bách Việt 百越. Sách *Lộ Sử* của La Bí (1131 - 1189) người đời Tống viết: *Việt Thường, Lạc Việt, Âu Việt, Âu Ngai, Thả Âu, Tây Âu, Cung Nhân, Mục Thâm, Tồi Phu, Cầm Nhân, Thương Ngô, Việt Khu, Quế Quốc, Tôn Tử, Sản Li (Tây Song Bản Nạp), Hải Quý, Cửu Khuẩn, Kê Dư, Bắc Đái, Phó Cú, Khu Ngô (Cú Ngô) ... gọi là Bách Việt.*

[05] Được ghi chép sớm nhất vào thời nhà Hạ là Vu Việt 于越, (tiền thân của nước Việt 越国 thời Chiến quốc).

[06] Những sự kiện này được ghi chép tỉ mỉ trong bộ sử *Ngô Việt Xuân Thu* 吳越春秋 do Triệu Diệp 赵晔 thời Đông Hán soạn (khoảng năm 25 STL).

[07] Ngũ lĩnh 五岭 (năm đỉnh cao): dãy núi phía Nam Trung Hoa chạy qua biên giới các tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Đông, có năm đỉnh cao là: 越城 (Việt Thành), 都庞 (Đô Lung), 萌渚 (Manh Chử), 骑田 (Kỵ Điền), 大庾 (Đại Dữ).

[08] Jerry Norman and Tsu-lin Mei, *Monumenta Serica*, Vol. 32 (1976), pp.274-301, Published by Taylor & Francis, Ltd.

[09] Chữ Lạc có nhiều cách viết, đều đọc là Lạc. Hai chữ 雒, 駱 thường dùng như nhau để chép Lạc Việt trong sách cổ. Nhiều học giả cho rằng nguồn gốc chữ Lạc là do người Hán ghi âm chữ Lúa của người Việt mà ra. Người Việt là bộ tộc có nền văn minh lúa nước.

[10] Dù có nhiều người đời xưa chế ra chữ viết nhưng chỉ mình tên Thương Hiệt được lưu truyền (Tuân Tử: *cổ chi tác thư giả chúng nhi Thương Hiệt độc truyền*).

[11] Theo *Lan Đình Tập Tự*, đầu tháng ba năm Quý Sửu, dân huyện Sơn Âm, quận Cối Kê mở hội ở Lan Đình. Người ngồi dựa hai bên bờ sông lựa chỗ thả từng chén uống rượu cho trôi uồn từ dòng trên xuống dòng dưới (*lưu thương khúc thủy*) hễ chén giạt vào đâu người ngồi đấy vớt lên rót rượu vào mà uống (Nguyễn Hiến Lê, *Cổ Văn Trung Quốc*, trang 176).

[12] Lữ Gia, thừa tướng nước Nam Việt, chống lại nhà Hán, thua trận bị giết. Lữ Gia, người quận Cửu Chân (Thanh Hóa ngày nay), lăng mộ và đền thờ hiện còn ở Ân Thi, Hưng Yên (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, NXB VHTT năm 2000, tập 3, trang 294).

[13] Chu Bội Liên, Tựa, *Thánh Mô Hiền Phạm* của Lê Quý Đôn & Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

[14] Maspéro, *tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ*, số 3, trang 12.

[15] Ngày nay là vùng Thượng Hải, Ninh Ba, Thiệu Hưng (Cối Kê 會稽 xưa]. Một loại ca kịch cổ ở vùng này vẫn còn tên là Việt Kịch 越劇.

[16] Tiến trình tạo chữ có ba giai đoạn: 1. *Văn*: đóng vai trò khai mở quan trọng. Khởi thủy chữ dựa trên hình dáng, vẽ ra hình sự vật bằng các dấu hiệu tượng hình (*pictogramme*). 2. *Tự* (thanh âm): tượng hình gọi được tên nên trở thành tượng ý (*Ideogramme*). Dần dần thêm âm vào hình thì thành đợt Tự. 3. *Thư*: âm và hình nương nhau đẻ ra nhiều chữ.

[17] Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, trang 203.

[18] Nguyễn Sĩ Tế, *Bàn Về Văn Học Việt Nam*, Sáng Tạo, tháng 9 năm 1958.

[19] Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, trang 51.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Sử Học Yếu*, Hà Nội, 1944, Bộ Giáo Dục Sài Gòn tái bản 1968.
- Eastwest Center, *Early China*, volume 1-9, Honolulu, 1982.
- Hà Văn Thùy, *Phát hiện Chữ Việt Cổ ở Quảng Tây*, website Việt Thức, www.vietthuc.org, February 16, 2012.
- Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Phu Tử*, Minh Tân, Paris, 1950.
- Karlgren, *The Reconstruction of Ancient Chinese*, Tung Pao, volume 21.
- Lai T.C., *Chinese Calligraphy*, Hong Kong.
- Li, *The Beginning of Chinese Civilization*, University of Washington, 1968.
- Nghiêm Toàn, *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, Hà Nội, 1949.
- Nguyễn Đông Chi, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*, Hàn Thuyên, Hà Nội, 1942.
- Nguyễn Hải Hoàn, *Tại sao VN không bị đồng hóa sau 1000 năm Bắc thuộc?* Nghiên Cứu Quốc Tế, 09/2015.
- Nguyễn Hiến Lê, *Cổ Văn Trung Quốc*, Sài Gòn, 1966.
- Nguyễn Sĩ Tế, *Bàn Về Văn Học Việt Nam*, tạp chí Sáng Tạo, Sài Gòn 9/1958.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-1965.
- Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam*, Tân Việt, Sài Gòn, 1960.
- Trần Bích San, *Chữ Việt Thời Thượng Cổ*, tạp chí Cỏ Thơm, số 67, Hoa Kỳ, 2014
- Trần Gia Ninh, *Nhìn lại lịch sử Bách Việt và quá trình Hán hóa Bách Việt*, Nghiên Cứu Quốc Tế, 09/2016.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1971.
- Vũ Thế Ngọc, *Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Việt*, Eastwest Institute, Hoa Kỳ, 1989.

Đời sống có đạo lý: Quan hệ vua tôi, thầy trò qua ca dao

Nguyễn Văn Nhiệm

Đạo Việt đã ăn sâu vào đời sống dân tộc từ lâu lắm rồi, cho nên trong cuộc sống hàng ngày, cách sống của con người đều thể hiện cái Đạo làm người đó. Nói theo biểu tượng, Đạo Việt là Đạo vương tròn: Vương tượng trưng cho đời sống vật chất của con người từ thể xác cho đến lối sống, việc làm ăn, quê hương, ruộng đồng; còn tròn tượng trưng cho đời sống tâm linh, tinh thần mà nổi bật là những quan hệ đạo lý của cộng đồng dân tộc. Đời sống có đạo lý ấy đã được phản ánh phần nào qua ca dao, tục ngữ, là tiếng nói rất trung thực của người bình dân:

*“Con người có tổ có tông
Như cây có cội, như sông có nguồn.”*

Mọi hiện hữu đều có cội nguồn, cho nên ý thức về cội nguồn rất quan trọng trong Đạo Việt. Đó là ý thức về tổ tiên:

*“Khôn ngoan nhờ đức ông cha
Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.
Đạo làm con chó hững hờ
Phải đem hiếu kính mà thờ tổ tiên.”*

Việc thờ tổ tiên là bổn phận, là Đạo làm con không thể thiếu được, cho nên nếu chẳng may công danh lận đận thì con người nhất là người thanh niên rất lấy làm áy náy:

*“Công danh hai chữ lờ mờ
Lấy gì khuya sớm phụng thờ tổ tiên.”*

Đó là tổ tiên trong dòng họ. Nhiều dòng họ như vậy hợp thành dân tộc có cội nguồn chung, mà huyền thoại gọi là dòng giống tiên rồng để đề cao phẩm tính dân tộc:

*“Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.”*

Một trong những đặc tính của người bình dân Việt là kính lão vì họ tin rằng:
“Kính lão đắc thọ”.

Họ kính trọng cả những cây cổ thụ như những cây đa trong làng sống lâu bên cạnh đình, chùa. Họ để ý đến tuổi của những cây đó, tuổi cây nào càng cao thì càng được kính trọng. Do đó, việc tôn thờ tổ tiên của người Việt là đương nhiên, hơn nữa tổ tiên đã có công khai phá, gầy dựng và bảo vệ đất nước này:

*“Cây đa Bình Trung, cây me Dương Phước
Cây nào có trước, cây nào có sau
Tổ tiên ta ai chống với quân Tàu
Còn ai khai khẩn gian lao xứ này.”*

Chính vì vậy, hàng năm nếu trong gia đình có giỗ ông bà, tổ tiên thì cả nước có cử hành long trọng giỗ các vị tổ có công dựng nước và giữ nước:

*“Tháng giêng giỗ Thánh Sóc Sơn
Tháng ba giỗ Tổ Hùng Vương nhớ về.”*

Đời sống có đạo lý là đời sống trong đó con người biết giữ cương thường, phép tắc đạo đức, luân lý ngày xưa:
*“Làm người phải biết cương thường
Xem trong ngũ đẳng quân vương đứng đầu
Thờ cha kính mẹ trước sau
Anh em hòa thuận mới hầu làm nên
Vợ chồng đạo nghĩa cho bền
Bạn bè chung thủy, dưới trên đàng hoàng.”*

Ngũ đẳng gồm có vua, cha mẹ, anh em, vợ chồng và bạn bè. Đi theo ngũ đẳng thì có ngũ luân, là năm mối quan hệ đạo đức, luân lý vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè.

Trong đời sống có đạo lý như vậy, ai thực hiện đúng cương thường sẽ được quý trọng. Chẳng những như thế, họ hàng cũng được hiển vinh, tổ tiên được vẻ vang:

*“Những người hiếu đễ trung trinh
Vẻ vang tiên tổ, hiển vinh họ hàng.”*

Ca dao là tiếng nói của người bình dân, vẻ hình thức tuy đơn giản, mộc mạc, nhưng cũng đã phản ánh được hầu hết tinh hoa đạo lý trong cuộc sống của người xưa.

Quan hệ vua tôi

Khi còn chế độ quân chủ thì vua nắm giữ quyền lực trị quốc an dân. Nếu vua là vị minh quân, đất nước mới được thái bình, thịnh trị, dân chúng mới được hưởng ấm no, hạnh phúc. Nếu không, tất cả sẽ trái ngược lại, lúc đó dân chúng sẽ cầu mong cho đất nước có được bậc minh quân, dân có gạo cũng như chùa cần có vị sư chân tu trụ trì để hướng dẫn

đời sống đạo đức, tâm linh cho dân:
*“Ăn sung sung chát, ăn đào đào chua
Bao giờ cho nước có vua
Cho dân có gạo, cho sư có chùa.”*

Giữa vua và dân có nghĩa vua tôi, quân thần:

*“Ông kiến còn có vua tôi
Huống chi loài người chẳng có nghĩa ru?”*

Mọi người dân thời trước, khi đến tuổi trưởng thành đều sẵn sàng phục vụ vương triều khi nhà vua cần đến:

*“ Bé thì con mẹ, con cha
Lớn thì con vua, con chúa.”*

*“Anh việc quan, việc vua
Em theo thừa may vá.”*

*“Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cấy ruộng mà thương mẹ già.”*

Trung với vua (minh quân) là thể hiện lòng yêu nước, cho nên có hai ý niệm đi liền với nhau như: *Trung quân, ái quốc* . Khi đất nước có giặc xâm lăng thì người dân, nhất là thanh niên phải theo vua ra trận:

*“Tổ tiên để lại em thờ
Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua.”*

Phải hết lòng cùng vua chiến đấu giữ nước, không đầu hàng giặc:

*“Thà thua xuống lán xuống bưng
Bỏ ra đầu giặc, lỗi chừ quân thần.”*

Người trai có đức vẹn toàn khi giữ trọn cương thường cả trên dưới:

“Như vậy mới gọi là trai

Trên lo nghĩa chúa, dưới mài thảo thân.”

“Hai vai gánh nặng về hai

Nghiêng mình công chúa, tay diu mẫu thân.”

Đối với người bình dân, tấm lòng trung với vua, những vị vua anh minh, nhân đức biến thành tôn kính qua việc

xây đền thờ trong một số địa phương, làng xã:

*“Đền rằng chợ Thọ vui thay
Bên Đông có giếng, bên Tây thì hồ
Bên Bắc thì miếu thờ vua
Dưới sông nước chảy, đò đưa dập diu.”*

Trong tam cương, tức ba quan hệ: vua tôi, cha (mẹ) con, vợ chồng, đôi khi ca dao cho thấy chữ trung thay vì dành cho vua, lại dành cho cha:

*“Minh về ta chẳng cho về
Ta nắm vật áo, ta để câu thơ
Câu thơ ba chữ rành rành
Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba
Chữ trung thì để phần cha
Chữ hiếu phần mẹ, đôi ta chữ tình.”*

Điều này cho thấy, đối với người bình dân, mối quan hệ gần gũi như làng xã, gia đình đôi khi cũng không kém phần quan trọng. Lý do có thể là do tập quán:

“Phép vua còn thua lệ làng.”
Hay do ý thức về thời tính vĩnh cửu hay nhất thời:
“Quan nhất thời, dân vạn đại.”

Quan niệm về thang giá trị của người xưa thì vua quan còn ở dưới dân, bởi vì dân lúc nào cũng là dân, còn vua quan thì tùy thời thay đổi:

*“Con vua thì lại làm vua
Con sãi ở chùa thì quét lá đa
Bao giờ dân nổi can qua
Con vua thất thế lại ra quét chùa.”*

Thầy trò

Theo quan niệm xưa, dưới ảnh hưởng của Nho giáo thì ông thầy rất được kính trọng, người ta sắp xếp theo thứ tự quân, sư rồi mới tới phụ.

Mặc dầu có giáo dục gia đình, nhưng đó chỉ mới là bước đầu, muốn tiến xa hơn trên đường học vấn, người ta cần phải có thầy:
*“Mấy ai là kẻ không thầy,
Thế gian thường nói: đổ mầy làm nên.”*

Người thi học nghề, vì *“Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”*:

*“Đốt kia thi phải cạy thầy,
Vụng kia cạy thợ thi mầy làm nên.”*

Người thi học chữ:
*“Không thầy đổ mầy làm nên,
Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,
Đầu cạn thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.”*

Do tính đa nghĩa của một vài câu ca dao, mà cứu cánh của việc học có thể được hiểu theo hai bậc thấp cao khác nhau:

*“Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy.”*

Nhóm chữ *“phải yêu lấy thầy”* có vẻ ỡm ờ làm mất phong cách của một ông thầy theo quan niệm luân lý, đạo đức xưa. Trong trường hợp này, chữ *“sang”* ở câu đầu có thể được hiểu là muốn sang trọng, sang cả, mong ước thông thường của kẻ cố học hành, để đạt để được vinh thân:

*“Túi vóc mà thêu chỉ hồng,
Têm trầu cánh phượng cho chồng đi thi.
Một mai chồng đỗ vinh qui,
Võng anh đi trước, em thì võng sau.”*

Cũng hai câu ca dao đó, nhưng thay hai chữ *“yêu lấy”* bằng *“yêu kính”* thì nghĩa sẽ thanh cao hơn:

*“Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.”*

Trong trường hợp này, chữ "sang" không có nghĩa là sang trọng nữa, mà là sang sông, nghĩa bóng là sang bên kia bờ giác, ý nghĩa cao cả của người học Đạo:
" *Dạy con từ thuở tiểu sinh,
Gần thầy gần bạn tập tành lễ nghi.
Học cho cách vật trí tri,
Văn chương chữ nghĩa nghề gì cũng thông.*"

Cái học "cách vật trí tri" là cái học cao tốt, cái học về tính thể sự vật, tính thể con người, cái học đạt nhân.

Câu: " *Gần thầy gần bạn tập tành lễ nghi*" cho thấy ngoài ông thầy cũng cần có bạn nữa. Vì là cái học để làm người cho nên ngoài việc học hỏi kiến thức, tri thức còn phải học luân lý, đạo đức, tập tành lễ nghi nữa:

" *Ở đây gần bạn gần thầy,
Có công mài sắt có ngày nên kim.*"

Trong việc học, bên cạnh ông thầy, bạn bè cũng có ảnh hưởng nhất định, trước hết là có đối tượng để thi đua học tập:

" *Thua thầy một vạn,
Không bằng thua bạn một ly.*"

Nhiều khi bạn bè cũng giúp bổ túc được nhiều điều hay, cho nên người ta mới nói:

" *Học thầy không tầy học bạn.*"

Trên đường học vấn, không phải ai cũng thành công, dễ đạt làm quan :

" *Mười năm cấp sách theo thầy,
Năm thứ mười một vác cây theo trâu.*"

Công học hành như vậy thật ra cũng không phải vô bổ, mà ít ra kiến thức cũng được mở mang và nhất là học được đạo làm người. Nước mình là nước nông

ngiệp, cho nên nghề nông cũng là nghề vinh quang:

" *Trời cho cày cấy đầy đồng,
Xứ nào xứ nấy trong lòng vui ghê.
Một mai gặt lúa đem về,
Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu trung.*"

Dầu thành công hay thất bại, dầu học được ở ông thầy ít hay nhiều thì thầy lúc nào cũng vẫn là thầy trong lòng người học trò theo quan niệm xưa:

" *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.*" (Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy).

Ở làng xưa, ông thầy nếu không sang thì cũng được kính trọng:

" *Thầy làng không sang cũng trọng,
Quan huyện thì không lọng cũng xe.*"

Nếu cha mẹ có công sinh thành, nuôi dưỡng thì ông thầy có công dạy dỗ, cho nên người học trò vừa biết ơn cha mẹ, vừa nhớ ơn thầy:

" *Con ơi nhớ lấy lời này,
Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy chớ quên.*"

" *Ngày nào em bé cõn con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.*

" *Cơm cha, áo mẹ, công thầy,
Nghĩ sao cho bổ những ngày ước ao.*"

" *Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy,
Gắng công mà học có ngày thành danh.*"

Bởi vậy, người học trò phải biết giữ lễ đối với bậc sinh thành và ông thầy cho tròn đạo nghĩa:

" *Mông một ăn tết nhà cha,
Mông hai nhà mẹ, mông ba nhà thầy.*"

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN NHIỆM

VĂN TẾ - CHIÊU HỒN NẠN NHÂN CỘNG SẢN

Trời thu thấp sương thu man mác Lá thu reo xao xác từng hồi Màu thu vàng ối chân trời Tình thu gọi nhớ mảnh đời tang thương...	Năm bảy lăm đất bằng nổi sóng Cộng quân vào chiếm đóng miền Nam Ồi thôi cửa nát nhà tan Người sa tù ngục, kẻ tràn ra khơi
Thương oan hồn vẫn vương xuôi ngược Trên quê hương chẳng được yên mồ Chỗ đào chỗ xới mấp mô Hí trường, ổ điểm... tha hồ dựng lên.	Lênh đênh giữa biển trời sóng động Chết bầy phần may sống còn ba Mồ chôn: đáy nước bao la Hồn hoang giạt bến quê nhà nấu nường
Bao năm trời bốn, năm cuộc chiến Bãi sa trường xương hiện trắng phau Hồn thiêng tử sĩ về đâu? Trong mưa thành thị? Trên đầu cỏ hoa?	Quân cán chính trên đường “cải tạo” Bì đòn thù tàn bạo thẳng tay Chết trong đói rét đọa đầy Xác không manh chiếu, lấp đầy cỏ hoang
Nghĩa trang cũ Cộng Hòa quân đội Gửi tấm thân tưởng cõi ngàn thu Giờ đây hoang phế mịt mù Tường xiêu, tượng đổ, rêu mờ dấu chân	Còn bao cảnh thác oan ngày trước Bao anh hùng yêu nước sa cơ Cộng quân nào sợ máu như Giết đồng bào để dâng thờ Tàu, Nga
Còn bộ đội Nhân dân cộng sản Đem máu xương đổi cả giang san Giờ trông một lũ tham tàn Nhà vàng chúng ở, thả giàn ăn chơi	Văn nghệ sĩ tài hoa bắt khuất Bút, cọ... ai cướp giật bẽ cong? Thủ tiêu, trù dập, lưu vong... Xác vùi lòng đất, hồn trong linh đài ***
Ôi những “ngày long trời lở đất” Bao hồn oan lẩn quất đâu đây Tiếng than vọng động trời mây Ngàn năm chuyện cũ chưa khuấy nổi sào	Hôm nay nhân ngày lành tháng tốt Chúng tôi người khắp suốt năm châu Xót thương hồn lạc nơi đâu Lập đàn chiêu gọi cùng nhau mà về
Ngày Tết vốn đứng đầu truyền thống Loài cộng kia bởi giống vô thần Nhằm ngày mừng một, Mậu Thân Đạp đầu, chôn sống người dân hiền hòa	Trầm hương ngát bốn bề sáng tỏa Lòng thành xin Quốc Tổ xét soi Giải oan hồn mọi cảnh đời Nạn nhân cộng sản được rời cõi dương
Ai có dịp ghé qua Quảng Trị Đại Lộ kia đích thị Kinh Hoàng Lặng nghe cây lá bên đàng Hồn oan khóc lóc than van chuyện mình	Từ Nát Bàn, Thiên Đường trên ấy Xin hồn thiêng cứu lấy nhân gian Họa cộng sản phải dẹp tan Nơi nơi ca khúc bình an thái hòa./.

TRƯƠNG ANH THỤY

Thu sầu, Thu chết ... hay là phong trào lãng mạn trong thi ca Việt Nam hải ngoại – 2004

Tùy bút **LÊ MỘNG NGUYỄN**

*

Présentation par le directeur du trimestriel « Định Hướng » (Pr Nguyễn Đăng Trúc) :

Dans la continuité de son article publié il y a trois ans sur « L'amour de la jeunesse vietnamienne au milieu du 20^{ème} siècle » (v. Định Hướng, No 32-Automne 2002), Lê Mộng Nguyễn évoque cette fois-ci, dans ses notes littéraires, le mouvement de romantisme vietnamien d'outre – mer en 2004, par le biais des poèmes et chansons présentés par ses compatriotes artistes en exil sur les ondes de Radio Vietnamienne d'Outre-Mer et qui dégagent un parfum de tristesse d'automne, de nostalgie du pays et de celle d'un bonheur passé. La mort même d'un violoniste de talent et combattant pendant la guerre du Vietnam (relatée dans une lettre d'Automne 2003), tout imprégnée de spiritualité et d'aspiration vers l'infini c'est-à-dire vers la liberté, est une tragédie romantique de notre temps.

1.- Đài Việt Nam Hải Ngoại (Vietnamese Public Radio : 900 S Washington St. Suite 302 Falls Church, Virginia 22046, USA), được thành lập từ hơn sáu năm qua, phát thanh thường xuyên 24 giờ mỗi ngày, lại còn tiếp vận các đài VOA, BBC, Á Châu Tự Do, RFI (Pháp)... Đài cung cấp đầy đủ tin tức về mọi vấn đề (luật pháp, kinh tế, gia đình, giáo dục và nhất là nghệ thuật), cho thính giả, đồng bào rải rác trên khắp 24 thành phố tại Hoa Kỳ... Hơn nữa Đài đã phát thanh trên satellite, hiện có thể nghe được khắp nơi tại Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và Bắc Phi qua vệ tinh Horbird. Qua internet, mọi người từ mọi nước có thể nghe trực tiếp bằng cách mở web site của Đài: <http://www.radiohaingoai>, rồi bấm vào cột Nghe Đài Trực Tiếp (phía trái) hay nghe sau đó tại cột Chương Trình Tuần Này (phía dưới) hay cột Chương Trình Tuần Rồi và về phần *Sáng Tác Mới*, tìm hàng nào thuộc cột ngày Thứ Bảy 10g30 tối (Giờ EST-USA)... Đây là một chương trình mới

sáng lập trong khuôn khổ Chương trình Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật, do thi nhạc sĩ Nguyễn Đăng Tuấn đặc biệt phụ trách. Sau khi nghe STM 1 (phát thanh ngày thứ bảy 25/09/2004, tôi có viết thư cho nhạc sĩ NĐT chuyển đến anh lời cảm ơn và khen ngợi của tôi : Cách trình bày các nhạc sĩ (trước sau), nhạc phẩm và ca sĩ của anh rất bình dị, khách quan nhưng đầy đủ rõ ràng. Với giọng giới thiệu trầm ấm và quyền rũ, anh đã thành công trong nghề MC ngay từ buổi đầu! Những bài chọn của nhiều tác giả khác nhau, rất xác đáng vì tất cả đều đượm màu tình khúc lãng mạng đầy nhưng nhớ mà người nghe đôi khi xúc cảm đến tận cùng. Cảm ơn anh rất nhiều đã cho thính giả của Đài thường thức giọng ca tuyệt vời của Tuyệt Dung qua bài *Chiều Vàng Năm Xưa* của Lê Mộng Nguyên (Nguyễn Minh Châu đàn đệm synthétiseur). Cảm ơn anh đã cho nghe những bài quý báu của các nhạc sĩ mà tôi quen biết và ưa thích: Hiếu Anh (*Thuở Minh Quen Nhau*), Linh Chi (*Mưa*), Trang Thanh Trúc-Phạm Ngọc (*Về Theo Tháng Năm Buồn*), Khanh Phương (*Để Minh Mãi Yêu Nhau*) từ một CD cùng tên ra mắt năm 2002: “*Để Minh Mãi Yêu Nhau*”, Hoàng Kim Chi (*Một Thời Nhớ Nhớ Thương Thương*) và Tô Vũ (*Vẫn Là Em*)... Mong anh tiếp tục trình bày cho đồng bào những “Sáng Tác Mới” tuyệt diệu để đem lại (như nhạc sĩ Lê Dinh thường nói về giọng hát của nữ danh ca Huyền Châu-

Montréal) hạnh phúc cho đời và tình thương cho người...

2. Trong buổi Chương Trình “Sáng Tác Mới 2” ngày thứ bảy 02/10/2004, MC Nguyễn Đăng Tuấn với giọng trầm ấm (ngọt ngào) nói lên những lời hấp dẫn, dường như muốn mời thính giả đi sâu vào nhạc và lời của tác giả đáng khám phá cái hồn và tri thức của mỗi bài ca... Tôi rất ưa thích những bài của Đoàn Chuẩn (*Chiếc Lá Cuối Cùng*), Hoàng Việt Khanh (*Mẹ Gánh Tình Quê* : HVK là tác giả hai CD 8 Ca Khúc HVK-2003 và Tình Khúc HVK-2004 được giới thiệu trên nhiều Đài PT hải ngoại), Phạm Anh Dũng (*Yêu Em và Yêu Em*), Nguyễn Tiến Dũng trong *Phố Chiều Xanh* không những là một nhà soạn nhạc danh tiếng mà còn là một ca sĩ, một nhạc sĩ dương cầm có biệt tài, Vũ Hữu Toàn (*Hư Vô*), Phạm Quang Tuấn, tác giả bài *Mai* điêu luyện trong êm dịu, âu yếm trong đàn đệm hòa âm Tây Ban Cầm theo tiếng hát của phu nhân Lê Mai thánh thót như chim sơn ca, thanh tao như nước suối, âm vọng qua Vạn Lý Trường thành... PQT cũng là tác giả CD *Lệ Mai hát nhạc Phạm Duy* mà anh đã trình làng tại Sceaux-Paris ngày thứ bảy 03/04/2004 với ban nhạc SiliconBand, Nhật Vũ (*Đom Đóm Viết Thư Tình*), Nguyễn Minh Châu tác giả *Tim* (thơ *Quỳnh Hương*) qua giọng ca dễ thương của Dona. Tôi rất mê tiếng hát *Quỳnh Lan* (tương tự Bạch Yến), Mezzo Soprano qua hai bài *Chiếc Lá*

Cuối Cùng và *Hư Vô*, dễ tình, dễ cảm! Hai “Ngọc...” đồng thanh trong *Yêu Em Và Yêu Em* của Phạm Anh Dũng, đã diễn tả một cách chân thành tất cả những cái gì mà tác giả gói ghém trong tâm hồn để tặng người yêu dấu. Xin khen ngợi tất cả các tác giả, ca sĩ (nam và nữ), nhạc sĩ hòa âm đã cộng tác trực tiếp hay gián tiếp với nhạc sĩ phụ trách Chương Trình STM 2 để làm cho buổi phát thanh này được thấm nhuần hương vị gia đình, đất nước.

Nhưng Chương Trình sáng Tác Mới 3, với chủ đề THU, phát thanh ngày thứ bảy 09 tháng 10-2004 lúc 10g30 tối (Giờ EST-USA) là một chương trình hoàn hảo nhất, thơ mộng nhất, buồn tha thiết nhất và thành công nhất... Có lẽ tôi là người yêu MÙA THU nhất (x. PV Lê Mộng Nguyên do Bảo Trâm thực hiện trên *Nghệ Thuật* số 93, Tháng 12-2001), bởi vì *Trăng Mờ Bên Suối* (13/11/1949) cùng những bài tiếp theo đó : *Một Chiều Thương Nhớ*, *Chiều Thu*, *Mưa Huế*, *Ly Hương* vân vân đều được sáng tác trong mùa lá vàng rơi, và sau này bài hậu của TMBS (2001) cũng nói về thu (*Chiều Vàng Năm Xưa*), những bản nhạc phổ thơ gần đây đều lấy tên : *Thu Trên Sông Seine* (Thơ Vương Thu Thủy), *Giao Mùa* (thơ Phạm Ngọc), *Thu Sầu* (thơ Lưu Hồng Phúc)... Tôi bỏ nhà ra đi (không hẹn ngày về) cũng trong một mùa thu: *Anh ra đi trong một chiều ảm đạm / Tháng mười năm ngàn chín trăm năm mươi / Trong sương khói biên thùy,*

LÁ KHÔ

Lá khô vun đống nằm chơi
vùi thân cho bớt lẻ loi phận người
gió lên một trận tới bờ
chiếc về cội, chiếc bên trời phiêu du
lạc nhau giữa cõi sa mù
trách chi mấy cụm mây thu hững hờ

nguyễn vô cùng

TƯƠNG TƯ

Em, tôi cách một dòng sông
không đầu không cuối mà lòng vương mang
thương chỉ thương chuyển dò ngang
nhớ chi nhớ vạt nắng vàng hắt hiu
rừng rưng Thạch Hãn - Nhan Biều

nguyễn vô cùng

trong quên lãng / Bỏ gia đình và đất nước thương đau...

3.- Cũng vì vậy, Chương Trình SÁNG TÁC MỚI 3 của Đài Phát Thanh VNHN đã đem lại nhiều thương tiếc, nhớ mong, nhất là cho những kẻ ra đi từ

đạo ấy, nay... *Kiếp sống tha phương,
Thân phận lưu đầy, Giọt lệ âu sầu,
Nghẹn nức từng đêm...* Bài *Mùa Thu Hà Nội* của Hoàng Thi do Bảo Yến trình bày sao mà buồn nảo, ngậm ngùi như hơi thở của đô thành xa xôi *Héo hắt Hồ Gươm, Khi gió thu về, Hàng me chết lặng...* (Đó là nhờ tài năng của nhạc sĩ, ca sĩ và nhất là người giới thiệu diễn ngâm là nhạc sĩ Nguyễn Đăng Tuấn thực hiện chương trình). Xin cảm ơn anh Tuấn đã cho vào CT-STM 3 bài thơ *Em Có Về Làng Xưa* viết cuối tháng 12-2000 (mà cũng là một bài nhạc) của Lê Mộng Nguyên do giọng ngâm tận cùng thôn thức và ai oán của nghệ sĩ Đoàn Yên Linh, mà nghe lại tôi không cảm được nước mắt :

*Em có về làng Phú Xuân xơ xác
Cạnh Huế thành sau bão lụt vừa qua
Em về thăm cánh đồng thu man mác
Lá chưa vàng cây cối vẫn như xưa...*

Nhà thơ nữ *Hoàng Hoa*, một người bạn những ngày thơ ấu ở cố đô, tác giả CD *Hoa Vàng Thi Tập* với những giọng diễn ngâm: Hồng Vân, Thúy Vinh, Đoàn Yên Linh, Bảo Cường, khi nhận được bài thơ tôi gửi tặng, hứng cảm ngay bài *Họa Em Có Về* (Los Angeles, ngày 14/01/2001) có 8 câu đầu rất đau khổ như sau:

*Em có về sau cơn bão lụt
Trước năm hai ngàn buồn lắm anh ơi
Quê hương mình nay xơ xác tả tơi
Cánh đồng đẹp ngày xưa không còn nữa!...
Túp lều tranh thay lá vàng rục rở*

*Gió thu về rên xiết giữa hư không
Dòng sông xưa Bình Lục vẫn chờ mong
Đã tan vỡ bóng hình ai thuở trước...*

Bài *Em Giấu Tôi Vào Huyền Thoại* của Vũ Thu Nguyên, người nhạc sĩ trẻ tuổi, tác giả CD *Thuở ấy mới Yêu Em* 1987, dồi dào nhất trên mạng lưới, phổ thơ Linh Lan, do ca sĩ Quang Minh trình bày, là một sự đối đáp huyền diệu giữa nhà thơ, người nhạc sĩ với tình yêu, vạn vật với không trung. Nguyễn Đăng Tuấn không những là nhạc sĩ với cung đàn mà còn là một tâm hồn thơ ướp át qua giọng đọc (diễn ngâm), bài thơ *Vẫn Là Nỗi Nhớ Người* của Trần Thị Hà Thân (với tiếng sáo đēm réo rất, thiết tha, quạnh hiu) diễn tả mùa thu đượm buồn qua biển sóng... Cũng như qua lời giới thiệu và giọng đọc thơ *Lá Rụng* của Thúy Diễm, hay *Mây Mùa Thu* của Đặng Thế Kiệt, *Chia Tay* của Mạc Phương Đình, *Thu Về Em Có Hay* của Phạm Sĩ Trung... Tôi cầu chúc nhạc sĩ Nguyễn Đăng Tuấn sáng tác nhiều về mùa thu như *Mưa Tháng Chín* (rất tiếc không có trong Chương Trình Thu): Nguyễn Đăng Tuấn (vừa xuất bản CD *Cánh Chiều – tình ca NĐT* phổ thơ Phạm Ngọc với tiếng hát Nguyên Thao, Thụy Long, Tô Hà Quỳnh Lan, Tố Nga, Hạnh Nguyên, Quang Minh) ở đây anh cũng phổ thơ Phạm Ngọc (nhà thơ ngẫu tượng của phần đông các nhạc sĩ trừu tượng hoặc trữ tình):

... *Mưa tháng chín dài cơn đau nặng hạt
Rồi ngọt ngào vào khoảng cách mênh mông
Tôi vẫn gọi âm thầm trăng quá khứ*

... Tôi trở lại con đường xưa bờ ngõ
Chiếc lá vàng vừa rụng gió heo may...

Mà nhân dịp, Ngọc Dung đã viết trên mạng lưới (Trinh Nữ): “... *Mưa Tháng Chín một bản nhạc tình yêu với lá vàng vừa rụng nghe nổi niềm trăn trở đánh thức lòng tôi sau những giấc mơ dài. Nhắm mắt lại với tiết tấu giai điệu của Nguyễn Đăng Tuấn tôi thấy mình nhẹ bổng chơi vui như chiếc lá bay trong mưa thu về một phía... không người.*”

4.- Nhạc THU chọn lọc trong buổi phát thanh STM 3 sao mà lãng mạn quá, thơ mộng quá, tình yêu người luôn hòa hợp với tình yêu đất nước như trong *Lời Người Xa Xứ* của Hồng Khắc Kim Mai, do một giọng nam rất trầm âm, xúc động của người còn ở lại quê nhà. Biết nói gì đây để diễn tả nỗi tâm tình tha thiết của chúng ta đối với đồng bào quốc nội? *Tình Là Hư Không* của nhạc sĩ, ca sĩ BS Phạm Anh Dũng, tác giả rất nhiều CD như *Tình Bông Khói Sương* phổ thơ Phạm Ngọc, *Tình Khúc Hối Hương* và *Nhớ Saigon*, vân vân, là một nghệ sĩ mà tôi mến chung tài năng và tư cách phong nhã do Bảo Yên ca rất hoài niệm, qua những lời nhẹ nhàng, êm đẹp và triết lý: *Chiều thu mưa vẫn rơi... Chiều thu mưa trắng bay... Chiều thu cơn gió lay... Tình là hư không... Một Chiều Thăm Em* của Hiếu Anh (Tác giả nhiều CD như: *Giai Điệu Yêu Thương*, *Tình Ca Học Trò*, *Cho Người Tình Xa Cách*, *Lời Tình Buồn*, vân vân) do ca sĩ

Quốc Thái trình bày, làm tôi nhớ lại những chiều mưa đầu thu tôi đến thăm người em yêu dấu (mới tuổi dậy thì) trú ngụ đường Nam Giao, kinh thành Huế... Ôi bao kỷ niệm ngày xưa lại hiện về trong trí ức, dồn dập như “*Lá vàng rơi chứa chan... ngoài song*” (*Chiều Vàng Năm Xưa* của Lê Mộng Nguyên)! Cùng theo một ý niệm, người nhạc sĩ trai trẻ nhưng đã lầy lừng trên mạng lưới là Vũ Hữu Toàn (phụ trách Nhóm Em Ca Hát) qua bài *Mùa Thu Của Tôi* phổ thơ Phạm Ngọc với tiếng hát Công Bình, đã làm cho thính giả đi sâu vào cuộc tình lãng mạn của tác giả (LMN) với người yêu... Còn nói gì đến giọng ca thanh thoát, mỹ miều Mezzo soprano của nữ danh ca Lệ Mai trong *Những Chiếc Lá Mùa Thu* của phu quân đầy tài năng nhạc sĩ Tây Ban Cầm (mà cũng là một Giáo sư Khoa Học Phạm Quang Tuấn)... Cũng như nữ ca sĩ Tô Nga trong *Giáng Thu* của Nhật Vũ mà tôi đã từng mến phục qua báo *Hồn Quê* của ký giả BS Vương Huyền. Tóm lại, buổi phát thanh của Đài VNHN hôm mùng 09 tháng 10-2004 do nhạc sĩ Nguyễn Đăng Tuấn phụ trách là một tán dương ca mùa thu huyền diệu, mùa thu sâu, mùa thu man mác...

5.- Cách đây đúng một năm (2002), tôi nhận được một bức thư của luật sư André Bùi từ Marseille (Pháp) với nhan đề MÙA THU 2003: ... *Do một sự ngẫu nhiên, chúng tôi đã có hân hạnh đọc bài báo bàn về thân thế và sự*

nghiệp của Giáo sư và qua bài báo nói trên, chúng tôi đã tìm lại được một số tình tiết vụng về từ một thời vang bóng nên xin mạo muội ghi vài hàng để hầu chuyện cùng Giáo sư và nếu có điều gì sơ khoáng, kính mong Giáo sư vui lòng khoan thứ cho. Tuy nhiên, trước hết xin mạn phép Giáo sư tự giới thiệu là Bùi Đăng Hà mà vì tên thánh là André nên tên chính thức trở thành André Bùi. Thuở nhỏ theo học tại Institut de la Providence (Huế), Lycée Blaise Pascal (Tourane), Lycée Chasseloup Laubat (Saigon) và Lycée Yersin (Dalat), say mê âm nhạc cổ điển tây phương, chơi đàn mandoline, banjo, guitare và piano và cũng trong bối cảnh nghệ thuật ấy mà khi còn thơ ấu, chúng tôi đã nghe các bậc đàn anh hát những tình khúc lãng mạn nên thơ của một thời xa xưa như Suối Mơ, Trăng Mờ Bên Suối, Thiên Thai, Trương Chi... Mãi đến nay, ngồi nghe lại Suối Mơ và Trăng Mờ Bên Suối (do nữ ca sĩ Thanh Lan trình bày) mà tâm hồn không khỏi rung động băng khuâng trong một nỗi ngậm ngùi vô tận, nghe như đã đánh mất đi một cái gì thật thiêng liêng và đầy thi vị mà từ nay sẽ không bao giờ tìm lại được trong những năm tháng còn lại của cuộc đời. Ngoài ra, gia đình chúng tôi cũng quen biết nhiều với gia đình Bác Thám và anh Luân, cây vĩ cầm danh tiếng của Lycée Khải Định, là bạn với anh chúng tôi. Anh kể lại cho chúng tôi rằng mỗi khi anh Lê Đình Luân đàn vĩ cầm là các nữ sinh của Lycée Đồng

Khánh đều tán thưởng. Thậm chí có đêm các nữ sinh ở dortoir (trong đó có người chị của chúng tôi) đều thức dậy vì tiếng vĩ cầm réo rắt của anh Luân. Thật quả là một thanh niên tài hoa. Thế nhưng, như Nguyễn Du tiên sinh đã dạy “Tinh hoa phát tiết ra ngoài, Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa”, anh Luân đã vĩnh viễn ra đi để lại cho chúng ta bao nỗi ngậm ngùi. Riêng về bài báo thì đã được viết như sau: “Ông Lê Đình Luân bị chết khi kháng chiến chống Pháp”. Anh chúng tôi vốn là bạn khá thân với anh Luân đã tâm sự cùng chúng tôi về cái chết của anh Luân. Lúc đó chúng tôi còn quá nhỏ, nhưng anh chúng tôi kể lại rằng không một ai hiểu Việt Minh bản chất như thế nào. Ở tuổi đôi mươi, nghe những danh từ hào nhoáng như kháng chiến, xâm lăng, thực dân, thì cứ như bầy cừu của Panurge lao mình vào một guồng máy hết sức khủng khiếp. Lại thêm từ ngữ Việt gian treo lơ lửng trên không tựa hồ như lưới grom Damoclès, rơi xuống đầu ai thì dĩ nhiên người ấy phải chết, và cứ như thế, cả một thế hệ đầy thiện chí, khả năng và lý tưởng, đã bị cuốn vào một guồng máy không lối thoát. Đến khi hiểu được mọi tình huống thì đã quá muộn. Anh Luân và anh chúng tôi cũng không thoát khỏi tình cảnh cay đắng này. Cuối cùng anh Luân rủ anh tôi bơi qua sông Hội An trong đêm tối vì lúc đó Việt Minh không đủ nhân lực để canh gác như ngày nay. Anh tôi trả lời rằng sự ra đi và bơi trong đêm tối

như vậy nếu may mắn thì có thể thực hiện được nhưng đến khi bơi tới bờ sông bên kia, nơi phe Quốc Gia kiểm soát thì e khó toàn mạng vì trong đêm tối mịt mù mà lính canh (Quốc Gia) thấy có vật di động trên sông thì sẽ nghĩ rằng đó là Việt Minh bơi qua sông để phá hoại và sẽ nổ súng ngay. Làm sao có thể cho họ biết rằng mình về thành để lánh nạn Việt Minh? Luân cũng phần nào đồng ý như vậy và đôi bạn thân đã bàn thảo khá nhiều về cuộc phiêu lưu quá mức hiểm nguy này. Sau đó, vì không chịu nổi sự khắc nghiệt và tàn bạo của VM nên anh Luân đã ra đi và đã mất tích và cứ mỗi lần nhắc lại thảm kịch này, anh chúng tôi buồn bã vô cùng. Vậy xin có đôi hàng đơn sơ để gọi là góp thêm vài chi tiết vào sự ra đi đầy uất nghẹn và bi thương của anh. Thư bắt tận ngôn song giấy vẫn tình dài. Xin cầu chúc Giáo sư và gia đình dồi dào sức khỏe và mọi sự như ý an khang và xin được tạm dừng bút nơi đây. Kính thư, André BUI.

Đọc xong thư đề : *Mùa Thu năm 2003*, tôi bàng hoàng, cảm động, những kỷ niệm xa xưa lại dồn dập trở về, nhưng trước hết tôi phải làm công việc chính vì đó là một bổn phận trong thiêng liêng đối với nhạc sư vĩ cầm Lê Đình Luân mà hồi ấy tôi xem như bậc thầy, như người anh cả của tôi. Vì sao có sự lỗi lầm như thế? Nguồn gốc ngay từ đâu? Xem lại bài tiểu sử của Lê Mộng Nguyên trong *Vẻ Vang Dân Việt*, Tuyên Tập IV của Trọng Minh,

California 1998 (do Trần Quang Hải sưu tầm về LMN, từ trang 168 đến trang 176, trong mục *Sự Nghiệp Âm Nhạc*) tôi xin trích :

6.- Sau đó ông (Lê Mộng Nguyên) học đàn lục dương cầm (guitare) với người anh của chị Tôn Nữ Tư Tề là bạn học cùng lớp, ít lâu ông lại học đàn vĩ cầm (violon) với ông Lê Đình Luân bị chết trong khi tham gia kháng chiến chống Pháp. Bà mẹ ông Luân đã tặng cho ông Lê Mộng Nguyên cây đàn của người con xấu số. Cây đàn này đã được mang theo sang Pháp và vẫn còn được giữ thật kỹ như một báu vật tại nhà riêng của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên ở Paris...” Từ dạo ấy, NS Trần Quang Hải cho đăng tiểu sử LMN trên nhiều báo chí ở Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức, Úc vân vân với sự sai lầm (không cố ý) về cái chết của anh Lê Đình Luân... Bây giờ chúng ta biết rõ (nhờ thư đính chính của luật sư André BUI) là vì muốn trốn tránh chiến khu Cộng sản để trở về tiếp tế Quân Lực VNCH mà chiến sĩ Lê Đình Luân đã hy sinh cả cuộc đời mình: cảm động và oai hùng lắm thay! Sở dĩ cho đến bây giờ (một năm sau : 2004) tôi mới viết những dòng đính chính này, là vì một lúc đọc hết thư *MùaThu 2003-Marseille*, tôi sắp đặt nó vào một hồ sơ với ý định sẽ trả lời tường tận, vì việc khẩn cấp trước hết là phải sửa đổi ngay trên các báo và mạng lưới đã đăng rất nhiều lần Tiểu Sử (ngắn hay dài) của Lê Mộng Nguyên.

Tôi bắt đầu sứ mệnh này qua trang nhà của Đặc Trưng và cho nhạc sĩ Trần Quang Hải biết đề anh cho sửa chữa lại như sau việc này : ... *ông Lê Đình Luân bị chết vì muốn bỏ Việt Minh để trở về Quốc Gia chống Cộng Sản.* Việc đính chính xong một phần nào, tôi muốn soạn tìm thư Marseille để trả lời thẳng cho Luật Sư Bùi thì, than ôi, lá thư biến đâu mất trong hàng trăm hồ sơ chất chồng trong văn phòng làm việc của tôi và trên những rayons của ba thư viện lớn trong nhà... Cách đây một tuần, ngẫu nhiên tìm thấy lá thư nằm lẫn lộn trong một hồ sơ không đáng gì với cái chết thê thảm của nhạc sĩ vĩ cầm Lê Đình Luân mất tích một mùa thu năm nào, không ai biết. Tôi còn nhớ chiều hôm ấy (trong những năm 1945-1947), sau khi dạo chơi thành phố bên kia cầu Trường Tiền, lúc trở về nhà ở Chợ Cống (làng Phú Xuân) mới đặt chân vào phòng khách thì thấy một cây đàn vĩ cầm trang trọng nằm trên một bàn tròn lớn (như trong bức tranh *Le Luthiste* của họa sĩ Nga quốc Caravage), mẹ tôi nói (giọng buồn bã, trang nghiêm): *Đó là cây đàn mà Bác gái Lê Đình Thám muốn tặng con, vì chỉ con là người xứng đáng được tiếp tục đàn trên cây vĩ cầm của anh Lê Đình Luân sau khi Bác được tin anh vĩnh viễn ra đi...* Cảm ơn Bác đã nghĩ đến con, con sẽ luyện tập vĩ cầm theo những bài học mà nhạc sư Lê Đình Luân đã dạy bảo, đó là bổn phận thiêng liêng mà con phải vẹn toàn trong những ngày sắp tới... đối với Bác và người anh

quí mến. Với cây đàn vĩ cầm, tôi điều khiển Ban Hợp Ca thanh thiếu niên Phật tử trong bài *Mừng Tám Tháng Tư* (Mừng Khánh Đản) của Lê Mộng Nguyên sáng tác theo lời yêu cầu của Hòa Thượng Minh Châu, để khánh thành Chùa Từ Đàm ở Huế trong năm 1948. Với cây đàn này, tôi là người nhạc sĩ độc tấu vĩ cầm bi ca *Hồn Tử Sĩ* trong dịp lễ truy niệm hương hồn một học sinh (tổ chức tại vườn hoa lớn của Trường Trung Học Khải Định) đã bỏ mạng cho tự do tư tưởng và tự do phát biểu trong miền Nam – lãnh thổ Quốc Gia...”

PARIS, tháng 12-2004

**Lê Mộng Nguyên: Pr-Docteur d'État-Lauréat de l'Université Paris 1-Panthéon Sorbonne, auteur-compositeur (membre de la SACEM-France)*

TẠP CHÍ CỔ THƠM

Có bán tại

WASHINGTON MUSIC

EDEN CENTER

6795 WILSON BLVD. #26

FALLS CHURCH, VA 22044

TEL. (703) 538-4979

ĐẠI VĂN HÀO WILLIAM SHAKESPEARE

(1564 - 1616)

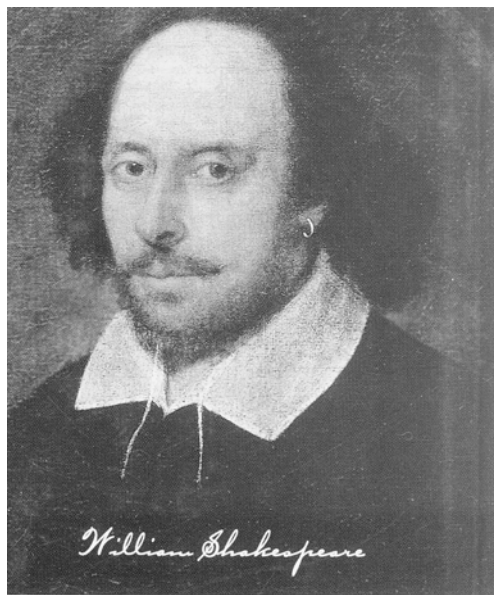
+++

Phạm Văn Tuấn

William Shakespeare (1564-1616) là nhà viết kịch và nhà thơ bậc nhất của nước Anh, đồng thời cũng là tác giả danh tiếng nhất trên Thế Giới. Không một nhà văn nào có các tác phẩm được nhiều người tại nhiều quốc gia tìm đọc hơn William Shakespeare bởi vì Đại Văn Hào Shakespeare đã hiểu rõ bản chất của con người, đã nhìn rõ các hoàn cảnh đặc biệt mà con người sinh hoạt, đã tạo ra các nhân vật trong các vở kịch mang nhiều ý nghĩa ra ngoài thời gian và không gian. Những nhân vật này đã tranh đấu giống như mọi người trong đời sống hàng ngày, đôi khi họ thành công, nhưng cũng có khi họ gặp thất bại cay đắng, bị thương.

William Shakespeare đã có một kiến thức rộng rãi về nhiều đề tài gồm cả Thánh Kinh, Luật Pháp, Chính Trị, Lịch Sử, Nghệ Thuật, Âm Nhạc, Thể Thao, Sản Bản, Thủ Công... đó là sự hiểu biết của một học giả nhưng ông lại chỉ có kinh nghiệm về Sân Khấu. William Shakespeare đã viết ra 37 vở kịch, được chia thành ba loại là hài kịch, lịch sử và bi kịch với mọi loại nhân vật như vua chúa, tướng lãnh, các nhà triết học, các kẻ chần chừ, các tay nghiện rượu, các kẻ móc túi... cho đến những tên giết mướn.

Các vở kịch của William Shakespeare đã được phổ biến khắp nơi, gây nên ảnh hưởng lớn lao về Văn Hóa trên toàn Thế Giới. Nhiều từ và câu trong các vở kịch và



bài thơ của William Shakespeare đã ở trong câu nói hàng ngày của nhiều dân tộc. Các tác phẩm của William Shakespeare đã giúp công vào việc hình thành Văn Chương của tất cả các quốc gia nói tiếng Anh và không nói tiếng Anh như hai nước Đức và Nga.

Các ý tưởng của William Shakespeare về các vấn đề như tình yêu lãng mạn, tính anh hùng hay bản chất của bi kịch đã tạo ảnh hưởng tới thái độ của hàng triệu người. Hơn nữa, các hình ảnh do William Shakespeare mô tả như Julius Caesar,

Mark Anthony và Cleopatra đã gây ấn tượng đến chúng ta hơn các cuốn sách dạy về Lịch Sử.

Các vở kịch, các bài thơ của William Shakespeare đã được in thành sách, dịch sang các ngôn ngữ khác nhau và hàng ngàn học giả vẫn nghiên cứu các tác phẩm của William Shakespeare cũng như các nhà soạn nhạc đã dựa vào các câu chuyện và nhân vật của William Shakespeare để soạn ra các nhạc kịch danh tiếng.

Ngày nay, đã có các bộ sách nghiên cứu đặc biệt, các thư viện đặc biệt với chuyên đề là William Shakespeare như Thư Viện Folger Shakespeare tại Thủ Đô Washington D.C., Thư Viện và Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Henry E. Huntington tại San Marino, Calif., Viện Bảo Tàng Anh Quốc (the British Museum) tại thành phố London, Thư Viện Bodleian của Đại Học Oxford, nước Anh, đồng thời các nhà làm phim đã chuyển các vở kịch của William Shakespeare thành các bộ phim hấp dẫn trình chiếu khắp nơi trên Thế Giới.

1/ Cuộc đời của William Shakespeare.

Vào thời đại của Nữ Hoàng Elizabeth Đệ Nhất, người dân nước Anh chỉ quan tâm đến các sự việc liên quan tới nhà thờ và quốc gia. Các chi tiết về tiểu sử, nhất là tiểu sử của một nhà soạn kịch, lại càng không được chú ý, ngoài ra nghề viết kịch không phải là một nghề cao quý trong xã hội. Do thiếu các tài liệu chính xác, nhiều người cùng tin rằng William Shakespeare sinh vào năm 1564, năm thứ 6 của triều đại Nữ Hoàng Elizabeth I và được rửa tội có lẽ vào ngày 26 tháng 4 tại Stratford-upon-Avon, trong khu vực Warwickshire nằm cách thành phố London 120 cây số về phía tây bắc.

William Shakespeare là người con thứ ba của ông John và bà Mary Arden Shakespeare. Ông John Shakespeare, cha của William, vốn là một người thợ thuộc da và bà Mary Arden là con gái của một chủ trại giàu có hơn, theo đạo Thiên Chúa Catholic. Hai ông bà kết hôn vào năm 1557. Hai người chị của William đã qua đời trước khi William sinh ra và các người em khác là Gilbert, Joan thứ hai, Anne, Richard và Edmund. Chỉ có em gái Joan thứ hai sống lâu hơn William.

Stratford-upon-Avon là một thị xã thịnh vượng và tiến bộ, hãnh diện vì có một trường tiểu học gồm nhiều thầy giáo tốt nghiệp Đại Học Oxford. William bắt đầu đi học vào tuổi lên 7, có lẽ theo học trường tiểu học Stratford với các trẻ em cùng giai cấp. Vào cuối thế kỷ 16, thị xã Stratford có dân số vào khoảng 1,500 tới 2,000 người nhưng lại là nơi họp chợ quan trọng của cư dân các vùng chung quanh. Cuộc sống của người dân nơi thị xã này khá tấp nập nhờ các buổi họp chợ, nhờ các đoàn kịch đến trình diễn các vở hát như Robin Hood. Bên ngoài thị xã là các cánh đồng, các khu rừng, ngoài ra gần thị xã còn có giòng sông Avon, là nơi có nhiều người câu cá, thả lưới. William Shakespeare đã yêu mến thiên nhiên và đời sống nông thôn với chim muông, sâu bọ và các người dân quê hiền lành, nên về sau đã phản ánh những tình cảm này qua các bài thơ và các vở kịch.

Vào năm 1576, ông John Shakespeare đã gặp một tai nạn khiến cho ông phải bán đi nhiều tài sản và William không thể theo học được nữa. Ông John đưa con trai về nhà để phụ giúp cửa hàng. Một sự việc bất lợi khác xảy ra khiến cho William phải cưới vợ vội vã vào tuổi 18, khi đó cô dâu Anna Hathaway 26 tuổi, là con gái của một chủ

trại giàu có, sinh sống trong làng Shottery, cách Stratford vào khoảng một dặm đường. Họ đã có con gái đầu lòng tên là Susanna, rồi tới đầu năm 1585, một cặp sinh đôi đã ra chào đời là Hamnet, con trai, và Judith, con gái. Trong khoảng thời gian từ năm 1585 tới năm 1592, đã không có chi tiết nào ghi về cuộc đời của William Shakespeare. Một câu chuyện khác nói rằng William Shakespeare sống tại thành phố London vào năm 1588, làm nghề coi ngựa cho chủ rạp hát và cũng làm người hầu.

Từ năm 1592, William Shakespeare đã hoàn toàn dấn thân vào sinh hoạt kịch nghệ của thành phố London với vai trò của một diễn viên và của người có cổ phần trong công ty kịch nghệ "The Lord Chamberlain's Men". Đây là đoàn hát danh tiếng thường hay trình diễn trong triều đình của Nữ Hoàng Elizabeth I. Trung bình mỗi năm William Shakespeare sáng tác được hai vở kịch và là nhà soạn kịch danh tiếng nhất của thành phố London.

Trong cuốn sách có tên là "Palladio Tamia: Witt's Treasury", xuất bản vào năm 1598, nhà văn trẻ tuổi Francis Meres đã viết về William Shakespeare như sau: "*Giống như Plautus và Seneca nổi danh về các hài kịch và bi kịch viết bằng tiếng La Tinh, Shakespeare là tác giả người Anh xuất sắc nhất về cả hai loại kịch kể trên dùng cho sân khấu*". Lời khen ngợi của Francis Meres đã xác nhận rằng vào cuối thập niên 1590, William Shakespeare đã là nhà văn hữu hạng dù cho vào thời gian này, ông chưa viết ra các vở bi kịch lớn lao như Hamlet, Othello, Vua Lear và Macbeth.

Từ năm 1592 tới năm 1594, bệnh dịch đã khiến cho các rạp hát tại thành phố London phải đóng cửa nên William Shakespeare quay sang làm thơ. Năm

1593, tập thơ dài của William Shakespeare với tên là "Venus và Adonis" được in ra và đề tặng cho Henry Wriothesley, Hầu Tước miền Southampton. Tập thơ "Venus và Adonis" đã sớm thành công. Sau đó vào năm 1594 tập thơ dài thứ hai của William Shakespeare có tên là "Cuộc Hiếp Dâm Nàng Lucrece" (the Rape of Lucrece).

Vào cuối thập niên 1590, không những là một nhà văn danh tiếng, William Shakespeare còn là một nhà kinh doanh giàu có nhờ các cổ phần khai thác bằng các đoàn kịch. Năm 1597, William Shakespeare đã mua được tòa nhà New Place, một trong hai kiến trúc lớn nhất của thị xã Stratford. Năm 1599, Shakespeare cùng với 6 người hùn cổ phần, đã mua lại Rạp Hát "Hoàn Cầu" (The Globe) tại ngoại ô của thành phố London. Đây là rạp hát mới, loại ngoài trời, rất rộng lớn, có thể chứa tới 3,000 khán giả.

Năm 1603, Nữ Hoàng Elizabeth I qua đời. Nổi ngôi là một người trong họ của Nữ Hoàng, là Vua James VI của xứ Tô Cách Lan (Scotland). Khi lên làm vua nước Anh, James VI trở thành James I và nhà vua này rất ưa thích sân khấu nên đã trợ giúp các đoàn kịch. Vua James I cũng cho phép đoàn kịch của Shakespeare được trình diễn trong triều đình vì vậy đoàn kịch này trở thành "The King's Men" hay "Đoàn Kịch của Nhà Vua", một loại người giúp vui chuyên nghiệp cho Triều Đình Anh. "The King's Men" đã thực hiện được nhiều thành công và là đoàn kịch dẫn đầu của thành phố London.

Trong các năm từ 1599 tới 1608, William Shakespeare đã hoạt động tích cực, đã viết ra nhiều hài kịch và hầu như tất cả bi kịch, do đó danh tiếng của ông đã vang lừng. Năm 1609, một nhà xuất bản tại

thành phố London tên là Thomas Thorpe đã cho ra đời một cuốn sách có nhan đề "Các bài thơ Sonnet của Shakespeare". Cuốn này gồm hơn 150 bài thơ loại 14 câu mà Shakespeare đã làm trong nhiều năm. Vào 8 năm cuối đời, William Shakespeare đã viết 4 vở kịch là Cymbeline, Henry VIII, "Bão Tố" (the Tempest) và "Câu chuyện của Mùa Đông" (the Winter's Tale).

Vào ngày 10 tháng 2 năm 1616, người con gái nhỏ của William Shakespeare tên là Judith, lập gia đình với Thomas Quiney, con trai của một người hàng xóm. 6 tuần lễ sau đó, Shakespeare viết di chúc rồi trong vòng một tháng, ông qua đời và được chôn cất tại nghĩa trang của nhà thờ Stratford. 7 năm về sau, tức là vào năm 1623, các tác phẩm lừng danh của Đại Văn Hào William Shakespeare bắt đầu được in thành sách và được phổ biến.

2/ Bối cảnh xã hội của thời Shakespeare.

Các tác phẩm của William Shakespeare đã phản ánh các hoàn cảnh văn hóa, xã hội và chính trị của thời đại Elizabeth I. Vào cuối thế kỷ 16 tại nước Anh, phần lớn dân chúng vẫn còn tin tưởng vào các hồn ma, các mụ phù thủy và các nhà quỷ thuật (magicians). Không có tài liệu nào chứng tỏ Shakespeare có các niềm tin như thế nhưng Đại Văn Hào Shakespeare đã dùng các dị đoan trong các tác phẩm của ông một cách hữu hiệu như hồn ma đóng vai trò quan trọng trong các vở kịch Hamlet, Julius Caesar, Macbeth và Richard III, các mụ phù thủy là những nhân vật chính trong vở kịch Macbeth, và Prospero là một nhà quỷ thuật trong vở kịch "Bão Tố" (The Tempest).

Vào thập niên 1580, thành phố London với dân số vào khoảng 150,000 người, đã

trở nên một nơi thị tứ sầm uất của châu Âu. Trên giòng sông Thames đã có hàng ngàn con tàu buôn xuôi ngược và đôi khi Con Phà Hoàng Gia (the Royal Barge) rực rỡ cũng xuất hiện trên giòng sông này. Cây Cầu London (the London Bridge) cũng là nơi danh tiếng với trên đầu cầu về phía nam có Tháp London (the Tower of London), nơi hay trưng bày các đầu lâu của những kẻ bị xử tội phản bội và đây là dấu tích của cảnh bạo lực thuộc Thời Đại Nữ Hoàng Elizabeth I. London có hơn 100 nhà thờ mà danh tiếng nhất là ngôi Giáo Đường St. Paul cổ kính. Ngoài ra về phía tây, còn có Inns of Court là một trường đại học đào tạo các luật sư, còn có Lâu Đài Hoàng Gia Whitehall (the Whitehall Royal Palace) và Cung Điện Westminster.

Tới cuối thập niên 1580, Nữ Hoàng Elizabeth I đang ở trên đỉnh cao danh vọng. Cuộc âm mưu của người Tây Ban Nha tìm cách ám sát Nữ Hoàng đã gặp thất bại và Nữ Hoàng Mary of Scots đã bị hành quyết vào năm 1587. Hạm Đội Armada hùng hậu của Tây Ban Nha đã bị tan tác vào năm 1588. Cảnh thịnh vượng, sang trọng của triều đình Anh là dấu hiệu về quyền lực của Triều Đại Elizabeth I.

Trong Thời Đại Elizabeth I, Văn Chương đã phát triển. Triều Đình Anh đã trợ cấp cho các nhà văn, nhà thơ khi viết ra các tác phẩm. Một số nhà văn quý tộc như Sir Walter Raleigh, Sir Philip Sidney... cũng sáng tác ra các áng văn thơ phản ánh về rực rỡ của triều đại, đồng thời các nhà thơ có nguồn gốc bình dân cũng được bảo trợ như Christopher Marlowe, Edmund Spenser và Michael Drayton.

Trong hoàn cảnh kinh tế, xã hội này, ngành Kịch Nghệ đã phát triển và bắt nguồn từ hai chiều hướng. Chiều hướng

thứ nhất hoàn toàn thế tục, bình dân, kể lại các truyền thuyết cổ, các câu chuyện trong Thánh Kinh, các mẫu chuyện Lịch Sử cổ kim, còn loại thứ hai do các sinh viên của Trường Inns of Court, họ là các cựu sinh viên của Viện Đại Học Oxford hay Cambridge, đã từng hiểu biết Lịch Sử và Kịch Nghệ của các Thời Đại Hy Lạp, La Mã. Sự phối hợp nền văn học cổ điển với loại sân khấu bình dân hiện đại đã cho ra đời vào năm 1587 các vở kịch xuất sắc như "Tamburlaine" của Christopher Marlowe, hay "Bi Kịch Tây Ban Nha" (the Spanish Tragedy) của Thomas Kyd...

Về môi trường sống, thành phố London vào năm 1600 có độ 200,000 dân. Theo các tiêu chuẩn hiện nay thì thành phố này rất đông người và thiếu vệ sinh, nhưng do là thủ đô của nước Anh, London đã thu hút đủ mọi loại người tới đây tìm các cơ hội thăng tiến: các quan chức, thầy giáo, nghệ sĩ, nhạc sĩ, sinh viên... và các nhà văn. Việc dấn thân sâu xa vào đời sống của thành phố London của William Shakespeare đã khiến ông hiểu biết rất rộng rãi, nhờ đó ông đã tạo ra được nhiều nhân vật đa dạng trong các vở kịch.

Vào cuối thế kỷ 16, khi Shakespeare bắt đầu viết các kịch bản, người dân nước Anh mang vẻ lạc quan. Năm 1588, nước Anh vừa chiến thắng Hạm Đội hùng hậu Armada của Tây Ban Nha, tinh thần ái quốc của người dân Anh lên cao. Qua đầu thế kỷ 17, khi Nữ Hoàng Elizabeth I qua đời vào năm 1603, tại nước Anh đã xuất hiện nhiều vấn đề kinh tế và xã hội, các cuộc chiến nhỏ với vài nước khác đang diễn ra, các bệnh dịch lan tràn, giết hại hàng trăm người. Đời người trở nên bị đe dọa, ngán ngùi. Các vụ xáo trộn chính trị đã gây nên nhiều pháp trường với cảnh chặt đầu các

kẻ phản bội, cảnh treo cổ các phạm nhân nơi công cộng. Vì thế các kịch bản của William Shakespeare cũng phản ánh sự thay đổi, từ lạc quan sang bi quan. Các hài kịch không còn thấy xuất hiện mà thay vào là các bi kịch như vở "Measure for Measure" (Mặt چرا, mướp đấng) hay vở "All's Well that Ends Well" (Cây lành cho quả ngon). Bi kịch "Vua Lear" đã là một tiếng kêu trong thất vọng.

Nền văn chương của Thời Đại Elizabeth I phản ánh các cảnh bạo lực (violence) hay cảnh chết chóc nên đồng thời, các bi kịch của Shakespeare cũng hàm chứa các cảnh tự sát hay giết người của các nhân vật chính trong kịch. Nhưng, dù cho mang đặc tính tàn bạo, người dân của thời đại này vẫn nhạy cảm đối với vẻ đẹp và thơ mộng. Văn Chương đã mang nhiều hình thức, kể cả kịch thơ (poetic drama), chuyện giả tưởng và các bài tham luận (essays). Người dân nước Anh vẫn yêu thích Âm Nhạc với các nhạc sĩ tài danh của nước Anh đứng ngang hàng với các nhạc sĩ của châu Âu. Âm Nhạc dùng các nhạc cụ, các bài hát và các bài nhảy múa là ba yếu tố quan trọng trong các vở kịch của Thời Đại Elizabeth I.

Cho tới năm 1576, các diễn viên kịch nghệ chưa có các rạp hát cố định, họ trình diễn trong các ngôi nhà lớn của thành phố. Do Nữ Hoàng ưa thích các vở kịch từ đầu thập niên 1570 nên các diễn viên được nâng đỡ và các rạp hát bắt đầu được xây dựng. James Burbage vốn là một thợ mộc, đã trở thành một diễn viên và mở ra rạp hát "The Theatre" vào năm 1576 tọa lạc tại vùng đông bắc của thành phố London. Một rạp hát thứ hai tên là "The Curtain" được xây dựng vào năm 1577. Tại bờ phía nam của giong sông Thames, vào năm 1587

Philip Henslowe đã dựng nên rạp hát thứ ba tên là "The Rose Theater" (Rạp Hát Hoa Hồng) rồi rạp hát thứ tư "The Swan Theater" (Rạp Hát Con Thiên Nga) mở cửa vào năm 1596.

Cho tới năm 1596, William Shakespeare cư ngụ tại Bishopgate, gần các rạp hát và đã theo một trong các công ty kịch nghệ từ trước năm 1594. Các rạp hát ban đầu là các tòa nhà bằng gỗ, hình tròn, ở giữa là một sân rộng và khán giả (gọi là groundlings) đứng tại sân coi hát. Nếu chịu mua vé đắt tiền hơn, khán giả có thể ngồi trên 3 khán đài (galleries) có mái che nắng và che mưa.

Vào thời kỳ này, khán giả là loại người bình dân, thường uống rượu, nói năng ồn ào và có cử chỉ thô tục khi coi hát. Người viết kịch có tài thỉnh thoảng phải xen vào các pha khôi hài để làm cho khán giả vui thích. Các buổi trình diễn thường được tổ chức vào ban ngày, khi thời tiết tốt và để báo cho dân chúng quanh vùng biết có đoàn hát tới trình diễn, một lá cờ được kéo lên trên đỉnh tháp của rạp hát. Trên sân khấu của rạp hát vào thời đó, không có màn, không có phông cảnh, trên mái có vẽ các ngôi sao tượng trưng cho bầu trời và từ phần lầu của rạp hát (gọi là heavens) có thể hạ xuống trên sân khấu một thiên thần ngồi trên một cái ghế buộc bằng các sợi dây thừng.

Rạp hát cũng có phần dưới sân khấu (gọi tên là hell) nhờ đó một diễn viên có thể xuất hiện hay biến đi khi vở kịch đòi hỏi. Mặc dù thiếu cảnh trí, sân khấu thời đó cũng dùng tới các dụng cụ phụ như bàn, ghế, ngai vàng, gương sủng, cờ xí, lều... Cũng có kèn, trống và các nhạc cụ khác. Tiếng sấm được tượng trưng bằng tiếng động do lăn mạnh các trái cầu bằng sắt. Có khi một khẩu đại bác bắn ra mà không có

đạn, gây nên tiếng nổ lớn nhưng cũng dễ gây ra hỏa hoạn. Khi một vở kịch được trình diễn, một chậu cây tượng trưng cho một khu rừng và đôi khi có một người cầm một tấm bảng viết hàng chữ như "tại một khu rừng gần thành phố Athens", hay một diễn viên bước ra sân khấu và nói lớn "nơi đây là khu rừng Arden".

Y phục của các diễn viên thời đó cũng khá lịch sự. Theo tục lệ, các nhà quý tộc khi qua đời, thường để lại các y phục cho kẻ hầu trung thành và những người hầu này đã bán loại quần áo đó cho đoàn hát. Vào thời đại Nữ Hoàng Elizabeth I, các vở kịch thường hay trình bày cảnh giết người nên diễn viên đeo sẵn một bọc máu heo bên trong áo ngoài nhờ đó khi nạn nhân bị dao đâm, mới có cảnh đổ máu trông giống như thực.

Cũng vào thời đại Nữ Hoàng Elizabeth I, Thanh Giáo (the Puritans) là nhóm tôn giáo có thể lực mạnh nhất. Họ rất nghiêm khắc về vấn đề đạo đức và cho rằng các vở kịch chỉ trình bày các cảnh tội lỗi, không thánh thiện, các rạp hát là nơi tụ họp của đám đông thiếu kỷ luật và các tội phạm. Cũng do ảnh hưởng của nhóm Thanh Giáo, các rạp hát chỉ được xây dựng bên ngoài biên giới của thành phố London và họ muốn chấm dứt hoạt động của các đoàn kịch, nhưng Nữ Hoàng Elizabeth I và một số quan đại thần lại ưa thích kịch nghệ và đã bảo vệ các diễn viên. Do một đoàn kịch được một nhà quý tộc bảo trợ nên họ có tên là "The Admiral's Men" (Các người của Ngài Đô Đốc) hay "Lord Chaimberlain's Men" (Các người của Hầu Tước Chaimberlain), và đôi khi chính Nữ Hoàng cũng có các diễn viên riêng, được gọi là "The Queen's Men" (Các người của Nữ Hoàng). Tên của người bảo trợ từ đó đi

theo đoàn kịch khi họ trình diễn tại các rạp hát hay khi họ đi lưu diễn tại các tỉnh. Mỗi đoàn kịch thường gồm 12 người đàn ông vừa là diễn viên, vừa đứng chung cổ phần với nhau trong nhiều năm và cũng có các trẻ em học nghề, các người phụ việc. Thời đó, phụ nữ không được làm diễn viên và vai đàn bà do các em trai đóng nhờ giọng nói thanh và không có râu. Đoàn hát cũng mượn các nhạc công và các vở kịch với cốt truyện hấp dẫn, với các bài thơ hay, được viết ra do những người có học, hay nhóm nhân tài, được gọi tên là "The University Wits" (các bậc trí thức đại học). Nhà viết kịch danh tiếng nhất thời bấy giờ là Christopher Marlowe.

Thời gian sáng tác ra các vở kịch của William Shakespeare được chia thành 4 giai đoạn: (1) các năm cho tới 1594, (2) các năm từ 1594 tới 1600, (3) các năm từ 1600 tới 1608 và (4) giai đoạn cuối cùng, là thời gian sau năm 1608.

Giai đoạn sáng tác thứ nhất của William Shakespeare là thời kỳ học nghề, vào tuổi từ 26 tới 30. Shakespeare đã dựa theo các hài kịch và bi kịch La Mã, đặc biệt là loại bi kịch của Seneca (Senecan tragedy) hay "bi kịch có máu" (tragedy of blood), đã bắt chước văn phong của các nhà viết kịch thời trước và đương thời, và có thể tác giả cũng cộng tác với Christopher Marlowe. Các vở kịch của giai đoạn này nhấn mạnh tới các biến cố (events) hơn là diễn tả hình ảnh và nội tâm của các nhân vật.

Giai đoạn sáng tác thứ hai của William Shakespeare nổi danh vì các vở kịch như "Roméo và Juliet", "Người lái buôn thành Venice" (the Merchant of Venice), và "Vua Henry IV", với vở hài kịch xuất sắc tên là "Giấc Mộng Đêm Hè" (A Midsummer Night's

Dream). Văn phong của William Shakespeare trưởng thành, hàm chứa sức mạnh và chứng tỏ thiên tài của tác giả do các vở kịch vui tươi, châm biếm các mối tình lãng mạn, với nhiều bài thơ mô tả xúc tích.

Vở kịch "Hamlet" viết vào khoảng năm 1601, mở đầu cho giai đoạn thứ ba. Trong 8 năm, William Shakespeare đã thăm dò các điều ác, và thế giới của kinh hãi được trình bày bằng các bi kịch lớn vì tác giả đã bi quan trước các tư tưởng tuyệt vọng của con người, trước các hoàn cảnh đau thương của xã hội.

Trong giai đoạn thứ tư và cũng là giai đoạn cuối cùng, William Shakespeare dùng tới một thể văn mới, đó là bi hài kịch (the tragicomedy) hay tình yêu lãng mạn bi thương (dramatic romance). "Bão Tố" (The Tempest) có lẽ là vở kịch hay nhất của thời kỳ này, đã kết hợp cả sức mạnh và sự khôn ngoan.

Các tình tiết, cốt truyện và tâm lý các nhân vật trong các vở kịch chứng tỏ William Shakespeare là một người uyên bác, hiểu rõ về con người, biết phối hợp kỹ thuật kịch với khả năng thơ phú, tất cả đã khiến cho ông trở nên nhà viết kịch bậc nhất (the greatest of playwrights). Nghệ thuật của William Shakespeare thì hiện thực (realistic), tức là hàm chứa sự thực của đời người và đây là sự thực mang tính vĩnh cửu (eternally true). Các nhân vật trong các vở kịch vừa sống động, vừa có tính ba chiều, họ có thể là tốt, là xấu, cao cả hay tầm thường, và gồm đủ mọi hạng người: các vua chúa, quan lớn, nhân viên hàng giáo phẩm, các kẻ gian tà, người mơ mộng, kẻ điên khùng, các kẻ hoạt động... nam cũng như nữ, quê cũng như tỉnh...

Cách mô tả các anh hùng của Shakespeare thực là tuyệt vời, và ngay cả

các nhân vật phụ cũng thế, chẳng hạn như 20 phụ nữ trẻ trong các vở kịch đã được tạo dựng nên với tuổi tác gần bằng nhau, gần có cùng quá trình xã hội, gần có cùng lối sống bên ngoài, nhưng 20 phụ nữ này lại khác hẳn nhau trong đời thực. Các vở kịch của William Shakespeare đã làm cho khán giả coi kịch bị xúc động mạnh, đã gây ảnh hưởng sâu xa tới độc giả khiến họ phải đọc lại các kịch bản nhiều lần, thí dụ như vở kịch "Vua Lear" được coi là "bi kịch bậc nhất" của Shakespeare.

Cuộc đời của William Shakespeare đã không có các biến cố đáng kể. Shakespeare là một con người chăm chỉ, điều độ, thuộc giai cấp trung lưu, biết chăm lo gia đình và chịu khó kinh doanh. Nhiều người đã tin rằng một người với cuộc đời bình thường như vậy, với thời gian đi học ngắn ngủi như vậy, không thể viết ra được các vở kịch xuất sắc, không thể có được chiều sâu tư tưởng, làm sao biết được ngôn từ và các tư cách của giai cấp thượng lưu, không thể biết được các môn thể thao, săn bắn của giới quý tộc...

Vì thế kể từ các năm 1800, đã có một số người không chịu tin tưởng rằng "người diễn viên của thị xã Stratford" là tác giả thực sự của các vở kịch lừng danh. Những người không chịu tin này được gọi là "anti-Stratfordians" và họ đã đề nghị vài nhà văn khác của thời đại Nữ Hoàng Elizabeth I, là tác giả đích thực, bởi vì các tác phẩm kịch lừng danh phải do một người học cao, uyên bác, thuộc giai tầng thượng lưu.

Trong nhiều năm và cho tới ngày nay, nhân vật được đề nghị là Sir Francis Bacon. Đã có rất nhiều sách vở viết về đề tài tranh luận này. Sau Sir Bacon là Edward de Vere hay Hầu Tước Oxford thứ 7, được cho là tác giả không chịu đứng tên. Ngoài

ra còn có các nhân vật được đề nghị khác như Roger Manners hay Hầu Tước Rutland thứ 5, William Stanley hay Hầu Tước Derby thứ 6 và ngay cả Sir Walter Raleigh. Và cũng lại có người cho rằng tác giả chính là Christopher Marlowe.

Nhưng, biện luận rằng một "con người bình thường của thị xã Stratford" không thể trở nên một "đại văn hào" tức là đã quên đi các điều bí ẩn của một "thiên tài"! Kiến thức của một thiên tài không phải là thứ học được nơi trường học. Thiên tài học ít, hiểu nhiều, là người biết áp dụng trí tưởng tượng thiên phú, cách nhạy cảm về nghệ thuật, sự hiểu biết sâu rộng về con người vào các sáng tạo và đã từng có một số nhà văn danh tiếng mà học vấn còn thấp hơn William Shakespeare. Hơn nữa, có vài người quen biết William Shakespeare như Francis Meres vào năm 1598 và Ben Jonson vào năm 1623, đã vài lần xác nhận William Shakespeare là một nhà văn có tài trong số các nhà văn thường hay tụ họp tại quán rượu Mermaid (the Mermaid Tavern) và William Shakespeare đã được nhiều người khác nể trọng vì tài năng, yêu mến vì lòng tử tế./.



Phạm Văn Tuấn.

HẬN ĐỜI

*Có những đêm trần trọc
Thắc mắc Thượng Đế ơi
Sinh chi loài Cộng Sản (?!),
Khi đã sinh Loài Người.*

*Chẳng lẽ Chúa không thấu
Và Phật Tổ không hay
Dân oan đang kêu cứu
Trong tù ngục đọa đày*

*Càng nghĩ về Quốc Tổ
Lòng lại càng xót xa
Sao dân mình bất lực
Giặc cướp đất cướp nhà*

*Lỡ một mai tôi chết
Chẳng nhắm mắt xuôi tay
Nếu còn loài Quỷ Đồ
Thống trị Thế Gian này*

28-8-2016

HỒ CÔNG TÂM

GIỌT MỒ HÔI và EM

*Dáng xưa em bao kỷ niệm đong đầy
Gọng ca buồn như ray rút sương vầy
Một cánh hoa rơi, ôi! đời nghiệt ngã
Đôi mắt u buồn, cơn gió nhẹ lay.*

*Từng hạt sỏi âm thầm, cây khô cháy
Ánh tà dương đang xuống, thoáng hồn say
Vào cõi mênh mông, chiều tiễn chân ngày
Lòng em đó, bao vàng mây dịu vợi..*

*Từ hạt bụi nắng hồng lên phôi phôi
Tiếng oanh ca, giọng hát đến tuyệt vời
Mắt nai em, bờ môi êm nhung gấm
Áng hương thề đường cũ ..có phai phôi?*

*Chiều xưa đó, tóc em phủ tơ trời
Trái tim trong nhau, yêu đương mời gọi
Mộng mơ nhiều nhưng bình minh chưa tới
Hoàng hôn về, bão nổi suốt đêm thâu..*

*Nụ hôn môi: ngây ngất mộng ban đầu
Hơi em thổi nghe hương nồng bất tuyệt
Siết chặt nữa, vòng ân tình tha thiết
Giọt mồ hôi đãm ướt áo em xanh...*

BÙI THANH TIÊN

DẪN TỰA CHÀNG... NÀNG

Tại Việt Nam thời Pháp thuộc, năm 1939 đảng Đại Việt ra đời. Nhà văn Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long) là một trụ cột bên cạnh nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam). Hai anh em dùng ngòi bút để tranh đấu tự do, dân chủ cho người dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Hai tờ báo, vũ khí của Tự Lực Văn Đoàn lần lượt bị Tây đóng cửa (báo Phong Hóa 1936, Ngày Nay 1941... đa phần vì những bài viết của Hoàng Đạo). Hoàng Đạo bị Pháp bắt đày lên Vũ Bản (thuộc Sơn La) năm 1940. Ông bị Tây tra tấn man dã. Mỗi lần vợ đi thăm chồng về là mang theo một chiếc áo chemise đầy máu khô.

Bà Hoàng Đạo đã thay chồng suốt đời nuôi dạy các con dù khi chồng mất bà mới 32 tuổi. Một người đàn bà Việt Nam trí thức với tâm hồn cực kỳ lãng mạn pha ý chí đấu tranh với đời cũng mãnh liệt không kém.

Hai bài thơ CHÀNG và NÀNG tác giả chỉ đơn thuần kể lại những sự việc được nhìn thấy từ hai đứa sinh thành một cách chân thực.

NGUYỄN LÂN



CHÀNG



*Kính dâng hương hồn Cha,
thần tượng của con.*

*Chàng, con người của núi sông
Mặt hần khắc khổ, nét phong trần
Mắt tinh anh rạng tình đất nước
Tâm hồn đanh thép, mộng kính luân...
Vóc dáng thư sinh, chí tung hoành
Ngòi bút văn nhân, khí hùng anh
Đau lòng khi quốc gia tui nhục
Hạnh phúc riêng an hưởng sao đành.
Tuổi thanh xuân tương lai rạng rỡ
Đành tạm quên vì đại cuộc mong chờ
Dứt áo thương đàn con nhỏ dại
Ngâm ngùi từ giã vợ ngây thơ.
Đời cách mạng, ôi, đầy gian khổ...
Trong phong ba, bão tố chập chùng
Chàng vẫn kiên trì, vẫn cương quyết
Vẫn thư thái và vẫn ung dung.
Rời bôn ba nay đây mai đó
Rời những ngày lao lý tù đầy*

Dù quăn quại trong cực hình tra tấn
 Con người cách mạng vẫn còn đây.
 Đất nước Việt mơ ước Tự Do
 Người dân Việt khao khát ấm no
 Trẻ Việt cần mở mang trí tuệ
 Tâm nguyện này, chàng khắc khoải âu lo.
 Đòi chàng, chàng đã quyết hy sinh
 Cho quê hương xứ sở điều linh
 Cho người dân lâm than cơ cực
 Chàng đã quên mình, quên gia đình.
 Xa xôi cách trở hai phương trời
 Vọng cố đô, nhìn áng mây trôi
 Là dương gian như một vì sao rụng
 Để nhớ, để thương... chàng... cha ơi!

NÀNG



Kính dâng hương hồn Mẹ, người phụ
 nữ đầu đời cho con biết nét đẹp thể gian

Nàng đẹp thanh tao, đẹp cao sang
 Dáng người mảnh khảnh thật nhẹ nhàng
 Vẻ nghiêm trang khi ẩn khi hiện
 Trên khuôn mặt huyền bí mơ màng
 Làn da trắng mát mịn như nhung

Chân mày tô nhẹ nét cánh cung
 Lửa bếp ửng hồng hai gò má
 Đôi môi mộng đỏ đẹp nẻo nùng
 Cặp mắt bồ câu rất dịu hiền
 Tóc mun lộng gió dưới hàng hiên
 Răng khềnh ánh ngọc trai lấp lánh
 Làm mặn mà thêm nụ cười duyên
 Thanh âm trong, thánh thót, dịu dàng
 Nhẹ như hơi thở thoảng bay ngang
 Nét lưng ong mềm mại, uyển chuyển
 Vẫn còn phảng phất nét đoan trang
 Rồi một ngày đầy xác pháo hồng
 Người mộng đầu đời nàng hằng trông
 Sẽ cùng nàng đắp xây tổ ấm
 Một chàng trai Việt của non sông
 Bỏ lại sau lưng những bướm ong
 Người đẹp Hà Thành đi lấy chồng
 Thế là thôi, hoa nay có chủ
 Để bao người luyến tiếc hoài mong!
 Đôi uyên ương sống trong hạnh phúc
 Đã tưởng rằng mãi mãi bên nhau
 Nhưng đất nước lâm than cơ cực
 Chàng đành quên lời hứa bạc đầu
 Bày con thơ dại đẹp như hoa
 Vẫn đêm ngày trông ngóng dáng cha
 Thay chồng, nàng lo toan mọi việc
 Và thời gian vùn vụt trôi qua...
 Rồi một chiều buồn lúc vào đông
 Gió mây sâu áp ủ nhớ nhung
 Được tin chồng ra đi vĩnh viễn
 Nơi xa xôi, cách trở ngàn trùng
 Thăm thía cô đơn trên đường đời
 Nuôi dạy con thơ, cố nhân ơi!
 Người vợ Việt Nam lòng dũng cảm
 Mặc thời gian cứ lạnh lùng trôi...

NGUYỄN LÂN

CÔ THƠM

Xuất Xứ & Ý Nghĩa Tên Trường Gia Long

PHẠM THỊ NHUNG



Muốn tìm hiểu xuất xứ và ý nghĩa tên Trường Gia Long, chúng ta phải trả lời 2 câu hỏi sau đây:

1. Tên Trường Nữ Trung Học Gia Long được đặt theo tên Vua Gia Long, người có công lớn mở mang bờ cõi Phương Nam và khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945) ?
2. Hay tên Trường Gia Long được ghép bởi chữ Gia trong Gia Định (Thành) và chữ Long trong Thăng Long (Thành) mà nên ?

Để có được giải đáp chính xác, chúng ta phải dựa vào 2 dữ kiện:

* Dựa vào đề nghị của Nha Học Chánh Pháp, một loạt tên các Trường Trung Học Công Lập từ Saigon tới

Hué được đổi sang tên các vị Vua Triều Nguyễn.

* Dựa vào ý nghĩa chữ Hán của các tên : Gia Long (Đế), Gia Định (Thành) và Thăng Long (Thành)

嘉隆帝

Gia Long Đế

昇龍城

Thăng Long Thành

嘉定城

Gia Định Thành

I. Trong Đặc San Trăm Năm Áo Tím-Gia Long, do Hội GL Úc thực hiện, được ra mắt vào dịp Đại Hội Gia Long Thế Giới kỳ VI, tháng 9-2013 tại Sydney-Úc Châu, có bài "Trường Áo Tím - Gia Long" (tr. 31-35) của GS Châu Ngọc Minh, và bài "Lược Sử Trường Áo Tím" (tr.10-19) của GL Dương Thanh Bình; đồng thời

trên website của một số Hội GL các nơi, như website của GLBCA, GLNCA, GLAC và GLHouston... đã góp phần giúp chúng ta truy ra manh mối câu hỏi thứ nhất :

Vào thời Pháp thuộc. Năm 1908, một số Nghị Viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ và báo giới gửi thỉnh nguyện thư lên Chánh Quyền Địa Phương xin lập một ngôi trường đa cấp từ Mẫu Giáo đến Tiểu Học và Trung Học cho phái nữ. Tuy được chấp thuận từ 1909, thời Toàn Quyền Klobukowski, nhưng mãi đến ngày 19.10.1915 trường mới xây xong trên một khu đất rộng Đường Legrand de la Liraye và đã được Toàn Quyền Đông Dương Ernest Nestor Roume và Thống Đốc Gourbeil cắt băng khánh thành.

- ❖ Giai đoạn 1. 1915-1918. Lúc đầu khai giảng chỉ có Cấp Tiểu Học với 42 trò. Chương trình giảng dạy là chương trình Pháp Việt cho người bản xứ. Trường có tên **École Primaire de Jeunes Filles Indigènes de Saigon** Người mình gọi đơn giản là **Nữ Học Đường** hay **Trường Áo Tím** (màu áo dài đồng phục của nữ sinh).
- ❖ Giai đoạn 2. 1919-1940. Trường mở Bậc Cao Đẳng Tiểu Học với tên **Collège de Jeunes Filles Indigènes.**
- ❖ Giai đoạn 3. 1940-1950. Chấm dứt Bậc Tiểu Học, trường mở Trung Học Đệ Nhất Cấp.

Từ năm 1940 Nha Học Chánh Pháp đệ trình Kiến Nghị đổi tên trường thành **Collège Gia Long** và Nghị Định đã được Thống Đốc Nam Kỳ Georges Rivoal ký ngày 2/12/1942. Từ khi Trường có Bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp, trở thành **Lycée Gia Long.**

- ❖ Giai đoạn cuối. 1950 -1975 : Trường Gia Long và Chương trình Việt.

Từ 1950-1951. Trường chuyển đổi chương trình Pháp, thay dần bằng chương trình Việt. Chương trình chuyển đổi hoàn tất vào cuối niên khóa 1956-1957. Sau đó, tên Trường tất nhiên sẽ được Việt hóa với bằng hiệu Trường Nữ Trung Học Gia Long.

Nhưng... tháng 7-1954 xảy biến cố Hiệp định Genève chia đôi đất nước (lấy Sông Bến Hải làm ranh giới). Miền Bắc thuộc Nhà Chăm Quyền CS, miền Nam được Pháp trả lại độc lập. Tổng Thống Ngô Đình Diệm của quốc gia VNCH, chủ trương Việt hóa toàn diện, nên Trường Gia Long đã được đổi Bằng Hiệu thành **Trường Nữ Trung học Gia Long** ngay vào đầu niên khóa 1954-1955. Và dù không bắt buộc nữ sinh mặc đồng phục áo dài trắng đi học, song trên hò áo phải cài Huy Hiệu bằng kim loại có hình hoa mai vàng và có tên Trường Nữ Trung Học Gia Long. Tên các trường ở Huế cũng được Việt hóa hoàn toàn, như : Trường Nam Trung Học Khải Định, Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh...

Vấn đề được đặt ra ở đây là: Tên Trường Gia Long được Nha Học chính Pháp đặt cho là tên Vua Gia Long, người có công mở mang bờ cõi miền Nam, hay là tên được ghép từ Gia Định (Thành) và Thăng Long (Thành) ?

I - Trong khi các Trường Trung Học Nam, Nữ ở Huế, vào thời điểm những năm 1940, đã được Nha Học Chính Pháp chọn tên các vị Vua Triều Nguyễn mà đặt Bảng Hiệu cho, Không lẽ Vua Gia Long, vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn lại là ngoại lệ, không được chọn tên? Và Trường Nữ Trung Học Gia Long cũng ngoại lệ, không được đặt tên vua, mà phải ghép hai tên Gia Định (thành) với Thăng Long (thành) mới nên ?

Hỏi như thế là đã trả lời rồi vậy. Nghĩa là, **tên Trường Gia Long cũng là tên vua!** Mà còn được chọn một cách hợp tình, hợp lý nữa.

Trường Gia Long là một Trường Nữ Trung Học lớn nhất Miền Nam. Ngay khi được thành lập, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định chọn màu áo tím làm Áo Dài Lễ phục cho nữ sinh, vì màu tím là màu biểu hiện cho những đức tính kín đáo - đoan trang - khiêm tốn của người phụ nữ VN. Tới niên khóa 1954-1955, Ban Giám Đốc lại hữu ý chọn Huy Hiệu cho các nữ sinh nhà trường có hình Bông Mai Vàng, loại Hoa Tết tiêu biểu của Miền Nam; không những thế, còn là loại hoa mai vàng năm cánh có hương thơm dịu, tượng trưng cho năm đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín...mà các nữ sinh hằng được rèn luyện dưới mái trường này.

Còn Vua Gia Long ? - Một vị vua đặc biệt gắn bó với mảnh đất Miền Nam *“Ngài dựng Võ Nghiệp, Vương Nghiệp từ Đất Gia Định. Có công lớn khôi phục được đất đai của tổ tiên và tiếp tục mở mang Bờ Cõi Phương Nam. Sau khi lấy lại được Đất Gia Định rồi ...Vi loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, không ai ở, ruộng đất bỏ hoang, lương thực không đủ. Nguyễn Vương bèn sai các Văn Thân Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Chu...làm Điền Tuấn Quan, để khuyên nhủ quân dân cố sức làm ruộng...Lại chiêu mộ những dân nghèo các nơi đến cấy cấy, chia đất cho. Ai không có đủ trâu bò cấy bừa thì quan cấp, rồi đến mùa trả lại bằng thóc... Khiến cho đất Nam Việt (xưa gọi chung là đất Gia Định là một chỗ đất bỏ hoang, không người ở, mà sau trở thành một nơi rất đông đúc và rất trù phú”.* (Việt Nam Sử Lược (VNSL) Trần Trọng Kim, Bộ Giáo Dục xb, tr.149-150)

Thế nên, vị nào trong Nha Học Chánh Pháp đã chọn tên Vua Gia Long đặt cho Bảng Hiệu Ngôi Trường Nữ Trung Học Áo Tím này phải nói là rất hữu lý. .

II. Sau khi đã xác định tên Trường Gia Long là tên vua. Bây giờ chúng ta bàn sang vấn đề thứ hai : Tìm hiểu tên vua Gia Long bằng chữ Hán xem có ý gì đặc biệt không hay chỉ là tên ghép từ Gia Định (Thành) với Thăng Long (Thành) mà nên ?

Tên vua Gia Long, tên Gia Định Thành và Thăng Long Thành đều thuộc về lịch sử của những thế kỷ về trước. Thời đó, sách sử nước ta chỉ được ghi lại bằng

thứ chữ Hán. Chúng ta học Văn Học Sử đều biết, khi các Giáo Sĩ Tây Phương sang truyền đạo ở nước ta (từ thế kỷ XVII), mới sáng chế thứ chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự Latin để tiện dụng trong việc truyền đạo; cho mãi đến giữa thế kỷ XX, thứ chữ này mới được phổ thông. Các sách sử từ đó viết bằng chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latin, nhưng mỗi khi viết đến tên vua chúa hay những tỉnh thành quan trọng liên quan tới lịch sử xưa, bao giờ cũng có kèm thêm chữ Hán bên cạnh để rõ nghĩa, đồng thời giúp độc giả không bị nhầm lẫn giữa những tiếng đồng âm, dị nghĩa. Bởi thế, muốn biết nghĩa chính xác của các chữ: Gia Long (Đế); Thăng Long (Thành) và Gia Định (Thành) vừa nêu trên, chúng ta phải truy nguyên từ nghĩa chữ Hán của chúng thì câu hỏi mới giải đáp được.

嘉隆帝	昇龍城	嘉定城
Gia Long Đế	Thăng Long Thành	Gia Định Thành

Chữ **Long** 隆 trong Gia Long (Đế) 嘉隆帝 có nghĩa là đầy đặn, lớn lao, hưng thịnh. Còn chữ **Gia** 嘉 có nghĩa là đẹp đẽ, mừng rỡ, may mắn, cát tường... (Hán Việt Tự Điển, Thiều Chửu)

Gia Long 嘉隆 là **Niên Hiệu** của vua **Thế Tổ Nguyễn Phúc Ánh**, vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945). Niên Hiệu không phải là tên gọi. Niên Hiệu là cái Hiệu của ông vua, người ta theo đó mà tính năm, kể từ khi vua lên ngôi (ví như nói: Bảo Đại Ngũ Niên). Nhưng sau người ta quen dùng Niên Hiệu để gọi tên. Chẳng hạn ta gọi Vua Minh Mệnh, Vua Thiệu Trị, Vua Tự Đức... thực ra đây đều là gọi theo Niên Hiệu cả.

Khi có một vị vua mới lên ngôi, thì phải đặt Niên Hiệu, để thay Niên Hiệu của ông vua trước. Tất nhiên phải có một Ban Quan Văn được chọn ra để góp ý, bàn bạc, chọn chữ kỹ lưỡng (người ta cố chọn những chữ có nghĩa thật hay, thật đẹp, thật tốt) sao cho hợp với hoàn cảnh, tính cách, công trạng hay chí hướng, tâm nguyện của vị vua mới.

Thế nên, hai chữ Gia Long 嘉隆 Niên Hiệu của vua Thế Tổ Nguyễn Phúc Ánh, theo như định nghĩa trên, chúng đã biểu lộ được "*Niềm vui rạng rỡ, hưng phấn lớn lao của nhà vua*", là do kết quả vừa giành lại được giang sơn của tổ phụ (Nam Hà) đã bao đời gây dựng nên, với biết bao kiên trì, vào sinh ra tử chống chọi với lực lượng hùng mạnh của anh em nhà Tây Sơn, nay mới hoàn thành. Ngoài ra nghĩa hai chữ Gia Long còn hàm ý "*Nhà vua tin tưởng đất nước, dân tộc sẽ mỗi ngày một thịnh vượng thêm lên trong thời kỳ trị vì của ngài*" Thử hỏi còn ý nghĩa nào hơn?!

Đã hay tên Trường Nữ Trung Học Gia Long cũng là tên vua. Song một khi tên Vua Gia Long đã được chọn đặt Bảng Hiệu cho ngôi trường lớn nhất Miền Nam

này, chúng ta mới để ý mà nhận ra rằng, trong những ngữ nghĩa của chữ Hán tên Vua Gia Long như đã được trình bày ở trên, có hai chữ " **hưng thịnh**" có ý nghĩa tiêu biểu nhất " **tốt đẹp, mở mang, tiến bộ** ", rất thích hợp để nói về môi trường giáo dục. Vô hình trung đã nêu lên được thành tích vẻ vang về đường hướng giáo dục con em " **học phải đi đôi với hạnh**" và đường hướng **giáo dục khai phóng** của nhà trường. Từ bấy đến nay đã đào tạo được biết bao thế hệ nữ lưu vừa có kiến thức vừa có đức hạnh, phụng sự đắc lực cho nhà, cho nước, cho xã hội.

Trở lại vấn đề vua Gia Long. Trong VNSL, Trần Trọng Kim cũng đã kể rõ lý do lên ngôi và đặt Niên Hiệu của Vua Thế Tổ Nguyễn Phước Ánh: "**Thế Tổ khởi binh chống nhau với Tây Sơn ở Đất Gia Định từ năm Mậu Tuất (1778), kể vừa 24 năm mới dứt được Nhà Tây Sơn (VNSL, tr.169)...Đến nay khôi phục được Phú Xuân, thanh thế lẫy lừng, bắc phá Đại Quân Tây Sơn, nam lấy lại Thành Qui Nhơn, đất An-nam bây giờ từ sông Linh Giang vào đến Gia Định lại thuộc về Nhà Nguyễn như trước. Các quan thân thuộc đều xin Nguyễn Vương đặt Niên Hiệu và lên ngôi tôn.**

Tháng 5 năm nhâm tuất (1802) ngài lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan châu mừng, và đặt Niên Hiệu là Gia Long 嘉隆 Nguyên niên " (VNSL, tr 164).

Như thế đủ thấy, khi Nguyễn Vương Nguyễn Phước Ánh mới chiếm lại được toàn vẹn giang san của tổ phụ (Đàng Trong), lên ngôi, mừng chiến thắng mới đặt Niên Hiệu là Gia long. Lúc này **ngài chưa tính chuyện tiến đánh Bắc Hà, chưa chiếm được Thăng Long, thì chưa thể có chuyện đặt Niên Hiệu Gia Long, do ghép tên Gia Định Thành với Thăng Long Thành được !**

Hướng chi chữ Long 龍 trong Thăng Long Thành 昇龍城 có nghĩa "Rồng", khác hẳn chữ Long 隆 có nghĩa "lớn lao, hưng thịnh" trong Niên Hiệu của nhà vua.

VNSL của Trần Trọng Kim có ghi lại giai thoại: "**Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) thì khởi sự dời đô. Khi đến La Thành, Thái Tổ (Lý Thái Tổ) lấy cờ có điểm trông thấy rồng vàng hiện ra, bèn dời Đại La Thành ra Thăng Long Thành".**

Thăng Long Thành 昇龍城 là kinh đô của nước Đại Việt, trải qua các Triều Đại Nhà Lý, Trần, Lê và Lê Trung Hưng, kéo dài gần 800 năm (1010 - 1788).

Còn chữ Gia Định 嘉定 trong Gia Định Thành 嘉定(城) có nghĩa là tốt đẹp, yên ổn. Nguyễn Ánh đánh chiếm được Gia Định hay Gia Định Thành (1778), xây dựng thành quách và biến nơi đây thành cơ sở chống lại lực lượng anh em Tây Sơn. Sau 24 năm chiến đấu kiên gan bền chí, trải qua bao gian khổ mới thành công.

VNSL cho biết tiếp: "**Nguyễn Vương đã lên ngôi rồi, sai Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh ... đem các đồ phẩm vật và ấn sách của nhà Thanh phong cho Tây Sơn sang nộp Thanh Triều và xin phong. Ngài lại định ngự giá đi đánh Bắc Hà...chỉ trong một tháng đã chiếm được Thăng Long, bình được Bắc Hà, đem giang sơn về một mối ..."** (VNSL tr.164-165)...**Khi đánh dẹp xong rồi, ngài xưng Đế Hiệu (Thế**

Tổ Cao Hoàng Đế), đặt Quốc Hiệu là Việt Nam, đóng đô ở Phú Xuân, tức Thành Phố Huế bây giờ. (VNSL tr.169)

Có lẽ từ đó mà có giai thoại nói lên sự lanh trí, miễn tiện của Sứ Giả Nguyễn Gia Cát, như Dịch Giả Vũ Đức Liêm nhắc đến: " Tên Gia Long gồm hai ký tự, chữ Gia 嘉, trùng với Tên Hiệu của Vị Hoàng Đế Nhà Thanh đương thời là Gia Khánh 嘉慶, trong khi chữ thứ hai, Long 隆, trùng với Tên Hiệu của Vị Hoàng Đế Nhà Thanh trước đó, là Càn Long 乾隆. Các viên chức nhà Thanh ở triều đình Bắc Kinh đã quan ngại về điều này và hỏi một trong số thành viên của phái đoàn, là tại sao nhà vua của ông ta lại chọn tên này?

Nguyễn Gia Cát 阮嘉吉 mới lập luận rằng, Vương Hiệu Gia Long 嘉隆 gồm chữ Gia 嘉, trong Gia Định (Thành), và chữ Long 隆 trong Thăng Long (Thành). Tuy nhiên, vào lúc Nguyễn Gia Cát đưa ra lập luận này, chữ Long 龍 trong Thăng Long Thành, nghĩa là rồng, chứ không phải chữ Long 隆 mang nghĩa "thịnh vượng" như chúng ta thấy trong Niên Hiệu Gia Long 嘉隆 của nhà vua." (Nguồn: Gia Long, Gia Khánh, Càn Long, Gia Định và Thăng Long. Facebook. Liem Vu. Aug. 30, 2013)

Xem câu chuyện đi sứ trên, nếu ai để ý cũng thấy ngay, vị Sứ Giả Nguyễn Gia Cát này đã đem chữ Long 隆 có nghĩa "thịnh vượng" trong Niên Hiệu nhà vua, thế vào chữ Long 龍 nghĩa "rồng" trong Thăng Long (Thành), khiến thành 昇隆, để giả danh cho Thăng Long(thành) 昇龍, kinh đô của nhà Lê xưa. Hai chữ Long này tuy dị nghĩa nhưng đồng âm nên Sứ Giả Nguyễn Gia Cát mới đem sử dụng để biện bác đối gạt bọn quan lại Triều Thanh. Bởi họ là người ngoại quốc, rất khó phân biệt những tiếng đồng âm dị nghĩa ta dùng, huống chi họ lại chẳng biết gì về lịch sử thành Thăng Long, nên không hay rằng, muốn nói tới Thăng Long (Thành) thì chữ Long bắt buộc phải viết với nghĩa rồng 龍 , như trong VNSL đã dẫn chứng ở trên.

Nhờ vào sự biện luận này của Sứ Giả Nguyễn Gia Cát mà việc đi sứ được trôi chảy, dễ dàng.

(Giai thoại, ngay cả ngoại sử cũng chỉ là ngoại biên, có thể kể lại hay viết theo chủ quan của người kể, vì thế có thể sai lạc ít, nhiều. Chỉ có chính sử mới đáng tin cậy. Câu chuyện trên không thấy ghi trong Đại Nam Thực Lục chính biên).

Tóm lại: Trường Nữ Trung Học Gia Long được mang Bảng Hiệu tên vị vua khai sáng ra Triều Đại Nhà Nguyễn (1802-1945). Vị vua có công lớn nhất trong việc mở mang bờ cõi Phương Nam, đem lại an lạc, thịnh vượng cho dân, cho nước, làm cho dân giàu, nước mạnh.

Tuy việc ông Nguyễn Gia Cát có tài biện luận lanh lợi, sắc sảo... đã đối gạt được bọn Triều Thần Nhà Thanh, tạo được kết quả tốt trong việc đi sứ do vua Gia

Long giao phó. Nhưng...nếu tưởng hay, đem biện luận này áp đặt cho dân Đàng Ngoài, e rằng chỉ làm cho lòng người chán ngán và xa cách nhà vua hơn.

Xem như trong thơ chữ Hán của cụ Nguyễn Du, dù cụ đã ra làm quan suốt 18 năm dưới triều Gia Long, có khi được thăng tới chức Lại Bộ Hữu Tham Tri (tam phẩm) mà trong thơ chữ Hán của cụ, hơn 250 bài, chúng tôi đã tìm được 4 bài Nguyễn Du viết về Thăng Long. Những chữ **Long** trong nghĩa **Thăng Long** (Thành), bao giờ cụ cũng viết với nghĩa là Rồng. Như:

- ✓ Hai đầu đề bài thơ Thăng Long I và II đều viết : 昇龍,
- ✓ Bài Long Thành Cầm Giả Ca:
- ✓ 龍城琴者歌
- ✓ Bài Ngẫu Hứng:
- ✓ 知是昇龍城裏來

(Tri thị Thăng Long Thành lý lai).

Đủ thấy, thời thế dù có đổi thay, Kinh Đô đã thay tên, đổi chủ, nhưng những người Thăng Long cũ, hai chữ Thăng Long yêu dấu kia vẫn sống mãi trong trái tim của họ. Cũng như thế ấy, dù ngôi trường Gia Long nay đã 40 năm bị thay chủ, đổi tên, nhưng Hai chữ Gia Long thương yêu ấy vẫn mãi mãi khắc sâu trong trái tim của thầy trò chúng tôi, những người đã một thời sống trong Thiên Đường Tuổi Ngọc dưới mái Trường này !

Trở lại câu chuyện Sứ Giả Nguyễn Gia Cát đi sứ nhà Thanh, cầu phong cho Vua Gia Long. Khi bọn quan lại Triều Thanh vặn hỏi ông về nguyên lai hai chữ Gia Long? Sứ Giả Nguyễn Gia Cát nhờ lanh trí, biết lợi dụng sự đồng âm dị nghĩa giữa từ **Long** 隆 nghĩa hưng thịnh trong Niên Hiệu nhà vua, với từ **Long** 龍 nghĩa rồng, trong Thăng Long Thành, Kinh Đô nhà Lê, để qua mặt bọn quan lại nhà Thanh, bèn thưa rằng :

" Vương Hiệu Gia Long 嘉隆 gồm chữ **Gia** 嘉, trong **Gia Định** 嘉定 và chữ **Long** 隆 trong **Thăng Long** 昇隆". Vị Sứ Giả Nguyễn Gia Cát kia, khi nói lên điều này, tất trong lòng đã rõ hơn ai hết, đây chỉ là một sự giả danh Thăng Long (thành). Chính ông ta đã tự biết là giả rồi, nếu chúng ta lại thừa nhận, thì chẳng hóa chúng ta cũng chỉ là người sai đồ giả hay sao?

Kết

Tìm hiểu nguồn gốc để xác minh ý nghĩa đầy đủ nhất của hai chữ GIA LONG, Niên Hiệu của vị vua đã được Nhà Học Chính chọn đặt Bảng Hiệu cho Ngôi Trường Nữ Trung Học lớn nhất Miền Nam này. Quả không có hai chữ nào khác có thể thay thế mà hợp tình, hợp lý bằng.

Phạm Thị Nhung

TỪ DUY THỨC ĐẾN TỈNH THỨC

Cao Nguyên

Mỗi người trên con đường học vấn, để đạt được địa vị Trí Thức bởi số lượng bằng cấp mà người đó có được bằng cách tự trung dẫn, hoặc do đồng môn, đồng khóa và đồng đảng tuyên dương.

Đằng sau học vị Trí Thức là một góc khuất nhưng rất quan trọng được đánh giá bởi khả năng và kết quả mà người Trí Thức thực hiện với mục đích cống hiến cho lợi ích loài người trong nhu cầu tiến bộ khoa học trên nền tảng Nhân Bản khi Trí Thức được triển khai đúng tầm Trí Thức.

Người có Trí Thức mà thiếu Trí Thức chỉ có giá trị hướng ngoại mà thiếu nội lực sáng tạo và phát huy đúng yêu cầu của xã hội. Hình thức của sáng tạo chỉ có giá trị của giai đoạn, nội dung của công trình sáng tạo mới thực sự có giá trị qua tầm nhìn khách quan viễn kiến vượt khỏi sự định vị chủ quan phiến diện. Hiệu quả Trí Thức là đòn bẩy tích cực nâng Duy Thức lên Tỉnh Thức.

Vận dụng Trí Thức đẩy Duy Thức lên Tỉnh Thức là một quá trình hội nhập sinh động phù hợp với xã hội tiến bộ vì lợi ích muôn loài trên nền tảng Nhân Bản.

Cấu trúc nào không xây dựng trên nền tảng Nhân Bản sẽ bị thoái hóa vì phản tự nhiên theo chu trình sinh học cộng hưởng và phát triển.

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, Đất và Nước đang bị nhiễm độc trầm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe toàn dân. Đạo Đức và Văn Hóa bị suy nhược dẫn đến tình trạng bạo hành trên hầu hết các sinh hoạt thường ngày. Lương tâm đồng

chúng phát ra lời kêu gọi toàn dân Tỉnh Thức vượt khỏi vòng cương tỏa và kềm chế của tập đoàn thống trị, cùng kết hợp Trí Thức thực hiện cuộc cách mạng toàn diện, loại trừ sự độc ác để phục hưng tiềm năng dân tộc đã bị phân hóa bởi tập đoàn cộng sản. Lịch sử toàn cầu đương đại minh chứng: Nơi nào chủ nghĩa cộng sản thống trị đều triệt tiêu quyền làm người và nền văn hóa dân tộc.

Đất và Nước Việt Nam đang bị nhiễm độc, một sự nhiễm độc đúng nghĩa của hủy diệt môi trường và hủy diệt sinh mạng toàn dân. Chủ nghĩa cá nhân thụ hưởng liệu còn tồn tại được bao lâu khi mức độ nhiễm độc lây lan theo tốc độ sóng gió tràn lướt và thẩm nhập trên khắp cùng nội địa và lãnh hải quốc gia? Chỉ có triệt tiêu nguyên nhân sự nhiễm độc, giòng giống Văn Lang mới sinh tồn và phát triển. Nguyên nhân chính tạo sự nhiễm độc toàn diện là ý đồ thôn tính Việt Nam của cộng sản Trung Quốc với sự thỏa hiệp của đảng cộng sản Việt Nam.

Mọi diễn biến đau thương về Người và Đất của Việt Nam trong từng ngày cần phải được thấu hiểu bởi toàn dân với ý thức sinh tồn của một dân tộc. Sự vô cảm đồng nghĩa với từ chối Cội Nguồn Dân Tộc, thờ ơ với Vận Mệnh Đất Nước mà chính mình cuu mang ơn nghĩa tiền nhân đổi máu xương diệt thù lập quốc.

Không người Mẹ nào an lòng khi thấy những đứa con của mình quên ơn nghĩa sinh thành. Mẹ Việt Nam đang âm thầm khóc bởi gia tài đang bị bọn tà quyền cất xén bán cho kẻ thù truyền kiếp của Việt Tộc; Mẹ khóc bởi sự ly tán nhân tâm và khóc cho sự lưu lạc của hàng triệu đứa con

phải xa rời quê Mẹ. Đau đớn hơn, Mẹ khóc khi nhìn con cháu của mình đang bị nhiễm độc và ngã chết bởi âm mưu của giặc ngoài và thù trong!

Mong rằng tiếng khóc của Mẹ sẽ làm thức tỉnh được lòng dân, vì tình mà nhập cuộc, vì nghĩa mà hy sinh cho vận hội chung của một quốc gia. Mong mỗi người dân đều ý thức được rằng: Tự Do Dân Chủ không là món quà Thượng Đế ban cho, mà

là sự tự nguyện của toàn dân đồng tâm và đồng sức kiến tạo.

Lập Dân Chủ cho Quốc Gia Độc Lập
Xây Tự Do vì Việt Tộc Anh Hùng!

Cao Nguyên

Đông Bắc Mỹ - 18/7/2016

Rủ Nhau Về Với Quê Mình

Rủ nhau về với quê mình
nghe ca dao hát tự tình quê hương
ơi này nhớ, ơi này thương
con sông, ngọn núi, bờ nương, khoảnh vườn

Đạp qua trắc trở bao đường
chông thù rải nhọc còn vương máu hồng
kệ đi, ráng nhé tâm đồng
về hòa nhiệt huyết giữa dòng trầm luân

Quê xa nhưng đất mẹ gần
nảy trong tiềm thức nụ xuân rất hồng
tình đồng bào gọi thiết thân
bằng lời máu thịt Lạc Hồng tạc ghi

Chào nhau ân nghĩa nhu mì
trăm năm góp lại còn gì vui hơn
hờn căm găm xuống đất buồn
cho hoa trắng hội trên chương sử hùng

Rủ nhau về trọn thủy chung
góp thương yêu lại từ trùng trùng xa
thấp bùn ngọn lửa sơn hà
đốt cho cháy rụi tà ma bạo hành

Non sông đẹp lại như tranh
sau con hồng thủy vãi tanh máu cuồng
lũ sâu bọ gây nhiễu như sương
tan thành tro bụi trên đường mình đi

Rủ nhau lên đỉnh Ba Vi
cắm cờ dân tộc sử tri quật cường
giống hồi trống vọng bắc phương
cho điền đảo bọn hán phùng ngoại xâm

Rủ nhau về thăm Cửu Long
ngắm dòng sóng gợn xanh trong thuở nào
ruộng vườn hoa quả ngọt ngào
miền nam tươi đẹp thắm bao nghĩa tình

Rủ nhau về đất Thần Kinh
nghe chuông Thiên Mụ gọi bình mình lên
Hương Giang lật sóng trở mình
thoát cơn tĩnh mịch sau kinh nguyệt cầu

Nam Trung Bắc thoát quận đau
cờ thiêng sóng núi rực màu vàng tươi
dòng lưu vong người nổi người
trở về quê mẹ vui đời tự do.

Cao Nguyên

Virginia 5/6/2016

sông Kim Ngưu ở phía Nam. Sông Kim Ngưu ít khi được nhắc tới, trước kia là một phân lưu của sông Tô Lịch, từ Ô Cầu Giấy chảy theo hướng Tây-Đông tới Đồi Cẩn, khi tới Ô Thụy Chương (Thụy Khê) chảy theo hướng Bắc Nam, chảy qua Ngọc Khánh, Giảng Võ, Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Xã Đàn, Kim Liên, Ô Cầu Dền, Ô Đông Mác, Yên Sở rồi hợp lưu trở lại. (2) Nhiều người thiết tha với Hà Nội đã phải lên tiếng vì sự thay đổi trong giọng nói của Người Hà Nội bây giờ. Đánh rằng, Hà Nội là vùng đất của dân tứ chiếng, nơi kết hợp sắc thái của mọi thành phần dân chúng tới vùng đất này sinh sống, là nơi hội tụ văn hóa, đã tạo cho Hà Nội nét đặc biệt về ngôn ngữ. Giọng nói của Hà Nội vẫn không thay đổi dù 1.000 năm bị Tàu đô hộ và 100 năm dưới sự thống trị của Thực dân Pháp.

Bản chất của ngôn ngữ luôn gắn liền với hiện tượng xã hội. Theo thống kê, vào thập niên 1940, dân số thành phố Hà Nội là 132.145 người. Nhưng đến năm 1954, khi Việt Minh tiếp quản Hà Nội, dân số thành phố giảm xuống chỉ còn 53.000 người trên một diện tích 152 Km². Đến năm 1961, thành phố được mở rộng diện tích lên tới 584 Km² với dân số 91.000 người.

Nhìn vào con số sai biệt về dân số trên, chúng ta nhận ra vào thời điểm này, nhiều người đã rời Hà Nội ra ngoại quốc hay theo đoàn người di cư vào miền Nam sau ngày chia đôi đất nước, khiến người Hà Nội gốc không còn nhiều như trước. Những người Hà Nội vì nặng gánh gia

đình còn ở lại, dù đã từng tham gia Việt Minh, cũng đành ngậm miệng trước bạo lực để sống vì họ thuộc thành phần trí thức tư sản, không được trọng dụng khi “cách mạng” thành công.

Nhưng đó có phải là lý do chính để mất giọng Hà Nội? Hay vào thời gian này số gia đình cán bộ từ các tỉnh Thanh-Nghệ đã nhập cư Hà Nội, nhận nhiệm vụ giáo dục lớp trẻ, uốn nắn cả tinh thần lẫn nếp sống mới, nên giọng Hà Nội đã biến đổi, không còn như trước kia.

Hình ảnh của Hà Nội níu kéo tôi mãi trong suốt 20 năm xa cách, từ ngày đất nước chia đôi năm 1954 đến ngày miền Nam bị chiếm đoạt vào ngày 30-4-1975. Những kỷ niệm, những thoáng cảnh đậm nét trong lòng người Hà Nội, thấm đượm trong tâm hồn mỗi người đã từng sống, đã lớn lên ở vùng đất yêu thương này. Tôi ấp ủ nét đẹp Hà Nội thanh bình, một nếp sống hài hòa của thời niên thiếu, được điểm tô qua áng văn của Nguyễn Tuân, của Thạch Lam trong Tự Văn Đoàn.

Hà Nội với vóc dáng cổ xưa trở lên duyên dáng, dù các con phố có nhỏ hẹp, nhưng tự nó có trật tự và điểm tô bằng thứ tình cảm gần gũi, ấm cúng mà phải ở một thời gian đủ lâu mới tìm thấy cái cảm giác yêu thương, quen thuộc không thể thiếu đó. Vì thế, đi xa vẫn nhớ.

Tôi chợt nhớ tới thiên phóng sự “Một ngày ở Hà Nội” của Thiếu Tá Phạm Huân, một nhà báo quân đội kỳ cựu của VNCH, đã cùng Thiếu Tá Đình

Công Chấn và Thiếu Úy Dương Phục, thành viên của Ban Liên hợp quân sự 4 bên, đã “ghé thăm” Hà Nội nhân dịp quan sát vụ trao trả tù binh Mỹ vào ngày 18-2-1973. Hành trình của cuộc “viếng thăm” này và những gì “mắt thấy tai nghe” đã được Đài Saigon truyền đi vào tối ngày 19-2-1973.

Trong buổi mạn đàm, Thiếu Tá Phạm Huân tâm sự, đối với những người khác thì trong chuyến đi này người ta có thể nói là ra Bắc hay ra Hà Nội, nhưng đối với ông, một người từng sống ở Hà Nội nhiều năm, thì gọi đó là một chuyến trở về Hà Nội. Ông cho hay, những đường phố chính mà trước kia rất sang trọng như đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Gia Long, Tràng Tiền, khu chung quanh hồ Hoàn Kiếm...thì còn nguyên vẹn, nhưng còn các phố khác của thủ đô Hà Nội bây giờ tiêu điều xơ xác quá. Không có một kiến trúc nào đặc biệt so với năm 1954. Hà Nội trông tiêu điều, nhưng không ngờ sự thay đổi đến quá sức tưởng tượng như ông nghĩ.

Khu trung tâm thành phố như Gia Long, Tràng Tiền...nhà cửa trông rất cũ kỹ, như đã 10, 15 năm không được quét vôi lại. Cầu Thê Húc không có màu sắc gì, cũ kỹ theo thời gian. Điểm nổi bật nhất ở hồ Hoàn Kiếm không phải là Tháp Rùa mà là tấm bảng lớn sơn màu đỏ chót với khẩu hiệu tuyên truyền...

Tôi miên man suy nghĩ, liệu những gì còn được giữ lại của một Hà

Nội ngày xưa, một Hà Nội chưa bị đổi đời.

*

Tiếng cô tiếp viên kéo tôi trở lại thực tế. Nhà tôi thức giấc. Chúng tôi cài giây



Đường phố Hà Nội năm 1973

an toàn, chỉ còn mười phút nữa là tới sân bay Nội Bài, cách Hà Nội 40 cây số. Máy bay hạ cánh thấp dần. Nhà tôi nghiêng người gần ô cửa kính. Khung cảnh phía dưới mỗi lúc một rõ qua làn khói mỏng. Giòng sông Hồng hiện ra một màu nâu tía, giống như con trăn khổng lồ uốn khúc giữa vùng cây cỏ.

Tiếng bánh xe rít lên khi chạm đường băng...

Bước ra khỏi khoang tàu, đứng trên đầu thang xuống, tôi dừng lại giây phút, hít hơi dài không khí, thứ không khí trong lành mát rượi của quê hương, như lưu luyến thuở xưa đang vội vã trở về. Tôi vẫn mong có ngày hôm nay và ao

ước trở về nhìn lại mảnh đất thân yêu này. Lòng tôi háo hức như những thủy thủ xa nhà, gửi nụ hôn trên cát khi trở về bến cũ, mà năm tháng vừa qua nơi đất khách quê người, dù chân ấm nệm êm, dù nhà cao cửa rộng, tôi vẫn cảm thấy tha phương, lạc lõng trong một xã hội xa lạ với mình.

Hành khách bước vào phòng Hải quan dành cho khách nước ngoài. Tôi gặp lại “màu áo vàng” với nhiều kỷ niệm cay đắng xa xưa. Những giấy người xếp hàng một trước bàn cán bộ để làm thủ tục nhập cảnh. Vợ chồng tôi vào sau nên đứng gần cuối hàng. Bất chợt, người cán bộ đường giây bên cạnh đứng bật dậy, lớn tiếng chỉ tay về những người cuối hàng đang nói chuyện. Mấy người ngoại quốc ngơ ngác, tỏ ý phản nản về hành động không mấy đẹp của nhân viên nhà nước, không giống phong thái “Customer No.1” của xã hội tự do.

Đây có phải là hậu quả của thời Cải cách, dẹp bỏ Hương Ước xóm làng, truyền thống sau lũy tre xanh, mà thành phần “chân lấm tay bùn” một sớm một chiều vươn lên theo tiếng loa gọi, để tự hào là “Đỉnh cao trí tuệ loài người”, tự xưng là “Anh hùng” bởi súng đạn của nước ngoài. Tôi trở lại ý nghĩ “yên lòng” mà thân nhân nhắn nhủ trước khi chúng tôi về. Đấy! Pháp quyền của một đơn vị nhỏ hạ tầng là như thế.

Tôi ưu tư, liệu đến bao giờ những người đại diện chính quyền của chế độ này mới ý thức được thể nào là một đời sống vì dân, hầu xây dựng một quốc gia

tiến bộ trong giai đoạn mở đầu của kỷ nguyên mới. Để đời sống người dân thể hiện đúng nghĩa là một đời sống được tôn trọng, an toàn và hạnh phúc.

Nhà tôi chợt hỏi nhỏ phía sau:

- “Minh có làm thủ tục “đầu tiên” không anh. Em thấy bảng lưu ý hành khách không để tiền trong hộ chiếu?”

Tôi đã quan sát hành động của người đứng trước, cũng như nhớ lời khuyên của người về cùng khi gặp họ tại phi trường Hong Kong, nên lặng lẽ gạt đầu, mặc dù hành động này làm tôi hổ thẹn. Một điều tôi không gặp dù đến phi trường của bất cứ quốc gia nào ngoài quê hương của tôi. Tôi đành phải làm theo mọi người, vì tới “Nước Lào” tôi phải ăn “Mắm Ngóe” như các cụ xưa đã dạy.

Tôi cũng thấy khung kính hình chữ nhật có kẻ chữ màu sơn đỏ treo phía trên bàn cán bộ Hải quan, cũng như đọc nhiều lần Pháp lệnh đến Quyết định của nhà nước. Kể từ ngày quân, cán, chính miền Nam theo lệnh gọi khăn gói lên đường trình diện học tập, đến án lệnh 3 năm tập trung cải tạo. Gần đây, nhà nước đã đưa ra nhiều điều luật nghiêm khắc hầu chặn đứng nạn tham nhũng cửa quyền đang đục khoét làm rữa nát quốc gia nghèo khó này. Nhưng pháp luật vẫn để lại nhiều khe hở, hay vì con người làm ra luật nên quyền hành ở trên luật pháp. Một thứ pháp luật chỉ áp dụng cho đám dân nghèo thấp cổ bé miệng. Người ta tìm giết những con tép và để lỗ hổng cho con cá voi chui lọt.

Trước đời sống xa hoa của giới lãnh đạo và gia đình họ, người dân cay đắng tự hỏi, liệu lương tháng của những người cầm quyền và các cán bộ cao cấp của đảng và nhà nước còn quy theo tiêu chuẩn mấy chục ký gạo không. Hay sau ngày xâm chiếm miền Nam mọi thứ đã thay đổi, người ta dùng vàng để định mức lương bổng cho giới lãnh đạo sau thời gian “nằm gai nếm mật, giải phóng dân tộc”. Của cải chiếm được của miền Nam được giữ làm của riêng. Do đó, nạn tham nhũng từ trên xuống dưới vẫn được nuôi dưỡng, mà theo người xưa: “thượng bất chính, hạ tắc loạn” đã xảy ra.

Tôi hiểu hoàn cảnh của người cán bộ Hải quan, Tết nhất đến nơi, hấn cần đủ số hụi nộp cho thượng cấp để được ở chỗ này lâu hơn. Hấn ta phải thu lại vốn cộng thêm một chút tiền lời số tiền đã bỏ ra. Lại còn vợ con hấn, ngày Tết vật giá leo thang đến chóng mặt, mà lương tháng chỉ mua được hơn một thùng bia ngoại, trong khi các cán bộ lớn mua vui hàng đêm bằng số tiền lương mà cả đời hấn làm việc vất vả. Thấy hấn, tôi nghĩ tới anh em, con cháu của tôi, đến lớp người không có dịp may như hấn, không có đảng tịch, thì đời sống của gia đình họ sẽ ra sao?

*

Trời về chiều, thời tiết những ngày cuối năm trở lạnh. Trước mắt tôi chói lòa màu đỏ thắm. Những biểu ngữ và màu cờ che khuất tầm nhìn. Tôi chợt

nhớ tới câu thơ của Trần Dần vào thời “Trăm hoa đua nở”:

“...Tôi bước đi, không thấy phố, không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa, trên màu cờ đỏ...”
Đường phố nhộn nhịp. Khách bộ hành, xe hai bánh và xe gắn máy đan nhau trong trong lớp khói mù. Nhìn quang cảnh trước mắt, tôi liên tưởng tới ca khúc “Tiến về Hà Nội” của nhạc sĩ Văn Cao vào thời “Cách mạng Tháng 8”:

“...Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về

Như đài hoa đón mừng nở năm cánh đào...” còn âm vang bước quân hành đã một thời khích động lòng người yêu nước ở at “Bãi Phong, Đả Thực”.

Hà Nội còn đó, nhưng mọi thứ đã thay đổi, như vừa trải qua cơn “bạo bệnh” chưa hoàn hồn, của thời tem phiếu bao cấp, với hình ảnh:

“Bắt không quần phải không quần,

Cho may-ô mới được phân may-ô.”

Mặc dù sau ngày 30-4-1975, “Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng”, tài sản của miền Nam, của công cũng như thuộc tư nhân, lên tới hàng trăm Tỷ Mỹ kim đã theo nhau ra Bắc, nhưng vẫn không vực dậy được một đất nước thiếu khả năng xây dựng cũng như tinh thần vì dân tộc. Miền Nam vốn là một vựa thóc, có thể nuôi sống cả nước, nhưng sau ngày gọi là “giải phóng miền Nam” cả nước phải ăn bo-bo, một loại thực phẩm để nuôi trâu ngựa. Mà nhiều năm trước đó, năm 1960, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã ao ước, chỉ mong đảo

quốc Singapore có đời sống như Sài Gòn. Với nhận thức thiên cận của người cầm quyền, chỉ bồi đắp cho gia đình, phe cánh mà quên đi tương lai của cả dân tộc, nên đời sống người dân lâm vào cảnh:

“Đầu đường Đại Tá vá xe,
Cuối đường Trung Tá bán chè đậu đen.”

Hà Nội chưa có công trình nào đáng kể ngoại trừ lăng ông Hồ tại trung tâm thành phố. Tôi đặt câu hỏi, tại sao người ta xây ngôi nhà mồ giữa trung tâm thành phố, một kiến trúc góc cạnh thô cứng mang màu sắc ảm đạm, chen giữa các công trình có đường nét dịu dàng, nghệ thuật. Ngôi nhà mồ mang hình ảnh của một tội đồ tàn ác, diệt chủng, mất hết tính người, mà sự hiện diện của nó tại giữa Thủ đô, chỉ là điềm báo về sự bất hạnh của quốc gia này.

Trong khi đất nước đang chìm đắm trong chiến tranh, đời sống của người dân nghèo không đủ cơm ăn ngày hai bữa, oằn người đóng thuế, phải ngậm miệng cung cấp các vật liệu tốt nhất để xây dựng ngôi nhà mồ. Theo tài liệu ghi lại, “Cát lấy từ suối Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Đá cuội được chuyển từ các con suối vùng Sơn Dương thuộc Chiêm Hóa và Ngòi Thìa thuộc tỉnh Tuyên Quang. Đá xây nhà gồm đá Nhồi ở Thanh Hóa, đá Hoa Cương thuộc khu vực Chùa Thầy, đá đỏ núi Non Nước, đá dăm từ mỏ đá Hoàng Thi thuộc Thác Bà tỉnh Yên Bái...chưa kể đá ngọc màu đỏ, đá hoa cương được các địa phương cung cấp. Gỗ quý mang về từ Tây

Nguyên. Riêng dòng chữ “Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do” được dát bằng vàng. Thật là một công trình “vĩ đại”, đã làm tiêu hao tiền của và sức người của nhân dân.

Ngân khoản xây dựng ngôi nhà mồ không thấy đảng CS thông báo. Số người bị tai nạn, thương tật trong khi cung ứng vật liệu xây cất cũng không được nêu ra.

Một cuộc chiến hao tổn nhiều xương máu của người dân, cũng chỉ nhằm mục đích trung thành với Quốc tế CS, như ông Hồ trả lời Mao Trạch Đông khi yêu cầu Trung quốc cung cấp quân trang quân dụng để đánh chiếm miền Nam: **“Chúng tôi đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng, dù phải đốt sạch dãy trường Sơn.”** Câu nói “đề đời” này được Lê Duẩn nhắc lại rõ hơn: **“Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung quốc”...**

Sau hơn hai mươi năm ngưng tiếng súng, nhất là từ sau ngày mở cửa, người Việt hải ngoại đã chuyển về nước hàng Tỷ Mỹ kim mỗi năm, một ngân khoản không hoàn trả, khiến Hà Nội thay đổi. Nhưng rất tiếc, chỉ thay đổi bộ mặt thành phố, một sự thay đổi đoản kỳ, đã bỏ mặc nông thôn ngày một sa sút. Các danh lam thắng cảnh được tô vẽ vì mục đích lợi nhuận nhất thời, hơn là bảo tồn nét đẹp về văn hóa cổ truyền.

Có người cho rằng, sinh hoạt về văn hóa và đạo đức của Hà Nội thay đổi sau ngày 30-4-1975, nhất là về “Văn hóa chữ” đã xâm nhập mọi tầng lớp dân

chúng tại miền Bắc. Thực ra, chính sách “Cải cách ruộng đất” đã phá tan truyền thống đạo đức dân tộc, trong đó phải kể tới “Đầu tó”, con tó cha vợ tó chồng, một hình thức ảnh hưởng trầm trọng tới đạo đức gia đình. Sau khi chính sách “Trăm hoa đua nở” được thực hiện, những người trí thức không đi theo đường lối của cộng sản đã bị đẩy ải trong các nhà tù hay tại các vùng núi rừng miền Bắc. Sách báo, cả về nghiên cứu văn học, lịch sử lẫn phong tục tập quán đã bị thiêu hủy, để đi theo nếp sống văn hóa mới của cộng sản. Quan trọng nhất là xuyên tạc lịch sử, khiến văn hóa dân tộc bị mất gốc. Đạo đức học đường và xã hội vì vậy ngày một tệ hại. Trước tệ nạn xã hội ngày một gia tăng, người dân đã nhận định: “ra ngõ không còn gặp anh hùng”.

Với đường lối cai trị độc tài, không chấp nhận mọi ý kiến xây dựng xã hội để theo kịp với đà tiến văn minh thế giới, khiến đất nước ngày càng tụt hậu. Với chính sách kinh tế đoán kỳ, chân trong chân ngoài của người cầm quyền, niềm tự hào trở thành con rồng Á Châu về kinh tế, qua mặt Nhật Bản Đại Hàn như thường được rêu rao, vẫn chỉ là ảo tưởng.

*

Hình ảnh đẹp về nếp sống của Hà Nội trong tâm tư của tôi vẫn còn đó. Nhưng vào lúc này, xung quanh tôi mọi thứ đều xa lạ, hiếm thấy giọng nói ngọt ngào, ấm dịu của người Hà Nội năm xưa. Một giọng nói “xa lạ” đang hiện

diện ở thành phố cổ kính này. Tôi tự hỏi, thành phố này đã để mất giọng nói yêu thương kia trong hoàn cảnh nào?

Phải chăng, theo bước chân ồ ạt “tiến về Hà Nội” từ vùng đất Thanh Nghệ “quê hương Bác” nơi được vinh danh là “thành đồng của cách mạng Mùa Thu”, đã thay đổi, xoá tan nếp sống và phong thái cũ?

Nét đẹp của Hà Nội vào những ngày tháng cũ chỉ còn là hoài niệm. Không còn sắc thái cổ kính mà tiêm ải về thơ mộng, trang trọng nhưng hàm chứa nét trữ tình của thành phố ngàn năm văn vật. Sinh hoạt đặc trưng của văn hóa dân tộc Việt đã nhường chỗ cho một nếp sống “Văn hóa mới”, chỉ thể hiện sự lạc lõng nửa vời, khiến tôi có cảm tưởng xa lạ tại chính nơi quê hương yêu dấu của mình.

Hà Nội đang ở trước mắt tôi. Tôi lặng nhìn mà tâm tư tìm về dĩ vãng, nuôi tiếc nếp sống của một thời đã qua. Đành rằng, “Kỷ niệm không bao giờ chết”. Nhưng đã “tàn phai” trước những đổi thay hiện tại. Hà Nội vẫn còn đó, nhưng “Hồn Dân tộc” ở đâu bây giờ?

Trần Nhật Kim

2-2016

Chú thích:

(1) Nguồn: Hình trên Google

(2) Nguồn: Trần Quốc Vương

NHỚ TRỜI HÀ NỘI THU PHONG

Mưa rơi trong mảnh vườn con
Bỗng đứng lại nhớ nước non lạ lòng
Nhớ trời Hà Nội thu phong
Nhớ con phố nhỏ nắng hồng vương vương

Nhớ hàng phượng vĩ tươi sương
Nhớ ba mươi sáu phố phường ngày xưa
Ngày xưa, nhớ quá ngày xưa
Ơi, bình minh ấy sương mờ Hồ Gươm

Quê Hương trăm nhớ ngàn thương
Ơi, đê Ngũ Xá, Ơi, đường Cổ Ngư
Mưa rơi ... từng giọt Mưa Thu
Cho lòng khách lữ trầm tư cảm hoài ...

Mùa Thu sương khói mù khơi
Dung rưng ... lòng giấy ngậm ngùi nỗi quê!
Mây ơi ! Đừng chắn nẻo về
Bài thơ thả gió vô đề buồn tênh ...

Trời mông mênh, lòng mông mênh !
Bâng khuâng nhớ quá quê mình, Thu Phong
Thu phong ! Ơi hỡi thu phong
Gió thu có ngược lại dòng thời gian

Về mùa thu ấy nắng vàng
Về mùa thu ấy dịu dàng ý thu
Năm mươi năm, thoảng giấc mơ
Còn nghe lãng đãng hương thu thuở nào

Gió trong vườn, Gió lao xao
Ai gom hoa nắng thả vào Suối mơ
Ai về Xóm Trúc đề Thơ
Gửi chòm mây nổi qua bờ sông xưa ...

Trời Thu mưa bụi giăng tơ
Tơ giăng sợi Nhớ ngắn ngoi Sợi Buồn !
Hương Mùa Xa, Thu Viễn Phương
Mưa Thu, Mưa Bụi ...trong hồn lênh đênh

Vào Thu Lại Nhớ Quê Minh ...

TUỆ NGA

SẦU CỐ HƯƠNG

Đại dương sóng gió rì rào,
Hòa âm tình khúc ngọt ngào thiết tha,
Một vùng trời biển bao la
Một vùng xanh ngắt thăm xa ngút ngàn
Ngồi trên phiến đá mơ màng,
Lòng lâng lâng với bóng đàn hải âu,
Cánh chim lờ lững về đâu?
Để ai bỗng chốc dâng sầu cố hương!

Cayman Islands, 07 th. 8, 2016.

TÂM MINH

Kẻ ản danh trong truyện Kiều Và ‘Cái Khóc’ của Nguyễn Du

Nguyễn Thùy

Hầu như không mấy ai để ý rằng cái cơ sở đầu tiên đã gây nên tan nát cho đời Kiều là lời vu oan, giá họa của tên bán tợ.

*Hỏi ra sau mới biết rằng
Phải tên xưng xuất là thằng bán tợ*

Cái cơ sở đó chỉ được nhắc đến một lần rất mơ hồ, được gán ghép cho trời già qua lời Vương Ông lúc Kiều đã dứt lốt cho cửa quan chuộc ông về:

*Trời làm chi cực bậy trời
Này ai vu thác cho người hợ tan!*

Nếu không có ‘NÓ’, cái tên bán tợ khốn kiếp đó thì làm gì có cảnh sai nhà đập phá, vợ vét nhà Kiều, bắt giam Vương Ông để Kiều phải bán mình rồi lăn lóc vào đoạn trường. Phải, chính tên bán tợ đó mới là thủ phạm chính làm tan nát đời Kiều, phá tan hạnh phúc của Kim Trọng, làm khuynh gia bại sản gia đình Viên ngoại và tiếp đẩy lốt trần bộ mặt xã hội của triều Minh Gia Tĩnh mà mặt ngoài ‘*bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng*’.

Giả thiết rằng lúc gia đình Kiều gặp tai biến mà Kim Trọng còn ở đó, có thể hoặc hẳn nhiên sự tình đã khác đi rồi.

Nếu Kim Trọng không về Liêu Dương hộ tang chú thì chắc Kiều đã không rơi vào tay Mã Giám Sinh. Sự việc Kim Trọng phải bất thân về quê để tang cho người chú, và sự việc nhà Kiều bị tên bán tợ vu oan là hai sự việc ngẫu nhiên, tình cờ trùng hợp hay do sắp đặt của Định mệnh đời Kiều? Nếu thế thì định mệnh người này ‘có duyên’ với định mệnh người khác sao? Vậy, nếu định mệnh là ‘sợi dây chuyền’ thắt chặt con người với nhau thì cần gì phải ‘có tài có sắc’ mới đoạn trường ?

‘**Nếu**’ không có sự vụ Thúc Sinh lên xem Kiều tắm rồi làm thơ miêu tả cái ‘*tòa thiên nhiên*’ thì làm gì Thúc Sinh biết rõ xuất xứ của Kiều để lập mưu chuộc Kiều ra khỏi thanh lâu, đem về làm vợ để Kiều thoát khỏi cảnh ô nhục.

‘**Nếu**’ không vì Hoạn Thư lên nghe Kiều và Thúc tình tự thì Kiều đã thành ni-cô tại Quan-Âm-các, có đâu phải trộm chuông vàng khánh bạc trốn đi để sau đó phải rơi vào thanh lâu lần nữa.

‘**Nếu**’ Vãi Giác Duyên cho đem chuông vàng, khánh bạc trả lại cho nhà Hoạn Thư và để Kiều tu ở Chiêu âm am với mình thì đâu có cảnh Kiều rơi vào tay Bạc Bà, Bạc Hạnh để phải tái diễn cảnh đời ô nhục,

‘**Nếu**’ Từ Hải không nghe lời Kiều ra hàng,

‘**Nều**’ Hồ Tôn Hiến tha cho Kiều về lại cố hương,

‘**Nếu**’ Kiều tự tử ngay lúc phải vào thanh lâu lần hai,

‘**Nếu**’ Kiều tự tử ngay sau khi Từ Hải chết,

‘**Nếu**’ Kiều không tự tử nơi sông Tiền Đường,

‘**Nếu**’,... biết bao cái ‘**nếu**’ ! Cuộc sống, cuộc đời diễn ra hàm hồ, dị hình từ bao nhiêu cái ‘**nếu**’ đó. ‘**Nếu tốt**’ cũng như ‘**nếu xấu**’ để thuyết Định Mệnh có lý do biện minh.

Bao nhiêu cái ‘**nếu**’ nhưng tất cả đều vì cái ‘**Nếu**’ tiên khởi, căn cơ: ‘**Nếu không có tên bán tơ vụ oan, giá họa**’.

Mà tại sao lại là tên bán tơ? Sao không là một tên nào khác ? Một bà lão bán cá, bán rau; một tên bán thịt, một người thợ mộc, thợ hồ, một chị hàng buôn, một nông dân nào đó hay một phú ông nào khác hoặc một tên du đãng, một tên trộm cắp bắt lương, một tên vô loại không nghề nghiệp lại càng hay. Ấy thế mà lại là tên bán tơ!

Có thể trong truyện của Thanh Tâm tài nhân là tên bán tơ hay Nguyễn Du thấy nghề bán tơ của tên này mang chở một ý nghĩa sâu xa nào.

‘**Tơ**’ như ta biết là một sợi nhỏ mỏng manh, dễ vương, dễ mắc, vương vít đủ thứ. Ta thường bảo ‘*rối như tơ*’. Vâng, một sự việc bé bỏng, nhỏ nhít như sợi tơ, ấy thế mà bao điều rắc rối xảy ra. Sự việc nhỏ bé quá mà ! Một lời vu oan, thế thôi, thế mà hậu quả khốc liệt ra sao.

Cớ sự nhỏ bé quá Tác giả chỉ nói lướt qua. Sự đời vốn là thế đấy! Thành bại ở đời nhiều khi chỉ vì một lý do vu vơ, một sự vụ cỏn con không ai ngờ tới. Cái thuyết ‘*vạn vật hấp dẫn*’ đồ sộ của Newton bỗng nhiên thành hình vào lúc quan sát quả táo rơi. Cái định luật về ‘*sức đẩy của nước*’ của Archimède bắt nguồn từ sự việc giản dị, thông thường là nổi ngạc nhiên tại sao nhảy vào nước không chìm mà lại nổi. ‘*Nếu chiếc mũ của nàng Cléopâtre dài thêm chút nữa, cục diện thế giới lúc bấy giờ có lẽ đã đổi khác*’, người viết nhớ mang mang lời của Pascal.

Năm học lớp Nhất (lớp Năm bây giờ, lúc bấy giờ gọi là Cours Supérieur), trong bài Tập đọc ‘*Faute d’un loquet*’ (thiếu một cái chốt cửa) trong quyển *Le Livre unique de Français* của Lafferrandri soạn, người viết được thầy (thầy Lê Trí Viễn) giảng cho thấy chỉ thiếu một cái then cài công mà heo, gà, chó, vịt xông ra, bị đuổi tán loạn, làm đổ bể, vung vãi tứ tung mọi thứ trong nhà, trong vườn.

Cách ngôn Pháp bảo ‘*Đừng coi thường những tính xấu nhỏ*’; tục ngữ Việt Nam cũng bảo ‘*cái sậy nảy cái ung*’. Tất cả nhắc nhở ta rằng nhiều khi chỉ một sự việc không đâu mà hậu quả lại đồ sộ. Chỉ thiếu một chiếc ‘*mỏ kho*’ mà Thạch Sùng mất cả gia tài về tay Vương Khải để hóa thành thằng lằng đém đêm đêm tiếc của. Chỉ một tàn thuốc rơi mà hỏa hoạn bùng lên, thiêu cháy bao nhiêu nhà. Chỉ hai đứa bé giành đồ

chơi, gây nhau mà hai gia đình ấu đả, tranh chấp, thù hiềm, có thể đánh nhau giập đầu, sung mặt. Chỉ một tờ truyền đơn nhét đầu đó, một thư tố cáo nặc danh, thế là cả gia đình tan nát, có thể bị tù, gia sản bị tịch thu vì tội phản động, gián điệp,...

Về mặt tư tưởng, tôn giáo, ta cũng gặp đôi sự việc tương tự. Vì con dao cầm trong tay để cạo râu cho chồng đang ngủ mà Thị Kính bị cả nhà chồng lên án, buộc tội 'giết chồng' để phải nương nhờ cửa Phật.

Trong bộ 'Huệ Khai Vô Môn Quan', ta đọc được truyện này: « Ngày kia, xong thời pháp, ông Lão không ra về, Sư bèn hỏi : -Người đứng trước ta, đó là ai ? Ông Lão đáp : -'Ừ, già này không phải là người. Ở thời quá khứ, nhằm đời Phật Ca Diếp, già trụ trì ở ngọn núi này. Ngày kia, nhân có một học tăng hỏi : 'Bậc tu hành có mắc vào luật nhân quả hay không ?'. Già này đáp :-Chẳng lạc nhân quả (Bất lạc nhân quả, chẳng mắc vào nhân quả). Do câu trả lời ấy, già bị đọa làm thân cáo đồng đến nay đã năm trăm đời. Nay thỉnh Hòa thượng cho một chuyển ngữ để hóa kiếp chồn. Rồi ông lão hỏi lại : - Bậc đại tu hành có mắc vào luật nhân quả hay không ? Sư đáp : -Chẳng muội nhân quả (Bất muội nhân quả, nên hiểu là 'không để ý đến nhân quả') Ông lão thoát nghe chột đại ngộ, lễ tạ mà nói : - Già này thoát khỏi thân cáo đồng rồi, trú ở hốc núi ngoài kia. Dám xin Hòa Thượng theo lễ tăng chết mà thiêu

xác cho. Hòa Thượng bèn gọi thầy cả báo cho tăng chúng biết sau bữa ăn sẽ đưa đám cho một ông tăng mới mất. Mọi người đều xôn xao bàn tán : 'tại viện Niết Bàn, mọi người đều bình yên mà cũng không ai đau yếu gì ráo, tại sao lại có chuyện ấy ? Sau bữa ăn, Hòa Thượng dẫn tăng chúng quanh ra sau hốc núi, cầm gậy khêu ra một xác chồn chết rồi làm lễ thiêu » (câu truyện được trích trong một tác phẩm của Thầy Tuệ Sỹ, lâu ngày người viết không nhớ tên tác phẩm).

Ấy đây, chỉ lệch một từ mà ý đi xa vời vợi để họa phúc theo đây mà dài lâu thăm thẳm. Chúa Jésus đã bảo : 'Vì quả thật, ta nói cùng các người, nếu các người có đức tin bằng hạt cải, sẽ bảo núi này rằng : 'Hãy dời từ đây quá đó' thì núi sẽ dời đi và không có sự gì bất năng cho các người cả' (Ma : 17-20). Một chút đức tin bằng hạt cải thôi, nhỏ bé quá mà, ấy thế mà quyền năng của ta lớn lao biết mấy.

'Một lời vu thác' !

Vâng chỉ một lời vu cáo nhỏ bé, vu vơ, thế mà bao nhiêu gây đổ, tan nát cho bao nhiêu người... và để thành tựu một áng văn tuyệt tác cho dù chỉ là phóng tác.

Nhưng tên bán tơ là ai ? Chỉ biết nó hành nghề bán tơ thôi. Tên tuổi nó không thấy nói, xuất xứ của nó cũng không thấy nói. Một tên vô danh, một tên tâm thường, chẳng ai để ý.

Nó quan hệ với nhà Kiều thế nào ?

Nó quen biết với Vương Ông ra sao ?

VUI TAO NGỘ

Họa theo bài *NÓI NHỊP CẦU*

Của *LÊ NGỌC KHA*

Có dễ gì mà nhận được nhau
Khi xa quê Mẹ nửa vòng cầu
Câu thơ đưa lối tìm ra ngọc
Lời phú dẫn đường kiếm được châu
Trên án đèn giảng mừng hơn hờ
Ngoài hiên hoa nở giải bi sầu
Núi tay siết chặt tình thân ái
Lưu lại bên đời dấu ấn sâu

Trần Quốc Phiệt

HẠNH NGỘ

Họa

Hai người hạnh ngộ đứng bên nhau
Cơn gió mùa thu khéo bắc cầu
Tháng tốt lên non tìm ngọc thạch
Ngày lành xuống biển kiếm trân châu
Mối duyên thi hữu không còn tủi
Tình nghĩa văn nhân đã bớt sầu
Gần nửa đời hư chưa lạc điệu
Cội nguồn hình ảnh đó in sâu

Phan Khâm

Nó có thường lui tới nhà Kiều không ?

Nó không họ hàng, thân thuộc, không quan hệ với Vương Ông trong một mưu sinh nào cả. Nó hoàn toàn xa lạ.

Lời nó vu oan thế nào ? Điều nó vu oan ra sao ? Hoàn toàn không rõ. Nó đến cửa quan tố cáo hay chỉ nói bâng quơ đầu đó rồi cửa quan nghe được, chụp lấy cơ hội, bắt tội Vương Ông? Trong sách không một mảy may đề cập. Tên lại già chỉ tiết lộ qua loa: *Tên xưng xuất là thằng bán tơ*.

Nó vu thác Vương Ông vì lý do nào? Nó ganh ghét, tỵ hiềm sự giàu có của Vương Ông chăng? Nó muốn cưới Kiều hay Vân mà Vương Ông không thuận chăng? Nó có bị Vương Ông bạc đãi gì không? Nó thiếu tiền Vương Ông mà muốn quy tợ chăng? Nó bán tơ giả cho Vương Ông, sợ Vương Ông tố cáo nên ra tay trước, phải chăng? Nó, tự nó đặt điều vu cáo hay do ai xúi giục, do ai chủ mưu hay nó ăn tiền của ai? Gia đình Vương Ông có hành động nào phi pháp chăng? Gia sản, tiền tài Vương Ông có xuất xứ phi nghĩa không? Tính tình, cách ăn ở, thái độ, cách đối xử của Vương Ông và gia đình không được lòng mọi người chăng? Có gây ra xích mích, thù hiềm với ai không?.. Toàn tác phẩm chẳng một chi tiết nào cho biết.

Vương Ông, Vương Bà là người hiền lành, lương thiện. Gia đình chỉ vào bực trung. Gia đình không đông mấy: một trai, hai gái, cuộc sống không vất vả, lao đao. Con cái lại tốt, còn nhỏ tuổi, khuôn phép, nề nếp, chưa giao du nhiều. Như vậy, chẳng có lý do gì để gia đình Vương Ông bị dư luận dèm pha, đổ kị, ghét ghen.

Tóm lại, chỉ vì một cơ sự con con, vô nghĩa mà bao đau thương xảy ra, bao đoạn trường oan khốc phủ trùm lên cuộc đời cô gái tài hoa, son trẻ để chúng ta khóc than cho số kiếp nàng, cho vận mệnh hồng nhan, cho cả chính chúng ta trong dòng đời nghiệt ngã. Chúng ta tức giận, căm thù, khinh bỉ bọn sai nha, bọn Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Khuyển Ưng, Hồ Tôn Hiến, cả Hoạn Thư tàn ác ; chúng ta không hề nghĩ đến tên bán tơ, đến cái sự việc băng qơ đầu tiên đã dày dạn cả cuộc đời Kiều.

Nguyễn Du chỉ cho biết qua loa, hời hợt, băng qơ qua đôi dòng, hoàn toàn không nhắc lại. Nguyễn Du không để ý điều này sao? Hay cho đây là sự vụ tầm thường, không đáng lưu ý. Điều này khiến ta suy nghĩ.

Cô Kiều cũng như quên hẳn sự việc này. Kiều than van, oán trách những kẻ gây ra điều đứng cho nàng nhưng không lời nào nhắc đến tên bán tơ. Kiều không nghĩ phải làm sao bắt được tên bán tơ để mình oan cho cha nàng, để ‘trả thù’ cảnh gia đình tán gia bại sản và ‘trả thù’ cho mình đã vì nó mà kiếp đời bèo dạt hoa trôi. Lúc đền ơn, trả oán, nàng cũng không hề nghĩ đến nó. Có thể nó đã chết, nó đã tha phương cầu thực nơi đâu rồi. Trong danh sách những kẻ đã gieo tạt họa, đau thương cho đời nàng, nàng không lời nào nhắc đến tên bán tơ. Nàng quên nó chăng? Hay nàng cho đây là ‘tai bay vạ gió’, một sự việc ngẫu nhiên do Trời? Mà nếu là do Trời thì

còn oán trách, trừng phạt làm gì những kẻ kia vì những oan nghiệt mà bao kẻ ác tâm, hung bạo trút đổ vào nàng chỉ là đương nhiên vì do Trời. Điều này khiến ta suy nghĩ.

Cả tác, giả, cả Kiều, cả mọi nhân vật trong truyện, cả Sư Tam Hợp khi giải thích những trầm luân của đời Kiều cũng không hề nhắc đến bán tơ, thủ phạm chính đã đưa Kiều vào luân lạc, truân chuyên. Điều này khiến ta suy nghĩ.

Suy nghĩ như thế nào?

Suy nghĩ về cái cơ sự vô nghĩa, về cái nhân vật vô danh đã gây bao đau biển trầm luân cho số kiếp con người, cho dòng đời diễn biến hỗn mang. Cũng xin đừng nghĩ tên bán tơ trong truyện là ‘Ông Trời già, Trời trẻ, Trời con’ hoặc đũa trẻ nít nghịch ngợm, ông Tào Hóa, Hóa Công, ông Thọ Trời để rơi vào quan điểm ‘Định mệnh siêu hình’ hay ‘Định mệnh lịch sử’ với một đấng Thượng Đế hữu ngã, một Phạm Thiên, một Jéhovah, một Yhavé, một Allah, một đấng Tối Linh nhân hình nhân ảnh nào đấy.

Suy nghĩ về cái cố ý quên, cái cố ý không nhắc đến, cái lập lờ bỏ qua của Nguyễn Du; suy nghĩ về thái độ của Kiều, của cả chúng ta hầu như không mảy may chú ý đến cái sự vụ nhỏ bé nhưng lại là đầu tiên, cái nguyên nhân tiên khởi, nguồn gốc mọi khổ đau, tan nát của cuộc đời, của hiện hữu tại thế.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới hiểu dụng ý của Nguyễn Du trong tác

phẩm. Suy nghĩ như thế, ta mới vỡ lẽ ra tại sao Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm phóng tác của mình là **‘Đoạn Trường Tân Thanh’** (mà không đặt một tên khác như ‘Kim-Vân-Kiều tân truyện’ hay ‘Kim-Vân Kiều thi truyện’) và chỉ phóng tác quyển ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm tài nhân, một quyển tiểu thuyết cùng một tác giả tầm thường của Văn học Trung Hoa mà không phóng tác một tác phẩm nào khác sáng giá hơn. Suy nghĩ như thế, ta mới thấy ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ (thông thường được gọi ngắn gọn là Truyện Kiều) không giản dị là một tác phẩm thơ, một quyển tiểu thuyết như bao sách khác. Nó mang chở một cái ‘nhìn mới’, một ‘ý nghĩa mới’ về cuộc đời, về hiện hữu tại thế, về tấn bi kịch của cuộc sống thế gian,

Suy nghĩ như thế, ta mới phần nào hiểu được **‘cái khóc của Nguyễn Du’**, cái ‘khóc’ mà Nguyễn Du hầu như thách thức người đời : *‘Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như’*. ‘Khóc Nguyễn Du’ là ‘khóc cho cuộc sống, cho thân phận ông’ hay ‘khóc như Nguyễn Du đã khóc’, ‘khóc cái khóc’ của Nguyễn Du ? Nguyễn Du khóc ai, khóc gì và khóc ra sao ? Nguyễn Du không khóc riêng cho lẽ ‘hồng nhan bạc mệnh’ ứng vào Kiều, không khóc riêng cho lẽ ‘Tài mệnh tương đố’; Nguyễn Du không khóc riêng cho cảnh truân chuyên trôi nổi của dòng họ mình, không khóc riêng cho thân phận ‘sinh bất phùng thời’ của mình, không khóc riêng cho cảnh sống nghèo

nàn, cơ cực của mình và gia đình, không khóc riêng cho lẽ ‘không trọn tình, trọn nghĩa’ với tiên triều (nhà Lê) cũng không khóc riêng cho cảnh nước tang thương và bao bao cảnh khổ khác của thế gian. Nguyễn Du khóc chung cho tất cả những thứ đó, những thứ đó, theo Nguyễn Du là những Đoạn trường cũ, những **‘đoạn trường cựu thanh’**, những đoạn trường xưa nay ai cũng đã từng trải chịu, ai cũng đã từng ta thán, than van. Nhưng Nguyễn Du đã nhìn những ‘đoạn trường cựu thanh’ đó theo một cái ‘nhìn mới’ nên đặt nhan đề tác phẩm là **‘Đoạn trường tân Thanh’**, ‘tiếng kêu mới về đoạn trường’ có nghĩa là *‘cái nhìn mới về mọi đau khổ của dòng đời’*. Và do cái ‘nhìn mới’ này mà Nguyễn Du đã giải bày cho ta rõ **‘đau khổ do đâu, diễn tiến như thế nào và đưa dẫn cuộc sống con người về đâu’**. Nguyễn Du đã hiểu đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng và có thể cả đạo Chúa (có thể Nguyễn Du đã nghe qua về đạo của Chúa Jésus đã được phổ biến ở nước ta vào thời Trịnh, Nguyễn) ở tầng cao hơn bao đệ tử của các Ngài và chúng ta trước nay. Và từ đó, ta thấy được ngôn ngữ Đoạn Trường Tân Thanh chính là tư tưởng Nguyễn Du, chính cái Tư Tưởng mà Nguyễn Du muốn nói.

Tư tưởng gì ? Không phải đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, đạo Chúa theo lối hiểu trước nay, không phải cái lẽ Tiên định trớ trêu, không phải cái Triết lý hiện sinh phi lý, bi đát, không phải cái hiện thực xã hội phong kiến thối nát như thường được

hiểu . Tất cả những thứ đó đều có nơi Đoạn Trường Tân Thanh nhưng không là chủ yếu. Cái ‘*sợi chỉ xuyên suốt*’ tác phẩm không là những thứ đó mà là cái Tư tưởng bao trùm suốt tác phẩm, cái Tư tưởng đó là cái nhìn của Nguyễn Du về hiện hữu tại thế, về cái lẽ huyền nhiệm đã sinh thành và chi phối cùng hướng dẫn sự sống thế gian.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thông cảm cái tâm sự bù ngùi lê thê u uất , dằng dặc trong lòng Nguyễn Du từ ngày cả ở đất Bắc cho đến lúc về dưới chân Hồng Lĩnh, ngao du suốt 99 ngọn núi này hay lúc ra làm quan với triều Nguyễn ít nói, ít bàn quốc sự, cho đến lúc ốm không chịu thuốc thang, lúc chết không một lời trần trối.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thấy cái sâu xa của Nguyễn Du đã đi trước thời đại, đã nhìn ra lý do nào đã khiến ‘*cuộc sống, cuộc đời là bể khổ*’ để từ đó nhận ra cái ‘cô đơn’ suốt mặt của thiên tài, cái cô đơn của nhà tư tưởng, của con người ‘*thiên tuế trường ưu vị tử tiên*’ (câu thơ trong bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du, tạm dịch : ‘*trước khi chết vẫn lo chuyện nghìn sau*’).

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới hiểu ra cái ‘*màn hài kịch*’ (!?) có hậu của đoàn viên Kim-Kiều mà những nhà phê bình trường phái xã hội chủ nghĩa cho là một thứ ‘*hạnh phúc không hương, không sắc*’ và mới hiểu ra lời Kiều ‘*tương tri đường ấy mới là tương tri*’.

Suy nghĩ về những cái đó, ta mới thấy được cái ‘*tiếng vui*’ mà Nguyễn Du

muốn trao gửi đến chúng ta qua lời thơ bi lụy, qua câu chuyện ai oán, nào nề. Và tại sao Nguyễn Du lại ‘không vui’ (hay chưa thể vui) trong tiếng Vui đó.

Ôi Nguyễn Du ! Người đã không vui trong tiếng Vui của Người ! Tại sao ? Đòi người ngán người, nhân sinh bách tuế vi kỳ ! Trăm năm giấc mộng kê vàng, bao nhiêu đời đời dâu biển

‘*Trăm năm trong cõi người ta,*

Tài là tài một, mệnh là mệnh chung’, (nt)

Thì thôi, đành vậy :

Tiếng thơ bi thảm độ người trầm luân !

Vui xa đánh đổi buồn gần

Đi vào sinh tử mấy phần tử sinh ...(nt)

để hy vọng nhân gian sớm khỏi phải huyệt chân trên chiếc đồng hồ báo thức.

Nhưng... buồn sao, thế gian - người Việt nói riêng - không hay chưa nhìn ra cái tiếng Vui đó để mãi mãi quần quanh tạo nên sầu buồn, tê tái, khổ đau, trút đổ cho nhau bao oan khiên, nghiệt ngã trong tất cả mọi hoạt động mưu sinh từ lời ăn, tiếng nói đến thái độ, việc làm, nghĩ suy, hành động,... từ chính trị, kinh tế, khoa học đến tôn giáo, văn học, nghệ thuật đến cả... tình yêu nữa ! Than ôi !!

TB : Người viết nghĩ rằng và có phần nào xác quyết rằng mọi bình phẩm khen chê Đoạn Trường Tân Thanh trước nay chỉ mới nói lên một số phần ‘ngoại diện’ chứ chưa thực sự đi sâu vào cốt tủy của tác phẩm. Theo người viết, Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng, một kiệt tác của Văn học Việt Nam và của chung thế giới.

ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ

SOẠN GIẢ: L.S. NGÔ TĂNG GIAO

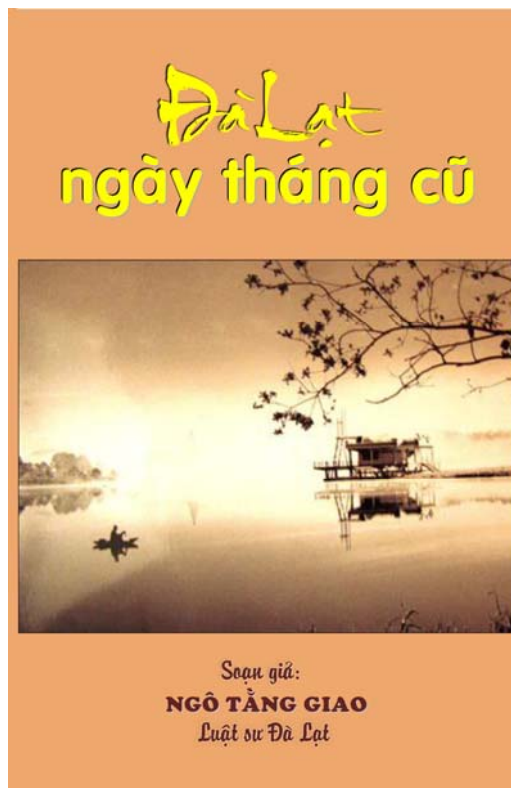
Giới thiệu: G.S. Phạm Trọng Lê

...như bộ ngực tràn căng sức sống của một cô thiếu nữ xinh đẹp khỏa thân nằm giữa hướng lên trời xanh trong những ngày nắng hanh vàng...

Xin thưa ngay để quý vị khỏi ngỡ rằng đây có lẽ là một đoạn văn “giật gân”. Thực ra câu này tả hai ngọn đồi Lang Biang ở trang 13 tiểu mục “Cao nguyên Lang Biang và huyền thoại” trong cuốn sách **Đà Lạt Ngày Tháng Cũ** của luật sư Ngô Tăng Giao. Cuốn sách xuất bản lần đầu tháng 9, 2010, dài 320 trang. Lần tái bản này vào tháng 3, 2016 có thêm hơn 100 trang, tổng cộng 430 trang.

Nhìn tổng quát, tập sách này phần đầu nói về lịch sử Đà Lạt, các thác nước, các hồ, những dinh thự, công sở, trường học, trường võ bị Đà-Lạt, chợ, nhà thờ, nhà ga, khách sạn, những villas, các tiệm ăn nổi tiếng, gồm một tổng hợp những bài viết của trên 150 tác giả văn thi nhạc sĩ và nhiếp ảnh gia, mà trong số đó một số tác giả quý vị đã quen thuộc, một số không còn ở với chúng ta. Mặt khác, đây cũng có thể coi như một tuyển tập, một bó hoa thời thanh niên, một **anthology** gồm những

đoạn văn thơ, nhạc, hồi ký, khảo cứu, du lịch thám hiểm, huyền thoại của



những văn, thi, nhạc sĩ có kỷ niệm với Đà Lạt.

Mở đầu là những đoạn về bác sĩ Alexandre John-Émile Yersin, vị bác sĩ

gốc Thụy sĩ tốt nghiệp y khoa năm 25 tuổi, làm việc trong phòng thí nghiệm với bác sĩ Louis Pasteur. Bác sĩ Yersin năm 1894 lúc ông 27 tuổi khám phá ra vi trùng bệnh dịch hạch, và để ghi công trạng của ông, vi trùng bệnh này được mang tên ông. Trước đó 4 năm ông xin làm việc cho hãng tàu biển Messageries Maritimes ở Marseille, thường ghé qua Saigon - Hải Phòng - Nha Trang. Ông cũng là một nhà thám hiểm explorateur có công tìm ra cao nguyên Lang Biang, sau này là thành phố Đà Lạt. Cũng nên nhớ là viện Pasteur DaLat, và trường học ngôi đỏ mang tên ông, Lycée Yersin. Hãy nghe ông ghi trong sổ hành trình khi vừa khám phá ra ngọn đồi Lang Biang còn hoang sơ:

“3:30 chiều ngày 21 tháng 6 năm 1893, cao nguyên Lang Biang rộng lớn trơ trụi lồi lõm, phủ đầy cỏ...Núi Lang Biang đứng sừng sững trước mắt như một hòn đảo và dường như càng lùi xa khi chúng tôi tiến tới...Nhiều đàn nai để chúng tôi đến gần độ trăm mét rồi vụt chạy, thỉnh thoảng còn ngoái đầu nhìn lại chúng tôi một cách tò mò...” (tr.7)

Tên Đà Lạt do Yersin nghĩ ra. Đà-lạt hay Đà Lạt, hay Dalat có nghĩa là “Da Lat: suối của người Lat (M’Lates nghĩa là Lạch).

“Dat Aliis Laetitiarum Aliis Temperiarum” (DaLat là góp lại từ 5 mẫu tự đầu của năm chữ Latin mà nghĩa là “Cho người này niềm vui, cho người kia sự mát dịu.”) (tr. 8)

Dalat cũng được toàn quyền Đông Dương thời b.s.Yersin lúc đó là Paul Doumer—mà tên ông được đặt cho cây cầu nổi tiếng bắc qua sông Hồng hà dẫn vào Hà-Nội, cầu Long Biên—ban hành nghị định lập tòa công sứ đặt tại Di Linh và hai trạm hành chánh phụ thuộc tại Tánh Linh và Lang Biang là tiền thân của thành phố Đà Lạt sau này. (p. 5.)

(=>Từ đây trở xuống, trong bài này, số trang dẫn đọc giả đến tên bản nhạc, tên nhạc sĩ, lời bản nhạc, tên tác giả bài thơ hay đoạn văn trích trong cuốn sách).

Như vậy, với mục đích ban đầu làm nơi nghỉ mát cho người Pháp, toàn quyền Paul Doumer, và sau này toàn quyền Decoux, đã cử sang những nhà kiến trúc giỏi để xây nhà thờ, trường học. Và chúng ta có thành phố Đà Lạt với một nếp sống có nề nếp trật tự, nhà cửa xây cất khang trang quyến rũ với những biệt thự bao quanh bởi hàng rào trồng hoa hồng.

-Những bản nhạc mang chủ đề Đà Lạt

Soạn giả ĐLNTC dành riêng một chương cho nhạc sĩ Hoàng Nguyên tên thật Cao Cự Phúc, tác giả bài nhạc “Ai Lên Xứ Hoa Đào” (tr. 166).

Ngoài ra còn ít nhất 13 bài nhạc có kèm lời bản nhạc tất cả có chủ đề Đà Lạt. Đó là những nhạc phẩm:

2. Hoàng Trọng, Hồ Đình Phương: Nhớ về Đà Lạt, tr. 368
3. Anh Bằng: Đà Lạt xa nhau, tr. 335
4. Văn Trí : Hoài thu, p. 43

5. Vũ Đức Nghiêm: Gọi người yêu dẫu, tr. 308
6. Phạm Mạnh Cường: Thung lũng hồng, 110
7. Vũ Thành An: Bài không tên số 14, tr. 147
8. Lam Phương: Đà Lạt cô liêu, tr. 316
9. Diệu Hương: Đà Lạt trong niềm nhớ, tr. 358
10. Duy Khánh: Giã từ Đà Lạt, tr. 371
11. Lê Uyên Phương: Bên Hồ Than Thở, tr. 124
12. Hồng Vân: Đồi thông hai mộ, tr. 123
13. Miên Du Đà Lạt: Đà Lạt chờ nhau trong mơ, tr. 310
14. Nguyễn Vũ: Bài Thánh ca buồn, tr. 206-207.

-Trong tập Đà Lạt Ngày Tháng Cũ có nhiều bài thơ và thơ dịch:

-Thơ của soạn giả Tâm Minh Ngô Tằng Giao: tr. 42, 43, 220 (chuyển dịch thơ của sư Viên Thức từ tiếng Anh sang tiếng Việt), tr. 98 (“Dùng chân quán nhỏ”), tr. 107 (“Đường hoa”), tr. 137 (“Sang mùa”), tr. 153 (“Lan Giã Hạc”), tr. 161 (“Lắng đọng”), tr. 221 (“Xuân lữ thứ”), tr. 222 (dịch bài thơ “Dalat lointain” từ tiếng Pháp của nhà thơ Thẩm Diễm Hoa), tr. 413 (“Tình người phố núi”).

-Thơ Việt Trang (Phạm Gia Triếp), tr. 38-39, “Đà Lạt vào xuân”, vào hạ, vào thu, vào đông, tr. 40-41, (“Hồ Than Thở”) tr. 124

-Thơ Nguyễn Sỹ Tế, (“Thành phố lạ”) tr. 95

NGƯỜI EM PHỐ NÚI

Em thuở đó nụ hồng bên song cửa
 Hồn mộng mơ thích ngắm hạt sương rơi
 Đồi phố núi lặng buồn như cỏ úa
 Dốc mù sương người phiêu bạt phương trời !
 Dãy núi thẳm, ngọn đồi xưa hoang phế
 Chim chiều bay biền biệt dấu chân mây
 Rừng thay sắc dòng thời gian vẫn thế
 Thác ghềnh reo con suối nhỏ vui đầy.
 Đồi nhón nháo cuộc nhân sinh hối hả,
 Em từ bi chịu bao nỗi gian truân !
 Dòng chảy ngược sông Dakbla buồn bã,
 Về nơi đâu em gọi hết bụi trần ?
 Mây đỉnh núi nắng hoàng hôn lóng lánh
 Đêm sương đầy nhìn thung lũng trầm phiêu.
 Nhớ bản thượng tiếng cồng chiêng ngân tỏa
 Phố vắng em hàng cây rũ tiêu điều!

ĐỔ BÌNH

-Thơ Bùi Thanh Tiên, (“Đà Lạt và nỗi nhớ”) tr. 395

-Thơ Hoàng Bạch Mai, (“Nhớ về Đà Lạt”) tr. 399

-Thơ Miên Du Đà Lạt, (“Đà Lạt chờ nhau trong mưa”) tr. 310-312

-Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung (Virginia), (“Bên hồ Than thờ”) tr. 121, (“Đường chiều Đà Lạt”) 208-209

-Thơ Vi Khuê, (“Hoa đào”) tr. 161

-Thơ Hồng Thủy (“Lời ước đầu năm”), tr. 285

Và nhiều thi sĩ nổi tiếng khác.

-Những đoạn văn /giai thoại

Đỗ Văn, cựu biên tập đài BBC, (tr. 316); giai thoại về thi sĩ Quách Tấn và thi sĩ Hàn Mặc Tử (tr. 102); Alan Phan (tr. 32-33); nhạc sĩ Phạm Duy (tr. 292); nhạc sĩ Hoàng Nguyên (tr. 166); nhà văn Hồng Thủy, tr. 284-285; nhà văn Nguyễn Thị Hoàng trong “Vòng tay học trò” (tr. 55). Sau đây là vài mẫu chuyện dí dỏm:

- Nhà văn Nguyễn thị Ngọc Dung, tr. 280: “Tôi đã học lớp sơ cấp làm vợ từ đêm tân hôn và tuần lễ trăng mật ngắn hơn dự định trên thành phố Đà Lạt. Người vợ học trò cứ ngỡ cái nghĩa trăng mật thơ mộng hơn lên phòng ngủ, xuống phòng ăn, ra phố chợ rồi lại về khách sạn. Chúng tôi không đi ngoạn cảnh xa ngoài mấy bước dạo bên hồ Xuân Hương. Không một hình kỷ niệm được chụp như tôi nghĩ trước ngày cưới. Có một lúc tôi đã ngúng nguẩy đi lên sân thượng của khách sạn nhìn ra bốn phía cao nguyên lao la. Ngọn Lang Biang xanh ngắt vẫn mơ màng trong làn mây phủ trắng. Nguyễn để tôi ngắm cảnh một mình, ngắm chán phải xuống phòng.”

Tuy nói thế nhưng có lẽ “giận thì giận” mà có lúc “thương thì vẫn

thương” nên khi sau khi cô gái đã “tốt nghiệp khóa học làm vợ” và có dịp từ Sài Gòn lên thăm chồng tại trường Đại Học Quân Sự ở Đà Lạt một buổi nào đó cũng được NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ghi nhớ và tường thuật lại một cách hào hứng với nhiều dấu ấn không kém phần thích thú xen lẫn “hồi hộp”:

“Một cái giường sắt nhỏ bên cửa sổ. Đây đó, vài cái khác trông hay có người nằm, ngồi trong phòng ngủ chung rộng lớn của quân trường. Nguyễn xách cái va-li nhỏ và ôm eo tôi:

-Đi lại giường anh ngồi cho đỡ mỏi chân...

Nguyễn ngã người trên giường, một tay chống đầu, một tay vuốt tóc tôi:

-Em nằm xuống đây nghỉ với anh.

Tôi nhìn xung quanh:

-Kỳ quá anh, không được!

Nhưng Nguyễn đã nhanh tay kéo tôi ngã xuống bên chàng và tung chăn trùm kín cả hai. Nguyễn bắt đầu ôm hôn, sờ soạng vợ lia lịa. Tôi càng chống cự, chàng càng tham lam. Tôi trở sang thế thụ động, nằm yên để Nguyễn dụ con sôi động. Tôi thì thầm:

-Đừng! anh ơi, đừng! Thấy mình lực đục trong chăn người ta cười cho. Anh làm tới, lát nữa em phải đội cái chăn này đi ra cửa đấy. Xấu hổ chết mất!

Quả nhiên, ngọn núi lửa hạ hỏa dần, không đòi phun nhám thạch bất tử. Thoát giây hút gay cán, tôi thỏ thẻ dò hỏi Nguyễn, vẫn trong chăm tùm hum tói:

-Thế các bà, các cô khác vào thăm, các ông cũng làm thế này ư?

-Bây nào, không phải vợ, ai dám ầu...
Nguyễn mở chần lên và đóng sập
xuống ngay:

-Chúng nó ngòì đầy ra xung quanh
nhìn mình đây này!

Giấu mặt vào ngực Nguyễn, tôi
hốt hoảng:

-Anh hại em quá. Bây giờ phải làm sao?!

Nguyễn xoa lưng tôi thích thú:

-Anh nói giỡn vậy thôi. Chúng nó
thấy mình lục đục đã lảng hết rồi.

-Lại còn chuyện đồng lõa nữa. Khiếp
các ông quá!" (tr. 281)

-Ca sĩ Khánh Ly tâm sự về những
năm sống ở Đà Lạt:

"Vũ trường đóng cửa, ai muốn đi ăn
đêm thì thường chạy tới tiệm xôi gà
trước mặt khách sạn Thủy Tiên, sau
lưng tiệm bánh mì Xương Ký đầu con
dốc Hàm Nghi. Chủ quán là cặp vợ
chồng trẻ, con ông bà Bắc Hương com
tám, giò chả nằm gần café Tùng...Nhiều
đêm, vừa thấy mặt tôi, cô vợ da trắng,
má hồng cười như hoa nở, hét toáng
lên...Đùi Khánh Ly...Phao câu Khánh
Ly...câu rao ngăn gợn làm ai cũng quay
lại nhìn tôi cười. Và tôi không hề cảm
thấy ngượng ngùng, sà ngay vào hàng
cầm chiếc đùi gà, miếng phao câu béo
ngậy, đĩa xôi trắng dẻo thơm phức mờ
hạnh. Ở một thành phố nhỏ như Đà Lạt,
ai cũng biết mặt nhau, tr. 75.

-Giai thoại "Bài thánh ca buồn":
Nhạc sĩ Nguyễn Vũ nói về bối cảnh bài
hát, tr. 206-207:

"Thuở tôi là một cậu bé 14 tuổi ngày
đi lễ ở nhà thờ Con gà (TP. Đà Lạt), sở

đĩ tôi "chịu khó" đi lễ bởi vì phát hiện
ra một cô gái rất xinh và ngoan đạo mỗi
ngày vẫn đi ngang qua ngõ nhà tôi để
đến nhà thờ. Trái tim vụng dại của
thằng con trai mới lớn đập loạn nhịp
trước bóng hình thiếu nữ tóc bồng bênh
trong gió cao nguyên...Tôi được biết cô
ấy tên Th., lớn hơn tôi 2 tuổi..."

Thế rồi một buổi chiều gần lễ Giáng
Sinh, tan lễ thì trời đổ mưa, cô ấy nép
vào một mái hiên trú mưa, tôi cũng ...trú
tạm bên cạnh, hai người đứng cách nhau
độ một gang tay. Lẫn trong tiếng mưa
vang lên giai điệu của bản thánh ca
"Đêm thánh vô cùng" (Silent Night)
văng ra từ ngôi nhà gần đây: "Đêm
thánh vô cùng/Giây phút tung bưng/ Đát
vời trời se chữ đồng..." Cô đưa tay hứng
những giọt nước mưa và khe khẽ hát
theo. Tôi thấy lặng người. Giọng ca cô
ấy buồn da diết. Tự dưng tôi cảm thấy
run, khẽ đưa tay vuốt nhẹ những hạt
mưa bụi li ti bám bên ngoài chiếc áo của
cô ấy. Cô ấy bất chợt quay sang tôi
nhoén miệng cười: Cảm ơn ghen!"

Mưa tạnh, "người trong mộng" đã
khuất dạng tự bao giờ mà thằng con trai
mười bốn tuổi vẫn còn đứng ngẩn ngơ...

"Ôm hình bóng ấy cho mãi đến 14 năm
sau, tình cờ nghe lại "Đêm thánh vô
cùng" từ chiếc máy đĩa, bỗng dưng cảm
xúc từ một mối tình thánh thiện, hồn
nhiên như trẻ thơ--tương như đã vùi sâu
dưới lớp bụi trần thời gian-- chợt ùa về
trong ký ức, thôi thúc tôi và "Bài thánh
ca buồn" ra đời."

Bài thánh ca đó còn nhớ không em. Noel năm nào chúng mình có nhau. Long lanh lạnh sao trời đẹp thêm đôi mắt. Áo trắng em bay như cánh thiên thần. Giọt môi hôn dưới tháp chuông ngân...

Thác nước:

-Thác Prenn sát quốc lộ 20 gần cửa ngõ vào Đà Lạt, cách Đà Lạt 12 km về hướng nam, nằm trên đồi Prenn

-Thác Gougah cách Đà Lạt 37 cây số, phong cảnh thanh nhã, cây cỏ um tùm xanh tươi, hùng vĩ, còn có tên thác Ô Gà.

-Thác Pongour, cách Đà Lạt 50 km, hùng vĩ nhất tỉnh Lâm Đồng, cao nguyên Lâm viên, một trong những thác đẹp.

-Thác Cam Ly: cách khu Hoà Bình khoảng 2 km gần trung tâm Đà Lạt nhất

-Thác Datanla: Suối Tiên, cảnh trí hấp dẫn.

-Thác Jraiblian còn gọi là thác Bảo Đại vì xưa nhà vua thường đi săn qua vùng này và thường nghỉ chân sau những ngày đi săn.

Hồ

-Hồ Xuân Hương, xưa có tên Grand Lac, rộng 32 ha, sâu 1,5 m, nằm trên độ cao 1478 m là trái tim của thành phố Đà Lạt, vào dịp Noel đến tết nguyên đán là mai anh đào nở rực ven hồ, (tr. 115).

-Hồ Tuyền Lâm.

-Hồ Than Thở (lac des soupirs) les soupirs du vent dans les bois, tiếng gió thổi trong rừng cây nghe như lời than thở. Nghe đâu ngày xưa viên tướng

Hoàng Tùng thời Tây sơn, và người yêu Mai Nương thường dẫn nhau ra bờ hồ tâm tình. Nghe tin thất thiết người yêu tử trận, Mai Nương gieo mình xuống hồ tự trầm. Sau Hoàng Tùng bị triều Nguyễn trả thù, lánh nạn đến hồ rồi trầm mình theo người yêu.

-Hồ Đa Nhim (Đập Đa Nhim) (=“nước mắt”).

Hoa, rau, quả

-Thiên Hương, tr. 366

“Từ ngày bước chân ra nước ngoài, mỗi lần trộn đĩa rau xà lách hay súp soạn rau ăn kèm với bún, với thịt, tôi luôn luôn ngùi ngùi nhớ đến những cây rau Đà Lạt... Một số rau quả của Đà Lạt có những mùi vị không thể tìm thấy ở Mỹ. Canada, ở Úc và ngay ở các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam.”

-Trịnh Thanh Thủy, tr. 370

“Từ ngàn xưa hình ảnh những cặp tình nhân đã gắn liền với đất trời Đà Lạt, nên mỗi khi nói đến đi hưởng tuần trăng mật người ta liền nhớ đến nơi này. Khung cảnh thơ mộng, khí hậu mát lạnh của Đà Lạt rất thích hợp với tình yêu...”

-Vài khuyết điểm:

Nhận xét sau đây để sửa lại khi tái bản.

Chính tả:

“Trong cuộc chạm chán này cả Yersin lẫn toán kháng chiến quân đều bị thiệt hại nặng”, tr. 8.

-Quản Thụy Hoài, (“Bài thơ hoa cho Em”), tr. 158-159

“Màu tím Lavende” (lẽ ra: Lavande)

“Những cây hoa Cocorico đủ màu như bướm” (lẽ ra: coquelicot, cây mào gà; cocorico, tiếng gà gáy)

-Thiên Hương: “những quả đậu couvert xanh ngắt”, tr. 367. (lẽ ra là: Haricot vert: âm cot trong haricot đọc nối với âm vert trong vert, màu xanh, thành tiếng Việt “đậu ‘cô-ve’--đậu xanh”; hiểu nhầm thành couvert, che phủ, đậy, đội, mặc, từ động từ couvrir).

-Tr. 311, trong bài thơ của Miên Du “Đà Lạt chờ nhau trong mưa” có câu: “Bao lần mở khi đêm về buốt giá” (lẽ ra là “mơ”).

-Châm câu

Trịnh Thanh Thủy: “Bất cứ sự phát triển nào cũng có hai mặt tiêu và tích cực. Tuy nhiên, theo tôi dù cho Đà Lạt có thay đổi đến đâu đi nữa. Tâm thức hoài cổ của cư dân ngày cũ có vằng vặc cao vợi mấy tầng đi nữa. Tình mến yêu Đà Lạt của mọi người vẫn còn nguyên đây.” (tr. 411).

(=>Dấu chấm ở cuối mệnh đề phụ thứ 1 (giữa hai chữ “nữa. Tâm”), và mệnh đề phụ thứ 2 (giữa hai chữ “nữa. Tình”) khiến câu văn què: thay dấu chấm bằng dấu phẩy).

-Có lẽ nên có thêm: Bảng chỉ dẫn tác giả và tác phẩm Alphabetical author/title index. Tuy đã có bảng tài liệu tham khảo và bảng mục lục, nhưng cũng nên có bảng chỉ dẫn tác giả và tác phẩm. Thí dụ: Trong cuốn này soạn giả Ngô Tăng Giao dịch nhiều thơ và làm nhiều bài thơ, rải rác ở nhiều trang trong cuốn sách, nên một index về tên những

bài thơ và số trang sẽ dẫn người đọc tìm dễ hơn.

Tóm tắt: Sách in đẹp, bìa màu trang nhã, khổ chữ dễ đọc, sách tiện bỏ túi áo ngoài để có thể đọc khi ngồi trên xe buýt hay xe điện ngầm. Một điểm thú vị là gỡ sách ra chỗ nào cũng có những đoạn văn thơ hay nhạc đáng đọc. Độc giả ưa thơ văn nhạc có thể coi đây như một *cuốn cáo thom* về những văn thi nhạc sĩ có kỷ niệm và tác phẩm ít nhiều gắn bó và nguồn cảm hứng với một thành phố pha trộn hài hòa giữa vẻ đẹp thiên nhiên không son phấn và những nét sống văn minh do người Pháp và những nhà hành chính và kiến trúc Việt Pháp ban đầu thành lập và xây dựng cho thế hệ sau. Soạn giả Ngô Tăng Giao được biết nhiều ở hải ngoại là một người chuyên dịch nhiều bài thơ ngoại quốc sang thơ Việt rất khéo, và cũng là dịch giả nhiều truyện Phật giáo bằng thơ lục bát. Đây là một cuốn sách nên có.

[Ấn phí: \$20 USA; \$25 CANADA, liên lạc thẳng với tác giả:

Giaongo@msn.com hay địa chỉ 45481 Caboose Terrace, Sterling, VA 20166, USA].

--Viết xong và một phần được đọc trong buổi ra mắt sách tại Trụ sở Tam cá nguyệt Cỏ Thom ở Reston, Virginia hôm 6/18/16.--PTLệ

THƠ CHO CHIM NHỎ

Ờ rồi thì con cũng sẽ đến
Như tiếng chim kêu trong cánh rừng nhân gian
Ồi làm sao ta biết được lý do nào
Con đã chọn cuộc đời
Làm chuyến hành trình khổ não

Có thể trong một khoảnh khắc tình cờ
Nắng cũng đã được sinh ra
Từ đôi mắt đỏ lệ của mặt trời
Niềm tin khai sáng từ những tiếng hát đồng
dao ngân thơ
Của những mục tử quần quanh bờ cỏ cháy
Và con... thôi hãy vì những tiếng gió reo
trên cây
Mà đến

Trong những cơn mơ bỗng bèn
Ta thấy thân xác người mẹ như đóa quỳnh
Xê dịch từng nhịp thở thời gian
Đêm nở bừng khai hoa
Và con cao khi là lòng nhụy tơ nõn tỏa
hương kỳ diệu
Của tình yêu

Cũng trong những giấc mơ bí mật
Ta thấy con cỡi trên những bạt ngàn của gió
Mà đáp xuống
Con kiêu hãnh như thế sao phải vì trần
gian mà khóc
Ời những hạt rụng nước mắt đầu đời đã
cấy lên những mầm xanh
Sự sống từ đây sẽ nhờ con mà mọc
Ta cũng sẽ nhờ con mà biết được
Ngày tháng hồi sinh
Thành phố rộn ràng thay áo mới
Tất cả sẽ vì con để tuần hoàn tiếp diễn

Con cứ đến mặc cho thế giới đang dở
chứng cuồng điên

Hoa nở từ những giọt máu sót lại của
hoàng hôn
Những ngọn lửa khơi dậy từ những tàn tro
Bài học yêu thương nhân loại vẫn cứ rền
rền rao giảng
Từ thế hệ cha đến thế hệ con
Từ những tím bầm này đến những tím bầm nọ
Và con... xin đừng hỏi tôi sinh ra để khởi
sự đau thương hay yêu thương
Cứ bước tới... hãy mạnh dạn đến bên cuộc
đời dù nắng mưa bất thường
Có những mũi tên vô tình không định hướng
Có những cơn gió dịu dàng, phần nọ, vui,
buồn, lạnh, chướng
Có những giới hạn của con người
Có những người chết mới ngậm cười
Có những người sống chẳng khác đười ươi
Có cần gì phải thắc mắc trời ơi

Cuộc đời một món xào thập cẩm
Cố nhai đi nhai lại chỉ tổ làm tê lưỡi / rụng
răng / rướm máu môi
Sẽ có lúc không buồn nhai nữa
Con người và cuộc đời đều cần đến món
thuốc xổ

Đành rằng sẽ không còn một sự lựa chọn
nào khác
Nên con cứ đến ừ thì con cứ đến
Nhưng xin con đừng tập nói tiếng loài ác
thú đội lớp người
Hãy cứ lú lo như chim nhỏ
Bài hát tin yêu
Không vướng mắc hận thù
Không nghi ngờ giả dối
Rồi cuộc đời sẽ dạy cho chim
Giông bão.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

HAI LÚA ĐI MALAYSIA

Nguyễn Quý Đại

Giã từ Singapore chúng tôi đi xe bus đến Kuala Lumpur, mỗi người trả 22 \$. Xe có máy lạnh, ghế ngồi thoải mái sạch sẽ, nhưng thiếu Toilet. (So với xe bus ở Đức thì đầy đủ tiện nghi hơn, trên xa lộ có nhiều chỗ để nghỉ). Ra khỏi biên giới Singapore du khách trình Passport đóng dấu xuất cảnh, lên xe đi tiếp đến biên giới Malaysia phải lấy hành lý, làm thủ tục nhập cảnh, Quan thuế xét hành lý rất nhanh. Hai bên xa lộ của Malaysia là



núi rừng trồng nhiều cây giống như cây dứa nhưng chưa có trái, đường rộng nhưng vắng xe du lịch không có cây xăng, hay quán ăn nhiều như bên Mỹ, dân cư thưa thớt. Thời gian dài khoảng 5 tiếng nghỉ một lần để ăn trưa, quán ăn nhanh không có gì đặc biệt, mỗi món ăn khoảng 3-5.\$ (USD). Tiền Malaysia Ringgit (MYR) 1.MYR = 4,411€. Chúng ta đừng ngạc nhiên nhưng nhân viên phục vụ, họ không đeo găng tay bốc các món như chiên, nướng bỏ vào đĩa vì họ quen ăn bốc.

Xe đến bên gần ga Kuala Lumpur, nếu gọi Taxi phải hỏi giá trước khi lên xe, xem google maps để biết bao xa? Chúng tôi chỉ tốn 5.\$ là đến Hotel (ở Phi trường Taxi chạy theo đồng hồ, nơi này có 2 hãng xe, nếu lấy xe Taxi Airport phải trả 1\$ cho quầy phục vụ, xe chạy đến nơi bấm số tiền cộng thêm 2,5\$, đi xe hãng khác thì không tính thêm tiền, dù quầy phục vụ cũng gần đó).

Phong cảnh chung quanh Hotel nhiều Shopping lớn rất sang trọng, những công trình đang xây cất là những building cao bằng kính, là nhà cho dân và văn phòng làm việc của các Cty. Buổi chiều đi dạo phố, chúng tôi gặp rất nhiều người khiếm thị, trên đường có nhiều chỗ lồi lõm mà họ cảm gậy dò đường đi được, đến khu phố bình dân, đời sống người dân còn nghèo, chung cư cũ, rêu phong, Chợ

phiên buổi sáng buôn bán giống như bên Việt Nam, tiểu thương có tiệm nhỏ trước cửa nhà, còn những người buôn gánh, bán bưng đủ các loại ngỗng dọc theo hai bên đường. Họ làm cá, làm thịt gà tại chỗ, nước đổ ra đường bốc mùi hôi, những quán ăn lụp sụp, khách ngồi trên những cái ghế thấp bằng nhựa đủ màu... Vào khu của người Ấn cũng không khá hơn những con hẻm nhỏ không khí nặng mùi cà ri, các chú Ấn bịt khăn trên đầu, ngồi bốc ăn cơm gà cà ri. Theo

phong tục người Ấn, Malaysia...

Họ có thói quen ăn bằng tay (ăn bốc), phổ biến trong tất cả các tầng lớp xã hội. Ít khi sử dụng dao, nĩa, thìa, đĩa, họ để thức

ăn lên đĩa, cầm đĩa bằng tay trái và bốc ăn bằng tay phải, ăn bằng tay trái là điều cấm kị, tay trái được coi là mất vệ sinh vì được sử dụng đến vấn đề vệ sinh... Phong tục này phổ biến cả ở Trung Đông và một số Quốc gia ở Phi châu.

Malaysia là một Quốc gia đa dân tộc và đa văn hóa. Ảnh hưởng văn hoá giữa Đông Phương và Tây Phương kết hợp với những nét đẹp của truyền thống văn hóa bản địa tạo thêm sự phong phú, đặc

điểm này đóng một vai trò lớn trong chính trị quốc gia. Hơn 60 % dân số Malaysia theo đạo Hồi. Hồi giáo được gọi là Quốc giáo, Malaysia theo quân chủ lập hiến liên bang tại Đông Nam Á, bao gồm 13 tiểu bang diện tích 330.242 km². Malaysia theo địa lý thiên nhiên bị tách làm hai phần qua biển Đông: Malaysia bán đảo và Borneo, dân số Malaysia trên 28,50 triệu. Malaysia có biên giới trên bộ giáp với Thái Lan, Indonesia, và Brunei. Biên giới trên



biên giáp với Singapore, Việt Nam, và Philippines.

Từ thế kỷ 18, các vương quốc Malaysia bị lệ thuộc vào Đế quốc Anh. Các lãnh thổ bị Anh Quốc chiếm đóng gọi là các khu định cư Eo biển. Malaysia và các bán đảo được hợp nhất thành Liên hiệp Malaya vào năm 1946. Malaya được tái cấu trúc thành Liên bang Malaya năm 1948, và giành được độc lập ngày 31.8.1957. Malaya hợp nhất với Bắc Borneo, Sarawak và

Singapore ngày 16.9.1963, danh xưng Malaya thêm chữ si thành Malaysia. Năm 1965, Singapore bị trục xuất khỏi liên bang.

Từ khi độc lập Malaysia trở thành một trong những nước có nền kinh tế phát triển tại Á châu. Kinh tế Malaysia phát triển nhờ tài nguyên thiên nhiên, ngày nay Malaysia có một nền kinh tế vững mạnh, theo GDP được xếp thứ ba tại Đông Nam Á và thứ 29 trên thế giới. Malaysia là một thành viên sáng lập của Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á, Hội nghị cấp cao Đông Á và Tổ Chức Hợp Tác Hồi Giáo và là một thành viên của Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Châu Á-Thái Bình Dương, Thịnh Vượng Chung Các Quốc gia và Phong Trào Không Liên Kết. (Tài liệu theo Wikipedia).

Thủ đô Kuala Lumpur có diện tích 243 km² và dân số hơn 1,6 triệu là nơi đặt trụ sở của Quốc hội Malaysia, các cơ quan tư pháp liên bang. Cung điện của Quốc vương Malaysia là Istana Negara. Kuala Lumpur là trung tâm văn hóa, tài chính và kinh tế của Malaysia, nhiều trường Đại học lớn đủ các ngành. Tháp đôi Petronas Twin Towers, là cao ốc nổi tiếng tại Kuala Lumpur. Từ năm 1991 công ty dầu quốc gia Petronas quyết định dự án xây dựng tháp đôi mãi đến tháng 3 năm 1993 khởi công xây đến ngày 31. 8.1999 hai tòa nhà chọc trời chính thức khai trương. Tòa tháp đôi này đã từng là tòa nhà cao nhất thế giới khi đo từ tầng trệt lên đến đỉnh cao 452 m, 88 tầng, (diện tích của một tầng là 494,3 m²,

chiều cao trần là 2,65m). Giữa tầng 41 và 42 nối giữa hai tòa tháp với một cây cầu thép / Skybridge dài 58,4 m nặng 750 tấn. Mặt tiền bao gồm 83.500 m² thép không rỉ và 77.000 m² kính, tạo thành 32.000 cửa sổ và 1.800 cửa lớn của hai tòa tháp. Trọng lượng của 1 tháp cả beton và thép khoảng 300.000 tấn. Trọng lượng nặng nề của hai tòa tháp, do sự thay thế một phần của thép bằng bê tông cốt thép, làm giảm rung động gây ra bởi gió, 16 trụ cột ngầm mỗi tháp, khi những trụ cột bị phá hủy trong hai tòa tháp, sự ổn định của Twin Towers sẽ vẫn không bị đe dọa.

Tháp đôi này là một trong 8 tháp cao nhất thế giới. Để giữ an toàn cho tháp, 5 tầng hầm bãi đậu xe có 5.400 chỗ, không nằm dưới những nền tầng của tháp, mà được xây dựng ở một bên cạnh chân tháp. Dưới tòa tháp là shopping Suria KLCC nhiều cửa hàng sang trọng và nhiều nhà hàng tha hồ chọn món ăn ưa thích, ăn kem tính bằng trọng lượng không tính bằng ly. Viện bảo tàng “Petrosains”, phòng hòa nhạc lớn 865 chỗ ngồi (Philharmonie Malaysia) phòng trưng bày nghệ thuật và hàng trăm văn phòng... Rất tiếc chúng tôi không mua được Ticket để lên trên tháp nhìn xuống Kuala Lumpur là trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính, bảo hiểm, bất động sản, truyền thông, dầu hỏa, điện tử, cơ khí và nghệ thuật... Kuala Lumpur dân cư gồm ba dân tộc chính: người Mã Lai, người Hoa và người Ấn, ngoài ra còn có người Kadazan, người Iban và các sắc tộc bản địa từ Đông Malaysia và Malaysia bán đảo.



Du lịch đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Malaysia, 8,9 triệu du khách mỗi năm đến Kuala Lumpur là thành phố đông dân nhất tại Malaysia, với dân số 1,6 triệu. Sự phát triển của Malaysia phải cần người lao động đến từ Indonesia, Nepal, Myanmar, Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, Sri Lanka, Philippines và Việt Nam. Kuala Lumpur là một thành phố tương đối trẻ so với các thủ đô Đông Nam Á khác, hầu hết các tòa nhà xây từ thời thuộc địa vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nhà thích nghi với khí hậu địa phương vốn quanh năm nóng ẩm.

Phương tiện công cộng trong thành phố rất tiện lợi, xe bus chạy miễn phí có 3 tuyến đường màu: xanh, đỏ và tím, qua các khu phố lớn, khu thương mại hay phong cảnh đẹp. Giống như loại xe “hop on hop off”, tuy nhiên phải chú ý xuống xe chuyển sang màu khác không

nằm cùng một đường phải tìm trạm xe ở một góc đường nào đó, du khách phải cầm theo bản đồ có tuyến xe bus công cộng. Các khu thương mại bán quần áo đẹp, “made in Malaysia” phẩm chất tốt giá rẻ hơn bên Singapore, thức ăn rất đa dạng không đắt lắm. Đến China Town (Petaling Street) chơi cho biết nơi này cũng không có gì đặc biệt, buổi tối khu chợ bán áo quần, nhiều người

bán hơn người mua, họ mời khách nhưng không lôi kéo, giá rẻ vì hàng phần lớn copy. Nhiều quán ăn bình dân vịt quay vàng, cánh gà chiên bơ, cá nướng... thực khách phân đông là người Tàu nhưng không bán thịt heo quay vì xứ này phân đông theo đạo Hồi. Nồi đậu hủ lớn bên bếp lửa hồng bốc mùi thơm nhưng chúng tôi không dám ăn sợ Tào Tháo rượt. Chợ trái cây đủ các loại trái cây miền nhiệt đới: chôm chôm, măng cụt, xoài, sầu riêng, dứa, mít, đu đủ... vô cùng hấp dẫn, chúng tôi ham mua ăn không hết không thể mang theo sang Úc, bên Úc xét có trái cây mang vào sẽ bị phạt ít nhất 150. AUD

Kuala Lumpur nhiều cảnh đẹp, nhưng đi chơi trong phố nóng nực mồ hôi lúc nào cũng ướt áo, chúng tôi đi vùng cao nguyên thời tiết mát mẻ dễ chịu hơn, xe bus phục vụ đi về trong ngày 2. \$ bao cả đi cáp treo lên núi cao trên đó có

Casio, giá đi rẻ như vậy để người ta đi đánh bài. Thay đổi không khí xa phố thị một ngày, nhìn núi đồi mây mù bao phủ mà nhớ về Đà Lạt với kỷ niệm đẹp của những ngày trước 1975.

Kuala Lumpur có nhiều cơ quan ngoại giao, Tòa đại sứ Myanmar/ Birma gần trung tâm thành phố, chúng tôi đến xin Visa đi Yangon, thời gian cấp visa từ 8 sáng đến 12 trưa vì tìm đường chúng tôi đến trễ 30 phút, ghi tên vào bên trong phòng đợi rất đông là người Myanmar. Hai chiếc quạt máy lớn chạy hết tốc độ nhưng không khí vẫn nóng nực, chúng tôi đến chỗ xin Visa, anh nhân viên phục vụ lịch sự cầm 4 Passport đi vào bên trong hỏi xếp vì đã hết giờ làm việc, khoảng 10 phút sau anh trở lại miệng nở nụ cười, đưa thêm 4 tờ đơn xin nhập cảnh và phải copy Passport ở quầy bên cạnh tốn 50 cent, điền đơn dán hình nộp vào phải trả 30. \$ nhưng họ chỉ nhận tiền Malaysia. Thật vui mừng 30 phút thì có Visa để đến Myanmar. (Chú ý dù quốc tịch Mỹ hay Đức đi Úc phải xin ETA “Electronic Travel Authority” tốn 14. \$, đi Cambodia/Kampuchia cũng phải có Visa tại biên giới trả 30. \$).

Từ ga chính đến Kuala Lumpur International Airport (KLIA) có thể đi

tàu điện nhanh giá 15. \$ xe bus 3. \$ (cho mỗi người), xe taxi 50. \$, nếu có thì giờ đi xe bus. Trước khi từ giả Kuala Lumpur, chúng tôi đến khu phố Tây Balô/ Backpacker (der Rucksacktourist), rất đông du khách trẻ,



đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, Hotel loại rẻ phù hợp với túi tiền cho những người thích phiêu lưu, mạo hiểm hay chưa có tiền lương cao, còn đi học... Quán ăn, quán cafe bên đường vắng khách, khu này sống về đêm như ở đường Khao San Bangkok. Cô gái nước da trắng, tóc thề tuổi ngoài 20 đứng với người đàn ông luống tuổi nước da ngăm đen, cô hỏi các bác ở Sài Gòn đi “tham quan”? Vâng, chúng tôi đến từ Munich và Houston du lịch nhiều nơi ngày mai đi Úc, thì cô giới thiệu người đàn ông đó là bạn trai người Úc sang Sài Gòn “làm ăn” quen nhau cùng đi chơi... Ông ta nói tiếng anh giọng không phải là

người Úc mà là dân nhập cư từ Châu Phi hay Trung Đông. Trông hai người như đôi đũa lệch không bằng trang lứa, chúng ta có thể cảm thông cho đàn bà Việt Nam ngày hôm nay? Họ là con “nhà lạnh” muốn lấy chồng ngoại quốc hay vì tiền?

Trong tập hợp xã hội có nhiều trình độ văn hoá khác nhau, người ta không thể vợ đũa cả nắm. Thử nhìn người Singapore, người Nhật... du lịch ra nước ngoài họ rất lịch sự, không bao giờ xảy ra nạn ăn cắp, họ có đời sống văn minh, lịch thiệp được thiên hạ kính



trọng. Tệ nạn xã hội phần lớn từ các nước XHCN, chúng tôi đi nghỉ hè ở Antalya-Alanya (Thổ Nhĩ Kỳ), Hurghada – Cairo (Ai Cập), Tunisia, thường gặp người Nga, người Tàu họ rất ôn ào, giành ghế nằm ở bãi biển rất thiếu lịch sự. Lúc ăn họ tham ăn, tham uống lấy cả mâm đầy, ăn không hết bỏ

Từ Sài Gòn nhiều người bay sang Singapore, Malaysia, Bangkok dễ như đi chợ, tiền vé máy bay cũng không đắt lắm. Chúng tôi đến các quốc gia ở Á Châu gặp nhiều đoàn người Việt đi du lịch. Tục ngữ có câu “đi một ngày đàng học được một sàng khôn”, hy vọng người từ trong nước nhiều năm sống dưới chế độ độc tài CS bùng bít tin tức, có cơ hội ra nước ngoài tiếp nhận những văn minh tiến bộ hơn, nhưng rất buồn cho dân tộc Việt Nam, theo dư luận nhiều người lợi dụng sự mở cửa ra nước ngoài để “ăn cắp, buôn lậu, đứng đường...”. (hình tổng hợp trên Internet các bản cảnh báo ăn cắp viết bằng tiếng Việt).

đầy bàn, trong khi ngoài xã hội nhiều người không có ăn! Những yếu tố đó đã làm cho người ta mất cảm tình. Người Đức cũng trải qua chiến tranh, thế chiến II nước Đức bị tàn phá, dân từng đói khổ nên họ lấy đủ ăn không bao giờ bỏ thừa. Một số người Việt Nam hơn 40 năm sống dưới chủ nghĩa cộng sản ảnh hưởng những cái xấu của người Nga, người Tàu, mà còn thêm tội ra nước ngoài ăn cắp! Thử hỏi là người Việt Nam chúng ta có buồn không?

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

NGHĨ VỀ VIỆT-NAM ĐẾN YOSEMITE

Tôi đến thăm Yosemite
Vừa từ một đất nước ra đi
Nhìn sông nhìn núi nhìn muôn vẻ
Thơ thần trong lòng những nghĩ suy

Ôi núi sông này ở một phương
Bên bờ xa thăm Thái Bình Dương
Có chi khác lạ trong trời đất?
Sao thấy hồn đau nỗi xót thương

Bao nhiêu hùng vĩ núi sông này
Có khác gì không, đó với đây
Tôi đến thăm nhìn sao bỗng thấy
Niềm vui xen lẫn nỗi chua cay

Non nước tôi trời đất đã cho
Bốn thiên niên kỷ đắp vun bờ
Cớ sao non nước thành xơ xác?
Người một phương mà dạ ngẩn ngơ

Người đến đây, Yosemite
Từ khắp bao phương lạ đổ về
Cây cỏ chim muông đời rộng mở
Không nhìn sau trước, không e dè

Nói với nhau những gì muốn nói
Trên đường đi không ngại bớt đôn
Con sóc nhỏ qua đường chậm lại
Người dừng chân đợi sóc thông dong

Ban đêm giấc ngủ đến yên lành
Rất đẹp em và rất đẹp anh
Cuộc sống thênh thang đời mộng tưởng
Lớn dần hương sắc chuyện năm canh

Nhờ nhờ ai cũng đầy mơ ước
Hiện rõ trên từng khuôn mặt riêng
Tiếng nói nụ cười không chãi chuốt
Không vương vàng trán nét ưu phiền

Tôi đến đây dù mới thoáng qua
Lòng băng khuâng với nỗi quê nhà
Núi sông đâu khác trời cao rộng
Chợt nghĩ mà dang những xót xa

Có khác gì sao cõi lạ này
Cuộc đời mãi mãi rộng dang tay
Còn phương Bách Việt đời thăm thăm
Tăm tối trùn lên ngày nối ngày

Tôi về đây, Yosemite
Mà nhớ mà thương đến những gì
Cuộc mới, nhìn lui về... cố xứ
Thấy ngày mai khác buổi ra đi ...

Duy Năng

TO YOSEMITE THINKING BACK TO VIETNAM

To visit picturesque Yosemite, here I came
Just by becoming an exile being affected;
I looked at this scenery of universal fame
Upon which from my heart I sadly reflected.

Oh, this land in this corner of plain mirth
Over this far-away Pacific Ocean shore!
Any unusual things in the entrails of the earth
That send my sobbing soul sinking in sore?

How great mountains and rivers: this version!
But, why is it to differ from this glitter
So that suddenly I felt on a mere excursion
A confusing mixture of blithe and bitter?

My native home Nature had favored its flag
Nearly five thousand years to fly in its domain.
Alas! Who began to render it a tattered rag?
Its subjects scattered, sulking, suffering pain!

People have flocked to Yosemite here,
Each a contentment receiver and a peace giver.
Plants and trees, birds and beasts: clear sphere;
No cause to worry, fear, hesitate, shiver.

You may express to one another each view:
No police cordons on your way, the heavy load.
Everybody would stop and wait as due
For the tiny squirrel carefree to cross the road.

Night after night your sleep comes securely,
All right for you, honey, and for me too.
Life is wide and smooth like dreams to surely
Increase sounds and colors all the time through.

One nurtures of happiness a good sense
Obviously on his or her own face to tomorrow.
His talk and her smile need not be a pretense;
Your foreheads are not furrowed by sorrow.

Although for a brief moment here I came,
I did bear a grief for my old nation's sake.
Such high sky and deep waters are the same,
But just pondering over it makes my heart ache.

No difference, yet why in this strange world
Life has incessantly offered its open arms
While my left-behind Vietnam is swirled
Down into misery by the evil that only harms.

Well, Yosemite! I have already come here,
This beautiful site, from such a dark chapter.
I think back to my former country dear
And crave for a near future filled with rapture.

Translation by **THANH-THANH**

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

Một Tổng Thống Hoa Kỳ Gốc Việt Nam A U.S. President of Vietnamese Descent

Tác giả: gs. PHẠM HỮU BÌNH

Giới thiệu: GS Phạm Trọng Lê

[Thời lượng: 15 phút]

(Đọc ở tiệc Sinh nhật Cỏ Thơm thứ 21, 8/28/16 tại Harvest Moon, 11:30 AM)

Kính chào quý vị văn thi nhạc sĩ, và quý ông bà thân hữu tham dự:

Tôi cảm thấy hơi lo khi đứng trước một cử tọa chọn lọc về văn chương và âm nhạc, nên có cảm tưởng như mình “múa rìu qua mắt thợ”, nhưng trong bầu không khí cởi mở của bữa tiệc sinh nhật Cỏ Thơm, với những tà áo màu lịch sự bên những bộ complet và cà-vạt trang trọng, tôi coi đó là những dấu hiệu quý vị khuyến khích, và để xứng đáng với thì giờ và sự yên lặng của quý vị, tôi xin trình bày vài cảm nghĩ về hai tập truyện Việt Anh của gs Phạm Hữu Bình.

GS **Phạm Hữu Bình** tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Saigon năm 1962. Ra trường, ông được học bổng sang Hoa Kỳ học tại trường sư phạm Peabody College for Teachers ở Tennessee và Univ. of Pennsylvania lấy bằng Master of Arts. Ông là tác giả hai tập truyện ngắn, một cuốn bìa xanh da trời Địa Trung Hải, viết bằng tiếng Việt, gồm 22 truyện ngắn, cuốn kia màu đỏ

thắm, viết bằng tiếng Anh gồm 16 truyện trong số những truyện trong cuốn tiếng Việt. (Show the two books)

Tôi phục GS Bình vì ông là một trong những người Việt sử dụng khá nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Việt và Anh, và lại viết truyện bằng thứ tiếng Anh nhẹ nhàng, trong sáng, đúng văn phạm, thứ tiếng Anh idiomatic English. Nhưng tôi nói như vậy là “khen phò mã tốt áo”, vì hơn 10 năm dạy tiếng Anh ở Việt Nam, GS Phạm Hữu Bình khi sang Hoa Kỳ năm 1975, trong hơn một phần tư thế kỷ, ông làm giáo sư trung học cho học khu Philadelphia, và 5 năm trong thời gian ấy, ông cũng làm công việc của một teacher trainer trong chương trình cao học Song Ngữ và Song Văn của Đại Học LaSalle, ở Philadelphia đào luyện giáo chức đã có bằng cử nhân hay cao học lấy thêm chứng chỉ dạy tiếng Việt như sinh ngữ hai. Với kinh nghiệm chẳng những về ngôn ngữ mà còn về văn hoá, GS Bình đã đem

những kiến thức về văn hoá Hoa Kỳ đối chiếu với tập tục và truyền thống Việt Nam, không phải bằng lối viết khô khan của một nhà khảo cứu xã hội học mà qua những mẫu truyện sống động xảy ra hàng ngày của một số đồng hương người Việt tị nạn trong hoàn cảnh khác nhau, từ người làm những việc làm lao động, hay trí óc tới những thanh niên thiếu nữ sinh viên chạt vật với tiếng Anh hay những người học hành giỏi giang xuất sắc tại các trường đại học Hoa Kỳ. Trong cuộc sống vật vả ở xứ mới, phong tục mới, khí hậu mới, tiếng nói khác, những tình tiết ấy được tác giả, một nhà viết truyện “hư cấu”, nhưng với trí tưởng tượng phong phú, và cách dàn truyện tỉ mỉ như một nhà quỷ thuật, tạo ra những nhân vật trong những hoàn cảnh éo le, có người gặp được ân nhân giúp đỡ--có người phải đương đầu với những khó khăn --giữa những dị biệt của hai nền văn hoá— không phải khur khur bảo thủ như những người coi văn hóa chủng tộc mình là ưu việt (ethnocentrism), nhưng là học hỏi lối sống thực dụng của một xã hội sinh động, tôn trọng luật pháp, sòng phẳng khi đối xử, thẳng thắn khi giao thiệp, nghe phê bình mà không phật lòng. Như nhân vật trong truyện ngắn “Trúng số độc đắc” tưởng mình trúng số, đã dám trình bày những khuyết điểm trong cung cách làm việc ở sở anh ta trong buổi họp hàng tháng. Không những anh ta không bị đuổi mà lại còn được ông giám đốc Mỹ biết điều nhận ra chỗ anh

phê bình đúng, đặt thêm chức vụ phụ tá đặc biệt, tăng lương gấp 4 lần cho anh, và dành cho anh một văn phòng cạnh phòng ông.

Cái tinh thần cầu tiến, chịu khó, cộng thêm tình yêu của bố mẹ ban cho con cái trong gia đình văn hoá Việt, lại cộng thêm với lòng hy vọng ngày mai tốt đẹp hơn hôm nay, lòng tha thứ, óc phục thiện, của nếp sống văn hoá Mỹ, trọng dụng tài năng, tinh thần thượng võ sportmanship và công bằng fair play, thích hợp với thể hệ trẻ thẳng thắn ganh đua của con cháu quý vị bây giờ-- được tác giả thể hiện qua câu truyện của các nhân vật trong truyện ngắn của ông.

Dị Biệt Văn Hoá

Người đọc sẽ thấy hai nền văn hoá có lúc va chạm qua những tình tiết và những mẫu đối thoại và ở phần kết mỗi truyện, độc giả rút ra những điểm hợp lý giữa hai nền văn hoá. Đó là giá trị của cả hai cuốn sách mà tác giả, một người dạy ngôn ngữ, thấy rõ và tá khéo những tương đồng và dị biệt giữa những nền văn hoá khác nhau.

Là một người đọc, điều tôi thấu lượm là nhận ra ta thường có những thành kiến, hay **thiên kiến** (prejudices, biases) do văn hoá của ông cha truyền lại đã ăn sâu vào xương tuỷ khiến ta đôi khi **vô đoán** (arbitrary assumptions), xét vội người khác chứ ít khi bình tâm xét kỹ một người qua chính khả năng của người ấy hay chờ cho những sự kiện chứng tỏ điều ta “vơ đũa cả nắm” có

hoàn toàn đúng hay không. Như trong truyện “Chiếc nhẫn hột soàn”, một người vợ đánh mất cái nhẫn chồng dành dụm dè xén khi cắt cỏ và xén hàng rào trong nhiều tháng để dành tiền mua tặng, nhưng một bữa kia, trong lúc bà quét lá, trời trở lạnh, đã khoác chiếc áo lạnh cũ của chồng, và vì cẩn thận, bà bỏ chiếc nhẫn hột soàn vào túi áo, có ngờ đâu bà mẹ già khi tới thăm, dọn dẹp quần áo cũ và người chồng vô tình đem cho đi. Nhưng hai vợ chồng một người Mỹ gốc Phi châu chủ tiệm bán đồ cũ cuối cùng đã tìm thấy và mang trả lại, nhờ trong túi áo có một lá thư gửi cho chủ nhân.

Như trong truyện “Trả thù” “Revenge” của hai người trẻ: Hồng Điệp—20 tuổi sinh viên năm thứ ba đại học U-VA, và Thành 24 tuổi đẹp trai, đã học xong cử nhân khoa học, đang đi làm để dành tiền mua nhà chờ cưới vợ khi nàng học xong cử nhân. Hồng Điệp là một sinh viên xuất sắc nên dù còn ở năm thứ ba trong chương trình cử nhân, nàng vẫn thi đậu vào trường y khoa Virginia. Hai gia đình thân nhau ngầm tin hai người sẽ lấy nhau. Nhưng vì Hồng Điệp chọn học y khoa nên hai người phải chờ thêm 4 năm để nàng học xong chương trình căn bản. Trong một bữa tiệc do Hồng Điệp tổ chức cùng bạn học của nàng, Thành thấy mình lạc lõng bên cạnh những người sinh viên y khoa của Hồng Điệp, và chàng cảm thấy nàng cũng tỏ ra hờn hợt với chàng.

Và Thành khi bị người con gái mình yêu phụ rẫy, có oán hận, trả thù không, và nếu có ý trả thù, thì sẽ trả thù ra sao? Mẹ Thành, một bữa lên phòng học của Thành dọn dẹp cho con, thấy trên tường có tấm hình Hồng Điệp tặng chàng, với mấy mũi phi tiêu cắm vào mặt, bên cạnh lại có đề hàng chữ “Thù này ta phải trả” (*This I must avenge*), thì bà lo ngại cậu con trai có thể liều lĩnh mà trả thù chẳng. Rồi Thành bỏ công việc đang làm, thi vào trường thuốc ở Johns Hopkins, quyết chí trở thành bác sĩ. Bố mẹ anh lo anh khi thành bác sĩ, chàng có thể trả thù bằng cách đầu độc người yêu cũ. Nhưng khi Thành học sắp xong, chàng gặp người yêu mới là một sinh viên bác sĩ người Nga ở thành phố quý phái St. Petersburg, được cha mẹ đưa sang Hoa Kỳ học, có bố chuyên về thực vật học và mẹ làm giảng sư chuyên về ung thư ở Harvard. Cô bác sĩ người Nga xinh đẹp, khiêu vũ lả lướt, vì xưa bố mẹ cô cho cô học nhảy vũ ballet; cô lại chơi đàn piano và còn là một họa sĩ. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, Katerina, cô sinh viên y khoa đang học năm cuối ở Harvard, tình nguyện đánh đàn đệm cho Thành, anh sinh viên y khoa cũng đang học năm cuối ở Johns Hopkins, khi chàng đọc bài thơ Annabel Lee của Edgar Allan Poe, một thi sĩ Mỹ phái lãng mạn sống giữa thế kỷ 19.

Ta hãy tạm trở lại hai cuốn truyện và phản ứng của người đọc: cuốn tiếng Anh gồm 16 truyện ngắn nằm trong số 22 truyện trong cuốn tiếng Việt. Trích

thư thứ nhất của cháu Thủy của tác giả (2/21/2001), sinh viên ở Johns Hopkins: “...Cho đến đêm hôm kia cháu vô tình đọc truyện “*Sinh nhật chú Tư*” và rồi không rời cuốn truyện ra được nữa. *Bạn bè cháu ngạc nhiên khi thấy cháu mãi miết đọc khi ngồi trên xe bus và trong giờ nghỉ giữa hai tiết học. Đây là chúng nó còn không biết cháu thức giấc đến hơn 3 giờ sáng để đọc hết truyện “Tuyệt”.* Đối với sinh viên ở Johns Hopkins thì đọc truyện quả là một sự xa xỉ về thời gian....Cháu rất cảm động khi đọc truyện của chú, đặc biệt truyện “*Tuyệt*” đã làm cháu khóc rất nhiều... Sự khoan dung và tình yêu con người của chú đã giúp cháu nhìn thấy những khía cạnh của cuộc sống mà trước đây cháu không nhìn thấy...” Trích thư thứ 2 của Angie Nguyễn, a public librarian in Orange County, CA. (2/7/1999):

“It was one of the most touching books I have ever read (with tears running down my cheeks throughout the reading). I would love to read more of these stories and would like to introduce to readers your valuable work. ...I can very much relate to these stories myself, and your writing brings out the best in all of us.”

Riêng tôi, tôi thấy tác giả có lối kể truyện lôi cuốn, xếp đặt tình tiết khéo léo, người đọc một khi đã cầm cuốn sách lên rồi thì không muốn bỏ xuống để muốn biết kết cục ra sao. Mà kết cục đó không nhất thiết là theo đúng quan

niệm cổ xưa, nhưng là một lối nhìn mới—không nhất thiết phải đồng ý, đôi khi ta lại có ý nghĩ khác với những nhân vật trong truyện, nhưng truyện nào cũng có những nhân vật đầy lòng nhân hậu, tử tế, buộc ta suy nghĩ.

Hai cuốn sách này có lợi cho ai?

- Người thích đọc truyện;
- Thư trong thư viện công cộng cần chọn sách cho thư viện của mình;
- Những nhóm đọc sách/thảo luận book clubs: đọc, thảo luận, phê bình cách dựng truyện, nhân vật và hoàn cảnh. Hay những lớp về luyện viết văn creative writing ở đại học, sinh viên thảo luận về cách viết văn, phê bình cách dựng truyện và tâm lý nhân vật;
- Sinh viên những lớp Thông dịch học cách dịch ra sao, như thành ngữ “Trứng khôn hơn vịt” được dịch thành “The egg is wiser than the hen”. Don’t teach your grandma how to suck eggs;
- Biên khảo gia Hoàng Dân Bình, trong một bài phê bình về tập truyện “Trúng số độc đắc”, còn có ý là những truyện ngắn này có thể viết thành kịch hay truyện phim.

[Tôi xin hướng sự chú ý của quý vị vào bàn của tác giả Phạm Hữu Bình, bên cạnh là phu nhân, bà Phạm Nguyễn Anh mà lúc này tôi còn được gặp con gái ông bà là Hoàng Mai Phạm cùng chồng là David Roodman. Kế bên là con trai của ông bà Bình là anh Tuấn Phạm cùng con gái của anh Tuấn là cháu Kaitlyn. Xin quý vị một tràng pháo

tay để mừng GS Phạm Hữu Bính và gia đình ông cùng các con và các cháu có mặt hôm nay cùng quý vị chia sẻ nỗi hân hoan khi GS Bính ra mắt hai tuyển tập, kết quả của nhiều năm khó nhọc.]

Còn ít phút nữa, để thay đổi không khí nghiêm trang của bài giới thiệu, tôi xin đọc bài thơ ở trang 228 trong cuốn sách đỏ bằng tiếng Anh, và ở trang 282 trong cuốn sách xanh bằng tiếng Việt.

Xin đọc hầu quý vị-- nhất là các bạn trẻ, và các văn hữu từ gần xa về dự sinh nhật Cỏ Thơm--bài thơ Annabel Lee. Bài thơ này là một thí dụ cụ thể về vấn đề văn chương của hai ngôn ngữ khác nhau có thể *giao thoa* ở địa hạt thơ. Bài Annabel Lee ý cô đọng, chữ dùng luyện láy, nhịp thơ và nhạc trong câu thơ, cùng tích truyện của một bài hát ballad với chủ đề người đẹp chết yêu--một đề tài cổ điển trong thi ca-- có sức truyền cảm rất mạnh.

[Câu chuyện kể một mối tình bi thảm của nhân vật kể chuyện mình yêu một nàng thiếu nữ trẻ đẹp, con nhà trâm anh, nhưng người yêu chết—mà theo chàng, vì thiên thần hờn ghen vì sắc đẹp của nàng. Mỗi tối khi trăng lên, chàng ra bờ bể, tới nằm bên cạnh mộ nàng, nghe tiếng sóng bể rì rào. Nếu lắng nghe, chút nữa, quý vị sẽ nghe thấy tiếng sóng bể cùng tiếng lòng thổn thức của nhân vật chính trong bài thơ thương nhớ người yêu]. Đây là bài thơ mà nhân vật Thành trong truyện “Trả Thù” đọc trong bữa tiệc sinh nhật của một cô bạn học, và có nàng sinh viên Katerina tình

nguyện đánh dương cầm phụ họa. Như bức hình đen trắng của nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi chụp một thiếu nữ xoắn làn tóc đen dài phủ một phần da của bờ vai trắng, bài thơ Annabel Lee tả một mối tình bi thảm, nhưng tương phản và làm nổi bật mối tình tươi đẹp vừa chớm nở giữa Thành – Katerina, hai sinh viên y khoa trẻ trong truyện “Trả Thù” của Giáo Sư Phạm Hữu Bính.

Để làm mào đầu, tôi xin đọc bài dịch bài Annabel Lee sang thơ Việt của GS Phạm Văn Quảng, tốt nghiệp khoá 1 ĐHSP Saigon. Ông dịch bài này năm 1980.

Lý Lệ An

Vương quốc xưa bên bờ biển cả
Lý Lệ An thiếu nữ trâm anh
Tình nàng vàng vạc cao xanh.
Tình ta hơn những mối tình thiên thu.

Yêu nhau thưở còn ngây thơ ấy,
Vương quốc xưa sóng dậy bồi hồi.
Tim ta một nhịp sóng đôi
Thiên thần thượng giới ngậm ngùi hờn ghen.

Ôi! Hồng nhan hoa nhường nguyệt thẹn,
Giữa đêm đen gió buốt thổi về.
Xác hoa già biệt sông mê,
Bào huynh nàng đã đưa về mộ xa.

Biển xanh nước bao la biển biệt,
Vương quốc xưa tha thiết tình ta.
Mộ xây khép ánh trăng tà,
Biển xanh vàng vạc lòng ta nhớ nàng.

Thiên thần nửa thiên đàng hạnh phúc,
Còn hờn ghen ngưỡng phục tình ta.

Là đây thơ nhạc giao hòa
Là đây bạc mệnh – Lời ca cõi trần.

Từ mây cao gió vùn vũ thổi,
Lạnh hôn hoa chìm nổi anh linh.
Tình ta là cả trời xanh,
Cao xa hơn cả mối tình thiên thu.

Biển sâu quỉ âm u với gọi,
Sáo thiên thần thương giới láng láng.
Chẳng hề tán loạn tâm thân
Hồn ta gói trọn hồn nàng Lệ An.

Nửa miệng hoa trắng tàn như cát
Ngàn sao trong đôi mắt người yêu.
Lý Lệ An vẫn yêu kiều,
Cùng ta cõi mộng dệt nhiều ý thơ.

Sao đã mọc không mờ ánh mắt,
Trăng đã lên hiu hắt mộng vàng.
Cô dâu, hiền nội, người thương.
Ta nằm đây cạnh mộ nàng sóng đôi.
Triều dâng biển sóng bồi hồi,
Biển xanh ta vẫn muôn đời có nhau
(GSPhạm Văn Quảng dịch)

Annabel Lee

Edgar Allan Poe (1809-1849)

It was many and many a year ago,
In a kingdom by the sea,
That a maiden there lived whom you may know
By the name of Annabel Lee;
And this maiden she lived with no other thought
Than to love and be loved by me.

I was a child and *she* was a child.
In this kingdom by the sea.
But we love with a love that was more than love--
I and my Annabel Lee--
With a love that the wingèd seraphs of Heaven

Coveted her and me.

And this was the reason that, long ago,
In this kingdom by the sea,
A wind blew out of a cloud, chilling
My beautiful Annabel Lee;
So that her high-born kinsmen came
And bore her away from me,
To shut her up in a sepulchre
In this kingdom by the sea.

The angels, not half so happy in Heaven,
Went envying her and me--
Yes!-- that was the reason (as all men know,
In this kingdom by the sea)
That the wind came out of the cloud by night,
Chilling and killing my Annabel Lee.

But our love it was stronger by far than the love
Of those who were older than we--
Of many far wiser than we --
And neither the angels in Heaven above
Nor the demons down under the sea.
Can ever dissever my soul from the soul
Of the beautiful Annabel Lee;
For the moon never beams, without
bringing me dreams
Of the beautiful Annabel Lee;
And the stars never rise, but I feel the bright eyes
Of the beautiful Annabel Lee;
And so, all the night-tide, I lie down by the side
Of my darling--my darling-- my life and
my bride.
In her sepulchre there by the sea --
In her tomb by the sounding sea.

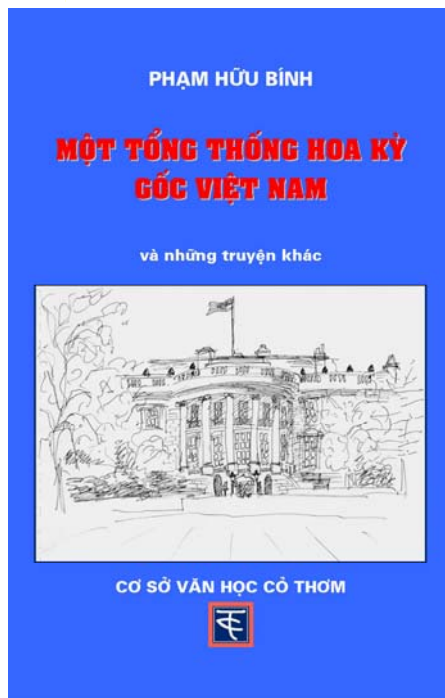
(Bài thơ viết vào tháng 5, năm 1849; năm
tháng sau, ngày 7 tháng 10, 1849, Poe đột
ngột chết ở Baltimore, Maryland).

Cám ơn quý vị thính giả và xin trân trọng giới thiệu hai tác phẩm Anh Việt: Một Tổng Thống Hoa Kỳ Gốc Việt-Nam và những Truyện Khác và A U.S President of

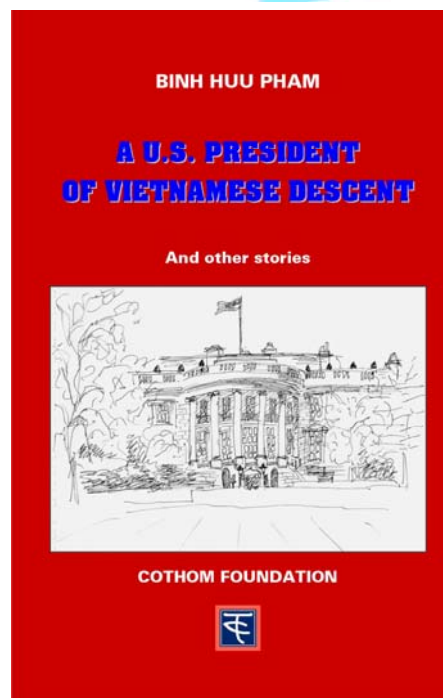
Vietnamese Descent and Other Stories, của tác giả **Phạm Hữu Bình**, do Cơ Sở Văn Học **Cổ Thơm** ấn hành.--PTLệ



Tác giả Phạm Hữu Bình và gia đình trong Hội Sách Cổ Thơm 8/28/2016



SỐ 76



95

ĐỘC ẨM CHIỀU THU

Ngoài song mưa rơi rơi
Hồn hoang vắng ra khơi
Vài ly ta hợp tấu
Nhạc đời dang chơi vui.

Một ly về dĩ vãng
Như mây trời lãng đãng
Chất chông bao kỷ niệm
Trôi theo với nắng vàng.

Nâng ly chào hiện tại
Quy xin Đức Như Lai
Đời bình an dưới thế
Mau sạch hết trần ai.

Một ly gửi tương lai
Buồn vui giọt sương mai
Long lanh đầu ngọn cỏ
Mong manh giữa đất trời.

Nâng ly kính song thân
Ôi thương nhớ vô ngần
Đình non mờ khuất bóng
Vọng dang nén hương tâm.

Một ly nhớ tình đầu
Trao “người em mộng sầu”
Bao năm vui duyên thắm
Xây “tổ ấm” bền lâu.

Một ly dành các con
Ngày nao búp măng non
Đời thông vang tiếng hát
Đồ, rê, mi, fa, sol.

Ly nhớ Đà Lạt xưa
Khi chén rượu, cuộc cờ
Khi đàn ca, xướng họa
Say, tỉnh lạc rừng mơ.

Ly nhớ sóng đại dương
Thuyền lênh đênh viễn phương
Dạt trôi bờ sinh tử
Nhà nước mắt quê hương.

Mình ta ngắm mưa rơi
Tâm tư giăng đầy trời
Nàng Thơ đâu chợt đến
Cùng ta chén đầy vui.

Đời viễn xứ ô hay
Thiên hạ mãi cuồng quay
Ngả nghiêng bình khô rượu
Biết ai tình ai say!

Tâm Minh



1988, Pulau Bidong, Malaysia

HỒI SINH

Tạ Quang Khôi

Hồng Thu hồi hộp nhìn qua cửa sổ, chờ đợi người tình để cùng tới tòa án quận làm hôn thú. Nàng nghe lòng rộn rã, vui tươi. Nàng đoán Hưng cũng vui như nàng lúc này. “Không chừng chàng còn vui hơn mình nữa,” nàng mỉm cười nói một mình.

Hồng Thu và Hưng chỉ mới yêu nhau không đầy nửa năm mà đã quyết định chính thức thành vợ thành chồng. Hơn một lần nàng thăm tự hỏi như vậy có quá vội không? Rồi nàng lại tự trả lời “Không!”. Nàng và Hưng quen nhau đã nhiều năm, không phải chỉ mới năm, bảy tháng. Nhưng sự quen biết này cũng có hơi khác thường.

Thoạt tiên, Hồng Thu chỉ quen vợ của Hưng khi hai người cùng làm một sở, cách đây khoảng năm, sáu năm. Họ thân nhau đến độ kết làm chị em. Nhận thua Hồng Thu ngót mười tuổi nên làm em. Hai người lúc nào cũng chị chị, em em như ruột thịt. Hưng chỉ hơn vợ hai tuổi nên cũng gọi Hồng Thu là chị và xưng em. Tình bạn càng ngày càng trở nên thắm thiết, coi nhau như một gia đình, có chuyện gì cũng bàn với nhau, không hề giấu diếm.

Vợ chồng Hưng có hai con, một trai một gái. Cả hai đều sắp học xong trung học và gọi Hồng Thu bằng bác. Hồng Thu chỉ có một con trai và đang học đại học, nội trú ở một tiểu bang khác. Vừa đường xá xa xôi vừa bận học, thằng nhỏ ít khi về thăm mẹ.

Chồng Hồng Thu đã chết trong trại tù cải tạo ở một tỉnh miền rừng núi Bắc Việt. Khi nghe tin chồng chết, nàng đau khổ đến thần thờ cả người, lúc nào cũng nguyện rửa bọn cộng sản đã giết chồng. Lắm lúc nàng không thiết sống nữa, nhưng đứa con nhỏ đã không cho phép nàng liêu lĩnh. Cha mẹ và các anh chị em nàng thay phiên nhau đến khuyên nhủ, an ủi nàng. Họ tìm mọi cách để làm nàng vui. Dần dần nàng cũng khuấy khỏa phần nào. Nhưng trong lòng, vẫn tự cho là mình đã chết, hồn đi theo chồng, xác còn ở lại để lo cho con. Nàng chính là một “vị vong nhân”. Cả năm sau nàng mới thực sự lấy lại được bình tĩnh.

Một hôm, nhìn con vô tư đùa nghịch, nàng chợt nhận ra rằng con nàng không thể sống chung với kẻ thù đã giết chết cha nó. Tương lai của một đứa con “nguy quân” vô cùng mờ mịt. Thế là nàng quyết định ôm con ra biển tìm tự do. Cuộc vượt biên thành công và hai mẹ con nàng được định cư ở Mỹ. Sau một thời gian học Anh văn, nàng xin đi làm. Trong mấy năm đầu, nàng đã phải thay đổi công việc nhiều lần. Cuối cùng nàng được làm chung sở với Nhạn. Có gia đình Nhạn, nàng cũng

cảm thấy đỡ cô đơn. Ngoài giờ làm việc, chị em chạy qua chạy lại, cùng đi mua bán, cùng tham dự những buổi giải trí công cộng. Rồi nàng coi gia đình cô em kết nghĩa như chính gia đình mình. Vui buồn có nhau.

Nhưng niềm vui chóng qua, buồn đau dồn dập bỗng kéo tới. Nhận bất thành linh lên cơn đau tim rồi ra đi một cách tức tưởi. Vì thương hai đứa con của Nhận không ai chăm nom, lo lắng, nàng thường lui tới để chỉ bảo các cháu thay mặt mẹ chúng.

Thời gian trôi nhanh, ngày giỗ đầu của Nhận đã tới. Hưng là đàn ông, lúng túng không biết nấu nướng gì, Hồng Thu phải lo hết. Nàng vẫn thầm tự nhủ: "Đã kết nghĩa là chị em thì mình cũng nên lo cho cô ấy đàng hoàng."

Rồi sau ngày giỗ ít lâu, Hưng bỗng nói với Hồng Thu :

"Chị ạ, đêm qua em mơ thấy nhà em về."

Nàng vui vẻ hỏi:

"Trông cô ấy thế nào? Có vui không?"

Hưng khẽ thờ dài, lắc đầu :

"Không, chị ạ. Trông nhà em buồn lắm."

Nàng buột miệng :

"Tội nghiệp! Chắc cổ nhớ chồng nhớ con."

Giữ im lặng một lát, Hưng nói :

"Nhà em... khuyên em..."

Không thấy Hưng nói tiếp nàng tò mò hỏi :

"Khuyên chú cái gì?"

Hưng rụt rè một lát :

"Khuyên em nên... tục huyền..."

Nàng vui vẻ reo lên :

"Ồ, nên lắm, nên lắm!"

Hưng chép miệng :

"Nhưng em rất sợ cảnh di ghê con chồng vì em cũng thương các cháu lắm. Đó là những kỷ niệm quý báu mà nhà em để lại cho em."

Nàng góp ý :

"Chú nên tìm người nào cũng thương các cháu như con ruột."

"Dạ, em cũng nghĩ như vậy... Mà nhà em cũng muốn như vậy."

"Thế chú đã kiếm được ai chưa?"

Hưng nhìn ra ngoài cửa sổ với vẻ mặt buồn buồn, dăm chiêu :

"Nhà em đã kiếm giùm em."

Nàng lại reo lên lần nữa :

"Như vậy thì tuyệt quá rồi. Cô mà chọn thì chắc phải đúng."

"Dạ, đúng, nhưng... nhưng... khó quá."

Nàng tò mò :

"Khó như thế nào?"

Hưng giữ im lặng rất lâu khiến nàng bắt đầu sốt ruột, nhưng không tiện giục. Cuối cùng Hưng nói với một vẻ lo lắng:

"Sợ người ấy không chịu."

Nàng liền hỏi :

"Ai mà khó vậy?"

Hưng lắc đầu :

"Em biết người ấy không khó, nhưng chuyện này hơi... kỳ cục."

"Chú thử nói tên xem tôi có quen không. Nếu quen, tôi sẽ cố gắng thuyết phục giùm chú."

"Dạ, em cũng mong chị cố gắng thuyết phục giùm em."

Nàng sốt sắng :

"Tôi hứa sẽ thuyết phục bằng được."

Hung bỗng đổi mặt buồn thành vui :
”Được chị hứa là em mừng rồi. Thế nào em cũng thành công.”

Nàng liền gật đầu :

”Tôi cũng nghĩ vậy. Nào chú cho tôi biết tên người đó đi.”

Hung lại ngập ngừng, rồi bẽn lẽn nhìn nàng nói :

”Người đó chính là... chị”

Nàng đứng bật lên, la lớn :

”Cái gì? Chú nói cái gì?”

Hung giữ im lặng, chỉ đăm đúi nhìn nàng. Nàng bỗng trở nên lúng túng trước vẻ đăm đúi ấy. Nàng nhìn quanh như muốn cầu cứu ai, nhưng căn nhà vắng tanh vì hai con của Hung đã đi chơi. Như muốn trốn đôi mắt đăm đúi của Hung, nàng quơ vội cái bóp để trên bàn, chạy ra xe hơi, mở máy phóng thẳng về nhà.

Chuyện bất ngờ xảy ra làm Hồng Thu hoảng hốt, hồi hộp không nguôi. Chưa bao giờ nàng thấy có một cuộc tỏ tình kỳ lạ như vậy. Nàng không trách Hung, chỉ ngạc nhiên vì dù sao nàng với Hung cũng không phải là chị em, không họ hàng thân thích. Hung cũng không phải là người đàn ông xấu xí hay hư hỏng. Không những thế, nàng còn cho rằng Hung có thể kiếm vợ trong đám những cô gái trẻ, chưa chồng, vì Hung cao lớn, đẹp trai và có nghề nghiệp vững chắc. Tại sao Hung lại chọn nàng ? Nàng không những hơn tuổi Hung mà cũng không phải là người có nhan sắc “chim sa cá lặn”.

Thật ra, Hồng Thu cũng là người đàn bà xinh đẹp nhưng từ ngày góa chồng, nàng tự coi mình như sống tạm, chưa chết mà thôi, như ngày xưa người ta vẫn quan niệm người đàn bà góa chồng là “vị vong nhân”. Nàng không trang điểm để đàn ông không chú ý, có như vậy mới không bị ai làm phiền, nàng thâm nghĩ. Do đó, trong ngót hai chục năm qua, chỉ có một vài người tỏ tình với nàng, nhưng không tha thiết lắm. Khi nàng từ chối, họ bỏ đi mất tiêu ngay. Đôi khi nàng cũng cảm thấy lẻ loi, buồn bã, nhất là từ ngày thằng con nàng vào ở nội trú. Có những đêm nằm trần trọc, nàng cũng thoáng nghĩ tới một cuộc sống lứa đôi. Trong thời gian gần đây thỉnh thoảng nàng cũng mơ ước một vòng tay đàn ông rắn chắc. Nàng vội vàng xua đuổi niềm mơ ước “tội lỗi” đó đi.

Nay bỗng được Hung tỏ tình, Hồng Thu vừa ngạc nhiên vừa mừng thầm. “Ừ, nàng tự nhủ, mình đâu có phải là đồ bỏ” Lòng tự ái của nàng đã được thoả mãn phần nào. Tuy nhiên, nàng vẫn thấy “nó kỳ kỳ làm sao ấy”. Đang là chị em, bỗng nay thành vợ chồng. Có thể bạn bè, những người chung quanh, sẽ cho là “gà què ăn quẩn cối xay”. Bộ trên đời này hết đàn ông rồi sao ?

Về đến nhà, Hồng Thu quyết định cắt đứt liên lạc với Hung. Không, nàng nói thầm với mình, không thể làm vợ chú ấy được. Nhưng cái quyết định ấy cũng khiến nàng hơi tiêng tiếc. Tự nhiên nàng thấy căn nhà của mình trống

trái làm sao ấy. Nàng thay quần áo rồi lên giường nằm suy nghĩ vãn vơ. Đôi mắt đắm đuối của Hưng lại ám ảnh nàng, không làm sao xua đuổi được. Bỗng chuông điện thoại reo vang. Nàng chồm dậy định nhắc máy lên nghe, nhưng khi thấy số của người gọi là số của nhà Hưng, nàng kịp thời ngừng lại.

Suốt ngày hôm đó chuông điện thoại reo nhiều lần. Đến chiều tối, có tiếng gõ cửa. Nhưng Hồng Thu không mở vì thấy Hưng đứng chờ bên ngoài.

Hôm sau, Hồng Thu đến sở làm, đã thấy Hưng đợi ở bãi đậu xe. Nàng hơi giật mình hoảng sợ, tự hỏi phải đối phó thế nào nếu Hưng bước đến hỏi chuyện. Nhưng may quá, Hưng không làm phiền nàng. Anh chỉ đứng xa xa ngó nàng với đôi mắt buồn thảm, tuyệt vọng. Đôi mắt ấy đã làm nàng mất bình tĩnh suốt ngày hôm đó.

Rồi mấy ngày liền, nàng tìm cách lẩn tránh Hưng. Đến cuối tuần, nàng nhận được thư của con Hưng. Hai đứa than bị cha bỏ đói vì suốt ngày cha chúng chỉ ngồi buồn bã, ủ rũ, không làm gì hết, cũng không đến sở luôn. Có lần, chúng thấy Hưng ôm mặt khóc nức nở. Chúng không hiểu tại sao cha chúng lại như vậy. Đi học về, chúng phải lo việc nấu ăn, nên có rất ít thì giờ làm "homework". Hồng Thu rất xúc động khi đọc lá thư đó. Nàng không hiểu nàng xúc động vì hai đứa nhỏ bị bỏ đói hay vì sự đau buồn của Hưng. Nhưng nàng quyết định phải giúp hai đứa nhỏ. Nàng nấu cơm và làm đồ ăn rồi mang

đến nhà cho chúng. Nàng biết giờ chúng về học, đứng đợi ở góc đường xe buýt nhà trường thường đậu. Khi chúng xuống xe, nàng đưa đồ ăn cho chúng. Nàng nhất định từ chối khi chúng năn nỉ mời nàng vào nhà. Hai hôm sau nàng lại tới với mấy hộp đồ ăn. Nàng vừa xuống xe, Hưng chợt xuất hiện. Nàng giật mình hoảng sợ. Nhưng anh không làm gì hết, chỉ đứng xa xa ngó nàng. Chỉ mới có mấy ngày mà Hưng trông gầy hẳn đi, đầu tóc rối bời, đôi mắt rung rung ướt. Chưa bao giờ nàng nghe lòng mình tê tái bằng lúc này. Trời ơi, nàng thâm kêu, sao chàng trông thảm hại thế nhỉ? Nàng đã gọi Hưng bằng "chàng" mà không hay.

Trong khi Hồng Thu lúng túng chưa biết nên phản ứng thế nào trước sự xuất hiện bất ngờ của Hưng, anh lên tiếng :

"Xin mời chị vào nhà để em được nói chuyện với chị lần chót."

Nàng không đáp, chỉ đứng im ngó anh.

"Xin chị đừng từ chối."

Nghe giọng nói nghẹn ngào của anh, nàng không khỏi xót xa. Khi Hưng quay bước về nhà, nàng ngập ngừng đi theo anh.

Khi hai người đã vào hẳn trong nhà, Hưng đi thẳng tới bàn ăn, chỉ một lọ nhỏ để giữa bàn, thờ dài nói :

"Đây là lọ thuốc ngủ, em sẽ uống hết cả lọ để đi theo nhà em. Trước khi chết em chỉ xin chị một điều duy nhất là chị hãy thương hai cháu. Chúng đã mất mẹ, bây giờ lại mất cha nữa. Chỉ còn... bác thôi."

Nói xong, anh vói tay lấy lọ thuốc. Hồng Thu bỗng lao tới cạnh bàn, dang lấy lọ thuốc trong tay Hưng, nói lớn :

”Không, chú không chết được.”

Hưng vội giữ chặt lọ thuốc. Nàng vẫn cố dang ra. Thế là hai người giành giạt nhau, vô tình đứng sát bên nhau. Hưng liền buông lọ thuốc ra, vòng tay ôm ghì lấy Hồng Thu. Nàng đẩy dựa phản đối, nhưng vòng tay Hưng xiết chặt hơn. Đồng thời anh hôn tới tận lên mặt, lên cổ, lên mắt nàng. Một luồng hơi nóng bỗng đột nhập thân thể nàng. Nàng thấy hừng hực trong lòng một sự ham muốn. Chân tay nàng trở nên luống cuống, người nàng mềm nhũn. Nhưng nàng vẫn còn đủ bình tĩnh né tránh nụ hôn môi của Hưng.

Sau mấy lần cố gắng hôn lên môi nàng không được, Hưng bỗng gục đầu lên vai nàng nức nở khóc. Tiếng khóc của Hưng làm nàng luống cuống. Hấn bỗng buông nàng ra, rồi thều thào :

”Em biết chị không yêu em, thôi em chết cho rồi.”

Câu nói này khiến Hồng Thu có cảm tưởng mình bị tước đoạt mọi khí giới. Sức đề kháng trong nàng hoàn toàn biến mất. Vừa lúc đó, có tiếng mở cửa. Hồng Thu hoảng sợ đẩy Hưng ra, vội đi về phía cửa, lao vụt ra ngoài khi cửa vừa mở trước sự ngỡ ngàng của hai đứa con Hưng.

Trên đường về, Hồng Thu phải cố lấy lại bình tĩnh để lái xe. May mắn là nàng về đến nhà bình yên. Nàng vừa bước xuống xe đã trông thấy xe Hưng

đậu ngay sau xe mình. Nàng bước nhanh về nhà như muốn chạy trốn. Nàng định mở cửa nhưng luống cuống làm rơi chùm chìa khóa. Hưng vừa bước tới, cúi nhặt lên, rồi mở cửa giùm nàng. Cửa vừa đóng lại, anh đã ôm lấy nàng. Lần này nàng không chống cự nữa, đón nhận nụ hôn nồng cháy trên môi. Từ lúc đó, nàng như mê như tỉnh. Nàng nhắm mắt lại để tận hưởng niềm hoan lạc mà nàng đã quên đi từ ngày chồng lên đường đi tù cải tạo. Hưng bế bổng nàng lên, rồi nàng nghe có tiếng mở cửa phòng ngủ...

Thế mà đã gần sáu tháng trôi qua. Trong nửa năm ấy Hồng Thu cảm thấy sinh lực trong người nàng phục hồi nhanh chóng. Nàng đã sống lại sau những năm tự coi mình đã chết khi góa chồng. Nàng thầm cảm ơn việc kết nghĩa chị em với Nhạn. Nhờ nó nàng đã gặp Hưng. Nghĩ đến chuyện kết nghĩa nàng bỗng phì cười nhớ lại một đêm ân ái. Trong cơn mê đắm Hưng hôn hển thì thầm bên tai nàng “Chị Thu ! Chị Thu !” Nàng phát nhẹ lên cái lưng trần của anh nhắc: ”Đến thế này mà còn chị chị em em cái gì nữa.” Nhưng Hưng vẫn tiếp tục gọi “Chị Thu”, rồi chính nàng cũng bị lôi cuốn vào cơn mê của anh. Mãi mấy tuần sau Hưng mới sửa được cách xưng hô. Từ đó hai người “anh em” với nhau.

Hưng đến đúng giờ đã hẹn, ăn mặc chỉnh tề như một chú rể, chỉ thiếu một bông hoa hồng trên ngực áo thôi. Hai người ôm nhau hôn nồng nàn, rồi Hưng hỏi:

”Sao em chưa trang điểm ?”
Nàng cười :
”Em xong hết cả rồi, chỉ chưa tô son lên mặt thôi.”
Hưng tò mò :
”Tại sao ?”
Nàng liếc mắt đưa tình :
”Thế mà cũng hỏi. Để chờ anh hôn xong mới tô, cho son khỏi dính sang mặt anh.”
Hưng phì cười :
”Em thật kỹ càng. Thế lẽ anh không hôn thì sao ?”
Nàng nũng nịu đáp ngay như đã có sẵn câu trả lời :
”Thì em không ra tòa với anh nữa.”
Hưng lại ôm ghì lấy người yêu :
”Hú vía ! Suýt chút nữa anh lại bị em hành hạ. Thế mới biết ở hiền gặp lành.” Nàng trề môi :
”Ở đó mà hiền. Hiền đã chẳng quyến rũ chị nuôi ăn nằm với mình. Tội to như vậy mà còn chưa biết sao ?”
Hưng cười :
”Bộ em không thích ăn nằm với anh sao?”
Nàng lườm yêu anh :
”Không thích mà cứ đeo cứng anh như sam thế này ?”
Hưng cười :
”Chả biết ai đeo cứng ai. Không có em thì anh chết còn hơn.”
Nàng bĩu môi :
”Xạo ! Cứ giả bộ đòi tự tử làm người ta sợ muốn chết.”
Hưng cười xòa :

”Không giả bộ làm sao được em yêu như bây giờ.”
Thế là cả hai cùng cười khúc khích.
Hưng giục :
”Thôi, em đánh sáp môi đi rồi mình còn lên đường, kéo muộn rồi. Tối đó cũng còn phải chờ lâu.”
Nàng ngoan ngoãn đáp :
”Dạ, xin anh chờ em chỉ năm phút thôi “

X

Sau khi ký hôn thú, vừa ra khỏi tòa án, Hưng bỗng ôm ghì lấy vợ, hôn nóng bỏng lên môi nàng. Hồng Thu không phản đối mà cũng không đáp ứng, chỉ cười:
”Kỳ quá ! Giữa ban ngày ban mặt, giữa nơi công cộng.”
Hưng thản nhiên đáp :
”Ồ Mỹ, người ta hôn nhau giữa chốn công cộng là thường. Thế là bây giờ em hết chạy trốn anh rồi.”
Hồng Thu tát yêu chồng :
”Em mới sợ anh bỏ rơi. Bây giờ thì cả hồn lẫn xác em thuộc về anh rồi. Nói cho ngay, em mới chính là người phải cảm ơn anh. Nhờ anh, em đã hồi sinh, em đã lại yêu đời như hồi em còn trẻ.”
Hưng ngắt lời vợ :
”Em không những hồi sinh mà còn hồi xuân nữa. Em đẹp hẳn ra, cứ hơ hớ, làm anh mê mẩn, không lúc nào là không tơ tưởng đến em. Ngồi trong sở, anh chỉ mong sớm về nhà để được ôm em vào lòng. Thế mới biết người ta nói đúng ghê. Văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ...”
Hồng Thu nghiêm mặt, ngắt :

ĐÔI BỜ CHIẾN TUYẾN

Thương binh lại chống nạng lên đường
Nắng cháy lưng trần ngó thấy thương
Một dải đất liền bao thảm họa
Đôi bờ chiến tuyến lăm tai ương
Độc tài thô thể tiêu cơ nghiệp
Dân chủ cũng đành đổ máu xương
Thiếu phụ thơ ngây thành góa phụ
Trường Sa thoát hóa bãi sa trường.

27-7-2016

Hồ Công Tâm

”Không, em không thích giỡn như vậy đâu, đừng có nói nhảm. Em sống lại thật đấy.”

Rồi nàng kể cho Hưng nghe nỗi ám ảnh “vị vong nhân” suốt mười mấy năm trời. Bây giờ, nhờ tình yêu của anh, nàng đã xoá bỏ được ám ảnh đó. Nghe xong, Hưng bỗng cười phá lên :

”Thì ra em cô lỗ sĩ như vậy đó. Em đừng có tin mấy lão hủ nho ấy. Máy ông là một lũ ích kỷ chỉ muốn dành phần lợi về cho đàn ông thôi. Nào là đàn ông có quyền ‘năm thê bảy thiếp’ mà đàn bà thì ‘gái chính chuyên chỉ có

một chồng’. Rõ ràng là họ về phe với nhau để ăn hiếp đàn bà. Vì em tin mấy lão hủ nho đó nên đã bỏ phí một thời gian dài trong cuộc đời ngắn ngủi này. Nhưng nghĩ cho cùng nếu em không tự coi như đã chết, đâu có đến lượt anh được làm chồng em.”

Hồng Thu có vẻ suy nghĩ, rồi nói :

”Em cho là mình có duyên tiền kiếp nên em mới đợi chờ anh. Trong ngót hai chục năm trời ấy, cũng có người theo đuổi em mà em đều từ chối hết. Bây giờ thì em mãn nguyện lắm rồi vì em đã có anh.”

Hưng nhìn quanh, thấy có lác đác người trong bãi đậu xe, vội nói :

”Thôi, mình lên xe đi. Hôm nay còn nhiều việc phải làm, vì dù sao cũng là ngày... tân hôn mà.”

Khi hai người đã ngồi trong xe, Hưng còn ôm hôn vợ trước khi mở máy. Hồng Thu cười, âu yếm vuốt má chồng :

”Mình như là một cặp vợ chồng trẻ mới cưới ấy. Cứ xoắn lấy nhau, chẳng dám xa nhau nửa bước.”

Hưng đáp ngay :

”Thì mình không còn trẻ, không mới cưới là gì. Sợ rằng ở cái tuổi này, mình còn hung hăng hơn bọn trẻ nữa, vì mình đều đã có nhiều kinh nghiệm... chiến trường.”

Hai má Hồng Thu bỗng đỏ ửng, nàng ngoảnh mặt đi để giấu nụ cười bẽn lèn. Khi đã ra khỏi bãi đậu xe, nàng lên tiếng :

”Em đã đặt bàn ở tiệm ăn. Tối nay, tất cả gia đình mình ăn mừng ngày cưới

của chúng ta. Em không mời ai hết, chỉ có vợ chồng mình và các con thôi.”

Hung gật đầu :

”Thế là phải. Anh cũng không thích khách khứa, chỉ tổ bận rộn, phiền phức.”

Ngập ngừng một chút, nàng lại nói :

”Mình nên thu về một mối, anh ạ.”

Hung hỏi ngay :

”Nghĩa là em dọn về với anh ?”

Nàng lắc đầu:

”Không, anh và hai con về nhà em.”

Hung kêu lên :

”Ừ ! Sao lại kỳ vậy ? Xuất giá tòng phu chớ sao lại... phu tòng ? Thế là em ngược đời đấy.”

Nàng nhìn anh cười tinh nghịch :

”Vậy mà anh chê các cụ nhà nho là hủ lậu. Anh có hơn gì họ không?”

Hung cãi :

”Thì ai cũng vậy hết. Đàn bà lấy chồng phải theo chồng, có ai lại bắt chồng theo mình đâu.”

Nàng cười :

”Đó là chuyện ngày xưa rồi, anh ơi. Bây giờ chẳng ai theo ai mà muốn nhà ở riêng với nhau. Sở dĩ em không muốn đến nhà anh vì... vì em sợ lắm...”

Hung ngạc nhiên :

”Sợ cái gì ?”

Nàng rụt rè :

”Em sợ... sợ bóng hình của Nhạn. Thật ra, em thấy kỳ lắm.”

“Bộ em sợ ma ?”

”Không, em không sợ ma, mà chỉ sợ hình ảnh Nhạn lần quất trong ngôi nhà của anh. Vô bép, em thấy Nhạn đang nấu nướng. Vô phòng tắm, em thấy

Nhạn đang tắm. Vô phòng ngủ, em thấy Nhạn và anh đang... ăn nằm với nhau, bây giờ lại vẫn cái giường ấy, em thế vô chỗ Nhạn... Em không ghen mà cũng không sợ ma, nhưng em biết ngôi nhà ấy tràn đầy hình bóng Nhạn, vì anh và Nhạn ở đó đã nhiều năm, tất cả mọi vật đều có dấu vết kỷ niệm của cô ấy.”

Suy nghĩ một lúc, Hung gật đầu :

”Em nói đúng. Chính anh cũng thấy hình bóng Nhạn khắp mọi nơi.

Vậy thì ngay ngày mai, anh và các cháu sẽ dọn hết sang nhà em. Còn đêm nay, mình động phòng ở nhà em.”

Nàng phì cười :

”Mình động phòng cả mấy trăm lần rồi, đều ở trong phòng ngủ của em, có gì mới mẻ đâu.”

Hung cười theo vợ, rồi nói:

”Dọn nhà xong, mình đi hưởng tuần trăng mật ở Hạ uy di. Khi trở về, mình sẽ bán cả hai căn nhà để mua một nhà mới rộng rãi hơn.”

Nàng vui vẻ tán thành :

”Em cũng nghĩ vậy. Dù sao mình cũng là vợ chồng mới, phải không anh?”

Hung liền nịnh :

”Em nói gì mà chả đúng. Bây giờ đôi với anh thế gian nhất vợ đến nhì trời.”

Rồi anh cười phá lên.

Chưa bao giờ Hồng Thu thấy cuộc đời đáng yêu như lúc này.

Tạ Quang Khôi

ẢO TƯỢNG CUỘC ĐỜI

Trần Tam Nguyên

Chuyện đến với tôi là một cuộc phiêu lưu khá tầm thường mà một số những thanh niên thiếu nữ khắp nơi chung quanh tôi đều đã biết đến và chuyện đó có lẽ tôi đã sai khi nói khá dài dòng nhưng tôi không dừng được : con người được sinh ra, đã chui vào một chỗ nào đó trong không gian và thời gian. Đó là một kinh nghiệm lạ lùng mà con người không sẵn sàng quên đi được.

Hình như đối với tôi nhiều khi những sự vật được tạo ra trong đó có việc con người được sinh ra và chẳng có gì cả, con người không có lựa chọn được sinh ra, vào bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Con người đã không cập bến hôm qua ở Troie giữa Achille và Ulysse, cũng không phải hôm kia để gây chiến tranh. Con người bị rơi xuống mặt đất chứa đựng những vinh quang, những kỷ niệm, phủ đầy những vết thương, những cục sung vù, bại xuội của những tranh dành và những chia rẽ, tự tin và sự may mắn, ở bên bờ của sự đầy đủ hạnh phúc và đứng trên sự xuống dốc tàn suy. Trong suốt nhiều thế kỷ mạnh nhất, giàu nhất, hấp dẫn nhất, nó lại tự tìm thấy nghèo khó và phiền toái chẳng vui, khắp mọi nơi hình như suy sụp. Ngôn ngữ, thứ sở hữu quý giá nhất rực rỡ sáng lạn và đã ngự trị trên Âu châu, ngự trị trên thế giới, dần dần tự tan rã. Vào thời Platon

và Sophocle người ta đã biết đến lời Khổng tử là phải giữ gìn ngôn ngữ vì một ngôn ngữ suy sụp thì đất nước chấp choạng suy yếu.

Con người luôn cho rằng mình là trung tâm thế giới. Lịch sử đã quay trái đất từ những ông vua vĩ đại, những thuyền trưởng oai hùng cũng như những nhà hội họa, những thi hào, đến những người đàn bà thần thoại. Những lễ lạc chầm dút, người ta đóng cửa, những nơi trình diễn, những khu vườn, những lối chơi chữ, sự vui nhộn, quyền lực và trang nhã, cao cấp và vĩ đại đều rơi xuống trong sự lãng quên, chỉ còn lại tiền bạc để còn làm sự gian hùng và giữ sự cao cả. Sự lo sợ tương lai đã thay thế bằng sự vô tư và một vẻ âu sầu thờ than trong những con đường.

Thế giới rần rỏi, nhọc nhằn chung quanh chúng ta, nó luôn luôn như thế. Từ thuở vườn địa đàng và từ khi kết thúc sự sống chung với giống người thượng cổ thì không bao giờ có bình yên, với những thiên tai và với những hạnh phúc. Tất cả luôn luôn dao động lên xuống. Lịch sử không bao giờ ngừng, luôn luôn là một thảm nạn và một lễ lạc. Những tiến bộ phát ra như những tiếng không nghe thấy và lập đi lập lại, mang theo một chuỗi dài khổ đau pha lẫn hy vọng.

Chìa khóa của vấn đề là thế giới đang thay đổi, nó luôn luôn đổi thay,

nhưng ngoại trừ ở lúc ban đầu mọi sự việc tự xô đẩy theo một mức độ, một dáng dấp hẫ hững, nhưng rồi nó đã thay đổi một cách rất chậm chạp, người ta đã có thể tính toán tương lai, với một vài biến cố làm chúng ta kinh ngạc như sáng chế ra lửa, sáng chế bánh xe, nghề nông, thành phố hay chữ viết... ngày mai gần giống như hôm qua, rồi bỗng dung tan biến mất. Tất cả những gì nằm dưới mắt chúng ta thay đổi mỗi lúc nhanh hơn, có lẽ quá nhanh.

Trước tiên phải nói chúng ta cũng là một chút gì đó để có thể nói rằng không phải là không gì cả. Từ lâu con người đã tin một cách tự nhiên rằng tất cả không bao giờ ngừng trôi chung quanh mỗi người chúng ta, vì chúng ta là trung tâm thế giới. Nhiều dân tộc sơ khai đã tưởng tượng một cách giản dị rằng cộng đồng của họ đã tạo dựng con người một cách hoàn hảo. Dân Trung hoa gọi đất nước họ là bá quyền trung ương. Dân Hy Lạp đã mở ra biết bao con đường hầu như tất cả đã sáng tạo, là nguồn gốc của tất cả những gì chúng ta yêu thích, và đã nghĩ rằng con người là kích thước của tất cả mọi sự vật. Và những người Do thái, người Thiên chúa giáo là nền tảng cứng rắn của đất, đọc trong những sách đạo giáo của họ, cho rằng thượng đế, khởi từ đầu, đã sáng tạo con người với hình ảnh của họ, Adam trước tiên, tiếp theo là Êve. Từ khi Moïse đã là những mẫu mực tốt đẹp của thượng đế, từ khi Socrate và Platon dạy rằng thể giới của chúng ta chỉ là phản chiếu của

một sự thật được che dấu và ở phía trên cao. Từ khi Jésus Christ đã cho chính mình là thượng đế, từ khi Mahomet đã đem xuống trái đất, nhờ vào thánh Gabriel, những mong muốn của Allah, con người đã có rất nhiều tiến bộ, rất nhiều khuynh hướng ...

Mỗi người chúng ta càng lúc càng thu nhỏ lại, tự giảm sút gần như là không còn gì cả, bởi một lý do giản dị nhất, đó là chúng ta trở nên quá đông đúc. Vào ngày mai, mỗi người chúng ta trở nên tầm thường, không đáng kể, gây khó chịu cho những người khác sẽ tiếp tục một đống vỡ càng lúc càng quên đi là một nhân loại tham vọng bành trướng như chính vũ trụ và như một sự lạm phát giết người.

Không những mỗi người chúng ta chỉ là một giọt nước trong những thác nước nhân loại mà tổng hợp những con người bỗng dung thành một hạt cát trong một vũ trụ luôn luôn bành trướng rộng lớn, bao la. Thái dương hệ của chúng ta hoạt động một cách tốt đẹp bất ngờ, những khám phá cho thấy những hạt nhỏ dưới cái nhìn của thiên hà mà chúng ta gọi là ngân hà. Và thiên hà của chúng ta, đến phiên nó thay đổi khá nhanh thành một cộng rom trong một cánh đồng mênh mông, bao la. Sự so sánh như thế cũng có thể sai hay cũng có thể đúng để làm một sự đo lường đúng đắn. Ngoài ra còn có một vài người nghĩ một cách mơ hồ và nguy hiểm rằng có thể có vô số vũ trụ khác ngoài vũ trụ của chúng ta, có lẽ không

ai biết gì cả, và thật ra tôi và anh, chúng ta thật sự nhỏ hơn cái không gì cả.

Theo sự hướng dẫn của tinh thần hay của linh hồn, con người có phía trên khuôn mặt của họ, trên đỉnh đầu được che chở bởi cái não, một thứ tròn tròn mềm mại và nói một cách thẳng thắn nó lạ lùng mặc dầu đối với tất cả và đối với cái nhỏ bé không nghĩa lý gì cả của chúng ta ở trung tâm vũ trụ : đó là khối óc, với những thần kinh, những chỗ tiếp hợp, với nhiều thứ phức tạp, cho phép nó, ở chỗ không gì cả hay kém hơn cái không gì cả, nhớ lại được quá khứ, tưởng tượng tương lai, tính toán nơi cư ngụ những hơi nước xao động và những khó khăn tan biến để giải thích và cả để thai nghén những tình cảm, những giấc mơ, những đam mê, những tin tưởng, và những hành động trên thế giới này.

Kinh ngạc và huy hoàng nhất là tất cả những khối óc hay não bộ này đều khác nhau và đều tương tự nổi lên cùng một thế giới mà nếu không có chúng thì hầu như không có sự tồn tại nào cả và cũng nhờ chúng mọi thứ trở thành hiểu được. Einstein nói rằng "điều khó hiểu hơn chính là thế giới này có thể hiểu được" Tinh thần sáng suốt của con người đã đi đến chỗ tưởng tượng rằng tất cả đều không phải là thật chút nào cả và chính khối óc đã sáng tạo tất cả mọi thứ. Giả thuyết được cải chính ngay bởi chính khối óc : từ khối óc sinh ra tư tưởng, từ đó sinh ra khoa học, từ khoa học đã thiết lập ra vũ trụ hiện hữu, hay giả làm như hiện hữu, trước khi có con

người và tư tưởng con người. Và não bộ, khối óc hay tư tưởng con người không bị mệt mỏi từ thành công này đến thành công khác. Người ta làm tất cả, với tư tưởng từ trên cao xuống dưới thấp, với thánh thần, với tiền bạc, với những chinh phục, với những thú vui, với những thần thoại, với những hành vi đê tiện, thiện, ác, và nhất là làm lịch sử.

Một trong những chiến thắng nổi bật nhất của khối óc và tư tưởng con người là tạo dựng lại lịch sử của một quá khứ mà nếu không có lịch sử đó thì có thể làm biến mất con người và chắc chắn không để lại một dấu vết nào.

Những sử gia, tiền sử gia, những nhà nhân chủng học, sinh vật học, kể tiếp đến những nhà địa chấn học, những nhà thiên văn học, vật lý học, toán học và dựa một cách liên tục trên những bài vở, trên những liên lạc thư từ, trên những chứng kiến, trên những mô tả, trên những hóa thạch, rồi trên những quan sát bầu trời, và trên lý thuyết, thứ này đến thứ khác làm sống trở lại dưới mắt chúng ta một quá khứ bất ngờ. Chúng ta hầu như biết tất cả các thời đại kể cả nguồn gốc của chữ viết, khởi đầu của canh nông, nghệ thuật, những cuộc di dân từ Phi châu sang Á châu và Âu châu, từ sự đi qua của những người sơ khai đứng lên và suy tư. Và hơn nữa những hình thức đầu tiên của sự sống, sự sắp đặt của hệ thống mặt trời, sự tách rời của những thiên hà, sự rời xa nhau giữa thiên hà này với thiên hà khác. Sự bắt đầu của mọi sự vật hình như nổi lên

hơn trong những chuyện truyền kỳ và khoa học cho chúng ta biết đến vụ nổ lớn khởi nguồn.

Những gì khỏi óc dạy cho chúng ta biết là chúng ta đã đi ra từ một câu chuyện dài có nhiều dáng dấp của một thiên anh hùng ca, của một đại nhạc hội kịch trường, của tiểu thuyết với một bắt đầu và một kết thúc, với những nhân vật khác chính chúng ta, một loại trò chơi đối nghịch và một chút khủng khiếp diễn ra trong lúc đó. Chúng ta đi ra từ câu chuyện này nhưng chính chúng ta cho nó ý nghĩa, chúng ta sẽ chẳng là gì cả nếu không có câu chuyện đó, nhưng nó cũng chẳng là gì cả nếu không có chúng ta; chúng ta là những nhân vật của cuốn tiểu thuyết đầu tiên này, nhưng chính chúng ta đã viết ra nó, hay ít nhất là đã khám phá ra nó. Chúng ta ở giữa sự huy hoàng đó hay nói đúng hơn cuộc phiêu lưu duy nhất không hiện hữu đó. Tất cả những thứ khác, tất cả những gì chúng ta sống, sáng chế, kể lể, vẽ ra hay mơ ước, những gì chúng ta gọi là nghệ thuật, văn chương, kỹ nghệ, thực nghiệm, khám phá chỉ là sự bắt chước mờ ảo, một phần nhỏ, một sự tạo dựng trở lại vụng về, và chỉ một phần sự huy hoàng của nó.

Nhưng những thứ gần như không gì cả đó của thế giới này đã bị mang đi bởi thời gian. Những thứ đó ở dưới ánh mặt trời, người Hy Lạp gọi là thế giới tuyệt vời. Tôi rất sung sướng và hãnh diện là một con người được tham gia vào cuộc đời này bên cạnh những con mèo, con

lừa, con voi, những cây ô-liu mà đối với tôi thật gần gũi và thân mến.

Tất cả những gì ở trong thời gian sẽ đi qua với thời gian, chẳng có gì thuộc về thế giới mỏng manh và tạm bợ này với chỉ được một chút tôn trọng, một chút bằng lòng hài hước xa vời. Người ta rất có thể chết một cách tốt đẹp, cho danh dự tổ quốc, cho sự tin tưởng và cho những gì yêu thương. Nhưng con người đã bị trói buộc vào sự vĩnh cửu một cách không dè dặt, không hạn chế. Vĩnh cửu là gì? Chúng ta biết rất rõ ràng, đó là những gì chúng ta hằng mong muốn. Chúng ta đi đến vĩnh cửu bởi vì chúng ta được sinh ra và bởi vì chúng ta sẽ chết. Sự sống chỉ là chôn tiền đình và mở đầu cho sự chết. Sinh ra không khác gì là bắt đầu sự chết. Những sự vật trang nghiêm bắt đầu với sự chết. Chúng ta sống một ít thời gian và chúng ta sẽ chết mãi mãi dù cho chúng ta có tin hay không đến một vài thứ gì đó sau khi chết, tất cả chúng ta sẽ đi vào trong vĩnh cửu ngay khi chúng ta đi ra khỏi thời gian, nghĩa là lúc chúng ta chết. Vấn đề duy nhất là biết được sự vĩnh cửu này phải chẳng trống rỗng, không có một chút ý nghĩa nào hay nó đầy một niềm hy vọng mù mịt, mờ tối có khả năng cho nó một ý nghĩa.

(Còn tiếp)

TRẦN TAM NGUYỄN

Mây Bay Tháng Chín

Tôi đứng lặng người bên cửa sổ nhìn ra ngoài đường phố. Chiều thứ bảy, Montréal đang mưa tầm tã, cơn mưa dầm kéo dài từ sáng. Có nhiều chuyện để nhớ về một người tôi quý trọng, quen thân, vừa qua đời. Người đó là nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, một tên tuổi lớn trong giới văn học, và cũng là thầy dạy Triết của tôi.

Hai ngày ở Montréal qua nhanh. Ngồi trên máy bay về lại Maryland, nhìn ra cửa sổ, những đám mây ửng nắng lơ lửng lưng chừng trời như có bước chân thầy tôi trên đó.

Như một điều tự nhiên không giải thích được, thầy Hoàng là người thầy duy nhất tôi còn giữ được sự liên lạc từ khi rời ghế nhà trường cho đến khi qua Mỹ. *Dạ thưa thầy!* Tôi chào thầy qua cuộc điện thoại đầu tiên ở Mỹ. *Thôi, thầy trò gì nữa! Gọi bằng anh! Dạ chào ... anh Hoàng...* Thầy cười rồi tôi cũng cười... Tôi nhắc lại thời học với thầy ở trường Trường Sơn, tôi kể hơi tiếu lâm về ngôi trường này làm thầy cười hoài. *Trời ơi, sao anh nhớ cái thời đó quá!*

Hè 90 tôi về Sài Gòn. Thầy dặn, *nhớ chụp hình trường Trường Sơn cho anh nhe. Dạ, em nhớ mà.* Trường Trung học Tư thực đệ nhị cấp Trường Sơn vốn chỉ là một ngôi biệt thự cũ từ thời Tây, nằm gần ngã tư Lê Văn Duyệt và Hồng Thập Tự. Thầy hiệu trưởng là thầy Nguyễn Sỹ Tế, cũng là một nhà văn.

Trưa Sài Gòn, nắng như đổ lửa, mặt đường nhựa rung rúc nóng, tường chùng như quét một cây diêm lên là con đường bốc lửa. Tôi ngồi bên kia đường nhìn qua trường, ly rau má lạnh xanh đắng trên tay. Đường vắng, vài chiếc xe đạp mệt mỏi qua lại. Vĩa hè trước trường lồi lõm gạch đá. Bà bán vé số ngồi núp dưới bóng cây gầy guộc, tay cầm quạt lia lia vào mặt. Bóng cây này cũng đã từng che cho tôi bao ngày nắng, tay ôm cặp đứng chờ ai... Tôi nhớ đến lời thầy dặn, đưa máy lên chụp. Ngôi trường kỷ niệm của thầy trò tôi đang bị đập bỏ, chỉ còn lại chùng một phần tư!

Tôi nhớ những lần qua Cali gặp lại thầy. Tôi vào toà báo chơi và hai thầy trò chụp hình trước toà soạn báo Người Việt ở Santa Ana. Có lần qua San José thì gặp thầy ở parking lot toà báo Việt Mercury. Thầy mở trunk xe lấy mấy cuốn Văn cho tôi. Rồi thầy đưa Bằng và tôi đi ăn trưa. Tôi gọi tô bún bò. *Nhất định phải ăn bún bò à? Thì anh nói qua đây anh đãi người Huế ăn bún bò mà. Ờ, đúng, mà tiệm này bún bò không ngon...* Tôi cười, *không sao, em ăn cho biết nó đỡ tới mức nào.*

Và những lần thầy qua vùng D.C. chơi thăm bà con, bạn bè, hay tham dự các buổi ra mắt sách. Thầy trò có buổi ăn trưa vui ở Georgetown và cà phê ở Tyson Corner. Có lần thầy tặng tôi cuốn *Letters to a Young Poet* của Rainer Maria Rike. *Phải đọc nhe,*

hay lắm đó. Rồi nhắc khéo tôi, Xong tập thơ chưa, nhớ gởi cho anh đọc nghe không. Anh bận chuyện báo chí, thì giờ đâu mà đọc thơ của em, tôi kiếm có vì sợ thầy chê thơ mình! Thầy nhìn tôi, Đọc viết là nghề của anh! Ờ, mà nhớ lại ông già (bố tôi) có đưa cho anh tập thơ đó chớ mà anh chưa kịp làm gì thì ông mất. Nhưng thôi, nhớ xong bản nháp thì đưa anh đọc cho. Dạ, em nhớ, em sẽ gởi. Nhưng tập thơ Mong Manh của tôi không có dịp đến tay thầy.


Bây giờ là tháng chín 2016. Mây vẫn nhẹ bay trong ánh nắng rực vàng của những ngày cuối hạ. Tôi đọc lại bài thơ tôi viết cho thầy hai năm về trước để tưởng nhớ người thầy mà tôi kính trọng và quý mến ...

N.X.H.

Bỏ tháng chín mùa xuân khô cạn kiệt
Đời rong rêu lưu lạc một nhánh buồn
Chữ từng chữ lấp vào chùng không đủ
Bụi rác về che khuất những âm u.

Hoàng hôn xuống và mùa xuân vội khép
Đời theo đời chữ theo chữ tìm nhau
Một đôi khi hụt hẫng nhớ thuở nào
Kẻ tà đạo cuồng quay trong giếng bão.


Ý Anh 9-13-2014



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



NGƯỜI CẬU BÓNG TRẮNG

PHONG THU

Tôi ghé ngang tòa soạn thăm Đông xem hấn ở đâu. Tôi nghe báo chí loan tin hấn đã bị Ban Biên Tập đuổi ra khỏi tòa soạn vì tội viết bậy trên Blog của hấn về các đại gia trong nước. Tôi viết blog để chơi, tán gái, ba hoa chích chèo về bản thân, các kiểu ăn nhậu, về mái tóc lúi làm giàu, giá cả lên xuống của vàng, nhà cửa đất đai, giặc giá leo thang... Và quan trọng hơn là tôi ôm ấp mơ ước sẽ trở thành một nhân vật tên tuổi để được ghi tên vào lịch sử văn học Việt Nam, hay văn học thế giới. Khổ nỗi, tôi là thằng bất tài nên Blog của tôi không có con ma nào muốn xem. Chỉ có mấy em dờ hơi, cô đơn, thiếu tình, thiếu tiền là đi tìm Blog của tôi xem để giải sầu. Nhờ vậy, tôi cũng quen được với một số em chân dài, xinh xắn và chịu chơi. Nhiều em là con nhà giàu, con của các ông lớn, đại gia có tầm cỡ và cũng có nhiều em còn là học sinh hay sinh viên môn mơn. Blog của tôi là một cái chợ trời hỗn mang nên mấy ông Bộ Nội Vụ, công an chìm, nổi đâu có thèm để mắt tới. Tôi khôn lắm! Lặn sâu, ẩn kỹ, tính toán hơn cân tiều li để được sống an nhàn. Chính vì vậy, những kiến thức tôi học, những kỹ năng tôi có đã không giúp được gì cho bộ não của tôi. Tôi chẳng làm được bài thơ nào hay hoặc

viết một bài báo nào ra hồn để nói lên cái hiện trạng xã hội bầy nhầy, rác rưởi mà tôi đang sống. Tôi chỉ có một tài duy nhất là viết để khen ngợi, bóc thom, nâng bi, nịnh hót và cổ võ cho những bộ óc ngu si, độc đoán, già nua, hủ lậu. Mấy năm gần đây, tôi còn nổi tiếng hơn trong làng báo vì tôi làm chuyên viên thượng hạng cho các tờ báo chuyên môn đấm mồm những nhà tranh đấu trong nước đòi tự do, dân chủ cho Việt Nam. Mấy tay đó biết gì là dân chủ, tự do mà đòi. Xã hội Việt Nam tự do chán rồi, đòi hỏi làm chi cho mệt xác, còn bị bỏ tù. Những tay đó không hiểu rõ luật lệ và sự vận hành của xã hội. Xã hội nào thì quan thầy và chính quyền đó. Họ có tổ chức, có quân đội, có nhà tù, có tiền và quyền. Còn mình chỉ là thằng dân đen suốt ngày đầu tắt mặt tối đi chạy ăn từng bữa mà bày đặt làm tàng. Cái bụng lép xẹp, con khóc, con la, vợ đầu bù tóc rối lo đi kiếm cơm thì còn thời gian đâu để tranh với đấu. Chồng đối, chê bai, đá kích các cớm làm chi cho khổ cái thân. Sống phải tùy thời, ngu là thiệt thân. Chính cái bí quyết sống đó mà tôi từ từ lên chức. Từ một công nhân chạy vòng vòng đi kiếm quảng cáo, tôi bỗng trở thành phóng viên chính thức của nhật báo “Công Lý”. Một nhật báo tiếng tăm, hiển hách mà nhiều người nằm mơ cũng chưa

chắc được tuyển chọn. Tôi lại được các cóm trọng nề nên mỗi lần có chuyện lớn là họ yêu cầu tôi phải viết bài lên tiếng, bình vực cho những việc làm đúng đắn, trí tuệ của các cóm như ủng hộ nghị quyết của Chủ tịch Nước, Bí Thư Trung Ương, Thủ Tướng, Bộ Trưởng, Giám Đốc... Đó là nghề của tôi. Tôi sống với tiện nghi khá đầy đủ và tôi hãnh diện với tài năng xuất chúng của tôi. Chẳng hiểu sao đến giờ này tôi vẫn còn thương cái thằng Đông ngu như bò. Nó có cái sừng cụt ngắn mà cứ đòi húc đầu vô đá cho vỡ sọ. Toà soạn cấm nó không được viết Blog về tình hình chính trị trong nước, về những vụ biểu tình chống Trung Quốc chiếm Hoàng Sa, Trường Sa, về những vụ các quan tham những hàng tỉ đô la tiền viện trợ để cá độ bóng đá, vụ án xa lộ Đông Tây, vụ hàm Kim Liên, vụ án Securence (Úc) có liên quan đến giám đốc CT CFTD, vụ Vinashin, Đại Lễ Thăng Long, xử phạt mấy ông phản động cầu kết nước ngoài lật đổ Đảng và nhà nước. Nó cứ lao đầu vào những chuyện tào lao nên bây giờ mang họa vào thân.

Tôi suy nghĩ lung tung nên không biết là đã đến toà soạn Lý Tường. Người tài xế nhắc nhở hai ba lần tôi mới mở cửa bước ra. Tôi trịnh trọng như một quan lớn, bước từng bước đủng đỉnh đi vào văn phòng Lê Doanh, Tổng Biên Tập, lão già bụng phệ. Vừa thấy bóng tôi, lão bỗng thân thiện lạ lùng:

“Anh Thiệt, vào đây uống trà cho vui. Tôi đang chờ anh đây.”

Tôi chưa kịp ngồi xuống bộ sofa đã nghe tiếp những lời mời thỉnh:

“Tôi rất hân hạnh đón tiếp anh. Đông đã rời khỏi toà soạn, nếu anh có thời gian thì giúp tôi một tay. Chúng tôi sẽ trả nhuận bút hậu hi.”

Tôi cũng là thằng tòi nhưng nhìn cái mặt hần là tôi phát bực. Hần là một tay cách mạng 30 tháng 4, không có bằng cấp, không có bằng trường kỳ kháng chiến như những tay kia. Nhưng hần có bằng “thức tỉnh và thức thời” chạy theo chính quyền mới ngay từ những ngày đầu cộng sản chiếm Sài Gòn. Hần đeo cây súng của lính Cộng Hoà bỏ lại, rồi hôi của những người giàu có bỏ nhà cửa ùn ùn đi ra ngoại quốc. Chính vì vậy mà hần giàu trông thấy. Hần lại biết dùng tiền bạc, vật chất mua chuộc các cán bộ từ trong rừng ra bằng những thứ gom được. Hần có bộ óc cấp tiến là tiếp thu tư tưởng xã hội chủ nghĩa nhanh như chong chóng nên bây giờ hần hơn cả tôi. Với chức vụ Tổng Biên Tập tờ báo “Lý Tường”, hần đã xem trời bằng vung. Ai cũng sợ hần. Hần thích tôi vì tôi quen nhiều cóm và thuộc loại có máu mặt trong làng báo. Tôi hỏi:

“Anh liệu trả cho tôi bao nhiêu một bài.”

Hần xoa tay giả lã:

“Phóng viên tôi trả khác, còn anh khác. Bài của anh tung ra là hàng triệu triệu người trong nước và hải ngoại xem và tác động đến dư luận.”

Tôi biết khi bài tôi viết ra thông thường giới lãnh đạo khen và hài lòng, nhưng những người có suy nghĩ sẽ nhỏ

toẹt vào đó. Họ xúm nhau chửi tôi và viết bài bình luận, xã luận, mớ xề, phân tích bài viết của tôi. Những lúc đó, tôi cảm thấy thú vị vì tôi bỗng trở thành trọng tâm của nhiều người. Từ kẻ có quyền cho đến những anh tự cho rằng mình tài cao, đức rộng hơn người cũng sẽ quan tâm tới tôi. Tôi bỗng nổi tiếng và nhiều người biết đến. Ai chửi mặc kệ. Tôi cứ phây phây mà sống đàng hoàng, hưởng lộc trời cho. Tôi cười khẩy:

“Chuyện đó tôi sẽ nói với anh sau. Bây giờ tôi muốn hỏi thằng Đông thực sự bị đui rồi sao? Nó là thằng bạn nói khổ của tôi đó anh Doanh.”

Hắn đan hai bàn tay núc ních mỡ và bẻ qua bẻ lại với vẻ lúng túng:

“Tôi đâu có muốn cho Đông nghỉ việc. Nhưng có lệnh cấp trên. Nói thật với anh, Đông rất giỏi, có kiến thức và có tài nhưng bướng bỉnh lắm. Cậu không nghe lời ai hết nên mới rước hoạ vào thân.”

“Tôi hiểu. Nhưng hơi mạnh tay đó anh Doanh. Tiếc rằng tôi không thể ở đây lâu hơn vì có việc phải làm.”

Tôi thấy nổi thất vọng hiện rõ trên mặt hắn. Nhưng tôi biết hắn sẽ không tố cáo những gì tôi nói với hắn hôm nay. Nhất là việc tôi có quan hệ mật thiết với Đông. Tôi đứng lên chào hắn:

“Thôi cảm ơn anh tôi phải về. Tôi tưởng hôm nay Đông đến để thu gom giấy tờ. Tôi muốn gặp Đông để cảm hoá hắn.”

Người tài xế đón tôi ở cổng. Tôi vừa định bước vào xe thì đã thấy bóng Đào, cô bạn thân của Đông trong toà soạn

đang hấp tấp đi tới. Thấy tôi, cô ấy buồn bã hỏi:

“Anh Thiệt, anh đi tìm Đông phải không? Anh có tin gì của anh Đông chưa?”

“Chưa! Ông Doanh chẳng nói gì cả. Tôi không biết bây giờ nó đang ở đâu. Gia đình vẫn chưa nhận được tin của nó. Ba má nó lo lắng lắm nên nhờ tôi đi kiểm.

Mắt Đào ngân ngấn lệ:

“Hôm qua, tôi cũng bị công an đến nhà lấy cung, lục soát. Họ lấy đi tất cả CD, giấy tờ, tài liệu, máy ảnh và máy computer rồi. Còn Đông đang bị nhốt trong Sở Công An Quận 1.”

Tôi thường ngày tỉnh bơ trước mọi việc. Nhưng hôm nay, tôi hay tin thằng bạn của mình gặp nạn, tôi cũng lo âu. Tôi nói nhỏ đủ cho Đào nghe:

“Tôi sẽ theo dõi vấn đề này. Nhưng cô nhớ đừng có cựa nự lại tụi công an, biết gì cứ khai ra. Đào cũng nên khuyên Đông nên nhận khuyết điểm là hơn. Nhờ vậy, may ra họ thả sớm.”

Đào quệt nước mắt, giọng ứот rượт:

“Anh Đông đâu có làm gì sai trái. Anh chỉ viết những chuyện tiêu cực xã hội để giúp đất nước tốt đẹp hơn thôi.”

Tôi thì thầm:

“Người ta không cần mình làm cho xứ sở này tốt hơn đâu cô. Nhiều người tốt quá thì làm sao người ta có thể làm ăn được. Mình cũng không cần nhìn rõ mọi thứ đâu Đào. Mình nên sống nửa tối, nửa sáng, nửa khôn, nửa dại. Cái gì cũng nhìn, ngắm, sờ mó, suy nghĩ một nửa thôi. Cô hiểu tôi nói không. Đó là

bí quyết thành công đó cô. Thăng Đông nó đại quá.”

Đào nhú mày:

“Tôi sống như anh không được vì như vậy là mình tự lừa dối chính mình sao?”

Tôi giải thích:

“Cô nghĩ xem nếu không biết lừa dối và tự lừa dối thì vô tù hết. Nhà tù đâu mà chứa mấy chục triệu Đảng viên, quan chức nhà nước. Tôi đi làm một ngày phải đem theo ba bốn cái mặt nạ đủ kiểu và đủ màu. Tôi sử dụng mặt nạ tùy theo đối tượng tiếp xúc. Ôi thôi! Đòi người chỉ ngón như ngón tay. Chúng ta lo hoài chuyện viễn vông mà có làm được gì đâu? Cứ ăn nhậu, chơi bời, mơ mơ màng màng như tôi thì sống khoẻ re. Mà thôi, cô theo dõi tin tức và cho tôi biết sớm nhé!”

Đào năn nỉ tôi:

“Anh quen biết nhiều. Anh cũng nên giúp cho anh Đông về nhà sớm nghen.”

Nhìn mặt Đào, tôi biết cô buồn và lo lắng cho Đông. Tôi hơi tức và ganh tị với Đông. Tại sao tôi cũng bảnh bao, giàu có, địa vị cao hơn Đông mà Đào không yêu tôi. Cô nàng lại chết mê, chết mệt cái thằng Đông vừa nhát gái, vừa nghèo kiết xác. Tôi cứ nghĩ mình thành công là mình ngon lành, thông minh hơn người nhưng thực ra tôi lại mù tịt về chuyện tình yêu, đàn bà, con gái. Xung quanh tôi có biết bao cô mê say tôi và muốn được nâng khăn sửa túi. Nhưng tôi lại thích Đào mới treo cằm ngỗng. Tôi ngọt ngào an ủi Đào:

“Đào đừng lo. Tôi sẽ giúp đỡ cho. Yên tâm làm việc nghen.”

Tôi leo lên xe đóng cửa lại và ra lệnh cho tài xế trực chỉ đến Sở Công An.

* * * * *

Căn phòng thẩm vấn của Sở Công An là một căn phòng quét vôi trắng toát như một nhà xác. Trong căn phòng rộng lớn chỉ có một cái bàn dài, với bốn cái ghế. Trên bàn chỉ có một cây viết, một xấp giấy trắng. Đại Tá công an, Trần Xuân Lãm ngồi chễm chệ bàn đối diện và hai công an còn trẻ ngồi bên cạnh. Ánh điện trong phòng sáng chói đến nhức mắt. Hình như họ mở hết bốn ngọn đèn Neon làm cho bức tường vôi thêm trắng xoá. Thứ ánh sáng khủng bố và áp đảo làm tinh thần phạm nhân hoang mang, lo sợ. Giọng nói nghiêm nghị và có uy lực của Đại Tá Lãm vang lên:

“Anh viết Blog từ bao giờ?”

Đông thông thả đáp:

“Hai năm nay.”

“Anh đã liên lạc với ai ở nước ngoài?”

“Chẳng có ai cả. Tôi chỉ viết để giải sầu.”

“Anh cũng biết trong nước hiện có mấy chục ngàn Bloggers. Nhưng chúng tôi chú ý đến anh, nhà báo Hoài Chân, nhà văn Ngọc Quang, nhạc sĩ Ánh Quỳnh, Đạo diễn Lê Bang, nhà thơ Bảo Linh... Họ cũng có khuynh hướng viết Blog để cấu kết với bọn phản động hải ngoại chống phá nhà nước và lật đổ chế độ.”

THU MỞ

Thu về chiếc lá nhẹ nhàng chao
Man mác mây trôi tận chốn nào
Sợ nắng giăng nghiêng hồn vắng lặng
Tiếng lòng thoáng gợn chút xô xao

Tình có già chưa biệt tháng năm
Gió mùa về tự chốn xa xăm
Xin đừng nuôi tiếc chiều hò hẹn
Thương nhớ làm chi lạnh chỗ nằm

Thao thức đêm thâu giấc mộng hồ
Đôi bàn tay mỗi dệt vần thơ
Ai còn chờ mãi dòng sông nhỏ
Nơi bến bờ xưa nhớ ngẩn ngơ

Hoài vọng tâm tư nắng xế tà
Dấu yêu kỷ niệm chợt phôi pha
Bên nhau triu mến tình chưa ngỏ
Cỏ nội hương đồng gió thoảng qua.

Đỗ Thị Minh Giang

15-8-16

“Tôi không có liên kết với những người nước ngoài và cũng không có âm mưu lật đổ chính quyền. Tôi chỉ đưa ra những quan điểm và suy nghĩ của mình về

tình trạng đất nước bị Trung Cộng lấn chiếm và về những tệ nạn xã hội mà thôi.”

Đại Tá Lâm lạnh lùng hỏi tiếp:

“Anh có biết là những vấn đề đó có liên quan đến bộ mặt quốc gia không? Giữa ta và Trung Quốc có ký nhiều hiệp ước hợp tác toàn diện về kinh tế, văn hoá, quốc phòng. Chúng ta đừng vì chuyện nhỏ mà mất đi tình hữu nghị. Nếu các anh cứ viết bừa bãi và kêu gọi chống Trung Quốc thì chẳng khác nào gây thù, chuốc oán với chính quyền và nhân dân Trung Quốc sao? Các anh càng viết thì đất nước càng rối ben vì gây hoang mang trong quần chúng, xáo động biểu tình, gây rối loạn trật tự xã hội. Đảng muốn đất nước yên ổn để xây dựng kinh tế. Chiến tranh hơn nửa thế kỷ, ai cũng sợ. Anh nhìn xem, ngoài một đám nhỏ gây rối như các anh đâu có ai muốn thay đổi cuộc sống yên bình, no đủ mà họ đang được hưởng. Chúng tôi mời anh lên đây là muốn anh khai báo thật thà với Đảng và nhà nước để được khoan hồng.”

Đồng bình tĩnh đáp:

“Tôi không có cấu kết với phần tử phản động để lật đổ chính quyền. Ông nhìn xem, một người làm báo chỉ có giấy, mực và chữ nghĩa, không súng đạn, vũ khí, quân đội thì lật đổ ai. Chỉ có những chính quyền tồi tệ họ mới sợ chúng tôi mà thôi.”

Mặt Lâm đỏ ửng rồi chuyển sang màu xanh mét, sau đó trắng bệch. Ông ta gằn giọng:

“Ý anh muốn nói chế độ hiện nay tôi tệ nên các anh muốn bôi bác phải không? Ai cho các anh có công ăn việc làm, cơm áo, nhà cửa và mọi phương tiện để sống? Nếu không nhờ Đảng và nhà nước thì các anh không có địa vị trong các toà báo. Các anh không biết on chính phủ mà còn muốn tìm cách bôi nhọ, lật đổ. Những bài anh viết trên Blog đã chứng minh tội vu khống cán bộ nhà nước, làm nhục quốc gia. Tôi đã xem qua tất cả những bản kiểm điểm của anh. Anh không thành khẩn khai báo nên chúng tôi phải tạm giam anh ở đây.”

Đại Tá Lãm ra hiệu cho hai công an trao lại cho Đông những tờ kiểm điểm và yêu cầu anh thành khẩn viết lại và nộp cho họ cuối ngày. Chờ cho họ đi ra khỏi phòng, Đông cầm những tờ kiểm điểm đang có trong tay và cười thầm. Có gì để khai thêm. Chẳng lẽ viết rằng tôi có tội nói xấu Đảng và chính phủ. Xin được khoan hồng. Viết như thế thì còn chi là khí tiết của một trí thức sống và có trách nhiệm đối với xã hội và đất nước. Nếu ai cũng run sợ, cúi lòn, nịnh hót, lừa dối để kiếm miếng ăn thì ai sẽ là người chỉ đường cho đất nước nhìn về phía trước. Đông vo tròn hết những bản kiểm điểm và quăng vào thùng rác. Họ muốn gì thì cứ làm, muốn nhốt tù, tra tấn, khủng bố tinh thần, mở chiến dịch bôi nhọ trên tất cả các báo chí truyền thông v...v...thì cứ làm. Tuồng tích cũ cứ đem ra sử dụng để bóp nghẹt quyền sống của con người. Cả ngày

hôm đó, Đông không được ăn gì ngoài một ổ bánh mì và một ly nước lạnh.

Chiều tối, tôi vào thăm Đông. Vừa thấy tôi, Đông đã rào đón:

“Cậu muốn đi lấy tin để viết về tớ phải không? Cần gì hỏi han cho mất thời gian. Cậu cứ phang tới tấp như những người khác thôi. Chữ nghĩa cũng chỉ xoay đi xoay lại bao nhiêu đó ai cũng học thuộc lòng hết. Chỉ có cái tên và thời gian khác nhau thôi.”

Tôi nóng mặt khi nghe Đông nói. Nhưng nhìn Đông mệt mỏi, tóc tai bơ phờ tôi biết Đông bị tụi công an quần nhừ như cháo. Tôi nhỏ nhẹ nói:

“Cậu vẫn ương bướng như ngày xưa. Thời chúng mình còn học Đại Học, những chương trình thuyết trình chỉ nằm trong nhà trường nên những câu hỏi và quan điểm trời ơi, đất hỡi của cậu chỉ có thầy trò hiểu nhau. Ra đời, đi làm đừng có mang trong tim, óc những hoài bão tốt đẹp tưởng tượng đó. Nó không thực tế đâu. Cậu đang sống trong “huyền mộng”. Cậu giỏi hơn tớ nên đi tra tự điển đi. Ngày xưa, hàng triệu người bỏ thầy trong rừng núi và dãy Trường Sơn vào đánh chiếm miền Nam cũng vì hai chữ này. Và người miền Nam đã đi theo cộng sản cũng vì nó. Ngày nay, cậu lại mơ nữa sao? Cậu phải thức tỉnh chứ.”

Đông im lặng lắng nghe tôi nói. Tôi biết hẳn đang nhỏ toẹt những lời nói giá trị của tôi. Thế nhưng quý vị nhìn xem, tôi sống đàng hoàng như một ông vua con, tiếng tăm, danh giá và giàu có. Tôi

đi vào Sở Công An thăm nó như đi chơi. Tôi chỉ cần nhắc điện thoại, nói vài câu xã giao vu vơ với những lời hứa hẹn là có thể vào đây thăm Đông. Những tay khác vì sợ liên lụy, chúng nó sẽ giữ kẽ không muốn liên lạc với Đông. Tôi cũng có thể làm như vậy, nhưng lương tâm tôi cắn rứt lắm và một phần vì Đào. Đông và tôi có nhiều kỷ niệm với nhau từ khi còn là hai đứa trẻ tấm cõi trường cho đến khi vào Đại Học. Hai người bạn tri kỷ có thời mơ ước chọc trời khuấy nước, đem trái tim khối óc phụng sự muôn người. Thế nhưng, một trái tim bằng vàng, một bộ óc khoáng đạt, thông thái không thể tồn tại trong xã hội hỗn độn chập giựt, tranh giành và con người lấy đồng tiền làm thước đo lương tâm trong sạch, lòng nhân đạo, lòng tốt và đạo đức. Tôi bị té ngã, ngập ngựa trong mớ đạo đức xa hoa đó. Tôi quanh quẩn như gà mắc tóc để tìm một hướng đi thực tế có thể cứu tôi thoát khỏi sự nghèo đói, bị chà đạp và bắt công. Tôi đã chuyển hướng 180 độ. Tôi lần mò tìm hiểu những gì mọi người đang cần, cái gì tốt cho tôi và có lợi cho những người tôi đang chung đụng hàng ngày. Tôi tìm ra chân lý sống và bí quyết “luôn thật sâu, nấp thật kỹ” và dùng cái lưỡi ma quái của mình để hưởng lợi. Quý vị nhìn xem, thế gian này biết bao nhiêu kẻ đã sống như tôi. Chỉ trong vòng vài năm, tôi giàu có và địa vị xã hội của tôi được củng cố vững chắc. Còn Đông vẫn sống hàn vi, vẫn chỉ là anh phóng viên hợp đồng với đồng

lương ba cọc, ba đồng không có tương lai. Nói về năng lực và tài thì nó hơn tôi một cái đầu. Nhưng về trường đời, mảnh mung, bịp bợm, điêu ngoa, miệng lưỡi thì nó phải kêu tôi bằng sư phụ. Và tôi biết, chỉ có loại người như tôi mới có thể tồn tại trong xã hội này, và tồn tại một cách ngon lành mới thật là kỳ lạ và ngoạn mục. Tôi đang tự đắc về thành quả của mình thì Đông lên tiếng:

“Cậu là cậu, tớ là tớ. Chúng ta là bạn nhưng hai con đường đi rất khác nhau. Tôi không thể bán mình cho quỷ. Cậu bây giờ thay đổi nhanh quá. Cậu không còn là thằng bạn cố tri của tôi thời còn đi học.”

Tôi nổi quạu:

“Cậu lại sai nữa rồi. Mình sống thức thời, biết tiền biết lùi, biết lúc nào cương và lúc nào nhu. Có như vậy cuộc đời mình mới êm ấm, bình an. Nhìn tớ xem, tớ ngon lành, đường hoàng và ai cũng trọng nề. Thế là đủ rồi. Cần chi ba thứ đạo đức rơm.”

Đông nhìn tôi với đôi mắt xa lạ:

“Càng ngày tớ càng không hiểu cậu. Cậu xéo đi cho tớ nhờ. Tớ chẳng cần cậu vào đây để động viên và giáo huấn tớ.”

Tôi biết tính Đông. Khi hấn đã làm gì thì quyết tâm theo đuổi. Hấn không sợ mất việc, đói và bỏ tù. Nhưng có một thứ hấn quan tâm. Tôi bắt đầu tấn công:

“Được thôi. Cậu không nghe lời tớ và cậu muốn ở tù luôn nhưng cậu có yêu Đào không?”

Đông sững sờ hỏi tới:

“Đào làm sao rồi. Cô ấy không bị gì phải không?”

Tôi biết đánh trúng tim đen hẳn nên tiếp:

“Dĩ nhiên là cô ấy bị liên lụy vì giúp cậu xây dựng Blog. Cô ấy không cung cấp cho công an đầy đủ tin tức và password của cậu.”

“Tôi đã nói cho họ biết hết rồi. Họ còn cần gì cô ấy?”

“Cần chớ. Nếu cậu không viết đơn thành khẩn nhận tội thì họ sẽ bắt luôn cô ấy. Lúc đó thì khổ thân cho Đào. Đàn ông ở tù thì không sao. Đàn bà ở tù thì tiêu luôn. Cậu nghĩ sao? Tôi mới gặp Đào tại toà soạn trưa nay.”

Đông lúng túng nhìn tôi như cầu cứu. Tôi được nước lên giọng:

“Cậu chỉ cần lấy giấy ghi vài chữ là cậu nhận tất cả tội lỗi của mình và xin nhà nước khoan hồng. Minh sai thì mình nhận có sao đâu. Như vậy, tội quốc tế vỡ mặt, toà đại sứ Hoa Kỳ và các tổ chức Human Right gì gì đó tịt ngòi nổ luôn. Cậu có thể an toàn về nhà. Cọp sa lưới thì phải phủ phục để được thả về rừng. Cậu phải khôn ngoan.”

Đông bất ngờ khi nghe tôi nhắc đến Đào. Cô phóng viên trẻ mới vào làm trong toà soạn Lý Tưởng độ một năm nay. Đông là người thầy hướng dẫn, huấn luyện Đào vào nghề. Đào không đẹp nhưng duyên dáng và có nụ cười khá quyến rũ. Đông mến cô không chỉ kiến thức mà còn sự thông minh và thẳng thắn của cô. Dần dần, Đông và Đào đã trở thành đôi bạn. Ngoài giờ làm

việc, cả hai hẹn nhau đi chơi, ăn uống, du ngoạn và đặc biệt là họ hay trao đổi tin tức với nhau trên liên mạng. Rồi cả hai xây dựng Blog sau khi công ty Yahoo, một công ty cung cấp dịch vụ điện toán lớn nhất nhì Hoa Kỳ vào Việt Nam làm ăn. Nhờ Blog, Đông đã chuyển được những suy tư thầm kín của mình. Đông cũng liên kết được với nhiều Bloggers trong và ngoài nước. Thông tin trên Blog thật kỳ diệu, nó đã phá vỡ quy ước của chính quyền Việt Nam, và nó mở toang cánh cửa tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và khát vọng nhân quyền của con người. Chính quyền đã nhìn thấy và quyết ngăn chặn. Bạn bè Đông bị bắt gài hết. Blogs của họ bị đóng. Công ty Yahoo cuốn gói chuẩn khỏi Việt Nam. Và bây giờ Đông ngồi trên ghế bị cáo để công an phán xử. Đông nghĩ mình chỉ là một con cá đang nằm trên thớt. Người ta muốn chặt, muốn băm, muốn băm, xào nấu như thế nào tùy ý. Mình có chết cũng chẳng ai buồn quan tâm. Thế nhưng Đào rồi cũng cùng chung số phận như mình sao? Cô ấy vô tội. Nếu vì mình mà cô ấy vào tù thì tội nghiệp cho Đào. Phải làm sao khi mình còn ngồi ở đây. Thân mình như bánh tráng treo đầu gậy thì làm sao bảo vệ được cho Đào. Tôi đoán được suy nghĩ của hẳn nên lấy giấy bút trao cho hẳn và ngọt ngào khuyên:

“Viết cái này y như viết phê và tự phê từ khi bọn mình còn đi học. Ngày xưa viết hàng trăm cái như thế, rồi đọc to cho cả lớp nghe. Bây giờ viết y như

vậy lại không muốn viết. Bộ cậu khoái nhà tù lắm sao. Này, trong đó lạnh lắm, đói và còn bị tụi tù lưu manh đánh đập nữa. Viết nhận tội là được về lo cho ba má cậu và cho Đào. Có hề gì ba cái miếng giấy lộn này. Viết đi rồi đưa cho ông Lâm. Tớ hy vọng cậu thức tỉnh sớm.”

Tôi biết Đông có hiếu và rất thương cha mẹ. Nếu Đông ở tù ai nuôi dưỡng, chăm sóc cho ông bà. Rồi tôi cãi nhai với hắn về chuyện Đào sợ mất việc làm, bị bỏ tù và Đào nhờ tôi giúp đỡ hắn. Tôi cũng vẽ ra cho hắn một tương lai mới, một vùng đất yên tĩnh để hắn dung thân và mai danh ẩn tích một thời gian. Hắn tư lự và buồn hơn lúc tôi mới vào gặp. Rồi tôi dúm cho hắn một gói thuốc thơm, một bịch trái cây và hai cái bánh bao. Sáng hôm sau, tôi nhận được cú điện thoại của Đại Tá Lâm. Ông ta khen tôi giỏi và muốn tôi đến đón hắn về...

* * * * *

Trăng đã treo trên ngọn tre sau vườn và rọi xuống mặt nước ánh sáng dịu dàng. Dòng sông phẳng lặng không một gợn sóng và lấp lánh ánh bạc. Xa xa, bên kia bờ, những hàng cây đen thẫm im lìm xen lẫn ánh đèn điện sáng choang.

Đông ngồi tựa lưng vào thành ghế. Bàn tay phải cầm cầm câu, tay trái mở hộp mồi ra và móc con trùn dài ngoằng cắm vào lưỡi câu. Đông quăng lưỡi câu xa xa. Cục chì ở đầu lưỡi câu chỉ làm mặt nước xao động nhẹ. Đông cũng không biết mình đã ngồi đây bao lâu

rồi. Có thể lúc trăng vừa nhô lên ở chân trời, cũng có thể là trăng đã chéch bóng bên đầu xóm. Có hề gì đâu, với Đông sự tĩnh lặng nơi thôn dã này đã xoa dịu nỗi cay đắng, chán chường đang đè nặng tâm tư. Chiếc cần câu trên tay Đông bị ghì xuống thật mạnh làm Đông giật mình trở về thực tại. Anh quẩn dây câu vào trục và cố gắng kéo cần câu lên. Đầu dây bị trì xuống, con cá cắn câu cố gắng vùng vẫy để thoát khỏi lưỡi câu bén nhọn quái ác của Đông. Nhưng vô ích, càng vùng vẫy nó càng bị móc dính chặt vào lưỡi và không thể thoát thân. Đông giật mạnh cần câu. Một vùng nước khuấy động, nước bắn lên tung toé, thân hình con cá treo lơ lửng trên không trung. Đông mừng rơn vì ba ngày nay không câu được con cá nào. Bây giờ được một con to bằng bắp tay còn gì vui hơn.

Đông nhìn kỹ con cá lóc dưới ánh trăng. Đôi mắt nó mờ đục như van xin, cầu khẩn, cái miệng rộng hoác của nó thoi thóp thở. Một dòng máu đỏ loang ra khoang miệng vì cái móc nhọn và bén. Đầu nó to nhưng thân thể nó loang lổ, vẩy chỗ đen, chỗ đỏ, chỗ có chỗ không và cái đuôi nó thì bị mất hết một phần ba. Nó là con cá tật nguyên mà Đông câu được sau ba ngày ngồi đây. Có thể nó tồn tại nhờ thích ứng với dòng nước ô nhiễm nặng và bốc mùi tanh hôi thoang thoang. Con sông này ngày còn bé Đông bơi lội hàng ngày. Người dân sống hai bên bờ dùng nước sông tắm giặt, nấu ăn, sinh hoạt và tưới

mát ruộng vườn. Những đêm trăng, mỗi lần má Đông xuống đây rửa chén là cá lòng tong, cá cơm, cá sặc-lác, liềm kiềm bơi lội xung quanh để tìm mồi. Người và cá đùa giỡn với nhau trong dòng nước mát. Người dân có thể đặt lờ, chày cá, cắm câu, giăng bẫy để kiếm ăn. Cá nhiều vô số và ăn không hết phải đem ra chợ bán. Hai mươi năm sau, dòng sông này đã cạn kiệt cá tôm. Ngay cả những con ốc gạo, con cua, con còng gió, con ốc ma cũng không còn thấy bò lổn ngổn trong những đám lau sậy, cỏ dại hay những cây rau mướp mọc ven sông. Tất cả mọi sinh vật đều chết. Cái chết dần mòn của chúng cũng giống như cái chết của từng con người Việt Nam đang cố gắng tìm lại giá trị của mình trong lòng xã hội. Đông tháo móc câu ra và định thả con cá xuống dòng sông thì nghe tiếng nói sau lưng:

“Anh Đông. Anh không muốn giữ lại con cá sao? Công anh câu cực khổ mà.”

Đông giựt mình ngẩng lên nhìn cô gái. Mái tóc thẳng đen nhánh xoã dài bay bay trong gió. Chiếc áo trắng của cô nổi bật dưới ánh trăng sáng huyền hoặc. Cô tiến về phía Đông mỗi lúc một gần. Đông sững người khi nhận ra Đào. Đào đến đây từ bao giờ và tại sao cô biết mình ở đây mà tìm. Đông lật đật bỏ con cá vào thùng nước kế bên và hỏi:

“Sao em biết anh ở đây mà tìm.”

Đào ôm chầm lấy Đông. Anh nghe vai áo mình thấm ướt những giọt nước mắt của người con gái. Giọng Đào

nghe nghẹn bên tai anh như lời thì thầm của gió:

“Người ta có đánh anh không? Em sợ họ bỏ tù anh rồi em không biết làm sao.”

Lần đầu tiên Đào liềm lĩnh ôm Đông. Mùi hương con gái thơm, ngọt, dịu dàng làm cho Đông có cảm giác ấm cúng, êm ái và xúc động. Người con gái này yêu anh chân thành. Nàng yêu anh ngay cả khi anh chẳng có gì để cho nàng bám víu: Tiền tài, danh vọng, địa vị xã hội và ngay cả công ăn việc làm anh cũng không có. Anh đã bị ném ra ngoài xã hội như một mảnh giấy lộn. Những gì anh ấp ủ, say mê, mơ ước không còn trong tầm tay anh. Ngay cả mong ước yêu Đào anh cũng không dám đềo bông. Đông đã bỏ Sài Gòn về căn nhà xa lắc xa lơ ở An Giang để sống ẩn dật. Anh không còn liên lạc với bất cứ ai và không muốn liên lụy đến gia đình và nhất là Đào. Mấy tháng nay, Đông ra vườn cuốc đất, trồng rau lang, rau muống, cà chua... nuôi thêm gà vịt. Ban đêm ngồi viết lãng nhăng trên những cuốn vở học trò. Mỗi đêm, khi trăng lên Đông xách cần câu với chút mồi và ra bờ sông ngồi câu cá. Anh rất nhớ Đào và thèm được gặp cô một lần để tâm sự cho vơi đi nỗi buồn đang đè nặng tâm tư. Nhưng Đông không dám liên lạc với nàng. Ngờ đâu Đào đến đây tìm Đông. Đông xiết nàng trong đôi tay và hôn lên má nàng:

“Anh nhớ em quá. Em lo lắng cho anh nhiều như vậy sao? Em ngồi xuống đây đi.” – Đông dìu nàng ngồi xuống

bên cạnh và tiếp – “Tình hình trong tòa soạn ra sao rồi?”

Đào kể lễ:

“Tổng Biên Tập đã nhận người từ Trung Ương chuyển xuống thế chỗ cho anh. Bên công an vẫn gọi điện thoại hỏi tin tức về anh nhưng em trả lời không biết. Tất cả máy móc của em họ không trả lại. Em cũng không cần sử dụng nữa. Đâu giúp ích được gì cho ai thì cần nó làm gì.”

“Anh xin lỗi em. Nếu không vì anh thì em đâu bị liên lụy.”

Đào nắm tay Đông ân cần nói:

“Em ủng hộ việc làm của anh. Nếu vì anh mà em bị bắt ở tù thì em cũng vui. Vô tù mình mới gặp được nhau. Anh đâu có tội gì.”

“Cảm ơn tấm lòng tốt của em. Bây giờ anh mới hiểu rằng em thật sự yêu anh. Có em bên cạnh anh không còn cảm thấy đơn độc. Mấy tháng nay, anh ở đây một mình đối diện với chiếc bóng của mình. Anh ngồi đây câu cá mỗi đêm trăng để cuộc sống bớt trống trải và đó cũng là một phương pháp tịnh tâm.”

Đào nhìn sâu vào đôi mắt Đông hỏi:

“Anh câu được bao nhiêu con cá?”

Đông chỉ tay vào thùng nước:

“Chỉ có một con duy nhất. Có thể anh nặng bóng vía nên cá chẳng cắn câu. Nhưng con cá này tật nguyên. Em nhìn xem.”

Đông nghiêng thùng nước và lấy cái vợt vớt con cá lên. Qua ánh trăng sáng vàng vạc, Đào có thể nhìn thấy hình dạng khác thường của nó. Nàng chắc lưỡi:

“Con cá bị dị dạng. Em không ngờ dòng sông này bây giờ nhiễm độc.”

“Dù nó bị nhiễm độc nhưng người dân vẫn phải sống với nó, vẫn yêu mến dòng sông vẫn bắt cá, tôm để ăn. Con cá tật nguyên nhưng nó vẫn yêu sự sống của nó. Anh muốn trả nó về với dòng sông để nó được tự do bơi lội.”

Đông mang vợt đến gần sông và thả con cá xuống. Nó mừng rỡ quẫy đuôi và lặn mất. Đào cười:

“Anh không phải là người biết câu cá.

Đông mỉm cười đáp:

“Anh chỉ thích câu cá vào lúc trăng lên. Em nhìn xem, mặt nước như một dải lụa bàng bạc, trong suốt, lung linh, huyền hoặc và êm ả. Khung cảnh này không bao giờ thấy được khi anh sống ở Sài Gòn. Ở đây yên tĩnh, đơn giản và cuộc sống không bon chen tranh giành. Bao nhiêu năm trôi qua rồi, anh cứ sống trong mơ. Anh mơ nhiều quá! Nhưng giấc mơ của anh không bao giờ có. Ngay cả mơ câu được một chú cá lòng tong cũng không có. Thôi thì ngồi câu bóng trăng vậy. May mà còn có em trên đời. Ai cho em biết anh ở đây?”

“Anh Thiệt, bạn của anh.”

Đông thở dài:

“Thiệt là bạn nối khố của anh. Nhưng anh rất ghét lối sống của Thiệt. Nhiều lần anh muốn xa lánh anh ta nhưng vì tình bạn từ thuở hàn vi mà anh còn liên lạc. Dù sao thì Thiệt cũng giúp anh không bị tội công an đánh đập, bỏ tù. Anh đã mang ơn Thiệt.”

Đào thở dài:

“Con người đó thật kỳ lạ, nửa tốt nửa xấu, nửa thiên thần nửa ác quỷ.”

Đông nhíu mày hỏi:

“Anh không hiểu em nói gì.”

Đào cười nhạt:

“Anh Thiệt vẫn còn quanh quẩn đâu đây mà chưa về Sài Gòn đâu. Anh ấy đã đưa em đến đây nhưng không hiểu tại sao không vào thăm anh.”

“Có thể Thiệt sợ anh trách móc hoặc nói những lời trái tai anh ta.”

“Không phải đâu. Vì em thôi.”

“Như vậy là?!”

Đào bịt miệng Đông và nói khẽ:

“Đừng nói gì thêm. Chúng ta bên nhau là vui rồi. Anh còn muốn gì thêm.”

Gió từ dòng sông thổi vào bờ lay động ngàn cây xào xạc. Mái tóc Đào mon man tung bay trong gió.

* * * * *

Khi Đào đi vào nhà Đông, tôi vẫn đứng nhìn theo. Cô gái có nụ cười duyên dáng với mái tóc thề mãi mãi ngoài tầm tay với của tôi. Trong khi biết bao người mê tiền tài danh vọng, chạy theo đồng tiền bất chấp mọi thủ đoạn, thì thằng bạn ngờ nghệch của tôi lại ôm mơ lý thuyết cũ rích để sống như một hiền triết, như cụ Nguyễn Khuyến thuở xưa. Đời nay, cứ ôm mãi những giá trị đạo đức xưa cũ thì làm sao tồn tại. Tôi càng không hiểu Đào, cô gái xinh đẹp, thông minh nhưng lại ngu si yêu cái thằng nghèo kiết xác như Đông. Tôi đã nhiều lần tìm cách tỏ tình, Đào luôn từ

chối. Tôi mua những món quà đắt tiền thì Đào nhận xong đem trả lại.

Giờ đây, tôi đứng một mình cuối ngã ba đường, cạnh một dòng sông. Con đường nào tôi phải đi, tôi phải chọn. Đường đời trăm ngã, theo tiêu chuẩn nào để sống đây? Đồng tiền tôi có trong tay không phải mồ hôi nước mắt tôi đã tạo ra. Tôi sống bằng mảnh khoẻ và nước bọt. Tôi bán linh hồn để đổi lấy giàu sang danh vọng. Có thật sự tôi đã bình yên? Tôi rút một điếu thuốc ra hút, rồi hai... ba. Lần đầu tiên tôi thất tình. Tôi lại suy nghĩ về tình yêu. Có thể tình yêu còn cần một cái gì đó rất quan trọng trong nhân cách con người. Có phải chăng tôi không có và con người của tôi không xứng đáng để Đào yêu tôi chăng?

Vàng trăng mười sáu sáng vàng vạc, êm ả, mơ màng. Tôi vui hay buồn tôi nào hay biết. Cuộc sống này vui chi cho nhiều rồi cũng buồn nhiều. Thôi thì cứ sống thân nhiên nhìn thế sự xoay vần. Một đời người rồi sẽ đi qua chóng vánh. Dưới ánh sáng dịu dàng của ánh trăng, tôi có thể thấy bóng Đông và Đào đang quỵện vào nhau. Hai mái đầu chụm vào thành một. Tôi cảm thấy thèm được sống như Đông với một người con gái có tâm hồn thánh thiện. Nhưng tiếc thay tôi vẫn là tôi: thằng nửa người, nửa ngợm đang bước trên danh vọng và kiêu hãnh nhìn đời. Còn ai vinh dự, cao quý hơn tôi?

05/01/2010

Phong Thu

CỎ THƠM

Chợ Đêm Phố Thị: Phước Lộc Thọ - Little Sài Gòn

Bài viết & Hình ảnh:

Ỗ Nguyễn - Phạm Bá

Chiều hôm ấy...Thứ Sáu, sau một chuyến bay dài từ Miền Đông qua Cali, máy bay nhẹ nhàng đáp xuống phi trường John Wayne trong cái thoáng mát của một chiều hè nhạt nắng, chúng tôi lấy xe lái thẳng tới Đường Saigon, trước đây có tên



gọi là Asian Garden trong khu thương xá Phước Lộc Thọ để tìm thứ gì ăn lót bụng. Khu thương xá này đối với chúng tôi chẳng xa lạ gì vì hàng năm, chúng tôi thường qua thăm gia đình ở Little Saigon nên đã quen thuộc với nơi đậu xe ở đây, do đó không gặp nhiều trở ngại khi tìm chỗ parking.

Khi vừa bước ra khỏi cửa chính của thương xá, WOW ! cảnh chợ đêm nơi đây đã bắt đầu tấp nập làm chúng tôi hơi choáng... Từng làn khói trắng từ những lò nướng thịt tỏa lên bay mịt mù khắp khu chợ. Thoảng đã nghe được mùi thịt nướng thơm nhức cả mũi. Trong khoảnh khắc, tôi chợt liên tưởng tới những lò thịt nướng tại chợ đêm phố cổ Hà Nội mà thấy lòng xốn xang.

Thương Xá Phước Lộc Thọ -
Little SAIGON

Cùng lúc xập xình điệu nhạc Bolero Hè Phố rộn rã từ một sân khấu nhỏ dựng tại góc bên phải của thương xá vang lên. One-Man-Band.- người nhạc sĩ keyboard thân nhiên dạo những tình khúc về quê hương, nghe sao thật mùi, khiến không khí buổi chợ đêm như bắt đầu được khởi sắc. Náo nhiệt thật! Nghe nói phải đến 7 giờ tối chương trình văn nghệ tạp lục mới bắt đầu. Các ông già bà cả đã sẵn sàng ngồi ở phía trước sân khấu Phước Lộc Thọ đợi chờ giờ khai mạc. Nhìn quanh, tôi thấy toàn là dân Mít mình, lâu lắm mới gặp đôi ba cặp người Mỹ tay cầm những xâu thịt nướng, đồ chiên vừa đi vừa nhâm nhi một cách tự nhiên thích thú. Có nhiều gia đình, vợ chồng con cái, ngồi kín những dãy bàn ăn kê sẵn trước ba pho tượng Phước Lộc Thọ. Vui thật! Trông người ta ăn uống tự nhiên, thoải mái làm mình cũng cảm thấy đói bụng. Đúng là một nếp văn hoá ẩm thực đường phố Việt Nam!



Thịt Nướng

Những lô parking nhỏ trước thương xá Phước Lộc Thọ thường ngày giờ là khu Chợ Đêm. Điềm qua các gian hàng bán đồ ăn, hầu hết là món nướng: Gà nướng sả, bò nướng, thịt heo nướng, tôm nướng và đặc biệt là mực tươi nướng v.v... Từng sấu thịt ướp gia vị vàng óng đang xì xèo trên tấm vỉ sắt của chiếc lò nướng lớn bằng gas khá sạch sẽ. Mỡ nổ tanh tách, lửa chọt bùng lên... cô hàng nướng thịt, đôi má ửng hồng, một tay lật xâu thịt, né mặt sang một bên, một tay vội dụi mắt vì khói ...trông dễ thương lạ. Thực khách lao xao xếp hàng đợi món ăn mình đã kêu. Kế bên là gian hàng bán bánh đúc tàu chiên trứng, cũng khá hấp dẫn những du khách như chúng tôi. Có gian kê một cái bàn lớn bày đầy những cặp bánh ú, bánh giò, bánh ít, bánh bột lọc... cùng những chai nước giải khát đủ loại. Một tú kính với nhiều loại chè và thức uống bày biện rất ngăn nắp, tương đối sạch sẽ để dễ tiếp thị du khách. Tôi nhìn kỹ, nhưng không thấy món chè Cung Đình nổi tiếng của Little Saigon bày bán ở đây. Hai cô gái trẻ, xinh xắn đứng phía trước ân cần mời mọc khách hàng. Tôi ghé bên hỏi nhỏ: “Có phải là Chè Cung Đình không?” Hai cô không trả lời chỉ mỉm cười và lắc đầu. Lại nữa, sát bên, gian hàng bánh cuốn cuộn nhân thịt kiểu gói cuốn cũng được thực khách chiếu cố tận tình. Có gian hàng mang bảng hiệu Bin BBQ & Dessert nhưng thực đơn lại là những món ăn thuần túy Á Đông như: thịt nướng, chuối nếp nướng, bắp nướng, bánh trắng nướng, khô mực nướng & nước mía nguyên chất. Tôi thực không hiểu... Gian hàng kề cận bán phá lấu, hoành thần, kem chiên và Hồ Lô nướng. Món hoành thần và phá lấu tôi biết quá rành, còn “kem chiên” và “Hồ Lô nướng” tôi chịu thua, chưa từng được nghe ai nói về hai món ăn lạ này! Kế đến là gian hàng bán bánh kẹp lá dứa mà bảng hiệu đề là Coconut Waffles, dễ hiểu thôi, ai cũng biết...



WOW ! Mực Nướng lò Gas ...

Bước sang một khu khác, chúng tôi rất ngạc nhiên và tò mò với món mực tươi nướng của gian hàng “Đêm Sao – Grilled Squid”, như kiểu “Mực phơi một nắng”. Phải nói đây là gian hàng ăn độc đáo nhất của Chợ Đêm được du khách chiếu cố đến nhiều nhất. Từ xa chúng tôi đã thấy thiên hạ xếp hàng nối đuôi trước hai lò nướng khá lớn. Hai ông bếp lực lưỡng đang luôn tay lật từng con mực tươi trên vỉ sắt có lẽ đã được ướp gia vị, toả lên mùi thơm đặc biệt của món hải sản. Thấy mà thèm nhỏ dãi luôn! Một thanh niên trẻ tuổi vừa đứng thu tiền, vừa đưa món ăn cho khách hàng lại vừa luôn miệng quảng cáo món mực nướng đặc biệt của quán anh. Một đĩa mực giá 6 dollars, trong đó có chừng hơn nửa con mực đã được cắt thành từng miếng nhỏ, bên trên có rắc ít tương ớt đỏ. Trông thực hấp dẫn!

Mực nướng này ăn với tương đồ là đúng khẩu vị, hết còn mùi mực tanh... Tôi tần ngần một lát, không biết có nên mua một đĩa ăn thử hay không, phần vì ngại món ăn đường phố, phần vì chúng tôi có hẹn đi ăn tối với gia đình mấy đứa cháu. Nhìn thấy hai cô Mỹ trắng đang chia nhau ăn đĩa mực nướng, tôi hơi ngạc nhiên, hỏi họ : “Do you like it? How does it taste? –

“Fantastic ! – We love it”, họ trả lời một cách thành thực và tự nhiên. Vừa lúc này ông xã tôi chợt đến, muốn tôi mua một đĩa ăn thử. Chao ôi! Trên cả tuyệt vời! Ngon thật bạn ạ ! Mùi mực nướng cháy xém bốn cạnh, xé dọc ra, quệt thêm một chút tương ớt cay, nhai từ từ...bạn sẽ cảm nhận được vị thơm ngon của thứ mực tươi đã được ướp gia vị.

Nhìn hình ảnh vỉa mực tươi nướng tại đây, bắt chợt tôi nhớ đến món “Cá Thu Một Nắng” tại Đồ Sơn Hải Phòng mà chú em họ nhà tôi hôm đó mời: “Hôm nay em sẽ mời anh chị thưởng thức món “Cá Thu Một Lắng”. Khi nghe chú em nói vậy, chúng tôi chẳng hiểu “cá thu một lắng” là cá gì, sau mới rõ là cá thu đã được phơi một nắng. Người dân Hải Phòng thường nói chữ N thành chữ L nghe thực tức cười. Thực sự mà nói, cá thu một nắng đem chiên lên ăn với cơm trắng, ngon một cách gì đâu! Cho nên mỗi lần trở lại Hải Phòng, chú em nhà tôi luôn luôn tìm cho được món cá đặc biệt này để đãi ông anh bà chị là người nước ngoài về thăm quê hương. Chú em cho biết, đối với người dân bình thường ở Hải Phòng, ít ai dám hoang phí ăn món cá mắc tiền này. Tôi nhớ bữa ăn hôm đó ở Đồ Sơn, tôi chi ra hơn một triệu (cỡ \$50US) cho một bữa ăn bốn người. Có thể chúng tôi đã bị nhà hàng chặt chém như kiểu đã bị bầm vấp tại nhiều nhà hàng ở Vũng Tàu trong Nam ...

Chúng tôi, phần lai rai đĩa mực, phần đi loanh quanh trong khu bán đồ ăn để xem có còn những món ăn gì đặc biệt hơn không. Một gian hàng kế bên treo bảng hiệu: “Cajun Islands” nhưng menu lại để hình gói cuốn, chả giò, trứng luộc, thực quái đản hết chỗ nói. Có thể họ còn có tôm hùm nướng do đó mới gọi là đồ ăn từ hải đảo (Cajun Islands). Những con tôm hùm bự cỡ gang tay, vỏ đỏ, tươi ngon nằm phơi mình trên vỉ nướng trông rất bắt mắt cho những ai thích

nhâm nhi với bia. Bà chủ hàng luôn miệng mời chào thực khách chiếu cố, chỉ tiếc chúng tôi không sẵn sàng cho món ăn độc đáo này. Đại khái khu hàng ăn bao quát là như vậy.

Ngay giữa khu chợ đêm người ta thấy có nhiều gian hàng bán đồ chơi cho trẻ em. Một vài gian hàng bày bán giày dép, ví đầm, quần áo... Có gian bày bán đồ dùng trong bếp như nồi niêu soong chảo, đĩa bát, muống nĩa v.v.... Có gian bày bán đồ nữ trang mà tôi nghĩ toàn là hàng giả. Có thể còn vài gian hàng linh tinh mà tôi không có nhiều thì giờ để ghi nhận. Vậy chứ tôi cũng mua giúp bà hàng hai bộ quần áo ngủ bằng vải bông màu nhạt để mặc mùa đông, vừa vặn và dễ thương lắm. Quá là rẻ! có 10 dollars/1 bộ. Giá mua tại Macy’s tôi phải trả một bộ tới \$50. Chất lượng như nhau...vì cùng Made in Vietnam.



Nhạc Chiều Phố Thị ...

Khoảng hơn 7 giờ, đèn khu phố thị bật lên sáng chạng. Tiếng nhạc và lời giới thiệu của cô MC đã kéo chúng tôi trở lại sân khấu của chợ đêm. Ông xã tôi lảng xăng, chạy tới chạy lui để bấm ít pô hình lưu niệm cho chuyển đi. Tôi tìm một chỗ đứng cạnh sân khấu để nhìn cho rõ. Giờ đó khán thính giả đã ngồi chật hết các hàng ghế sắp trước sân khấu. Những người đến sau như chúng tôi đành phải chịu đứng

vậy. Trên sân khấu thu hẹp dưới ánh nắng còn sót lại của một ngày hè hòa vào ánh đèn màu rực rỡ trên sân khấu đủ để tôi thấy được dáng dấp cô MC lả lướt trong tà áo dài vàng điểm bông xanh rất nhã nhặn, mái tóc dài uốn quăn chấm ngang vai, khuôn mặt trang điểm dân dị dễ nhìn. Cô giới thiệu tên “ca sĩ một đêm” của chợ đêm PLT, tên bài hát cùng thể điệu của bài hát. Ban nhạc có một nhạc sĩ chơi guitar và một One-Man-Band, vậy mà âm thanh nghe sao sống động và rộn rã như một dàn nhạc chuyên nghiệp. Khi ca sĩ được mời lên hát thì dưới sàn nhảy – là khu đất trống trước sân khấu, từng cặp từng đôi đã sẵn sàng ra biểu diễn. Thực lạ mắt, hình như những “dân chơi” này đều có mặt trong cả ba đêm cuối tuần tại đây để tận hưởng thú “múa đôi” nên họ rất tự nhiên như nhảy ở phòng trà. Những bản nhạc mang điệu Rhumba, Bolero, Cha Cha Cha hoặc Slow v.v...đi vào lòng người đã được các ca sĩ trình diễn liên tục, rất ư là độc đáo. Nghe nói, những ai muốn lên hát phải ghi tên trước 7 giờ chiều. Trong lớp ca sĩ mà tôi được nghe hát trong tối hôm ấy có đủ mọi lứa tuổi, mọi thành phần trong cộng đồng tỵ nạn. Nhưng có lẽ nữ giới vẫn chiếm nhiều hơn nam. Nhiều tràng pháo tay vang rền sau mỗi bài ca như để cổ vũ cho chương trình nhạc chiều hè phố.

Sự thành công giúp vui cộng đồng như thế nào chưa nghe ai nói tới, nhưng có một chuyện tôi phải thành thực ghi nhận ở đây là khi ca sĩ vừa chấm dứt bản “Chiều mưa biên giới” của Nguyễn Văn Đông, một vị HO đứng cạnh nhà tôi bắt chợt nói: *“Buông vá anh hai ơi! Nhớ hỏi em còn đồn trú trên Lê-Ku trước 75, được nghe bản nhạc này hoài...đêm nay được nghe lại ! ... thấy sao mà nhớ mà thương đời lính chiến vá anh hai ạ !...”*. Lời than thở chân tình này quả đã làm tôi bùi ngùi xúc động. Âu cũng là dịp ghi được một dấu ấn khó quên của một

phiên Chợ Đêm Phố Thị chỉ được thực hiện trong mấy tháng hè từ tháng Sáu đến tháng Chín hàng năm.

Và nếu tinh ý một chút, phía trước sân khấu có đặt một thùng giấy với hàng chữ Donation dán phía ngoài được đặt trên một bục gỗ ngay tầm mắt của khán thính giả. Tôi để ý, mỗi lần một ca sĩ lên trình diễn đều bỏ tiền vào thùng donation này. Ngoài ra cũng có khán giả ai muốn ủng hộ nhiều ít tùy tâm đều tự ý đến bỏ tiền vào đấy. Được biết khoản thu được là để đóng góp cho Hội Từ Thiện VietHeart Non-Profit Organization.

Nhận xét chung của tôi thì đây là một chương trình “văn nghệ tạp lục” đường phố giúp vui cư dân, ông già bà cả ở gần khu thương xá PLT đến giải trí cuối tuần, không xa hoa ít tốn kém mà họ còn có dịp gặp lại đồng hương quen biết. Quả đúng là như thế vì chính tôi cũng đã tình cờ được gặp lại một đồng nghiệp làm chung với nhau tại Toà Đại Sứ Mỹ Saigon hơn 40 năm trước đây. Hỏi sao không mừng cơ chứ ! Theo sự tìm hiểu của tôi, những người Việt sinh sống lâu năm tại California, nhất là tại trung tâm thành phố Westminster, thường không mấy quan tâm đến sinh hoạt này mà hầu như chỉ có người Việt mới qua định cư sau này hoặc du khách từ các tiểu bang khác về thăm đây mà thôi.

Nếu biết trước có chợ đêm, chắc chắn chúng tôi đã không ngại đi ăn tối với các cháu để còn được chung vui cùng cộng đồng Little Saigon qua các món ăn thuần túy Việt Nam cũng như được hoà nhập với mọi người trong bầu không khí vui nhộn và thanh bình của một chiều hè miền Cali nắng ấm.

Xin hẹn bạn đọc qua những ký sự lần sau nhé !

**Ỗ Nguyễn & Phạm Bá
Maryland, Hè 2016**

Tiếc Thương

Anh Bình ...thôi đã ra đi,
Trần gian nay chẳng mong gì gặp nhau.
Dần lòng cố nén cơn đau,
Nhưng sao lệ vẫn tuôn mau thế này.
Sinh ly tử biệt xưa nay,
Lẽ Trời ai có đổi thay được nào.
Hồng trần cõi tạm chiêm bao,
Tám mươi tuổi lẻ khác nào bóng câu.
Quê người đất khách tìm nhau,
Hợp bàn... ca hát giải sầu mua vui.
Thôi thì cũng thỏa nguyện rồi,
Buông tay nhắm mắt cho đời tiếc thương.
Nguyện cầu nơi cõi vô thường,
Hương hồn anh sớm về nương Niết Bàn.

Như Lan

Nguyện Cầu

Ô hô, sống gửi thác về
Nguyện Cầu sớm được hưởng quê Niết Bàn.
Thành kính phân ưu kính nguyện vẫn
Niết Bàn Hạnh Huệ hưởng hồng ân
Giã từ con cháu qua tiên cảnh
Vĩnh biệt thế gian dứt bụi trần
Đông Hải cầu Trời cho quốc thái
Nam San, thịnh Phật chúc dân an
Hương lòng một nén dâng hai vái
Tây Vực muôn đời nhật nhật Xuân.

H.V. Nguyễn Vĩnh Tường

*Thành kính phân ưu cùng gia đình:
Nhà thơ Nguyễn Phú Long,
cầu chúc Linh Hồn Cụ HẠNH HUỆ
sớm phiêu diêu miền cực lạc.*

VỢ CHỒNG GIÀ

Tùy bút

NGUYỄN PHÚ LÔNG

“Xin hãy nghe tôi nói chuyện tôi...” Đó là câu mở đầu trong một bài thơ thất ngôn tứ cú phân đoạn, nhan đề “Rong Chơi Ngày Tháng Hạ,” được phổ biến trên tam cá nguyệt san Cỏ Thơm số 37 từ lâu, nay mạn phép chung ra đây lần nữa, cũng là để mở đầu, khi kể mẩu chuyện Vợ Chồng Già cho vui.

Bài thơ trên diễn tả đại ý, nhân được ngày Xuân, tiết trời ấm áp, một đôi bạn trai gái trẻ rủ nhau dùng xe đạp về vùng quê, đi vòng vo ruộng nương sông núi, dùng chân tại quán bên đường uống nước, nhìn đôi chim nhỏ hạ cánh trên lưng con trâu đang thản nhiên gặm cỏ, rồi ngắt bông hoa rừng tặng nhau, rồi gặp trời mưa bụi, rồi trở về... trước khi chia tay hào hứng hò hẹn sẽ rủ nhau đi chơi nữa, nhưng sau, ý định mong ước không thực hiện được vì tiếp theo, con “Nhỏ bạn rất là xinh” đã bỏ đi lấy chồng...

Bài thơ dài 36 câu, mỗi câu bảy chữ chỉ là kỷ niệm thời trẻ. Tác giả hồi tưởng kể về khi đã già. Nhân lúc ở không, suy nghĩ thấy tình đời thường vậy mà như vậy cũng đẹp, phổ thông. Mục đích còn như giới thiệu ca ngợi nhiều trường hợp tương tự, gọi lại những bức tranh quê yêu mến, rải rác

đó đây chẳng khác bao nhiêu. Còn cái vụ con gái “bỏ cuộc chơi” đi lập gia đình là thường, là đúng, cứ rong chơi mãi... có ai bảo đảm lo cho tương lai người ta đâu!

Thời gian trôi, mấy hình ảnh đó thiếu gì xảy ra trên đời, chỗ nọ chỗ kia, nhất là nơi làng xóm cũ, nhưng với người cao niên, đã trải qua hay chưa từng trải qua thì cũng không bao giờ mong gặp lại, thực hiện lại và biết chắc chắn nó đã trở thành hiếm quý vô cùng! Nuôi tiếc vô cùng!

Tâm sự tương tự ấy bọn già nua chúng tôi, có lẽ ai cũng kinh qua, dù hơi khác nhau. Thời gian đến lúc coi TV phải ngồi gần màn ảnh hơn, đến khi nghĩ đến ăn miếng cơm nếu có bát canh thì nuốt dễ dàng hơn. Lúc đó vẫn vợ thường không nhớ chuyện này thì cũng tưởng chuyện khác.

Cái sự hò hẹn rong chơi như trên đối với đám cao niên là rất xưa, ngay cả vụ nam nữ yêu đương, lấy vợ lấy chồng nuôi con cũng rất xưa. Hôm nay lại “xin hãy nghe tôi nói chuyện tôi” hy vọng không xưa bao nhiêu:

Hai vợ chồng tôi, nhờ trời hiện còn sống chung dưới một mái nhà, đã qua tuổi thất thập, đã nghỉ hưu, không phải lo âu làm việc kiếm sống, nuôi gia đình như trước. Lại nói thêm để mọi người mừng cho là, hồi 1975 vốn liếng chúng tôi mang đi từ Sài Gòn được bốn mụn con nhỏ, hai trai hai gái nay đã trưởng thành, đều có công việc nhà cửa xe cộ vợ chồng ở riêng, cuộc sống giống mọi

người, nghĩa là luôn bận rộn nhưng ngày nghỉ vẫn dành thì giờ đưa thì xách túi đi đánh Golf, chơi tennis, đưa thì dạy học tiếng Việt ở chùa và có cặp cò nuôi chó để chiêu chiêu đất quanh phố như ai...

Chúng tôi nhìn thấy con cái được thể cũng mừng, cảm ơn trời đất và coi như đã tạm tròn bổn phận, từ nay mình cần sống cho nhau cho trọn những ngày tháng còn lại, tạo thêm gần gũi, thương yêu như nhắc nhau uống thuốc sớm chiều, sáng suốt bỏ qua mấy cái bất đồng nho nhỏ, đôi lúc cùng ôn lại vài kỷ niệm, nhường nhịn làm sao để mai sau, đây đó còn chút tình lưu luyến nhớ nhung và tùy khả năng vào những dịp đặc biệt, vợ làm món ăn ngon; Chồng:

“Đưa tặng bạn bài thơ”;

“Sinh Nhật! Mừng em thêm một tuổi, Lá vàng tháng Chín gió chao chao.”

Jorge Luis Borges (1899-1986) nói “Người ta chỉ làm thơ khi còn trẻ hoặc lúc đã về già.” Tôi thì lúc đã về già, lai rai, cảm hơi, cho vui, để kỷ niệm, thoải mái, nên khi sang Tàu, mặc kệ Tế Hanh (1921-2009) kể lể:

“Anh đã đến những nơi lịch sử
Đường Tô Đông Pha làm phú
Đường Bạch Cư Dị làm thơ...”
tôi sáng tác một bài, có tính cách thực tế, thực dụng:

“ Khi xưa thẳng giấc ngủ say, Bây giờ đã hết tháng ngày xuân xanh, Đêm khuya thao thức cầm canh, Đếm đai từng chập hết anh tới nàng. Sáng ra muốn được nhẹ nhàng, Lên ô tô để sẵn

sàng rong chơi, Nhắc nhau khe khẽ một nhời, vào thăm toa-lét xong thời hãy đi. Đền đầu cũng chớ vội gì, Tìm nơi giải tỏa rồi thì tham quan.”

Tôi khoe bài thơ kỷ niệm “Đi Tàu “ hỏi:

- Hay không?

Người tôi yêu lắc đầu.

- Nhưng cũng là lời nhắc nhở cần thiết phải không?

Người yêu tôi gật đầu.

Mím cười. E then. Rồi thôi.

ooOoo

Gần sáu mươi năm qua vợ tôi vẫn giành và sốt sắng chăm sóc mọi việc như nấu ăn, làm sạch sẽ phòng tắm, vệ sinh, giặt áo quần, hút bụi... song luôn luôn để tôi phụ trách rửa chén bát xoong nồi sau bữa cơm, tôi hoan hỷ thi hành không thắc mắc và biết nguyên nhân vì “nàng” chẳng muốn nhúng vào nước, xà bông, sợ hư làn da ở bàn tay!

Một bữa bà đang nấu nồi canh cá với trái thơm và thìa-là sực nhớ đưa rổ thích món ăn này với bún bèn nói băng quơ:

- Sao lâu quá chẳng thấy tụi nó ghé thăm.

Tôi biết là “Bà ngoại” đang nhớ con nhớ cháu, bèn gạt đi. Tụi nó trăm chuyện nào vợ con, nào công việc, mới lại rề là khách! Nói chung đừng bắt lỗi người khác, chẳng biết đúng hay sai lại nhớ vì thế mà tụi nó căng đẳng với nhau, không lo cho nhau thì mình mang tội. Được như vậy là phúc đức lắm rồi,

đừng nghĩ đến câu ca dao con mình, đâu, rẻ làm gì.

Rồi tôi nói với vợ sang chuyện khác vui hơn:

- Vừa rồi ở nhà bank, đứng xếp hàng, anh gặp một người hỏi “Trước ông làm cho sở nhà đèn?” Anh lắc đầu, ông ta tự giới thiệu đang làm hãng điện lực, thấy anh mặc cái T shirt trắng ghi hàng chữ đỏ Dominion Virginia Power nhỏ nhỏ xinh xinh ở ngực, tưởng đồng minh nên hỏi, rồi lịch sự xin lỗi.

Vợ tôi chẳng nói gì, chúng tôi gặp nhiều trường hợp như thế, với Fedex, Lucent, AT&T, Phillip Morris... khi đang mang trên người toàn là mấy áo sọt và mũ lưỡi trai quảng cáo nơi các con tôi làm việc lấy về, chúng nó không xài, lòng thành biểu bố mẹ dùng lấy thảo, mình thì phần cảm động, phần tiếc của chẳng nở bỏ.

Người Việt Nam siêng năng chăm chỉ nên dù vẫn là sắc dân thiểu số và với thời gian hội nhập còn tương đối mới mẻ mà sự thành công, nhất là thế hệ thứ nhì chẳng thua ai thật hãnh diện. Tôi xin miễn đề cập đến mục học hành đạt nhiều kết quả tốt của con em chúng ta ở đây nói chung và của con chúng tôi nói riêng. Chuyện ấy thì ai cũng “biết rồi khổ lắm nói mãi!” “Trẻ cậy cha già cậy con” Nói trộm vía chứ, chúng nó bây giờ vẫn lưu tâm, giúp đỡ mình nhiều, chưa quên câu ca dao công cha, nghĩa mẹ.

Thấy vợ có vẻ suy nghĩ. Sợ cái dòng tình cảm lan man nên tôi đổi đề tài:

- Nay em, có nhớ hồi mình đi mua giường ở đường Hồng Thập Tự Sài-Gòn không?

- Nhớ chứ! Kỷ niệm ấy làm sao quên. Nhắc hoài. Hồi đó em nhắm cái giường nhỏ, rẻ tiền, mà anh lại muốn cái lớn, to nằm cho thoải mái, mình chưa lấy nhau nên em chả có ý kiến...

- Thực sự anh chẳng cần rộng lớn, diện tích mình nằm đâu nhiều, nhưng cần chắc chắn thôi!

Hai người cùng cười, cùng nhớ lại chuyện mua giường hỳ hục mượn xe ba-gác khiêng về căn nhà thuê trong hẻm đường Triệu Đà xây tổ uyên ương. Thấm thoát đã hơn năm chục năm, ngoảnh lại “khi anh ở gần, khi anh ở xa” sống với đồng đội súng đạn rồi một hôm, “thuở trời đất nổi cơn gió bụi” hồi hải, hấp tấp kéo nhau trèo lên con tàu Trường Xuân lên đênh đậu ở bến Bạch Đằng, qua bao giai đoạn, tới dừng chân nơi đây...

ooOoo

Chúng tôi thành hôn từ 1962, kết quả cuộc tình nghèo hai đứa yêu nhau rất đẹp, chủ quan vẫn nghĩ thế, mà thôi chẳng kể ra, một phần vì đang nói tới khúc Vợ Chồng Già. Song nhớ rất rõ, cũng đã gọi các con cháu, mời bạn bè đến nhà uống ly rượu mừng Lễ Vàng được mấy năm nay, hy vọng trời cho sống thêm vài mùa Xuân nữa để chống gậy lụ khụ dắt díu nhau cử hành kỷ niệm Lễ Ngọc Khánh, và chuyện cái giường không nói chắc ai cũng biết nó

vẫn gắn bó theo đuôi chúng tôi không biết đến bao giờ.

Bây giờ con cái bỏ đi hết, nhà cửa rộng thênh thang, để tránh kẻ thức người ngủ, kẻ ho người ngáy, cựa quậy, lục đục, ... chúng tôi bàn luận và đồng ý hai đứa ngủ riêng. Thì vẫn lòng vòng cùng địa chỉ thôi. Cứ tưởng hơn bốn chục năm đến giờ và về sau, chẳng còn chinh chiến, không lo cắm trại nên sẽ mãi mãi ăn cùng mâm nằm cùng giường, thế mà đôi lúc tự nhiên một người vào bệnh viện vậy là có khi cũng xa nhau cả tháng.

Già rồi... bệnh tật cũng là cái có để ra đi. Sinh lão bệnh tử, trời cho kéo đến đâu hay đến đấy, kẻ trước người sau, hãy tiếp tục bước từng đoạn, bình thản, vui vẻ... và trước khi nói tiếp chuyện già, ngủ riêng, vẫn muốn xen kẽ kẻ một chút tình trẻ cho... cân bằng!

Ngày nay nói chung, vợ chồng lấy nhau muốn sinh con ngay cũng được, muốn rong chơi vài năm rồi mới tính tới cũng được, ít nhiều cũng được. Nhân tâm tùy mạng mỡ. Thời gian trước chuyện ấy rất khó khăn, chẳng biết phương pháp Ogino-Knaus, cũng như kế hoạch hóa gia đình là thế nào, trường hợp chúng tôi mới sắp vô là để con túi bụi, không kịp thở... kỷ niệm cũng vui.

Vậy mà còn ghen tuông nữa mới tiểu thuyết chứ. Số là hồi đó tôi thường bị cắm trại ở BTL/TQLC, đường Lê Thánh Tôn Sài Gòn, ngày làm việc, đêm vác khẩu liên thanh, mấy thằng lính tráng, lên nằm trên sân thượng tòa

nhà Văn Hóa Pháp ngã tư Đồn Đất làm một tiền đồn bảo vệ mặt chợ Bến Thành cho đơn vị, chỉ mong khi bình thường hết cắm trại để rủ nhau đi khiêu vũ một phen cho đỡ sầu đời! Ấy thế mà vừa xả hơi đêm trước, ngay trưa hôm sau về nhà ăn cơm là vợ biết ngay, thế có ngạc nhiên không!

Khi bị tra vấn, vì sự thể rành rành, mới lại, là bậc nam nhi, đầu đội trời chân đạp đất, dâm chú chẳng gian, tôi bèn xuống nước và năn nỉ xin cho biết sự thể làm sao? Thì té ra là vì thời khắc đó nhà tôi đang làm việc cho hãng bào chế thuốc tây Hadzer của ông cậu ở đường Lê Văn Duyệt gần ngã tư nơi Thích Quảng Đức tự thiêu, “nhân viên” dưới tay có một A-Múi nhà ở trong Chợ Lớn, ban đêm còn làm ca-ve ngay vũ trường tôi vẫn đâm đầu vào...

Bộ đồ rằn ri mục đích ở trong rừng là để ta thấy địch địch không thấy ta, mấy thằng chúng tôi mặc vậy vào vũ trường cho tiện thì bị ép phê ngược Địch thấy ta mà ta không thấy địch. Binh thư Tôn Tử đâu có nói trường hợp này. Cái nị A-Múi ơi! Đến lay ngộ thế cũng không có piết mặt piết vòng số dách số nhì của nị. Mà ngộ với nị lâu có thù hằn lâu! Ngộ lên đó chỉ lẻ lả lướt mấy figure nhạc điệu bài Mùa Thu Lá Bay thôi mà. Mấy lứa trẻ ló thối kèn, lảnh trống hay thấy bà. Mà ngộ có thấy xu ùm cói làng wàng, mà nị đành chơi ngộ xem bề cái lồi cơm la-xông-lan, cho chút cha ngộ dzồi...

ooOoo

Nay lại xin tiếp tục kể chuyện ngủ riêng. Thời gian bắt đầu thực hiện thú thực thấy rất thoải mái tự do. Ban đêm tắt TV vào nằm một mình khép cửa nhìn trần nhà mà không bao giờ thấy con thạch sùng như ở quê hương, thả hồn, muốn nghĩ ngợi cứ tiếp tục chẳng ai làm phiền, khi nào ngủ thì ngủ, sáng đêm thức dậy lúc nào bật đèn làm việc tùy ý, bàn ghế gọn gàng ngăn nắp, yên tĩnh.

Căn phòng riêng của tôi trên lầu có cửa sổ nhìn ra đường “trang bị” hết sức tiện nghi: điện thoại, computer, hệ thống âm thanh, quạt máy. Dù nhà chỉ có hai người tôi vẫn đặt làm tấm bảng nhựa ghi “Người đàn ông ngủ một mình” gắn ngoài cửa... Đó là nhan đề một truyện dài đã phổ biến trên nhật trình ở Sài Gòn, rất tiếc nay tôi quên tên tác giả, hồi còn là lính tôi đã cắt ghim ở cửa phòng ngủ trong trại nay làm thế cũng như để kỷ niệm một thời. Tôi xin thêm ngân khoản mua cái tủ lạnh nhỏ như của các em trọ học xa thường vẫn có, song không được chấp thuận. Lý do là để trong đó ăn uống rả rịch sẽ bị mập.

Nhưng sống như thế được ít lâu tôi thấy như thiếu thốn cái gì, nghĩ mãi mới khám phá ra. Vậy thì con người giống cái máy, vô tri giác, không sinh động. Để gọi là gia đình, gia đình chẳng phải quân trường cái gì cũng đầu vào đó, nguyên tắc, nó còn cần nhiều thứ khác mà người xưa đã gói ghém trong công thức “Gia hữu tam thanh” Nay xin mạn phép giải thích, trong nhà cần ba loại

âm thanh là tiếng dẹt cửi của nội tướng, giọng ngâm thơ của chủ nhân và trẻ con khi khóc, lúc cười.

Có điều lạ là ngủ riêng như thế vợ tôi chẳng phản ứng gì, tỉnh bơ, đương nhiên, không ý kiến, cảm tưởng, không thắc mắc, coi như bình thường từ xưa đến nay vậy.

Còn tôi thì thấy có lẽ cần thay đổi khi một mình nằm, đây đưa nghĩ chuyện nọ chuyện kia, ước ao bậy bạ, không tốt. Thí dụ như giá mình được như một chàng trai để bọc điều với diễm phúc đêm năm canh năm vợ ngồi hầu thì tuyệt cú mèo! Năm vợ thì tham lam quá. Người Hồi Giáo cũng chỉ có bốn thôi. Mà hai vợ thì Việt Nam cũng nhiều, lại còn nằm chung một giường nữa chứ, “ôi mê lý mê lý đời ta “!!!

Anh ơi ngoảnh mặt vào trong

Sáng mai đi chợ em mua bún với lòng anh ăn. Ca dao.

Thế tại sao tôi phải cu ki một mình? Tại sao vậy trời?

Cứ thế đến một đêm khó ngủ, chịu hết nổi, tôi xuống phòng vợ bật đèn tâm sự, mở đầu bằng câu hán văn của tiền nhân. Vợ tôi nghe xong rồi cho ý kiến:

- Cái tiết mục đầu, thay vì dẹt cửi em vẫn dùng chiếc máy may Singer cũ sửa áo quần, tạo âm thanh thế cũng tạm được, còn chuyện ngâm thơ...

Tôi nhanh nhẩu nói lời:

- Thì anh lấy cuốn Truyện Thúy Kiều của cụ Nguyễn Du thỉnh thoảng vẫn ngâm nga học hỏi ôn tập cũng tốt thôi!

- Ối giờ ơi! Anh làm vậy, cụ Tiên
Điền sống lại chắc chết thêm lần nữa!
Tôi làm mặt nghiêm:

- Em nói thế không đúng. Đối với
văn thi sĩ dù sao được nhắc tới thì chất
giọng điêu luyện hay tài tử ăn nhằm gì.
Nó đều tạo hân hạnh và mừng vui cho
tác giả. Anh lấy kinh nghiệm bản thân
để nói vậy và thực sự là như vậy.

Tại còn thấy âm ức trong bụng, tôi
bồi thêm:

- Ngoài ra mấy người cặm cụi cả
đời viết lách có mong đợi gì nữa đâu!

Vợ tôi như cảm thấy lờ lờ, vừa cười
vừa nói tiếp:

- Thế còn mục thứ ba?

- Thì bắt đầu ngay đêm nay anh lại
xuống ngủ chung giường! Minh thử
chuyện nữa xem sao!

- Thử chuyện nữa là thế nào?

- Anh đâu biết thế nào là thế nào!

Trời đất ơi! Lấy nhau gần “sáu mươi
năm cuộc đời” còn hỏi!

Chúng tôi lại cười, biết là nói giỡn,
chắc chắn làm gì xảy ra việc ấy, thế đấy,
vẫn “mình với ta tuy hai mà một” chẳng
tiếc chi nhau, nhưng hơn bầy bó cả rồi.
Rõ ràng mục thứ ba không có đâu!

Không phải chuyện an ủi “Chẳng tu
thì cũng như tu...”, mà là vì thời gian
đến lúc “cầm sắt” nó đổi sang “cầm kỳ”
thì hoan hỷ chấp nhận thôi. Chấp nhận
tự nhiên, như đã hoàn tất cái bổn phận
thiên liêng, cái thiên chức làm người...

Vợ tôi lại hỏi:

- Thế cái phòng trên lầu tính sao?

- Thì vẫn để nguyên như vậy, thỉnh

thoang con cháu về, khách đến chơi!

- Thế có gõ tấm bảng ghi “người
đàn ông ngủ một mình” không?

- Không. Để đó có chết thằng Tây
nào đâu? Nhỡ khi thay đổi ý kiến cần
còn xài lại,

Phòng ngủ yên lặng, ánh đèn âm
cúng, mọi vật quen thuộc, bình thường,
có lẽ lúc đó chỉ thiếu tôi dưới tấm mền
hoa, nhìn trần nhà để nghĩ tới mấy chú
thạch sùng ở quê hương...

Vài phút trôi qua, rồi vợ tôi đang
nằm nghiêng giống con tôm, bèn từ từ,
nhè nhẹ buông lỏng chiếc gối thứ nhì
trong lòng như các cô con gái lúc ngủ
ôm búp bê, để nó ngay ngắn y hệt vị trí
sẵn sàng cho tôi ngã lưng, mời gọi...

ooOoo

Câu chuyện Vợ Chồng Già còn tiếp
tục cùng thời gian. Nhưng quanh đi
quẩn lại chỉ lâm cầm có vậy. Công nhận
chuyện có vài chi tiết mang tính đặc
thù, song nhìn chung thì rất phổ thông.
Do đó tôi không bảo đảm là hư cấu hay
chuyện thực. Có thể là thực, mà có thể
là hư cấu và cũng có thể là cả hư cấu và
thực. Nhớ câu: “Trong lúc sáng tác ta
đùng tìm cách để lộ cái ta ra cũng đùng
tìm cách giấu nó.” Ché Lan Viên ôi! Tôi
rất “chịu” cái ý kiến của ngài nên mượn
đờ để kết thúc mẩu chuyện này.

Nguyễn Phú Long
9/2016

NHỮNG NGÀY THƠ MỘNG

Phương-Duy

Sáng nay, thứ bảy Nguyễn mặc bộ short trắng, mang kính râm lái chiếc xe Mercedes mui trần hai chỗ ngồi đến đón Michiko đi chơi.

Chỉ còn mấy ngày nghỉ hè nữa bên người yêu, Michiko trở về Nhật Bản tiếp tục học.

Nhìn Michiko gọn gàng trong bộ áo sơ mi trắng, váy ngắn màu xanh trông nàng xinh xắn và tươi vui.

Nguyễn hỏi:

“Hôm nay em muốn đi chơi ở đâu để anh đưa cùng đi ?”

“Tuần trước em đọc báo Wave thấy thông báo từ ngày thứ sáu 24 đến chủ nhật 26 Juillet này có “ 2009 Gilroy Garlic Festival lần thứ 31” .

Tuy em sinh ra tại Santa Clara county, mà chưa có dịp đến xem “đại hội tỏi” hàng năm tổ chức trong mùa hè tại thành phố Gilroy chỉ cách San José có bao xa mà thôi.”

“Thế thì mời người đẹp lên xe, chúng mình sẽ đi đến đấy.

Em phải cột khăn trên đầu để tóc khỏi bay và mang kiếng râm vì ngồi xe mui trần trời nắng và gió lắm đấy.”

Sáng thứ bảy tuy còn sớm mà xa lộ 101 đã bị kẹt xe. Hàng dãy dài xe nối đuôi nhau chạy chậm chậm. Nguyễn nghĩ với lưu lượng xe đông như thế này thì bao giờ mới đến Gilroy, nên chàng rẽ vào đường Monterey tuy có bị đèn xanh, đèn đỏ nhưng ít bị kẹt xe.

Chiếc xe vào thành phố Gilroy, nay được mang danh “Garlic City”.

Chàng thấy khu Downtown nay khá đổi khác với nhiều nhà mới xây thêm nên trông phố xá mỹ quan hơn trước.

Rẽ phải vào đường 10th street rồi đến khu vui chơi tại Christmas Hill Park nằm trên đường Miller Avenue. Nhưng nơi này không có parking đỗ xe. Phải lái xe đi khá xa, qua cả chục blocks đường mới tìm được chỗ đỗ xe.

Đôi bạn trẻ tay trong tay cuộc bộ... hơn hai mươi phút từ chỗ đỗ xe dọc đường phố, mới đến công mua vé.

Khách tham dự rất đông.

Theo tài liệu cho biết, năm 2008 có đến một trăm lẻ tám ngàn khách đã mua vé tham dự. Hội Tỏi Gilroy được xếp hạng đông đúc và đa dạng số 1 “The Heart of America’s premier summertime food event” và thành phố Gilroy trở thành “The Garlic Capitol of the World”.

Đến công một biểu ngữ lớn “Garlic, Food & Family Fun Thirty-First Annual 1979-009”, Nguyễn xếp hàng mua vé vào cửa.

Sau đó Nguyễn và Michiko tay trong tay đi vào nơi tham dự các cuộc vui chơi trong lễ hội đặc biệt này.

Theo ban tổ chức cho biết kỳ này có hơn 4,000 thiện nguyện viên tham dự trong 3 ngày hội. Trong số này có những khách mời như chef-cook trứ danh từ San Francisco và các tiệm ăn nổi tiếng đến trở tài nấu các món ăn có tỏi để khách thưởng thức tài nấu nướng của họ.

Ba sân khấu lớn ngoài trời dành cho nhiều ban nhạc trình diễn nhạc Jazz, blues, rock 'n' roll, country.

Cũng có khu dành riêng cho ca sĩ nghiệp dư lên hát karaoke.

Khán giả hào hứng vỗ tay theo nhịp điệu người trình diễn làm sống động và vui nhộn thêm. Michiko và Nguyễn lần lượt đi một vòng xem quang cảnh tổng quát: các gian hàng trưng bày sản phẩm thủ công nghệ, gian hàng “youth’s group”, nhưng đông vui nhất là nơi “cook-off”, The Garlic Festival Queen Pageant” và “The Gourmet Alley”.

“Cô hoa hậu năm 2009 trông rất xinh và khỏe mạnh của dân miệt vườn trồng tỏi”

Michiko nhận xét.

Đi ngang qua nhiều khu, nhiều gian hàng ăn uống mùi tỏi ướp vào bánh mì nướng, mùi tỏi trong kem tỏi, mùi tỏi ướp thịt gà, thịt bò... chiên xào trên lửa bốc mùi thơm ngào ngạt làm Michiko và Nguyễn cảm thấy đói bụng.

Đến tận nơi, xem tận mắt mới biết những món ăn làm từ tỏi rất đa dạng và không tưởng tượng nổi về số lượng và “ăn ngon” như Garlic Bread, Garlic Fries, Calamari, Garlic Italian Sausage Sandwich, Pepper Garlic Steak Sandwich, Pasta con Pesto, Scampi, Garlic Chicken Stir Fry, Garlic Mayonnaise, Garlic salmon, ... đặc biệt 1 loại Kem Tỏi Garlic Ice Cream ăn có mùi vị rất “lạ”, còn nhiều món ăn có hương vị tỏi nữa nhớ không hết.

Michiko và Nguyễn thay nhau order từng món ăn có tỏi trên, ăn chung mỗi món cho biết hương vị như thế nào. Riêng Michiko thích nhất là những trái bắp nướng già lửa có thoa chút mỡ hành, “ngon ơi là ngon!” nàng nói với Nguyễn như thế khi

nàng “nhá” xong trái bắp nướng mỡ hành thứ ba.

Còn nhận xét của Nguyễn:

“ Sao mà giống bắp nướng mà ngày xưa chàng ăn ở Việt Nam quá! ”

Hình ảnh quê hương chợt hiện đến với Nguyễn.

Trong lễ hội, một khu đông khách nữa là khu rộng rãi có gian hàng của 15 hãng chế tạo rượu vang tại địa phương tham gia và hơn mười loại bia được khách xếp hàng mua để uống khi ăn các món ăn có hương vị tỏi.

Khu này có cảnh sát và bảo vệ kiểm tra, chỉ cho khách trên 21 tuổi mới được vào uống rượu vang và bia.

Uống một ngụm vang đỏ, ngồi dựa vào lưng vị hôn phu nơi bãi cỏ dưới tán cây râm mát, Michiko nói với Nguyễn:

“Thời gian trôi qua thật nhanh, em lại sắp phải xa anh một thời gian nữa...”

Nguyễn an ủi vị hôn thê:

“Đừng buồn nghe cưng, lần này anh sẽ cùng đi với em.

Anh mua vé đi Thái Lan du lịch vài ngày sau đó mới đi Nhật. Đi như vậy hơi trái đường bay và tốn thêm giờ bay. Vì thường thường máy bay từ Hoa Kỳ đi sang các nước Đông nam Á đến Nhật trước rồi sẽ đến Việt Nam, Thái Lan sau. Nay mình đi trực tiếp đến Thái Lan trước rồi sau đó mới mua vé đi Nhật sau.”

Michiko hơn hờ:

“ Như vậy em rất yên tâm và rất vui khi cùng đi với anh lần này... Yoto ! Arigato!” (Tốt! Cảm ơn anh!)

PHƯƠNG-DUY

(Truyện dài MICHIKO xuất bản 2016)

Chuyến đi của Tổng Thống một đại cường

Phạm Bá

Chuyện bên lề:

Tổng Thống Hoa Kỳ Obama đến thăm VN ngày 23-5-2015, vài giờ đồng hồ sau ngày bầu cử Quốc Hội thứ 14 của VN 22-5-2016. Như mọi người đều biết mọi sự kiện diễn tiến trong ba ngày ông đến VN từ Hà Nội đến Sài Gòn, qua báo chí và truyền hình trong và ngoài nước, người viết ở đây chỉ là người lượm lặt ghi nhận những chuyện bên lề chuyến viếng thăm của ông như để góp vui với bạn đọc.

1- Welcome tự phát.-

Ngay trong đêm 22-5, nghe tin máy bay Air Force One của ông Obama đáp xuống phi trường Nội Bài thì người dân Hà Nội chẳng ai bảo ai đã ùn ùn kéo nhau ra đứng chờ từ hai ba giờ trước dọc theo quãng đường dài dẫn vào thành phố chỉ để được nhìn thấy tận mắt đoàn xe của ông. Đoàn xe đông thật! Theo sau hai Quái Thú –The Beast “Cadillac One” đen bóng của Toà Bạch Ốc lừng lừng tiến vào một thành phố đã một thời “ăn bom đạn của đế quốc...” là một đoàn xe SUV mà phần lớn những xe này được phi cơ của không lực Hoa Kỳ mang từ Mỹ đến. Còi hụ vang lên cùng



với đèn chớp của xe cảnh sát được dịp trở nghề với thị dân Hà Nội. Rồi qua sáng ngày hôm sau 23-5 mới khiếp! Hà Nội bàng hoàng bùng dậy như để chào đón một “vị lãnh tụ tinh thần”; nhất là dọc theo những con đường bị cấm, vì đó chính là những đường đoàn xe của ông sẽ đi qua. Người dân đoán biết thế. Ôi! những bàn tay vươn lên tưởng như muốn níu lấy những bàn tay; “cờ hoa đế quốc” được người dân phát tung hô rập trời chào mừng ông TT. Có người trộm nói: “Chúng ta đi bầu hôm qua, nhưng người đắc cử với số phiếu đa số tuyệt đối lại là TT Hoa Kỳ Barack Obama hôm nay”...

Báo chí Hà Nội không giấu diếm được những tình cảm của cư dân Hà Thành: *Trần Mỹ Linh*, cô gái Hà Nội duyên dáng



mặc áo dài màu vàng dăng hoa chào đón TT Obama khi ông vừa bước ra khỏi phi cơ Air Force One là một sinh viên ngành Ngữ Học, 21 tuổi thuộc Đại Học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn Hà Nội, ghi nhận niềm cảm xúc của cô trên trang Facebook: "...*Tớ nói thật... là tay của Ngài Barack Obama...ấm, ấm lắm ...*".

Ngày 24-5-2016, TT Obama đứng trước hơn 2000 người trong Hội trường Trung Tâm Hội Nghị Quốc Gia Ba Đình Hà Nội, ông đã thao thao bất tuyệt chuyển tải một thông điệp dài bao gồm các vấn đề mà người dân VN đang mong đợi. Như nắng hạn lâu ngày gặp mưa, một thanh niên Hà Nội – Minh Phạm, bày tỏ tâm tình của mình trong trang báo VNExpress:

*"Chúc mừng dân tộc VN
Có người bạn tốt đến thăm nước nhà
Một người sống rất chan hòa
Bình dân dung dị như là người thân
Tuy xa bỗng hóa nên gần
Một người đáng mến như dân của mình
Ông đến như ánh bình minh
Mở ra hy vọng dân mình đợi mong..."*

2- Lấy Kiều & Những vần thơ...-

Cái sinh động trong những bài diễn văn của các TT Hoa Kỳ khi đến thăm VN là luôn luôn lần tìm về những lối mòn cổ điển trong văn học VN qua những nét tinh tú của văn chương nghệ thuật. Đó là các sự kiện "lấy Kiều".

Nếu như năm 2000, TT Clinton đến VN mang theo món quà bỏ cấm vận để đánh dấu một cử chỉ của lòng tin:

*"Sen tàn cúc lại nở hoa;
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang Xuân"*
(Câu 1795-1796)

(...Just as the lotus wilts, the mums bloom forth;

Time softens grief and the winter turns to Spring)

(TT Bill Clinton)

- Chiến tranh đã qua đi, hãy chôn vùi quá khứ để sang một trang lịch sử mới - và như Phó TT Joe Biden trong yến tiệc tại dinh quốc khách tại Washington DC hồi tháng 7-2015, khi cụng ly với TBT Ng. Phú Trọng, qua nhiều nỗ lực để đánh dấu những chặng đường thăng trầm của quan hệ hai nước Việt-Mỹ, ông nói :

*"Trời còn để có hôm nay;
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời"*
(Câu 3121-3122)

(Thank heaven we are here today;
To see the sun through parting fog & clouds)
(PTT Joe Biden)

-Những nghi ngại giữa hai nước nay đã không còn nữa, thay vào đó là những sự phát triển tầm cao, thì hôm nay ở TT Barack Obama, ông cũng lại mang Kiều ra lấy trước 2000 người khiến cả khán phòng không nén được cảm xúc:

*"Rằng trăm năm cũng là đây;
Của tin gọi một chút này làm ghi"*
(Câu 355-356)

(Please take from me this token of trust,
So we can embark upon our 100-year journey together)
(TT Barack Obama)

-Đó chính là món quà TPP và việc bỏ cấm vận vũ khí sát thương cho VN.

Được biết người chuyên viết diễn văn cho TT là Cody Keenan và lần này "Lấy Kiều" do GSTS Peter Xinoman thuộc Đại Học Berkeley đề xuất, chắc hẳn phải có sự tiếp tay của phu nhân người Việt là Bà Nguyễn Nguyệt Cẩm. GS Peter là người đã dịch truyện "Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng – Dumb Luck" sang Anh Ngữ.

Đối lại là những giòng cảm xúc đầy chân tình một thuà của người dân trong báo VNExpress:

*"Chúng tôi đang chờ Ngài phát biểu
Đợi trông như đếm đến từng giây!
Háo hức thay trong sự kiện này
Lịch sử viết tiếp thêm trang mới"*

(Lân Giang)

Ôi! sao dễ thương đến thế nhỉ...

Vẫn chưa hết những chân tình vừa hé mở, người Sài Gòn (Mẫn Lê) triu mến TT Obama qua những vần thơ như bộc lộ hết cả tâm tư của mình:

*"Tâm lòng ông tựa biển Đông
Như dòng sông mát mênh mông đất trời
Một nhân cách lớn trong đời
Chân tình nồng ấm, rạng ngời nhân văn
Mối gặp như đã quen thân
Những nơi ông đến, người dân đón mừng
VN rộn rã từng bừng
Mọi người đều hưởng theo từng bước ông"*

3- Bún Chả Hương Liên

TT Obama ăn tối ngày 23-5 tại Quán Bún Chả Hương Liên Hanoi với Anthony Boudain, một nhà văn chuyên về ẩm thực, tốt nghiệp *The Culinary Institute Of America* năm 1978 và là một "đầu bếp" nổi tiếng thế giới với tác phẩm đầu tay *"Kitchen Confidential.."*. Hiện ông đang dẫn thu hình một chương trình ẩm thực mùa thứ 8 có tên là *"Anthony Bourdain: Parts Unknown"*, nghe đâu sẽ được CNN phát hình vào mùa Thu này. Dĩ nhiên bữa ăn bún chả này đã được Toà ĐS Hoa Kỳ ở Hanoi và Anthony hoạch định và đạo diễn, trong đó phần "an ninh môi trường" được thực hiện tuyệt đối an toàn ít ai biết đến. Món "Chả nướng" mà TT ăn là thịt heo băm... được mang từ Mỹ đến. "Việc ướp, xiên & nướng thịt..." được nhà hàng thực

hiện tại chỗ dưới sự "giám sát" chặt chẽ của viên bếp trưởng Nhà Trắng và ngay cả món nước mắm chấm ...đều đã được đầu bếp Toà Bạch Ốc xét nghiệm, kiểm tra, nếm thử...trước đó. Và đến ngay người hầu bàn cho TT cũng đã được an ninh mật vụ chỉ định, không được ai khác mà phải là Cô Hằng Nga, người sau đó được báo chí Hà Nội phỏng vấn đã vui vẻ, tươi cười trong niềm hạnh phúc nhất trong đời cô, nói – nguyên văn: "...*Bắt tay ông rất chi là ăy...là sướng...*"; "*Ôi ! mềm và ấm làm sao!*..."

Nếu nhìn kỹ những video clip trong quán, thấy rất đông khách ngồi ăn. Họ tinh bơ như không hề hay biết có TT đang ăn bún. Không riu rít nhỏ to. Không ngó ngang ngó dọc. Vì tất cả đã được người đạo diễn dặn dò kỹ lưỡng từ trước. Tóm lại không gian trong quán có một bầu không khí rất tự nhiên như "người Hà Nội".

Nhưng chuyện quán Bún Chả Hương Liên chưa chấm dứt ở đây...

Ngay ngày hôm sau, 24-5 và những ngày kế tiếp, cư dân Hà Thành nườm nượp đổ về quán Hương Liên chỉ để được thưởng thức hương vị bún chả quán này, nhưng hôm nào cũng "Cháy Hàng" khiến chủ nhân phải liên tiếp đề bảng bên ngoài cửa tiệm: "Đã hết Hàng". Có khi thịt nướng không



kip, có khi không đủ nhân viên hầu bàn phục vụ. Nhiều người dù phải chờ bao lâu nữa, cũng chờ, chỉ để được vào trong quán, nhất là đòi được lên lầu hai, ngồi vào bàn và ghế nhựa của TT ngồi bữa trước...được hân hạnh gọi một "suất Bún Chả Obama - gồm tô thịt nướng, nem hải sản và một chai Bia Hà Nội". Ái mộ ông TT quá xá cỡ...

Hiện nay bà chủ quán Hương Liên đã cất giữ toàn bộ bát đĩa, đũa và vỏ chai Hanoi Beer mà TT Obama đã sử dụng để sẽ được trưng bày trong một tủ kính đặt trong tiệm như là một kỷ vật trong lịch sử quán Hương Liên sau hơn 20 năm hiện diện trên thương trường.

Đến nay, sau nhiều tuần lễ sau ngày TT đến, cơn sốt món ăn dân dã truyền thống đất Trảng An: "Bún Chả" như vẫn chưa hạ nhiệt. Cư dân Hà Thành ngày ngày cứ ào ào kéo nhau đến "Quán bún... Obama" chỉ để ăn thử một lần xem sao... Nhà chủ coi như trúng số...và Hanoi Beer cũng được coi là một Best Seller trong cái nắng đổ lửa của Ba Đình hiện nay.

Trong khi tờ VN Express cũng đăng tải tâm tình của một thanh niên:

*"Obama ở Hoa Kỳ
Mà sao thấy chẳng khác chi dân mình
Vui tươi giản dị nghĩa tình
Cũng ăn bún chả bình bình như ai
Yêu sao cái đức cái tài
Cái tâm nhân cách ít ai sánh bằng
Chẳng hề sang chảnh kiêu căng
Nên gặp ai cũng thấy rằng "rất yêu"*

(Duy Tuấn)



Lần tới về thăm Hà Nội, tôi sẽ tìm đến quán Hương Liên xem saoQuán này nằm trên đường Lê Văn Hưu-Nguyễn Du nối dài, một bên phố thuộc quận Hoàn Kiếm, nửa phố bên kia thuộc quận Hai Bà Trưng, là quảng đường mà chúng tôi vẫn thường tản bộ mỗi buổi chiều ra Hồ Hoàn Kiếm.

4- **Viếng Chùa Ngọc Hoàng Dakao Sài Gòn**

TT Obama khi tới Sài Gòn trước tiên viếng thăm Chùa Ngọc Hoàng trên đường đến khách sạn.

Nhiều người cứ tưởng, TT muốn đến nơi nào là chỉ việc dừng xe nơi đó.... Không dễ dàng như mình nghĩ đâu. Lịch trình thăm viếng phải được sắp xếp từ trước. Theo đó người được vinh hạnh tiếp đón và thông dịch cho TT vốn vẹn không quá 10 phút viếng thăm:

GS Dương Ngọc Dũng, 20 năm trước ông tốt nghiệp MA ngành Đông Á ở Harvard, và 5 năm sau ông lấy Ph. D về Tôn Giáo Học tại Đại Học Đường Boston HK, hiện là GS đại học tại Sài Gòn cho biết: ông đã phải làm việc liên tục với mật vụ Mỹ hơn 3 tuần lễ trước khi TT đến Sài Gòn mà chưa chắc đã là người được chọn lựa... - mật vụ Mỹ nói thế. Khu vực xung quanh chùa đã được mật vụ rà soát kỹ lưỡng cùng với chó nghiệp vụ. Dân cư chung quanh còn được chỉ thị là phải đóng các cửa sổ và không cho ai vào trong nhà để chụp hình và ngay các góc ngách trong chùa, dưới bàn thờ, trong thùng phước sớ...đều được mật vụ chiếu cố kiểm soát để bảo đảm an toàn cho cuộc viếng thăm. Chiều hôm 24-5,

khoảng 4 giờ chiều, TT đến Sài Gòn thì 10 giờ sáng, GS Dũng mới được xác định ông là người được tuyển chọn tháp tùng TT trong 10 phút viếng thăm cùng với vị Sư trụ trì là Thượng Toạ Thích Minh Thông, nguyên là một Việt Kiều đã từng sống ở Mỹ. Vì vấn đề an ninh cho TT, GS Dũng đã được dặn dò kỹ lưỡng việc phải làm: khi có tiếng reo hò của cư dân khu Dakao trước cổng chùa là lúc TT vừa xuống xe, GS được chỉ định vị trí đứng sẵn trong sân chùa trước tượng Hộ Pháp nơi mật vụ đã cho đánh dấu chữ thập, nghĩa là ông không được xê dịch ra khỏi vị trí đó cho đến khi có mật hiệu của nhân viên mật vụ Mỹ. GS Dũng sững sờ trong giây lát. Cẩn thận quá đi thôi ! Cũng vậy, GS Dũng, vì lý do an ninh, phải giữ khoảng cách tuyệt đối và không được đi sát, đụng vào người TT. Mật vụ còn dặn GS Dũng: khi TT bước đi, Gs phải đếm nhẩm từ 1 tới 8 giây rồi mới được bước theo. Quy định là như thế, nhưng TT cũng lịch sự mời GS luôn luôn xích lại gần khi bước đi. Có điều là tuyệt đối không ai được tặng hoa, tặng quà hay chụp hình quay phim bất cứ lúc nào....Đây là công việc của phóng viên Tòa Bạch Ốc. Do đó, khi viết bài này, người viết mới được xem qua video clip khi TT cúng dường vào thùng Phước Sương (Donation Box) qua thông dịch của GS Dũng. Chẳng biết TT bỏ vào thùng... bao nhiêu...

Cũng xin được ghi nhận thêm mẩu chuyện vui có thật. Một video clip ngắn quay lại cảnh một ông bố trẻ tới giờ đi đón con, nhưng anh ta vẫn nhẫn nại đứng chờ đón TT thì vợ điện thoại gọi tới nhắc nhở anh nhớ giờ đi đón con. Ông bố trẻ trả lời ngon ơ:

- *Anh đang đứng đợi đón TT. Em đi đón con đi...*

Không biết vợ anh cần nhắn gì bên kia đầu máy, anh gằn giọng với vợ:

- *Anh đang đứng đón TT.*

Ngừng một giây, anh to tiếng:

- *Anh nhắc lại một lần nữa: Anh phải đón TT. Không đón con hôm nay được..Chỉ được cái vợ vẫn đồng nát... Con thì ngày nào mà chả đón. Còn TT thì để gì đời người có được một lần chào đón ông... Nghe chưa?*

Sau đó anh cười hả hê. Nhiều bạn trẻ đứng gần đó cười rộ lên, nói với nhau: *"Không biết đêm nay anh bố ngủ ở đâu ?"* Ngoài ra người ta cũng ghi nhận được, TT rất tự nhiên không đi vào cửa giữa mà đi qua cửa phụ với lý do là "ai sao tôi vậy" khi bước vào chánh điện, TT cởi giầy ra, khiến Sư trụ trì hơi ngỡ ngàng, tỏ dáng cảm phục ông. Và ngay lúc bước ra cửa, cô trợ lý của TT trượt chân muốn té nhào, thì TT đã vội vàng nâng cô đứng dậy. Một cử chỉ cao đẹp lịch sự quá !

5- YSEALI Sáng Kiến Lãnh Đạo Trẻ ĐNA với Rapper SUBOI

Ngày 25-5, TT Obama đến GEM Center ở Sài Gòn để gặp gỡ với khoảng chừng 800 trăm thanh niên sinh viên trẻ trong một tổ chức do ông khởi xướng năm 2013:

YSEALI - *Young Southeast Asian Leaders Initiative* - *Sáng Kiến Lãnh Đạo Trẻ Đông Nam Á* - với mục đích cùng nhau trao đổi về giáo dục, văn hóa. Sự hiện diện của ông như một thông điệp "truyền lửa" để đào tạo khả năng lãnh đạo cho các bạn trẻ trong vùng, là nhịp cầu nối kết giữa Hoa Kỳ và Đông Nam Á. Ông đã được đón tiếp tưng bừng trong một bầu không khí tưởng như chưa bao giờ có tại một thành phố đã một thời là tâm điểm của chiến tranh. Tên gọi YSEALI đã đủ để nói lên ý nguyện của TT một đại cường. Ông đã đến với thanh niên VN như một siêu tài tử: *"Obama, we love you"*, qua nhiều băng rôn và biểu ngữ in sẵn.

BÌNH PHỤC

May chưa vĩnh viễn phải rời nhà
Quĩ dữ vô thường đã chạy xa
Chớ tính dăng hương bày bánh trái
Đừng lo phúng điếu đặt vòng hoa
Nguy nan cơn bệnh còn đeo bám
Kiên định tinh thần cố vượt qua
Có được tin vui xin gởi bạn
Đang đà bình phục khỏe dần ra
VA, tháng 03/2016

Lý Hiểu

Họa

Bình Phục

Mừng bạn giờ đây vẫn ở nhà
Đến thăm khó quá tại đường xa!
Hỏi han cứ đợi bài Đường luật,
Quà cáp đừng mong mấy đóa hoa.
Bệnh tật, thầy lang nhiều tháng trước;
Thuốc men, y viện mấy năm qua.
Trước sau làm được gì nhau nhỉ!
Nó nhập vô, thì mình đập ra.

Nguyễn Phú long

Trong lúc giao lưu với những người trẻ, TT đã beatbox với một rapper VN: **Suboi**. "*Before I answer your question, why don't you give me a little rap ?*". Suboi tên thật là *Hàng Lân Trang Anh*. Sở dĩ người viết muốn nhấn mạnh đến "Queen of Hip Hop" vì Suboi nói tiếng Anh và điệu bộ "chuẩn không cần chỉnh" khiến nhiều người tưởng rằng cô là Việt Kiều sinh trưởng ở Mỹ. Có người hỏi cô tại sao lại lấy tên là Suboi, cô thản nhiên trả lời, ở nhà tên cô là Su nhưng theo bạn bè, cô có dáng dấp của một tomboy nên cô chấp nhận tên này và ghép lại thành nghệ danh Suboi. Cô say mê nhạc Rap từ năm 14 tuổi và tới năm 15, cô đã trở thành một nhạc sĩ, ca sĩ nhạc Rap, diễn viên (phim Bitcoin Heist của đạo diễn Hàm Trần) và từ đó, cô được vinh danh là Nữ Hoàng Hip Hop Sài Gòn, nổi tiếng với dòng nhạc này trong giới underground (chưa được số đông mến mộ). Trước TT Obama và hơn 800 bạn trẻ, ngay tại hàng ghế ngồi trong GEM Center, cô đã tung hứng "quậy" hết mình qua một khúc Rap ngắn bằng Việt ngữ theo lời yêu cầu của TT: "*Tình hình nhà lâu chinh ình giấu sang như vua chúa, giết mình sự tình, thực ra đen đúa mà đời vậy mà hay, it's been a crazy day khi mà ta nhắm hai con mắt xuôi mái chèo, trôi bóng mây bay ...*" phản ánh đời sống của nhiều giới. Trong một cuộc phỏng vấn ngắn giữa cô và Phổ Bolsa TV trước đây, Suboi nói, các sáng tác của cô ghi nhận nhiều về đời sống gia đình, bạn bè, hy vọng và đôi khi theo áp lực tử dư luận. Nhưng ở VN, người dân chưa nhận ra thể loại Hip Hop này. Do đó, Hip Hop chưa được sẵn sàng tiếp nhận, và nhất là khi những lối mòn ca nhạc cũ... vẫn còn ngự trị trên sàn diễn cho dù Sài Gòn đã xuất hiện nhiều ca sĩ Hip Hop. Vì đời không chỉ là mẫu hồng, trong khi tuổi trẻ phức tạp phải tìm tới nhạc Rap để biểu

lộ cảm xúc, lối thoát và hy vọng của mình, cô nói thể. Dù sinh sống ở Sài Gòn, năm 2014 lần đầu, cô đã được CAAMfest (Center for Asian American Media Festival) mời qua San Francisco trình diễn, nhưng gặp trở ngại về nhập cảnh nên chuyển đi không thành. Qua năm 2015, cô đến với Show Case CAAMfest tại SF và "South by Southwest" – (SXSW) tại Austin TX và Brooklyn NY - quê hương nguồn văn hóa Hip Hop. Qua 2016 năm nay, cô lại được SXSW mời trở lại trình diễn. Cô đã cho phát hành hai album nhạc với tựa đề là Walk (2010) và Run (2014) để nói lên tâm trạng nổi loạn "đường phố" của lớp người trẻ.

Sau buổi gặp gỡ với TT Obama, May 25, 2016 tại Sài Gòn, giới truyền thông trên thế giới đã chú ý đến tài năng của cô: báo The Guardian, Teen Vogue và đài CNN mời cô phỏng vấn. Chắc hẳn đường vinh quang đang chờ người nhạc sĩ trẻ đã một thời mang một "tâm hồn nổi loạn qua những sắc màu đường phố", nhưng "đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt" (tcs), nay cô đã quay lại với chính mình...và làm rạng danh nữ hoàng nhạc Rap trẻ tuổi người Việt. Cô nói hát Rap là cô muốn chuyển tải một thông điệp "Cool" đến mọi giới, không mang theo hình bóng chiến tranh bom đạn một thời đã qua, như nhiều người ngoại quốc thường nhận định. Cũng xin nói thêm, sau âm nhạc cô còn là thầy dạy Anh Ngữ.

Cuộc công du VN của TT Obama vốn vẹn chỉ có 3 ngày với lịch trình làm việc đầy đặc của ông. Thiết tưởng người viết, qua báo chí, video ...chỉ lượm lặt được có bấy nhiêu điều lắm cảm để viết nên một bài góp vui cho bạn đọc.

Nhưng có cuộc chia ly nào mà không để lại những ngẩn ngơ luyến nhớ, một cư dân Sài Gòn theo dòng cảm xúc trào dâng

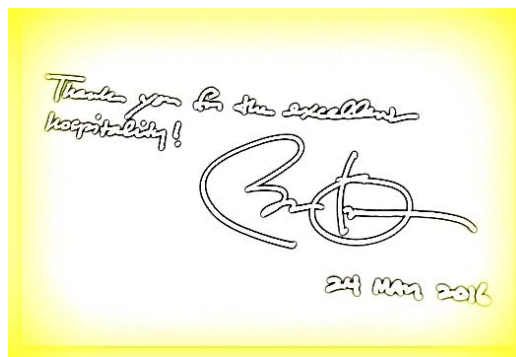
đã tiễn ông bằng một bài thơ ngắn nhưng đầy ắp những chân tình:

"Một thời bom đạn đã qua
Xưa hai chiến tuyến giờ là bạn thân
Siêu cường nhưng lại dễ gần
Quyền cao mà rất bình dân đời thường
Ông sang người đón đầy đường
Ông về dân Việt nhớ thương ông nhiều
Nhớ Ngài Tổng Thống thân yêu
Nhớ từng lời nói câu Kiều ông ngâm
Ba ngày ông đến viếng thăm
Mối tình Việt-Mỹ ngàn năm vững bền"

▪ (David Teo - VNExpress)

Cũng thế, ngày TT Obama rời VN, có một nhà thơ giấu tên đã cảm tác một bài lục bát dài với ý thơ là cuộc hành trình của TT Obama từ lúc ông đến Hà Nội cho tới lúc rời Sài Gòn mà người viết chỉ muốn được dùng 4 câu thơ cuối cùng để khép lại dòng sự kiện:

"...Rằng trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi
Nước Mỹ cam kết khắc ghi
Sẽ làm tất cả là vì Việt Nam"



Cùng bút tích "ThankYou Note" của Tổng Thống một đại cường để lại cho người VN một niềm luyến nhớ khôn nguôi:

Phạm Bá

Trăng Thu

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Càng gần đến ngày lễ Trung Thu, lòng Dung càng đầy hy vọng sẽ có dịp gặp lại con và cháu ngoại của mình. Năm nào cũng thế, cứ đến gần Trung Thu là vợ chồng Thanh đưa con Kimmy về chơi, để thăm hai ba má hai bên, và nói cho cùng, theo lời của Thanh thì:

- Con thích ăn bánh trung thu của tiệm Nhi Đồng vùng ba mẹ ở nhất, vì đi nhiều nơi, con thấy mấy tiệm bánh chỗ khác làm dở lắm... không ngon như ở nơi này.

Con Thanh nó thích ăn bánh Trung Thu cho đến độ đã thử lên Internet, mở trang web có dạy làm loại bánh này để tự làm, nghe nói mất nhiều thì giờ, thử đi thử lại vài bận... nhưng sau đó thì đành lác đàu, ỉu xìu nét mặt gọi phôn đến mẹ cho biết là thất bại...

-Con làm xong thấy dở quá, dục cho chó ăn nó cũng chê!

-Con tập làm bánh bía, mẹ nghĩ là dễ hơn...

-Bánh bía chỉ có nhân đậu xanh thì thà con mua đậu xanh ăn cho rồi...

-Con đi làm lại mắc trông cháu, thì giờ đâu mà làm!

-Cuối tuần con mới làm mẹ à...

Rồi than thở:

-Mất thì giờ kinh khủng, lại còn phải dọn dẹp bếp núc... mệt quá!

- Chỗ con ở có tiệm Việt Nam không?

- Có chợ Tàu, nhưng hiện nay tụi con sợ thức ăn làm ở Tàu lắm mẹ ơi... nhất là mấy cái bánh Trung thu, họ phải ướp đủ thứ hoá chất độc hại để giữ cho lâu mốc, lâu hư... ăn vào kinh hãi lắm, bịnh như chơi!

-Phải đó... mẹ thấy trên Web cũng có bán, chụp hình quảng cáo thấy cũng Ok... nhưng ngon hay không thì mình không biết...

-Con hay thử mấy món bánh Việt và Mỹ... con thấy thích hương vị của bánh trung thu nhất, vì nó có mặn ngọt... lạp xưởng, rồi hột trái cây thập cẩm, thêm bào ngư vi cá lại càng ngon, có điều mắc quá...

Dung hứa hẹn:

-Hôm nào con về đây, mẹ sẽ mua cho con vài hộp bánh bào ngư vi cá, ăn cho đã...

Thanh khoái chí:

-Cám ơn mẹ... nhưng mẹ nhớ mua đúng cái tiệm mà con thích đó nhé... đừng mua tiệm khác là con biết liền.

-Mẹ biết rồi... mà sao cũng lạ, tiệm đó làm bánh trung thu ngon, lại quảng cáo món khác...

-Món gì mẹ?

-Thì món cháo vịt chứ gì nữa...

-À há... con thấy khách tới mua bánh trung thu cũng nhiều.. có khi còn nhiều hơn ăn cháo vịt đó mẹ..

-Đúng vậy...

Chợt Thanh ngập ngừng:

-Mẹ này...
-Gì con...
-Lần này về, con có đưa theo một đứa bạn của con Kimmy nghe mẹ...
-Vậy à, nó ra sao?
-Thì cũng phá phách... nhưng nó thích chơi với con Kimmy, và chỉ có con là nó nghe lời, nên ba má nó gửi con kèm nó giùm... Đúng ra thì ba má nó ở xa, giao nó cho bà mẹ nuôi. Bà ở gần nhà con, mà bà ngoại nó già rồi, hay đau yếu... nó sợ con mẹ à, còn bà ngoại nó cưng quá quen rồi, không dạy cháu được... thằng bé xinh xắn lắm...
-Ừ, thì có vợ chồng con với 2 đứa nhóc cũng được, không sao hết...
Thanh nói thêm:
-Con kèm thằng John này đã ba năm rồi... Nhiều khi nó ăn ở luôn nhà con... Máy năm trước không đưa về vì bà ngoại nó còn ở nhà, nay bà yếu phải vô dưỡng lão nằm điều trị vài tháng... mà ba má nó không về, nên gửi cho con giữ luôn... Bữa nào gặp mẹ sẽ biết... con nói trước cho mẹ hay...
-Ok, Ok... thêm chén thêm đĩa thôi... với lại bố mẹ cũng nhớ tụi con lắm rồi, nhất là con Kimmy... Con vẫn nói tiếng Việt với nó chứ?
Thanh ngập ngừng:
-Ummm... nó đi học trên trường toàn bạn Mỹ... Thôi, hôm nào gặp mẹ sẽ biết...
Dung cúp phôn, hỏi thì hỏi... chứ nàng biết cháu mình chắc chỉ nói toàn tiếng Mỹ! Ba mẹ nó cứ xô tiếng Mỹ với

nhau, thì làm sao con cái nói tiếng Việt cho được!

Thôi thì mặc cho dòng đời đưa đẩy... nàng muốn cho con cháu giữ được lè lối Việt Nam, nhưng ở xa như thế này đành bó tay!

Mới nói chuyện với con qua phôn hôm nào, mà ngày mai là gia đình nó tới rồi. Dung thấy thời gian ở đây qua đi thật nhanh. Thấm thoát mà nay Dung đã đến tuổi bốn mươi lăm rồi! Bà ngoại mà 45 tuổi còn trẻ chán!

Con Thanh lấy chồng khi chưa xong đại học. Hai đứa nó cùng trường cùng lớp phải lòng nhau, khi ra trường thì con nhỏ đã vác cái bụng chình ình sắp sanh. Bắt buộc vợ chồng Dung phải cho chúng làm đám cưới... không thì thiên hạ cười cho thú cái đầu!

Mà cũng lạ, sau lần đó thì lại không thấy Thanh đẻ đái gì nữa! Dung đã hỏi Thanh, thì nó trả lời giờ chỉ muốn một đứa con thôi!

-Tội nghiệp cho con Kimmy!

-Sao tội mẹ?

-Vì nó lớn lên không có anh chị em để chơi... khi mình già mất đi rồi, nó cô độc một mình...

-Cũng như con đó hả mẹ!

Câu nói của Thanh làm cho Dung cứng họng! Hồi đó Dung cũng vì sinh kế, không muốn sanh thêm con bận bịu, dùng thuốc ngừa thai liên miên... cho đến khi nghĩ lại giật mình, thì không thể mang bầu được nữa! Cho dù hai vợ chồng làm mọi cách, nhưng Dung cứ trượt ra đó!

LỤC BÁT VỀ NGUỒN

Em từ lục bát về nguồn
Anh ơi em phải rập khuôn mẫu nào
Theo hình chữ 8 đi vào
Trào dâng cơn sóng thét gào tự do

Phan Khâm

Cuối cùng hai người đành nói với nhau: “Có lẽ Trời cho mình chỉ có một đứa con”!

Vì thế cho nên không bao giờ Dung hồi thúc hay bắt bẻ con gái mình về vấn đề sinh thêm một đứa cháu nữa! Nhưng may cho Dung là Thanh cũng là đứa biết thương mẹ.

Nhiều lần Thanh đã than với mẹ:

-Con không có chị em... buồn quá mẹ ơi...

Vợ vào câu đó, Dung mới nói:

-Con thấy không... không có chị em thì buồn lắm... mẹ thì không thể sinh sản thêm được cho con vui... Còn con, đẻ thêm vài đứa nữa rồi nghỉ... chăm tụi nó một lần, sau đó tụi nó lớn là con đỡ cực... hơn là lâu lâu sanh một đứa, thì lúc nào cũng phải vương bận con nhỏ!

Lúc đó thì con Kimmy cũng hơn bốn tuổi... Bây giờ con cháu đã bảy

tuổi, cũng chẳng thấy mẹ nó nhúc nhích gì! Chán thật!

Dung đi ngủ sớm để mai dậy nướng con. Nàng đã nấu sẵn một nồi xôi gấc, và làm cả một trăm cuốn chả giò cua ngon đáo để... Còn bánh Trung thu, Dung sẽ đưa con tới tiệm cháo vịt cho Thanh lựa đã đời... chắc là nó vui lắm...

o o o

“Trời hồng hồng sáng trong trong, ngàn phượng rung ngoài song...”

Dung vui vẻ hát thầm trong lòng. Ở đây không có phượng đỏ, mà lại có phượng tím. Con đường phượng tím lúc nào cũng trải một lớp hoa tím đầy trong lòng đường, do những cánh hoa rơi thi nhau phủ xác thắm lên đó, trông đẹp như một bức tranh vẽ.

Con đường đó ở công viên cạnh nhà Dung. Nơi mà cộng đồng Việt Nam đã mượn chỗ để tổ chức tết trung thu sắp tới cho năm nay.

Khu công viên có căn phòng lớn để làm chỗ họp mặt cho các bộ lão người Mỹ khi có dịp, và sân khấu lộ thiên cùng những hàng cây phượng tím rào quanh đẹp đáo để.

Dung quay vào bếp. Mấy đứa nhỏ cùng ông ngoại chúng nó đã chờ nhau đi đâu mất, khi Dung đang đứng nấu nồi bún mọc trong bếp cho bữa trưa.

Nhìn chúng nó úp úp mở mở, lén lút như đang giấu nàng một cái gì, khiến cho Dung nghĩ ngợi... Có lẽ cha con chúng nó đang đi mua cho “bà ngoại”

món quà gì đó, mà không muốn cho bà ngoại biết. Dù sao cũng gần đến ngày kỷ niệm đám cưới 30 năm rồi.

Hôm mới đến, hai đứa nhóc đứng trước mặt Dung, khoanh tay cẩn thận, cúi đầu sát rạt, miệng đứa nào cũng nói:

-Chào bà ngoại.

Thằng John cũng nói tiếng Việt câu chào y như con Kimmy. Chắc là Thanh đã dạy cho nó nói câu đó. Ngoài ra thì không còn câu nào khác.

Điều này cũng dễ hiểu vì chắc mẹ Kimmy đã dặn trước... chúng sợ mở miệng nói tiếng Mỹ, thì bà ngoại sẽ không hài lòng! Hai đứa cứ châu đầu vào nhau mà thì thầm nhỏ giọng. Dung không thể nghe được chúng đang nói chuyện gì, và chắc chắn bằng ngôn ngữ Mỹ chứ còn gì nữa!

Dung làm lơ, cứ lo nấu nướng, dọn dẹp... tạm quên sự quan tâm về “tiếng Việt Mền Yêu” của mình. Ngày mai là ngày Hội Trung Thu rồi. Trẻ em sẽ tụ về mừng lễ, rước đèn và nghe nói có phát bánh free...

-Chắc là mấy cái bánh con heo nhum đậu xanh chứ gì!

Chồng Dung hỏi, Dung gật:

-Chứ làm sao họ đủ tiền mua bánh trung thu cho tụi nó được anh! Nhưng có phần thì vẫn nghệ, nghe nói con nít sẽ biểu diễn hát hò vui lắm...

-Ừ... hy vọng là em sẽ vui...

-Vui chứ... tiếc rằng thằng cháu mình có nói được tiếng Việt đâu! Nhưng đi coi con người ta biểu diễn cho

đỡ ảm ức trong lòng! Vớ lại nó thấy còn học theo...

-Em đừng có than thở như vậy... Đi ra ngoài chơi là anh thấy vui rồi, nhất là có mấy đứa trong nhà cùng đi... Vui quá là vui...

-Hồi sáng em thấy anh xách một cái túi lớn, mua cái gì mà nhiều vậy?

-Bánh Trung thu.

-Cái gì, cha con anh đi qua tiệm cháo Vịt rồi à? Sao không kêu em đi với?

-Em mắc nấu nướng gì đó không nhớ sao... Anh rủ đi chơi em đâu có đi..

-Tại em cũng muốn qua mua bánh trung thu ngon cho con Thanh. Nó thích ăn bánh bên tiệm đó. Em sẽ mua nhiều cho nó mang về...

-Thì anh đã mua cho nó rồi... công nhận bánh họ làm ngon hơn mấy chỗ khác, lại lớn nữa!

-Vậy tối mai, gia đình mình thưởng trăng, ngồi ăn bánh trung thu, uống nước trà xanh... rồi kể chuyện Hằng Nga Hậu Nghệ cho hai nhóc con nghe... Ồ... mà nó có hiểu tiếng Việt đâu mà kể!

-Không hiểu thì em khuya tay múa chân một hồi, rồi nó cũng hiểu... nó có máu nhà mình mà!

-Còn thằng kia? Nó có phải Á Đông đâu, vậy anh có nhiệm vụ làm cho thằng kia hiểu ý nghĩa của câu chuyện đêm Trung Thu Việt Nam nhé...

Rồi Dung nhỏ giọng:

-Em thấy nó ăn đồ Việt còn ngon lành hơn con Kimmy nhiều... Nó xử sự giống y như là con nhà Việt Nam vậy...

-Sao em lại nghĩ vậy?

-Nó ăn được mắm tôm với lại mắm nêm đó... trong khi cháu mình thì lại chê thôi! Bữa hôm em còn thấy mấy mẹ con nó ngồi ăn sầu riêng với nhau mới ghê chứ! Thăng John còn chu cái mỏ ra nói: good, good... trong khi con Kimmy ăn có chút xíu rồi biến, còn nó với con Thanh thì lúm hết cả trái!

-Thăng Mỹ con này có tâm hồn ăn uống giống con gái em...

-Thì thầy nào trò nấy mà... Nó ở nhà con Thanh chắc cũng phải giống thầy nó chứ! Mà này... anh nhớ phải có nhiệm vụ giải nghĩa cho thăng John biết về tết trung thu của trẻ em Việt nhé... Làm sao mà nó chịu ảnh hưởng Việt Nam là hay lắm.

-OK... nhưng để làm chi??? Nó đâu phải Việt Nam mà cần giữ gìn gốc gác tông ty... với lại mỗi lần em cho anh uống trà xanh, là anh hay bị táo tháo rượt chạy dài dài...

-Thì em sẽ làm trà hoa lài...

-Rồi, thăng John để anh lo...

Dung nghĩ ông chồng mình cái gì cũng nói Ok, nhưng khi con buồn ngủ đến, thì ông “xù” cũng nhanh như chớp! Nhưng không sao, đã có ba má chúng giúp Dung lo vụ này. Dung mỉm cười khi nghĩ đến hai vợ chồng nàng từng đối thoại...

-Thăng John thì cần quái gì phải học tiếng Việt...

-Nó đang ở trong nhà con Thanh... biết đâu sau này nó... lấy con Kimmy thì sao!

-Đúng là em lo xa hơn cả nông bản! Anh thấy con Kimmy nó ăn hiệp thăng John quá trời... nó mà lấy thăng John... thì tội cho thăng nhỏ!

-Ừa, anh phải về phe mình chứ! để anh coi...

Buổi chiều nhẹ nhàng nắng vàng hoe, mấy mẹ con, bà cháu rộn ràng thay đồ đi dự Tết Trung Thu.

Vì công viên gần nhà nên họ rủ nhau đi bộ cho giãn gân cốt. Dung và chồng thong thả cất bước theo sau hai nhóc đang bước đi phía trước, đầu châu vào nhau thăm thì... vợ chồng Thanh thì đã qua công viên từ sớm, nghe nói là giúp Ban tổ chức làm cái gì đó...

Dung nhú mày nhìn chồng:

-Anh, hình như em nghe hai nhóc này đang hát thì phải?

-Vậy sao? Tụi nó hát cũng OK mà... nhiều khi nó nói chuyện chứ hát hỏng gì!

-Em nghe như có tiếng ư ư...

-Ồi, để ý tới tụi nó làm gì... có người đẹp trai đang đi bên cạnh... em lại không biết, toàn để ý chuyện gì đâu!

-Gớm... đẹp trai mà cái bụng chang bang, uống bia cho nhiều vào!

-Tướng “đại gia” vậy mà chê sao trời!

-Già mà còn xí xọn!

Hai đứa nhỏ nghe ông bà ngoại đối đáp, không biết có hiểu gì không mà quay lại cười...

Hai đứa hôm nay được mẹ diện cho thật nổi...

Kimmy áo dài hồng, quần trắng, mang guốc mộc, đầu đội nón lá nho nhỏ

ra dáng một cô bé nhu mì. Thăng John thì quần tây màu xanh dương đậm, áo dài Việt, đội cái khăn đóng cùng màu với quần, trông dễ thương vô cùng, nhất là nó có mái tóc vàng quăn quăn, khuôn mặt đẹp trai thật là ngộ nghĩnh. Thăng bé có vẻ thích chí khi mặc quốc phục Việt Nam.

Tới nơi, sân khấu lộ thiên hôm nay có khá nhiều gia đình tham dự. Họ gồm có ông bà, cha mẹ, con cái cháu chắt... đưa nhau đến, một dịp để cho trẻ con nhớ về cội nguồn...

Mỗi đứa trẻ trước khi qua cổng để vào chỗ ngồi, đều được phát cho một túi quà, gồm có bánh trung thu, đúng như chồng Dung đã đoán là bánh hình con heo nhân đậu xanh, và một chiếc đèn xếp cùng đèn cây để đi rước đèn khi ánh mặt trời tắt.

Có đứa cầm những lồng đèn hình ngôi sao, con cá, trống cơm... đây là dùng để dự thi lồng đèn đẹp nhất.

Dĩ nhiên những món này do chính tay ông bố hay người anh trong gia đình làm giùm, để đứa bé cầm đi thi...

Ngoài thi làm lồng đèn còn có thi hát, thi quốc phục trẻ em... Chắc tiết mục sẽ vui nhộn, hấp dẫn.

Thanh đã dành cho gia đình cô một chỗ gần sân khấu, hàng ghế thứ ba nhìn lên sân khấu cũng khá rõ, và không nổi bật quá... Tính của bố mẹ thì Thanh đã rõ... Mẹ Thanh không thích trịnh trọng thái quá sẽ bị người ta chú ý.

Thanh nghĩ hôm nay chắc bố mẹ sẽ vui và hãnh diện ghê lắm, vì Thanh cho

hai đứa nhỏ, con gái và bạn của con dự tiết mục hát song ca.

Bản nhạc “Con Thương Ba Con Thương Má” ý nghĩa này, Thanh đã lựa chọn, thu vào đĩa, mở ra hàng trăm lần cho hai đứa nghe để học hát... Chưa kể là những lời hứa hẹn của bà mẹ trẻ, nếu hai đứa làm hay, sẽ được thưởng, dẫn đi chơi Disneyland.

Con Kimmy bắt Thăng John phải học cho thuộc. Nó biết Thăng bạn nó hay nghe lời, nên Thăng nhỏ còn thuộc bài hơn cả Kimmy.

Ngoài ra, Thanh còn ghi tên cho hai đứa dự thi quốc phục nữa.

Dung cảm động bất ngờ khi thấy cháu của mình trên sân khấu, tay con bé cầm cái quạt, tay kia thì quàng vào cánh tay của John... Hai đứa vừa đi quanh sân khấu vừa nhìn nhau cười... Thiên hạ vỗ tay vang trời khi thấy Thăng bé Mỹ ngộ nghĩnh với bộ đồ thuần túy Việt Nam...

Nhìn con bé Kimmy nhún chân chào thật điệu, Dung thì thảo vào tai chồng:

-Không ngờ con Thanh nó cũng biết làm những cái màn này...

-Chứ em tưởng chỉ có mình “bà ngoại” là hay sao!

Hai đứa cháu lọt vào vòng chung kết. Phần thi tài năng, hai đứa trình diễn bài hát Thương ba Má thật là trót lọt, không sai chữ nào... nhất là khi Thăng John gân cổ: “Con thương ba là con thương má”... thì thiên hạ khoái chí vỗ tay rần rần...

Kết quả, ban giá khảo chấm thằng John nhất, con Kimmy nhì... chỉ vì thằng bé có khuôn mặt Mỹ mà hát hay, trúng giọng, lại trả lời rành rọt nói theo kiểu miền Nam: “Sáu câu vọng cổ”!

- Cha mẹ con là Mỹ, nhưng con yêu Việt Nam...

Khi thân nhân các bé được mời lên sân khấu, thì vợ chồng Thanh đại diện cho thằng John, còn ông bà ngoại thì đại diện cho bé Kimmy.

Dung lung túng ngượng ngập muốn từ chối, nhưng nhìn ánh mắt con Kimmy rạng ngời đang đợi ông bà ngoại, nằng đành ráng mà đi lên trên.

Họ cùng đứng trên sân khấu bên cạnh nhau...

Anh MC hỏi:

-Tôi hơi hơi có tò mò... Xin anh chị cho biết tại sao anh chị nhìn giống y Việt Nam, mà cháu lại giống Mỹ? Có phải con ruột hay con nuôi ạ?

Thanh cười, lắc đầu:

-Cháu không phải con chúng tôi...

-Hả! Xin chị nói rõ hơn...

-Con gái tôi là Kimmy, còn cháu John là bạn cùng lớp với Kimmy. Tôi dạy thêm cho cháu John ở nhà, nên đã chỉ cho cháu nói và hát tiếng Việt...

Dung nhìn qua Thanh với ánh mắt có vẻ không tin, con bé cười, tiếp:

-Dạ phải, John biết tiếng Việt nhưng không rành cho lắm, cũng giống như con gái của tôi... chúng nó được cho đi học lớp Việt Ngữ đã ba năm nay rồi... và có thể nghe hiểu tiếng Việt, cũng như nói chuyện chút chút...

-Hay quá... theo trong tờ đơn thì chị ở tiểu bang khác đến đây, làm sao mà chị biết có chương trình này để cho hai cháu tham dự?

Anh MC quay qua vợ chồng Thanh, nhưng Thanh lại ra dấu cho Dung trả lời. Dung ngượng ngùng:

-Dạ hàng năm các cháu về thăm tôi, là bà ngoại của cháu Kimmy, nên chúng tôi nói cho cháu biết chương trình này.

-Tốt quá... xin cảm ơn những câu trả lời và chúc mừng gia đình các anh chị...

Dung đi xuống, trong lòng hồi hộp như trống đánh, nhưng kèm theo nỗi mừng vui vì hai đứa cháu trúng cuộc thi quốc phục...

Thằng John được quàng một cái khăn thêu chữ Quốc Phục năm 2011 hạng nhất, tay ôm cái cúp vàng, dưới chân vô số phần thưởng... Cu cậu thích quá, nó giơ cái cúp lên cao, miệng hét:

-Vui quá, vui quá...

Nhờ hai đứa cháu trúng giải, vợ chồng Dung thấy vui vẻ trong lòng... Không ngờ chúng nó học tiếng Việt mà con Thanh giấu nàng. Chắc nó thấy chưa hài lòng nên chưa nói ra điều này cho mẹ biết, hay muốn làm mẹ ngạc nhiên.

Dung ngồi chờ lũ trẻ đi rước đèn khi ánh nắng vừa lặn đi, bóng tối bao trùm vạn vật. Vợ chồng Thanh và ông ngoại đã họp cùng ban tổ chức đi theo giữ gìn trật tự, an ninh cho lũ trẻ...

Có đứa đốt cháy cả lồng đèn đang khóc ré lên vì tiếc! Có đứa đánh nhau vì đã lấy bánh của bạn bỏ tọt vào miệng, trong lúc bánh của nó vẫn ôm khư khư

trong tay...! Mặc, đoàn rước rờng rần vẫn lung linh màu sắc dưới ánh trăng.

Khi về đến nhà, thì đồng hồ chỉ gần mười giờ đêm! Thằng John bây giờ khăn đóng đã tuột đầu mát! Cái áo dài xanh dính một mảng nước ngọt trước ngực, quần thì lấm lem vì đi rước đèn đập cả vào nước đọng ven đường.

Con Kimmy thì khá hơn. Con nhỏ này điệu hơn má nó nhiều. Áo quần vẫn nề nếp thẳng thớm... có điều bao quà của thằng John mà nó cầm giùm, thì để đâu cũng không biết, chỉ có quà của nó thôi, hỏi cũng chẳng nhớ!

Ngồi vào xa lông nghĩ mệt, lúc này, con Thanh mới tăng hăng:

-Hai đứa biểu diễn tiếng Việt cho ông bà ngoại nghe đi...

-Dạ...

Thằng John và Kimmy tới trước mặt Dung, khoanh tay, nói tiếng Việt rành rọt một cách... cố gắng:

-Thưa ông bà ngoại, chúng con thương ông bà lắm...

-Trời ơi, sao mấy hôm nay các cháu không nói tiếng Việt cho ông bà nghe?

Thằng John lắc đầu:

-Dạ không được... chúng cháu chỉ nói biểu diễn thôi...

Dung cười:

-Cha mày, thằng Mỹ con dễ thương quá... còn Kimmy, thằng John nói rồi, tới phiên con nói cái gì đây?

-Dạ... con nói bà ngoại đẹp lắm...

-Trời đất... thiệt hay xạo đây???

-Dạ thiệt, mẹ con dạy vậy...

Ông ngoại xen vô:

-Mẹ dạy hả... vậy con thấy bà ngoại có đẹp không?

- Dạ... bà ngoại đẹp hơn ngoại thằng John...

Nghe con nói, Thanh ôm bụng cười to lên, chòng Thanh buột miệng:

-Con bé này, bà ngoại thằng John to như thùng phi mà đẹp gì... bà ngoại này mới đẹp nè...

-Dạ đúng, ngoại con to nhưng hiền lắm... nuôi con từ nhỏ tới giờ.. con thương ngoại nhiều, dù ngoại to như con voi con cũng thấy đẹp, thấy thương...

Tiếng thằng John làm cho Dung cảm động ngang xương... Nó là người Mỹ, tình cảm thì cũng như Việt Nam thôi... Nó lại nói tiếng Việt trôi chảy...

Dung ôm hai đứa bé vào lòng:

- Các cháu giỏi lắm... bà thương lắm... Bà mong hai đứa sẽ về thăm ông bà hoài hoài nghe... và nhớ nói tiếng Việt cho giỏi nghe...

- Dạ bà...

Lần đầu tiên, Dung đi ngủ trong sự thương cảm còn tràn đầy tim... Một đứa trẻ không liên hệ máu mủ mà sao thương thế không biết!!!

Thật đúng là “Tình thương không biên giới”

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

NGƯỜI ĐÀN BÀ GIÚP VIỆC

Tôn Nữ Mặc Giao

Nghĩa trang Oaks Hill chiều nay lồng lộng gió, mây đen dồn cục cuối chân trời, cây cối ngã rạp mình theo chiều gió. Thành đứng trên hành lang phía sau căn mobile home của mình nhìn bao quát sang khu nghĩa địa rồi tiên đoán dự báo thời tiết, ngày hôm nay có lẽ sẽ có mưa đây. Chóng quá! Thế mà đã hơn một năm qua, Halloween rồi lại Halloween. Hình như Halloween năm nào trời cũng có mưa nhẹ thì phải?

Thành nhớ đúng vào ngày Halloween năm ngoái chàng dọn đến căn mobile home này sau khi ly dị xong với người vợ mang từ Việt Nam sang. Vì không muốn phân chia tài sản lồi thối, vả lại còn đứa con chung, chàng không muốn thằng bé phải vất vưởng theo mẹ nên đã nhường lại căn nhà cho hai mẹ con ở với số tiền cấp dưỡng hằng tháng do tòa định sẵn. Chàng cuốn gói ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng mà chẳng chút buồn phiền, vì chàng quan niệm tiền bạc là vật ngoại thân, ăn ở sao cho phải đạo làm người mới là quan trọng. Mình còn hai bàn tay thì lại cày tiếp, gậy dựng lại từ đầu. Chàng chỉ buồn khi nghĩ đến câu hát: “Anh đã lầm đưa em sang đây...” của

nhạc sĩ Lam Phương mà nghe thấm thía cho hoàn cảnh của mình.

Tiếng là ra đi với hai bàn tay trắng nhưng thực ra chàng vẫn còn một ít tiền dành dụm sau khi phân chia vì ly dị. Chàng lấy số tiền đó mua một căn mobile home để ở, cũng may job còn vững nên chàng không care, cấp dưỡng thì cấp dưỡng, chàng vẫn ung dung sống với tình trạng độc thân hiện tại. Hằng ngày vẫn có một bà giúp việc do một người bạn giới thiệu đến nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa cho chàng nên cuộc sống cũng không đến nỗi nào.

Căn mobile home của chàng nằm cách đường Monterey không xa, trong khu “Chateau la salle”, đầu lưng lại với nghĩa trang Oaks Hill bằng một hàng rào gỗ chứ không được bằng tường xây. Thành nhớ ngày đầu tiên dọn đến, chàng đã đứng trầm tư hằng giờ trên hành lang lối đi sau nhà nhìn sang phía bên kia khu nghĩa trang mà có cảm tưởng như mình đã được lánh xa trần thế. Đứng trên hành lang nhà, chàng có thể nhìn thấy những ngôi mộ đặng xa phía bên kia nghĩa địa.

Dọn đến được vài ngày, mấy cái phen hàng rào phía sau nhà ngăn đôi khu mobile home với nghĩa trang bị sút

đỉnh ngã sang phía bên kia nghĩa địa để hở ra một lỗ hồng to cỡ một người chui lọt. Chàng cũng chẳng buồn báo cáo lên văn phòng để họ cho người đến sửa chữa lại mà còn chui sang lượm mấy phen hàng rào dựng vào một góc bởi không muốn người nằm dưới mộ bị dè. Ngôi mộ trực chỉ ngay lỗ hồng ngó thẳng vào backyard nhà chàng là của một người đàn bà đã đứng tuổi, căn cứ theo những gì chàng đọc được trên tấm mộ bia không có hình, chàng đoán thế. “Mai Thi Ly”, cái tên không bỏ dấu, chàng đoán là một người đàn bà Tàu hoặc Việt Nam cũng không chừng. Mai thị Lý hay Lý Thị Mai viết đảo ngược không thể là tên đàn ông được. Ngôi mộ hình như chẳng được ai chăm sóc bao giờ nên cỏ mọc che gần kín hết mộ bia đặt nằm dưới đất (chứ không phải mộ bia đứng).

Từ đó, ngoài giờ làm việc ở sở làm ra, ngày nào chàng cũng chui sang khu nghĩa địa, thơ thẩn tò mò đọc tên người chết trên những ngôi mộ quanh quanh gần đó. Chàng để ý thấy vào những ngày lễ lớn hoặc những ngày cuối tuần, ngôi mộ nào cũng có bó hoa tươi trước mộ kèm theo đĩa trái cây nếu là mộ Việt Nam hoặc đồ chơi nếu là mộ con nít. Duy nhất chỉ có ngôi mộ chiếu tướng vào nhà chàng là chẳng có ai thăm viếng cả, cho nên chàng đặc biệt chú ý đến ngôi mộ đó nhiều hơn.

Chiều hôm nay, sau khi đi làm về, theo thói quen thường lệ, chàng ngã người dài xuống chiếc ghế bành đặt sau

hành lang nhà chàng dỗi mắt nhìn qua lỗ hồng hàng rào. Ngôi mộ không người thân lại đập vào mắt chàng, chàng dơ tay chào và mỉm cười, mắt lơ đãng ngó sang những ngôi mộ khác. Hình như hôm nay nghĩa địa tươi hơn thì phải? Mộ nào cũng có hoa rực rỡ muôn màu sao ngôi mộ hàng xóm chẳng có một cái gì cả. Rồi chàng sực nhớ đưa tay vỗ vào trán mình “à” lên một tiếng khi nghĩ hôm nay là ngày lễ Halloween. Chàng đứng dậy đi vào nhà kiếm một ít trái cây và cắt vài bông hoa trong vườn nhà đem ra đặt trước ngôi mộ không người thăm viếng thì thảm khản vái:

- Tôi không biết người nằm dưới mộ là ông hay bà? Thôi thì sống hay chết gì thì cũng là... lảng giềng với nhau, you (chàng xưng hô như thế để khỏi thắc mắc người dưới mộ là giống đực hay giống cái) đã... dọn đến đây, sát vách với nhà tôi mà you cứ nằm ngó thẳng vào nhà tôi hoài làm tôi nhột quá! Hình như you cũng cô đơn như tôi thì phải? Dọn đến đây một năm rồi, tôi để ý thấy chẳng có ai thăm viếng you bao giờ cả. Nay tôi có ít quà mọn gửi biếu you... ăn lấy thảo (rồi chàng đùa): Nếu you có linh thiêng thì phù hộ cho tôi sớm có đôi có bạn nhưng phải là bạn hiền chứ đừng bạc tình bạc nghĩa như người vợ đầu tiên của tôi thì buồn lắm!

Tâm sự với ngôi mộ xong, chàng nhỏ sơ cổ đại cho bớt hoang tàn thì trời cũng bắt đầu hoàng hôn, chàng đứng lên cúi chào người chết rồi chui trở vào nhà mình. Bếp núc lạnh tanh, đồ ăn chẳng

có ai nấu, chén bát ngày hôm trước chàng ăn vẫn còn ngổn ngang trong bồn rửa chén. Chàng ngạc nhiên gọi điện thoại hỏi người bạn về người đàn bà vẫn giúp việc cho chàng hằng ngày, mới hay bà ta bị té trật chân không đi được. Thành thở dài gác ống điện thoại đi lục mì gói ăn vậy, ăn xong trời cũng vừa sụp tối, lũ trẻ con đi xin kẹo ồn ào một lúc đầu cỡ độ hai tiếng đồng hồ, từ 7 đến 9 giờ tối thì thưa dần và chấm dứt. Thành cũng tắt đèn vào phòng nằm xem tivi một lát rồi cũng ngủ say sưa.

Được một giấc no nê, chàng giật mình thức giấc lắng nghe tiếng lách cách khua động rửa chén bát ngoài nhà bếp, hình như ở trong nhà chàng. Liếc nhìn đồng hồ đã hơn 12 giờ đêm, chẳng lẽ dì Hai (người giúp việc) nửa đêm lại đến làm cho chàng? Thấy lạ, chàng mở cửa phòng lép xep bước lần ra nhà bếp. Người đàn bà đang rửa dọn nơi cái “sink” rửa chén, quay lại tươi cười chào chàng và tự giới thiệu về mình:

- Chào cậu! Tôi là người làm thế cho dì Hai trong lúc dưỡng bệnh. Dì Hai có đưa cho tôi chìa khoá nhà cậu và dặn dò tôi những việc phải làm cho cậu, hy vọng là cậu sẽ hài lòng với những công việc tôi đã làm.

Chàng ngạc nhiên:

- Nhưng dì Hai làm việc ban ngày...

Người đàn bà ngắt lời chàng:

- Quên!... Rồi bà ngượng ngập che miệng nói tiếp, xin lỗi đã ngắt lời cậu...

Thành cũng lật đật xua tay:

- Không sao dì cứ nói tiếp.

- Quên nói với cậu là xin cậu cho tôi giúp cậu ban đêm bị ban ngày tôi mắc bận chuyện gia đình, tôi sẽ ráng hết sức nhẹ nhàng để không làm thức giấc ngủ của cậu.

Thành ngạc nhiên hỏi lại:

- Lớn tuổi như dì thức khuya không thấy mệt sao? Ban ngày đi bận chuyện gì?

Người đàn bà không trả lời, cúi mặt nhìn xuống buồn bã, Thành hỏi xong cũng thấy mình bị hổ khi hỏi vào chuyện riêng tư của người ta nên chàng lật đật khoá laptop:

- Được rồi, không sao! Dì làm ban ngày hay ban đêm gì cũng không ảnh hưởng gì đến tôi, miễn là nhà cửa, chén bát được rửa dọn sạch sẽ và tôi có cơm ăn hằng ngày là được rồi.. Xin lỗi, tôi có thể biết tên dì cho dễ xưng hô được không?

Người đàn bà tươi ngay nét mặt:

- Dạ được! Cậu cứ gọi tôi là Na, dì Na là được rồi.

Thành hỏi thêm:

- Dì đi như vậy rồi ai đưa đón dì?

Dì Na trấn an chàng:

- Dạ tôi cũng ở gần đây, cũng trong khu Oaks hill... quên... khu “chateau la salle” này mà thôi! Đi bộ bước sang mấy bước chứ xa xôi gì. Rồi dì cười, già cả rồi cũng nên vận động chút xíu cho nó khoẻ, đi bộ ban đêm cho nó mát, cũng là một phương tiện để tập thể thao vậy mà cậu. Tôi có cái bệnh mất ngủ ban đêm, ngủ ít lắm! Gần sáng mới ngủ được nên kiếm chút việc làm cho qua thì giờ.

Thành cũng hỏi cho có lệ:

BẾN QUẠNH HIU

Tạm biệt thành đô nắng trở chiều
Xuôi về Bến Hạ, bến cô liêu
Bờ hoang mưa lạnh người thưa thớt
Đò ngái sông xa khách chẳng nhiều
U ám vàng trăng mây án mặt
Âu sầu con sóng nước dâng chiều
Mong chờ khách muôn sao không đến
Nắng đã tàn rồi bến quạnh hiu

KIỀU ANH

- Uả! Vậy à! Té ra là hàng xóm cả, bữa nào dì chỉ nhà cho biết coi có gần nhà tôi không, tuy dọn đến đây cả năm rồi nhưng tôi vẫn chưa có dịp đi hết xóm.

Từ đó, đêm nào cũng đúng 12 giờ đêm là dì Na đến dọn dẹp và nấu nướng thức ăn cho chàng, dì còn cẩn thận bôi "to go" cất vào tủ lạnh để sáng hôm sau chàng xách theo đi làm. Chiều về chàng chỉ việc hâm lại thức ăn trong tủ lạnh, ăn xong chàng cứ quẳng hết vào bồn rửa chén, sáng hôm sau nhà cửa lại gọn gàng và thức ăn lại đầy trở lại. Chàng có cảm tưởng như dì Na là một người mẹ mà chàng là một đứa con đang được

chăm sóc từng li từng tí, mà dì nấu ngon thật, thức ăn dì nấu rất hợp khẩu vị của chàng. Nhất là món mì quảng chàng rất mê từ thuở bé, sang Mỹ chưa tiệm ăn nào nấu mà chàng ưng ý. Được hơn một tuần, vì cảm mạo nên chàng phải nghỉ làm ở nhà uống thuốc xong là ngủ li bì. Đến gần 12 giờ đêm thì chàng thức giấc, một lát sau nghe tiếng khóa mở cửa phía sau nhà. Rồi tiếng nước chảy róc rách, tiếng rửa dọn chén bát dù là thật khế nhưng chàng cũng vẫn nghe được để biết dì Na đã đến mà mọi khi vì ngủ say quá nên chàng không nghe. Chàng ngạc nhiên khi chợt nghĩ, sao dì Na không đi cửa chính mà lại đi bằng cửa sau? Tuy thắc mắc nhưng chàng vẫn nằm ỳ trên giường vì con cảm cúm vẫn còn làm chàng uể oải.

Mùi xào nấu thức ăn thơm lừng bay vào trong phòng làm chàng cảm thấy đói cồn cào, chàng xuống giường mở cửa vừa đi vừa hít hà:

- Dì Na nấu cái gì mà thơm quá!
Làm con đói bụng quá!

Dì Na la lên:

- Cậu bệnh sao không ở trong phòng nằm nghỉ, tôi đang nấu cháo gừng với hành lá cho cậu ăn giải cảm.

Thành tròn mắt :

- Sao dì biết bữa nay con bệnh?

Hơi lúng túng một chút, dì Na đáp ngay:

- A! Bị thấy thức ăn trong tủ lạnh còn nguyên, cậu không bệnh thì là gì?

Thành chổng cù chỏ lên bàn ăn, hai tay ôm lấy đầu bốp bốp, mặt nhăn lại. Dì Na thấy vậy hỏi:

- Cậu thấy khó chịu?
Thành gật đầu:
- Con nhức đầu, chóng mặt từ sáng đến giờ. Hồi trưa này có uống một chút sũa để chiêu với vài viên thuốc cảm rồi đi ngủ, bây giờ vẫn còn thấy choáng váng. Con thức giấc được một chút thì đi tới.

Rồi như sực nhớ ra chàng hỏi:

- Uả! Sao dì Na không đi bằng cửa trước mà lại đi bằng cửa sau vậy?

Dì Na trả lời tỉnh:

- Bị đêm hôm khuya khoắc không muốn gây sự chú ý cho lối xóm nên tôi tự ý đi cửa sau. Nói rồi dì bước lại rờ trán chàng kêu lên: Trời đất! Cậu nóng quá! Vô đây! Vô đây tui cạo gió cho, một lát là khoẻ ngay thôi. Cạo gió xong, cháo chín, tôi múc cho cậu ăn, ngày mai là hết bệnh liền.

Không biết Thành bị sốt hay tại bàn tay dì Na lạnh ngắt mà chàng cảm thấy bàn tay dì như cục nước đá đặt lên trán chàng. Tuy vậy Thành cũng không phản đối, cứ để mặc cho dì Na lôi xềnh xệch chàng sang phòng khách, ấn nằm sấp xuống salong, lấy muông vạch lưng chàng lên cạo ròn rột, mùi dầu xanh bay khắp cùng. Chàng ngạc nhiên, không biết dì lấy ở đâu ra dầu gió, chàng hỏi:

- Chai dầu dì lấy ở đâu ra?

Vừa cạo dì vừa trả lời:

- Tôi thấy trong hộp tủ nhà bếp.

Thành nghĩ có lẽ của dì Hai để lại chứ chàng có đời nào sức dầu. Mới cạo lúc đầu chàng chỉ thấy “đã” chứ chưa thấy đau, có lẽ chàng trúng gió thật nên người ngọm bị tê hết nên không có cảm

giác? Cạo được một lát Thành bắt đầu cong người nhăn nhó:

- Đau quá đi Na!

Dì Na ấn chàng xuống cổ cạo nốt vài đường nói:

- Chèn ơi! Bầm đen hà cậu à! Cậu trúng gió nặng lắm đó!

Cạo xong cái lưng cho chàng, dì chưa tha, còn bắt chàng quay lại cạo thêm vài đường đằng trước ngực nữa mới chịu thôi. Chàng cúi xuống nhìn, thốt giật mình khi thấy những đường sọc đen thui in trên ngực như những chiếc xương sườn nướng “barbeque”. Chàng thảng thốt kêu lên:

- Cái gì ghê quá vậy dì Na?

Dì Na cười giải thích:

- Cậu trúng gió nên cạo nó mới bầm dữ vậy đó! Người bình thường cạo đâu có đỏ.

Nói xong dì đi ra bếp, vừa đi vừa nói:

- Cậu nằm nghỉ đi, tôi coi cháo như chưa sẽ múc cho cậu một tô, bảo đảm ăn xong ngày mai sẽ hết bệnh.

Trong lúc chờ dì Na múc cháo, Thành nằm dài trên chiếc ghế salong nơi phòng khách theo dõi chiếc bóng đi động mờ mờ như sương khói của dì Na nơi nhà bếp. Dì Na chắc cỡ ngoài 60, hơn chàng cỡ 20 tuổi. Dáng người hơi đầy đà và trông dì rất khoẻ mạnh, nhưng nước da dì không được hồng hào mà tái tái như người chết, mà hình như người dì cũng lạnh ngắt. Chàng thốt chạnh lòng khi nghĩ dì đi đêm đi hôm nên lên tiếng:

- Di Na à! Di đi đêm đi hôm như vậy có sợ cảm sương gì không? Khi này con thấy tay di lạnh ngắt.

Tiếng di Na ngoài bếp vọng vào:

- Tôi có áo khoác, khăn choàng kỹ lắm cậu ơi! Tôi chẳng bao giờ bị bệnh đâu, cậu lo cho thân cậu đi.

Di Na bung tô cháo gừng nghi ngút khói thơm lừng mùi hành, tiêu đặt xuống bàn phòng khách ngay trước mặt Thành, chàng ngồi dậy hít hà:

- Chà thơm quá! Làm con đói bụng quá! Từ sáng đến giờ chỉ có một ly sữa.

Nói rồi chàng bung tô cháo lên vừa thổi vừa húp xì xụp. Ăn xong, mồ hôi chàng vã ra như tắm. Không biết có phải nhờ cạo gió hay nhờ tô cháo nấu hành gừng mà chàng cảm thấy như đã khoẻ lại nhiều. Di Na rót cho chàng một ly trà nóng và đi vào nhà tắm lấy cho chàng chiếc khăn mặt để lau mồ hôi. Thành đón lấy ly nước uống một hơi và tắm khăn nhỏ vừa thấm mồ hôi chàng vừa nhìn di Na cảm động:

- Cám ơn di, không có di thật con không biết phải nhờ cậy ai.

Di Na gạt đi:

- Ôn nghĩa gì cậu, thấy cậu là người thật thà, tốt bụng tôi giúp qua giúp lại vậy mà.

Thành nói:

- Con có làm gì cho di đâu mà di nói giúp qua giúp lại? Hay di muốn nhờ con làm việc gì?

Di Na cười nửa đùa nửa thật:

- Muốn làm mai cho cậu có người chăm sóc mà không biết cậu có chịu không?

Thành cười:

- Di có con gái không?

Di Na gạt đầu:

- Có chứ! Tôi chỉ có một đứa con gái độc nhất, tên nó Trần Mai Mai, nhưng nó đi làm ở tuốt tận “New york” lận! Lâu lâu mới về thăm tôi một lần. Mai một nó về, tôi dẫn nó tới chào cậu nghe?

Tường hỏi đùa chơi ai dè di Na tới luôn làm Thành ngượng ngập đăm đăm cảm:

- Con gái di nhỏ tuổi hay lớn tuổi? Còn con thì già đầu gần 40 tuổi rồi đó di! Lại một lần dang dở, có một đứa con trai còn đang phải cấp dưỡng di biết không?

Di Na gạt đầu:

- Biết hết! Nhưng ăn thua gì chuyện đó, nếu cậu vẫn còn có ý định lập gia đình thì tôi sẽ cho cậu gặp con gái tôi, nó mới 31 tuổi, chưa có gia đình, cậu muốn không?

Thành không gạt đầu cũng chẳng từ chối chỉ hỏi lại một câu:

- Sao di biết nhiều về con quá vậy?

Di Na không trả lời, thò tay rút trong túi áo của mình ra một tờ giấy nhỏ gấp làm tư để xuống mặt bàn đẩy đến trước mặt Thành nói:

- Đây là số phen và địa chỉ của con gái tôi, nếu cậu muốn trả ơn cho tôi thì cứ liên lạc với nó xem sao, biết đâu đây là duyên nợ của hai người thì sao?

Nói rồi di bung tô cháo Thành đã ăn hết đi vào bếp không quên dặn dò chàng:

- Khuya rồi cậu nên uống thêm thuốc cảm rồi đi nghỉ đi, bảo đảm ngày mai cậu sẽ hết bệnh.

Thành cầm tờ giấy gấp tư của dì Na đi vào phòng ngủ mà chưa vội mở ra đọc ngay, chàng cẩn thận cất nó vào ngăn kéo đựng đồ quan trọng cho khỏi quên để khi cần đến là tìm được ngay. Sáng hôm sau thức dậy, cảm thấy không còn đau ốm nữa, chàng bồi thêm hai viên thuốc cảm cho chắc ăn rồi đi làm như thường lệ. Những ngày sau đó chàng bận bù đầu vì công việc hàng, over time đến tối mịt mới về đến nhà, đặt lưng xuống là chàng ngủ say như chết nên không có dịp gặp lại dì Na. Và chàng cũng chẳng có thời gian để mà chui sang nghĩa địa rù rì tâm sự với ngôi mộ hàng xóm nữa. Tuần lễ sau, vào ngày Chúa Nhật không đi làm, vừa mới sáng sớm là chàng đã nhận được điện thoại của dì Hai báo tin là chân đã hết sưng, sẽ trở lại giúp việc cho chàng. Chàng chúc mừng dì Hai đã lành bệnh luôn tiện hỏi thăm về dì Na và nêu thắc mắc vì chàng chưa trả lương cho dì Na. Dì Hai ngạc nhiên nói đâu có nhờ ai làm dùm đâu?

Thành thần thờ buông điện thoại xuống trong lòng hoang mang:

- Quái lạ! Không biết dì Na là ai mà lại tốt bụng đến giúp chàng như thế?

Chàng cảm thấy hồi tiếc và quyến luyến khi nghĩ dì Na sẽ không bao giờ đến nữa, chỉ gần gũi một thời gian ngắn ngủi và đôi lần trò chuyện với dì Na, mà chàng cảm thấy rất hợp và thân thiết làm sao. Chàng đâm hồi hận vì đã lơ là trong việc hỏi thăm nhà cửa của dì Na để bây giờ muốn liên lạc không biết đâu mà lần, tuy vậy chàng vẫn hy vọng đêm nay dì Na vẫn chưa hay biết dì Hai đã

lành bệnh mà lại đến giúp chàng lần nữa. Chợt nhớ đến mảnh giấy gấp tư của dì Na, Thành lật đặt mở ngăn kéo lấy ra xem, suy nghĩ một lát chàng quay số “...” Đầu giây bên kia reng một chập thì có một giọng nói “answer machine” của một người con gái. Không có ai ở nhà, chàng gác điện thoại chờ khi khác gọi lại chứ không muốn nhấn gì vào trong máy. Buổi trưa dì Hai đến giúp việc, chàng hỏi qua loa vài chuyện rồi ra ngoài ghé bánh sau hành lang nằm nghỉ, ánh mắt chàng vô tình nhìn sang lỗ hồng đúng ngay ngôi mộ “chiếu tướng”. Chàng nhôm bật dậy, mới có hơn tuần lễ không sang thăm viếng “bạn”, hình như “nhà” bạn có cái gì lạ? Đã có ai thăm viếng nên có hoa tươi và ngôi mộ được sửa sang lại sạch sẽ, gọn gàng hơn với một tấm mộ bia đứng có gắn hình. Thành phóng nhanh khỏi hành lang, khom người chui qua lỗ hồng đi nhanh lại phía ngôi mộ, tò mò nhìn vào tấm mộ bia mới được viết lại bằng tiếng Việt:

Nơi an nghỉ của bà:

MAI THỊ LÝ

Sinh ngày mùng 2 tháng giêng âm lịch
năm 1944

Tại Việt Nam

Mất ngày 12 tháng 11 âm lịch năm 1996

Tại Hoa Kỳ.

Người lập mộ:

Con gái: Trần Mai Mai.

Thành té bật ngựa chống hai tay ra phía sau ngôi phích xuống đất, khi nhìn thấy tấm hình dì Na gắn trên mộ bia mới đang cười tươi như hoa, ngó chàng

đăm đăm như chế nhạo đàn ông con trai gì mà nhát khách, giữa ban ngày ban mặt mà sợ ma.

Sự thật Thành không có sợ ma, mà chàng ngạc nhiên quá đỗi vì không ngờ sự đùa dai không biết sợ của chàng hay qua tỉ tê tâm sự với ngôi mộ đã khiến cho người nằm dưới mộ cũng phải “sống dậy” thì thật là quá đáng! Khi đã lấy lại bình tĩnh, Thành đứng dậy chấp tay xá xá vài cái trước ngôi mộ của dì Na rồi quay trở về chiếc ghế bành nằm nhắm mắt suy nghĩ. Như vậy không biết chàng có thể gặp lại được dì Na nữa không? Bởi dì Hai đã trở lại làm việc, mà cho dù không có dì Hai cũng chưa chắc dì Na dám xuất hiện trở lại lần nữa khi biết mình đã khám phá ra dì chỉ là một người đã chết. Sao dì Na lại tốt với mình như vậy? Sao dì lại muốn đem con gái gả cho mình? Bao nhiêu cái “sao” hiện ra trong đầu Thành làm chàng ngủ quên lúc nào không hay. Chàng chỉ chợt tỉnh khi những hạt mưa lất phất bay nhẹ vào mặt chàng, dì Hai xong việc đã ra về từ lúc nào. Thành hấp tấp đứng dậy kéo chiếc ghế bành vào sát vách nhà cho khỏi ướt, chợt nhìn thấy một người con gái tóc dài, mặc áo dài trắng che dù quỳ trước mộ dì Na đang lúng túng đứng lên vì cơn mưa chợt đến. Thành khấp khởi mừng trong bụng khi nghĩ cô gái có thể là con gái của dì Na, mà chàng thì đang muốn tìm hiểu về dì Na nên vớ vội lấy tờ báo che lên đầu, chui sang đến sau lưng cô gái gọi khẽ:

- Cô Mai Mai.

Cô gái giật mình quay lại, không để cô gái lên tiếng chàng nói luôn:

- Mưa đã bắt đầu nặng hạt, không kịp cho cô chạy đến office để trú mưa đâu. Tôi quen biết với dì Na, có thể nào mời cô vào nhà tôi trú mưa, nhân tiện có chút chuyện về dì Na muốn kể cô nghe. Chỉ vào lỗ hồng chàng nói tiếp, nhờ cái lỗ hồng này mà tôi quen biết với dì Na, mời cô theo tôi.

Cô gái nghe người đàn ông xa lạ gọi đúng tên mình, lại biết được cả “nick name” của mẹ mình thì nghĩ chắc là người quen biết rồi, vờ lại nhìn cũng để coi chắc không phải người xấu nên theo Thành chui vào nhà.

Nơi căn phòng khách ấm cúng cách âm hẳn tiếng gió mưa ngoài trời bởi những lớp kính cửa double. Sau khi đã pha xong hai ly trà nóng và cô gái đã xác nhận mình chính là Trần Mai Mai, Thành bắt đầu lên tiếng. Giọng chàng đều đều, rõ rệt kể lại từng chi tiết một sự diện kiến kỳ kỳ với dì Na cho người con gái nghe. Câu chuyện đã chấm dứt từ lâu mà người con gái vẫn yên lặng, cúi xuống vờ vờ tà áo, mái tóc nàng rũ xuống tận lưng, nước da trắng hồng. cặp mắt to, trong sáng được điểm trang thêm bởi hai hàng lông mi rậm đang chớp lia chớp lịa khiến Thành phải buột miệng kêu thán: “Nàng đẹp quá!” Để phá tan bầu không khí ngưng ngập, Thành lên tiếng:

- À! tại sao dì Lý lại có thêm cái tên “dì Na”?

Cô gái giải thích:
- Dạ Na là nick name của mẹ em.
Rồi nàng ngập ngừng hỏi: Dạ! Xin lỗi anh có phải tên Cao Bửu Thành không ạ?
Thành ngạc nhiên:
- Sao cô biết được tên tôi?
Giọng Mai như reo vui:
- Dạ! Mẹ em về báo mộng với em trong giấc mơ...
Thành hấp tấp:
- Di Na đã nói gì?
Mai Mai cúi đầu đáp nhỏ:
- Mẹ em nói có quen với một người thanh niên tên... (nàng thẹn thùng liếc nhìn Thành má ửng hồng nói ngập ngừng) tên... là... tên của anh đó! Mẹ em trách sao lâu quá không về thăm mẹ, con ráng thu xếp về thăm mẹ một chuyến đi, con sẽ gặp được chàng thanh niên tốt bụng đó. Mẹ em mất cách nay đã 10 năm, lúc đó em chỉ mới 21 tuổi, em mồ côi cha lúc còn nhỏ, nghe mẹ em kể lại. Năm 75 cha em đi tù, ở nhà mẹ sanh em được gần hai tuổi thì cha em mất trong trại cải tạo. Mẹ đem em đi vượt biên và ở vậy nuôi em nên mẹ thương em lắm! Mẹ em mất đi chỉ có bạn bè của mẹ lo dùm tang lễ vì em còn đang học năm chót đại học San Jose State nên không có tiền, một năm sau em ra trường và nhận job ở New York. Tuy đi làm, em vẫn tiếp tục học lên, vì chỉ có một mẹ một con, có lẽ mẹ không yên lòng nên hay hiện về trong giấc ngủ để báo mộng cho em chuyện này chuyện nọ. Mỗi năm em đều lấy vacation để về San Jose thăm mộ mẹ. Năm nay em hơi

chậm vì phải đợi kết quả chắc chắn xin được job ở San Jose rồi mới đi luôn một thể, thì may quá em đã được về dạy lại ở San Jose State. Em đã sửa sang mộ cho mẹ, làm lại tấm mộ bia đúng có gắn hình mẹ bằng chính tiền mồ hôi nước mắt của em làm ra. Rảnh rỗi là em chạy đến thăm mẹ ngay, không ngờ hôm nay lại gặp anh đúng như mẹ đã báo mộng. Trước khi chính thức nhận job mới, ngày mai em còn phải quay trở về New York để trả nhà cửa và giải quyết một số giấy tờ cần thiết.

Thành gật gù:

- Thì ra thế, tôi có gọi điện thoại cho cô mà không có ai bốc phôn.

Đến lượt Mai ngạc nhiên:

- Làm sao anh có số phôn của em được?

Thành cười tủm tỉm trêu nàng:

- Thì di Na cũng..... “báo mộng” cho tôi.

Nói rồi Thành chìa tấm giấy gấp tư của di Na ra cho Mai Mai xem, Mai Mai ngạc nhiên vô cùng khi nhận ra đó là nét chữ của mẹ mình. Không cần viết đoạn kết chắc chắn quý độc giả cũng biết kết quả đoạn cuối như thế nào rồi phải không quý vị? Halloween đến rồi đó! Coi chừng tiếng gõ cửa nhà mình đó!... “Hù!”...

Tôn Nữ Mặc Giao.

Vũ Nam- Tác Giả Của Những Trang Nhật Ký Đầy Hoài Niệm

PHONG THU

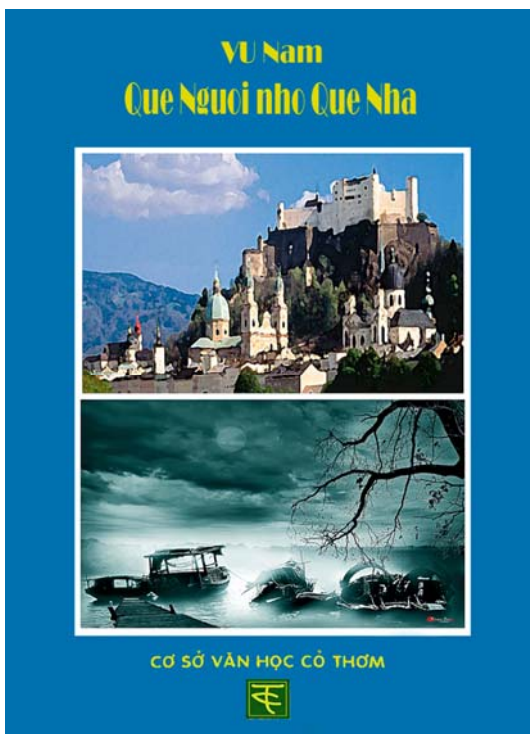
Nhà văn Vũ Nam, tên thật là Lý Văn Văn, sinh năm 1954 tại tỉnh Phước Tuy, Bà Rịa, Vũng Tàu. Nhập ngũ tháng 10 năm 1972, ngày 30 tháng 4 vẫn còn là Sinh Viên Sĩ Quan Không Quân, QLVNCH. Năm 1980, ông vượt biên cùng gia đình, được tàu Cap Anamur của Tây Đức vớt và định cư tại Đức cho đến nay.

Tác phẩm đầu tay của Vũ Nam là tập truyện ngắn “Sau Ngày Tang (1987)” đã thể hiện tài năng của ông. Sau đó, nhiều tác phẩm của Vũ Nam lần lượt xuất bản: Bên Dòng Sông Donau (Danube) (1990), Bên Này Bức Tường Bá Linh (1993), Nơi Cuối Dòng Sông (Truyện dài 1994), Câu Chuyện Từ Con Tàu Cap Anamur (Truyện dài 1997), Một Đêm ở Geneve (2004), Hoa Liên Kiều (2008).

Vũ Nam còn tham gia viết cho nhiều tuyển tập văn học và Website tại hải ngoại và là một cộng tác viên quen thuộc của tạp chí Cỏ Thơm.

Hôm nay, tập truyện ngắn thứ tám “Quê Người Nhớ Quê Nhà” của Vũ Nam đã được tạp chí Cỏ Thơm xuất bản.

Sinh ra lớn lên trên vùng biển mặn, trái tim và cảm xúc của Vũ Nam cũng rộng mở và nhân hậu như dòng thủy triều của biển cả mênh mông. Suốt tập truyện gồm 5 truyện ngắn và 17 ký sự đã vẽ lại



những bức tranh thật đẹp thơ mộng của những kỷ niệm nằm sâu trong ký ức của tác giả. Những cảnh vật, con người mà Vũ Nam từng gặp gỡ dù thân tình hay sơ giao đều hiện lên trên trang giấy của tác giả với những nét chấm phá đầy thi vị và hữu tình.

Với ăn giọng văn miền Nam, chân chất, hiền hoà, văn phong tự nhiên, trôi chảy, Vũ Nam đã kể lại những câu chuyện về tuổi thơ trong câu chuyện “Căn Nhà Vùng Biển”, “Chuyện Quê

Nhà”, “Sĩ Tải” đầy hoa mộng. Có những cô, cậu bé thơ ngây vô tư chơi đùa, tắm nắng, bơi lội, cỡi bò trên những cánh đồng lúa, nương rẫy yên bình. Tình yêu lãng mạn, tình bạn bạn chân thành, tình xóm giềng gắn bó, chia sẻ hoạn nạn gọi cho người đọc một điển hình về cảnh sống yên vui, hạnh phúc của Miền Nam Việt Nam. Nhưng chiến tranh đã tàn phá tất cả. Nhiều cảnh đời oan nghiệt và những cái chết thương tâm của bạn bè lần lượt hiện ra trên ngòi bút của Vũ Nam. Cảm xúc và niềm tiếc nhớ kỷ niệm xưa chan hoà, thấm sâu trong từng trang sách, luôn đan chéo, trộn lẫn giữa quá khứ và hiện tại. Hãy nghe tác giả tâm sự: “Tôi nặng lòng với cảnh cũ nhưng biết làm gì hơn khi mình cũng chỉ là người nhỏ bé trong kiếp nhân sinh trước sự cuồng quay của đất trời của thời đại.” (Trang 28). Và ngay cả khi đã rời xa quê hương, có một cuộc sống an bình trên xứ người. Nhìn thấy nhiều nước văn minh, hiện đại, mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, Vũ Nam vẫn chạnh lòng, thương nhớ quê hương, vẫn đau xót khi người dân vẫn sống nghèo khó, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Vũ Nam viết “Ở đây, nhà cửa âm cúng, không cho gió lùa lách vào khi đông về, nhưng hiện tại ở quê hương còn bao nhiêu người đang chịu những làn gió lạnh ấy?” (trang 29).

Trong những truyện ngắn “Hương Thơm Ngày Cũ, Mùa Thu Lá Bay, Nơi Chón Sương Mù” nói về những mối tình thuở học trò thật trong sáng, thơ mộng nhưng phút chốc đã chia ly. Khi gặp lại

nhau thì tình yêu chỉ còn là kỷ niệm. Nó giống như những chiếc lá úa bên đường. Bằng một lối so sánh ẩn dụ hết sức tinh tế, Vũ Nam viết “*Hồ Thu như chiếc lá lúc này, trên đường đi anh đã nhặt. Lá của những mùa thu qua. Cõi quá khứ. Ướt ẩm. Nàng là hoa vạn hạt, cuối mùa. Có bám vào xuân nhưng đành bỏ tay...*” (trang 189)

Tác phẩm sẽ dẫn dắt bạn đọc đi chu du, khắp nơi. Chúng ta sẽ biết bước chân của Vũ Nam từ Việt Nam, đến con đường vượt biển. Từ con tàu đầy nhân ái Cap Anamur đến Tây Đức phồn thịnh, no đủ trong “*Cánh Đồng Bắp*” và chứng kiến sự sụp đổ của bức tường Bá Linh oan nghiệt qua bài bút ký “*Chiều Praha*”. Bạn đọc có thể tưởng tượng, phóng tầm mắt ra thế giới Châu Âu để biết về “*Thành Phố Konstanz*” của Thụy Sĩ, hay “*Mưa Hè ở Salzburg*”, nước Áo. Và đặc biệt là Hoa Kỳ, những bạn văn nào đã từng gặp Vũ Nam, đều được tác giả nhắc nhở một cách thân ái. Cho nên phải đọc tác phẩm để biết Vũ Nam viết những gì về bạn.

Với tấm lòng sắt son với quê hương biển mặn, tác phẩm “*Quê Người Nhớ Quê Nhà*” là những trang nhật ký đầy hoài niệm thật cảm động, biểu đạt tấm lòng đôn hậu và thiết tha thương nhớ quê nhà của Vũ Nam.

Xin tặng Vũ Nam 4 câu thơ:

*Quê người lạnh giá bước hao mòn
Nhớ đến quê nhà dạ héo hon
Biển động trời Nam cơn bão dữ
Gởi về đất Việt tấm lòng son*

Phong Thu

TÂM TÌNH VĂN CHƯƠNG

+++

Vũ Nam

LTS: Nhà Văn Vũ Nam định đọc bài viết sau đây trong buổi sinh nhật 21 của Tạp Chí Cỏ Thơm, 8/28/2016 tại Virginia, USA). Nhưng vì thời giờ eo hẹp, có hai mục Giới Thiệu Sách, nên Nhà Văn Vũ Nam chỉ đọc phần nào trong bài nói chuyện này.

Cỏ Thơm quyết định đăng lại đây hết tâm tình về văn chương của Nhà Văn Vũ Nam muốn thổ lộ với quan khách ngày hôm đó.

Kính thưa Quý vị quan khách,

Thật là vinh dự cho tôi trong ngày hôm nay, được đứng trước quý vị văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ và Quý quan khách ở vùng Virginia miền đông nước Mỹ này, để đọc một bài viết nhân trong ngày Kỷ niệm 21 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, cũng là dịp để được phép Ra Mắt quyển bút ký, truyện ngắn Quê Người Nhớ Quê Nhà do cơ sở Cỏ Thơm trình bày và xuất bản. Xin thành thật cảm ơn các Anh Chị trong Cơ Sở Cỏ Thơm, xin cảm ơn chị chủ nhiệm báo Cỏ Thơm Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Nhân ngày hôm nay tôi xin kính chúc Quý Báo tiến mạnh, tiến mãi, càng ngày có thêm nhiều người cộng tác và

nhiều độc giả hơn.

Kính thưa Quý vị, trở lại thời gian hơn mười năm trước, nhà văn Hồ Trường An là người giới thiệu tôi đến với báo Cỏ Thơm. Vùng văn thơ, sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền đông Hoa Kỳ, tôi từng nghe tiếng nhưng chưa có dịp tiếp xúc hay liên lạc với hội đoàn, báo chí nào nơi đây.

Anh Hồ Trường An thường muốn nâng đỡ tôi, nên anh rủ tôi cộng tác viết bài cho báo Cỏ Thơm. Được cộng tác với báo Cỏ Thơm là một niềm vui đối với tôi. Sau đó tôi lần lượt quen biết với các chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, các anh Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, chị Hồng Thủy, Phong Thu...

Kính thưa Quý vị. Nói về anh Hồ Trường An, tôi nhớ lại một kỷ niệm trong lần đầu gặp anh, đó là ngày anh và anh họa sĩ Phạm Thăng hẹn gặp nhau ở khuôn viên chùa Viên Giác, Đức quốc, nhân ngày Đại Lễ Phật Đản do chùa tổ chức. Lần đầu gặp hai anh, nhưng hai anh xem tôi như người bạn văn nghệ thân quen, biết nhau lâu rồi. Trong ngày hôm đó có nhiều chuyện rất vui, tôi không có thì giờ kể lại ra đây. Khi anh Hồ Trường An trở về lại Pháp, tôi gửi

tặng anh cuốn sau Ngày Tang, tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của tôi. Anh nhận được và hồi âm. Thư anh viết khá dài, nhưng câu thư ngắn của anh làm tôi nhớ hoài là: Sau Ngày Tang giống như cuốn Chân Trời Cũ của Hồ Dzếnh. Những ngày sau đó tôi tìm mua cuốn Chân Trời Cũ để đọc. Riêng tác giả Hồ Dzếnh tôi đã nghe tiếng trước đó lâu rồi, từ những ngày còn đi học trung học.

Tập truyện Chân Trời Cũ mỏng, hẳn cũng có nhiều quý vị đã đọc. Nội dung tác giả viết về chuyện riêng trong gia đình mình ở vùng Thanh Hóa, miền trung Việt Nam, viết về người cha (người Minh Hương), người mẹ, người chị dâu. Đọc ở vài truyện nước mắt tôi tự nhiên chảy ra. À, hóa ra văn chương, những hàng chữ, cũng làm người đời nhỏ lệ. Lần đầu tiên trong đời tôi đã khóc khi đọc truyện. Như vậy, đâu phải chỉ có bi kịch, chỉ có cái lương mới làm người đời khóc, đâu phải chỉ có Lá Sầu Riêng, với Kim Cương, Vân Hùng, Bà Năm Sa Đét; đâu phải chỉ có Nửa Đời Hương Phấn với Út Trà Ôn, Thanh Sang, Phượng Liên mới làm người ta rơi lệ, mà những dòng chữ cũng có thể thấm thấu vào trái tim của con người, làm chảy nước mắt.

Sao lại có những dòng nước mắt? Thì ra những chuyện thật đã xảy ra trong đời người, trong xã hội, làng xóm v.v... được nhà văn, người viết trình bày bằng những dòng chữ trên trang giấy có tác động đến con người như vậy sao? Tôi tự tìm một kết luận cho mình: Đúng

là như vậy! Từ đó tôi thấy càng yêu thích văn chương hơn, thích đọc truyện hơn, nhất là truyện viết ở ngôi thứ nhất.

Ngoài ra nhà văn Hồ Dzếnh cũng có nhiều bài thơ rất hay. Ở đây, tôi xin đọc một đoạn thơ của ông:

Cô gái Việt Nam ơi
Nếu chữ hy sinh có ở đời
Tôi sẽ nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi

Chắc thời ông, các cô gái ở miền Trung quê ông và ngay trong gia đình ông, chị và mẹ khổ quá nên ông mới viết lên những lời thơ ai oán như vậy.

Không có cơ hội học nhiều, nghiên cứu nhiều về môn khoa học nhân văn hay xã hội. Thời chiến tranh, năm 72, Mùa hè đỏ lửa, bị động viên, 18 tuổi tôi cũng phải vào lính Việt Nam Cộng Hòa. Việc học dở dang. Ngồi trong nhà hàng hôm nay cũng có các bạn SVSQ Không Quân cũng đã vào lính trong hoặc sau mùa hè đỏ lửa năm 72 như tôi. Sau này ở nước Đức, vì công việc làm ăn cũng phải học về những môn tự nhiên, kỹ thuật, không nhiều về nhân văn, xã hội. Nhưng có lẽ từ cái Gen của ông già, một người rất thích đọc báo mỗi ngày, dù học vấn của ông rất ít, và một người chị, giáo viên tiểu học, cứ nằm xuống là cầm một cuốn sách để đọc. Đêm đêm còn nằm nghe ngâm thơ Tao Đàn. Tiền dạy học không nhiều, nhưng chị cũng dành dụm một ít riêng ra để mua sách mỗi tuần, mỗi tháng, nhà chị có một tủ đựng sách chật cứng. Chị chỉ đọc, không viết, có viết chăng là vài dòng

thơ trong thời gian chị vừa mới lớn, 14 tuổi. Lần đó chị làm một bài thơ tôi cho là hay; nó hay, có lẽ vì cũng đúng với tâm trạng mình, mà tôi còn nhớ mãi là khi đưa em gái kể chị, chị của tôi, đã chết khi bị bệnh phong đòn gánh ở tuổi 12, đang học lớp đệ lục. Hình ảnh chị nằm co giật bên cạnh ông thầy cất lễ trước khi chết tôi không thể nào quên. Buổi chiều hôm ấy tôi buồn đến đúng là đứt ruột đứt gan. Ở quê thời đó, chị đập đình nhưng nhà đâu biết đưa đi chích ngừa, khi người co giật thì mọi việc đã muộn. Cũng như có những người bị đau ruột thừa mà ở nhà cứ nói đau bụng bão, nằm thoa dầu để rồi chết. Vì không có thì giờ nhiều, tôi không thể đọc bài thơ đó ra đây được.

Với Gen trong gia đình như thế nên tôi cũng thích đọc sách. Nhưng khác với chị, là ngoài việc đọc, tôi còn thích viết. Viết cho mình, cho bạn, cho người bạn



đời, cho người tình ngày trước, cho người thân, xa hơn nữa là viết cho làng quê, đất nước, con người Việt Nam. Viết với tôi là một niềm vui.

Trở lại nước Đức. Vì chương trình có hạn, nên tôi không bàn về các nhà văn VN ở Đức, chỉ xin nói đôi chút về người Đức. Nước Đức có khá nhiều triết gia từng nổi tiếng trên thế giới như Kant, Nietzsche, Hegel, Marx..., nhiều nhà văn nổi tiếng như Goethe, Hermann Hesse, Erich Maria Remarque, Heinrich Böll, Günther Grass v.v... nhưng tôi cũng không có dịp đọc được nhiều. Chỉ được vài cuốn. Như Câu Chuyện Dòng Sông của Hermann Hesse; Mặt Trận Miền Tây Yên Tĩnh, Một Thời Để Yêu, Một Thời Để Chết của Erich Maria Remarque; Sửa Mùa Thu của Anna Wimschneider; một vài truyện ngắn của Henrich Böll, Thomas Mann. Đọc được hai cuốn

nguyên bản bằng tiếng Đức của nhà văn nữ nổi tiếng hiện nay, Scharotte Links. Nhiều truyện của cô đã được đưa lên làm phim truyền hình.

Gần đây, năm 2009, nhà văn người Rumanien, gốc Đức, là Herta Müller cũng được giải Nobel Văn Chương. Bà viết nhiều sự việc xảy ra khi bà còn ở trên đất nước Rumanien thời



Cộng Sản trong hai cuốn có tựa đề Vùng Đất Trũng và Nhịp Thở. Hiện nay bà định cư ở Đức.

Xin nói riêng thêm một chút về nhà văn Hermann Hesse, người cũng từng lãnh giải Nobel Văn chương năm 1946. Theo tiểu sử ông sinh ra ở Calw, một thành phố miền tây nam nước Đức. Thỉnh thoảng có việc tôi cũng có chạy xe ngang qua thành phố này, nơi đây có những cụm rừng khá đẹp vào mùa hè, còn mùa đông đầy sương mù giăng mắc. Nhưng một trong những nhà ông Hermann Hesse ở sau này với vợ con, và hiện nay còn một viện bảo tàng Hermann Hesse là ngôi nhà ở làng Gaienhofen, thuộc thành phố Konstanz nằm trên hồ Bodensee miền Nam nước Đức, nơi giáp biên giới với Thụy Sĩ. Có người Đức nói, nhờ ông ở trong căn nhà trước mặt hồ đẹp quá, nên ông mới viết văn hay, nếu họ ở đó họ cũng sẽ viết hay như ông, hay nhiều khi còn hay hơn ông nữa. Ông cũng từng học nghề cơ khí, nhưng dờ dang, sau đó học nghề bán sách ba năm ở thành phố Tübingen, là thành phố hành chính của chúng tôi, tiếng Đức gọi là Kreisstadt, cách nhà tôi ở 10 cây số.

Về thành phố Konstanz nằm trên hồ Bodensee tôi cũng có viết một bài để in trong cuốn sách Quê Người Nhớ Quê Nhà, vì gia đình tôi đã đến đó định cư trong ba năm đầu tiên khi vừa đến Đức, năm 81. Làng Gaienhofen nằm trên chỗ nước hồ Bodensee đổ vào sông Rhein, đối diện làng Gaienhofen là cù lao

Reichenau, giống như cù lao ông Đạo Dừa ở miền Tây. Ngày hè chúng tôi cũng hay chạy xe đến Reichenau, vì chỉ cách nơi chúng tôi ở khoảng 8 cây số, để mua cá hồ Bodensee từ các người chài lưới trên hồ đánh bắt bán. Nhưng lúc đó đâu biết nhà của nhà văn lầy lùng trong văn học Đức nằm đối diện trên bờ hồ bên kia. Sau này đọc sách báo mới biết.

Trở lại việc đọc sách. Tôi đọc nhiều là ở văn chương Việt Nam, hoặc nếu có văn chương ngoại quốc của các tác giả Nga, Pháp, Ý v.v... thì cũng đều đọc với bản dịch tiếng Việt. Tôi đọc nhiều cuốn sách của Tự Lực Văn Đoàn (Trước đây, đọc được tập truyện của nhà văn nữ Hồng Thủy, thấy trong một truyện chị viết chị thích tập truyện Hoa Vông Vang của Đỗ Tôn, sao mà trùng hợp vậy, vì tôi cũng thích tập truyện này, và có viết đề cập đến Hoa Vông Vang trong một truyện ngắn). Đọc những nhà văn ngoài Bắc, trong Nam nổi tiếng như Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Thiệp, Sơn Nam, Hồ Biểu Chánh v.v.. Đọc những quyển sách như Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội, hay Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương của chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chuyển Mùa của chị Trương Anh Thủy, Sài Gòn Mưa Vãn Rơi của Phong Thu, Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng của chị Hồng Thủy ... và hầu hết các cuốn sách mua từ nhà xuất bản Tiếng Quê Hương.

Nhân ngày hôm nay, tôi cũng xin chuyển vài lời đến nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung là các người bạn Việt Nam

của tôi ở Đức khi đọc hai tập hồi ký Phụng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội và Sài Gòn Nhớ Mưa Thương đều khen chị Nguyễn Thị Ngọc Dung viết hay. Tôi chỉ có nhiệm vụ chuyển lại lời khen của các bạn đến với Chị. Riêng tôi, khi đọc cũng thấy hay...

Và cũng xin chuyển lời đến các anh chị đang lo cho tờ báo Cỏ Thơm là có một anh bạn ở Đức đã nói với tôi báo Cỏ Thơm giống báo Bách Khoa ngày trước ở VN. Tôi chưa từng đọc báo Bách Khoa nên không dám có ý kiến, chỉ xin nói ra đây từ lời nhận xét của anh bạn. Đó là một lời khen tặng. Nhưng nếu như giống Bách Khoa chắc là phải nhờ những bài viết của các anh Nguyễn Ngọc Bích, Hồ Trường An, Trần Bích San, Nguyễn Văn Thành, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao, Phan Anh Dũng, Nguyễn Quý Đại, Đỗ Bình, Mỹ Phước Nguyễn Thanh v.v... Tôi mong sao báo Cỏ Thơm mãi mãi giống tờ Bách Khoa như lời bình của một anh bạn.

Cũng may, vùng tôi ở có được vài anh mà tôi kết thân, tương đối họ có khiếu văn chương, thích đọc sách, và biết điểm sách, tôi cũng học được nhiều từ các anh. Các anh chỉ cho mình cách viết làm sao hay hơn, sâu sắc hơn. Chẳng hạn như có anh bạn, người Bác, giáo sư Triết ngày trước ở Việt Nam, có ý kiến giúp tôi khi thấy một truyện tôi viết hơi vội. Anh khuyên, Vũ Nam nên viết chậm lại, từ từ, để độc giả thưởng thức. Ngay cả con đường ở quê của Vũ Nam trong mấy ngày tết Ta cũng đầy cả

chuyện, đừng bỏ những chi tiết. Đâu chỉ viết ngày tết trên con đường chỉ vài hàng như vậy! Và như khi thấy một truyện tôi chỉ viết những suy nghĩ, nội tình của nhân vật nam, anh nói, Vũ Nam cũng nên viết những suy nghĩ của nhân vật nữ nữa chứ!

Với anh Nguyễn Văn Nhiệm, tác giả cuốn Ca Dao, Con Đường văn Hóa Việt, đang đăng từng kỳ trên báo Cỏ Thơm. Anh cũng có lời khuyên rất hay, Vũ Nam nên nhớ khi viết văn mình dùng chữ nhưng phải diễn tả sao cho độc giả đọc tưởng tượng được ra ngay những hành động, động tác của nhân vật. Người ta không thấy nhân vật như trên sân khấu, ngoài đời, người ta thấy và nhận ra các nhân vật đó qua những dòng chữ của mình.

Ngoài ra tôi từng đọc những lời khuyên của các nhà văn lão thành từng khuyên người viết văn, hình như nhà văn Tô Hoài khuyên viết phải như con người có cơ bắp, phải nổi gân guốc lên, và một nhà văn khác từng khuyên không nên viết cô đó đẹp quá, nhà văn chỉ viết diễn tả như thế nào để độc giả nhận ra đó là người đàn bà đẹp. Nhà biên khảo Nguyễn Hiến Lê từng viết khi viết văn phải viết rõ, mạch lạc, để cho độc giả hiểu. Mình viết cho độc giả mà lại không muốn độc giả hiểu thì thật là kỳ quặc vô cùng. Và ông cũng khuyên đừng lặp lại những chữ, những ý, mà mình đã viết ở những trên... Vân vân và vân vân.

Và một lần hình như tôi nghe nhà văn

Hồ Trường An nói, khi viết đừng cố nhồi nhét triết học vào, cứ viết rồi tự nhiên triết học sẽ hiện ra trong truyện. Ý anh nói, chắc đừng quá chú trọng đến triết học trong khi đang viết, tâm hồn mình sao thì sẽ hiện ra trên các dòng chữ.

Nhưng, nghe và nhận những lời khuyên của đàn anh, của nhà văn tiền bối là một chuyện, còn áp dụng được hay không còn là cái tài của mỗi người viết, ngoài tài năng viết, kỹ thuật viết còn vấn đề thiên lương, thiên bẩm của người cầm bút.

(Bây giờ xin trở về với các cây bút trên báo Cỏ Thơm. Nhà văn Phạm Văn Tuấn có những bài biên khảo về các nhà văn, nhà soạn nhạc ngoại quốc rất hay, mỗi kỳ báo đọc bài của anh tôi mở mang thêm được kiến thức về văn học, âm nhạc v.v... Anh chủ bút Trần Bích San có những bài biên khảo lạ, mới, giúp các bạn trẻ hiểu biết thêm về môn Nhân Văn. Anh Phan Anh Dũng, phó chủ nhiệm ngoại vụ có những bài viết về các thi họa nhạc sĩ lâu nay đã được đọc giả báo Cỏ Thơm và Website Cỏ Thơm khen là không dài, nhưng đầy đủ, có nghĩa có tình... , anh Ngô Tăng Giao với những bài viết về đạo, những bài thơ dịch qua tiếng Việt từ tiếng ngoại quốc giúp ít thêm sự hiểu biết cho người đọc; cụ giáo sư trường Gia long, nhà văn Nguyễn Lân với những truyện ngắn về tình nghĩa thầy trò làm tôi nhớ lại thời làm học sinh ở Sài Gòn, hay nhìn theo một cô nữ sinh Gia Long ở trong xóm khi cô đi ngang nhà với

dáng đi e ấp, ngại ngùng... , anh Phan Khâm với những vần thơ... rất thật với lòng mình)

Giờ xin phép nói đôi chút về làng quê nơi tôi trải dài tuổi thơ trong đó. Đó là ấp Nước Ngọt nằm giữa hai làng đánh cá Long Hải và Phước Hải. Một nửa thuộc về Phước Hải, một nửa thuộc về Long Hải, của tỉnh Phước Tuy, Bà Rịa. Vùng quê Nước Ngọt của tôi cũng gần giống như các vùng ven biển của bờ biển Việt Nam, đó là có biển, có rừng núi, cảnh vật rất thơ mộng, hữu tình. Nhưng may mắn là vì cũng ở gần Sài Gòn, thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa, và vì có phong cảnh đẹp, nên nhiều người giàu có đã đến đây mua đất xây nhà. Nước Ngọt là một ấp nhỏ nhưng thời gian tôi được 3, 4 tuổi, khi nhận biết được sự việc, tôi thấy có nhiều Villa, sau này lớn lên mới biết Villa của những người nổi tiếng, giàu có ở Sài Gòn như bác sĩ Tín, chủ thương hiệu dầu Khuynh Diệp, ông Trương Văn Bền chủ hiệu xà bông Cô Ba, ông Trương Vĩnh Lễ, chủ tịch quốc hội của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, bác sĩ, kỹ sư, các chủ đồn điền cao su người Pháp v.v... Từ nhỏ, do ba làm quán ăn ở ấp Nước Ngọt, và làm trưởng ấp, nên lúc 4, 5 tuổi tôi từng gặp Cha Tam, người có tên trong những cuốn hồi ký về sự kiện của năm 1963 thời tổng thống Ngô Đình Diệm, trong dịp Cha dẫn đoàn Hùng Tâm Dũng Chí đến ấp Nước Ngọt du lịch; dân biểu Trương Vĩnh Lễ; bác sĩ Hữu, có phòng mạch ở đường Cô Bắc

v.v... Tôi gặp các vị này ở nơi ấp Nước Ngọt, và ngay cả trong nhà thờ, Villa, nhà hàng, phòng mạch ở Sài Gòn khi đi theo ông già về Sài Gòn để gặp các vị khách quý này. Hình ảnh, vóc dáng của các vị đến nay tôi vẫn còn nhớ.

Những ngày hè trên bãi biển, lúc 4, 5 tuổi đi dọc theo biển tôi đã từng thấy và "nhìn trộm" các bà đầm tóc vàng, vợ các ông chủ đồn điền Tây, vận Bikini và đeo kiến mát xanh rì nằm phơi nắng trên bãi biển.

Ngoài ra còn các chùa chiền có các tên rất đẹp như Ngọc Tuyên, Bồng Lai, Thang Lâu và tên rất đời thường như chùa cây Khế, chùa Hòn Một, chùa bà Hai Luông, chùa Ông Cả v.v... Các ngôi chùa gần chân núi, trên lưng chừng núi, trên chót núi và hình ảnh các vị tu hành áo nâu là hình ảnh rất quen thuộc trong thuở ấu thời của tôi. Các vị xuống quán của ba tôi mua đồ đặc cần dùng, hay ba đến chùa để đàm đạo vấn an quý thầy. Trong chuyện Chú Tiểu Đệ tôi cố vận dụng những hình ảnh Quý thầy, chùa và quang cảnh chung quanh chùa đã thấy từ hồi nhỏ để đưa vào.

Quê hương Nước Ngọt hình như cũng có một vài hình ảnh trong phim Chúng Tôi Muốn Sống, tôi từng nghe như vậy, không biết có đúng không. Nhưng trong một lần xem phim này tôi nhận ra cảnh biển và cảnh núi trong phim này sao giống cảnh ở Nước Ngọt quá! Nhất là quang cảnh chung quanh vai chính, do Lê Quỳnh đóng, khi anh đi từ biển đi vào bờ. Hình ảnh của người

vượt biển tìm tự do. Còn chuyện các đoàn làm phim Tàu từ Đài Loan, Hồng Kông đến nước Ngọt để lấy cảnh, quay phim thì tôi cũng đã từng thấy lúc 5, 6 tuổi. Người, ngựa và cò xí chạy trên các đồi cát trắng. Cách đây vài năm, phim Hàn Mặc Tử, bộ phim dài tập của Việt Nam cũng lấy cảnh nơi đây.

Khi tôi lớn hơn một chút vì chiến tranh nên gia đình tôi phải rời Nước Ngọt, trở về làng đánh cá Phước Hải. Làng Phước Hải là nơi quê ngoại của tôi. Làng này chắc cũng giống như bao làng quê khác của đất nước VN. Đó là khói lửa chiến tranh! Từ nhỏ tôi đã sống trong chiến tranh. Đêm đêm nghe tiếng súng nhỏ, tiếng đại bác là chuyện thường. Dù buổi trưa vừa thấy lính Quốc Gia đó, nhưng chiều đến thấy Việt Cộng về. Ban ngày, đầu trên làng thấy lính, đầu dưới làng thấy Việt cộng. Lính bị phục kích chết, Việt Cộng bị phục kích chết là chuyện thường. Trường ấp bị giết, người dân bị Việt Cộng tình nghi giết là chuyện cũng thỉnh thoảng xảy ra. Mười hai tuổi tôi phải xa làng để về trên tỉnh đi học, cũng vì những xáo trộn từ chiến tranh, chết chóc trong làng. Tất cả các chuyện này có lần tôi đã ngồi viết thành các truyện ngắn để đăng trên báo.

Nhưng trên tất cả, về chuyện viết văn, tâm niệm của tôi là, khi viết dù thể nào cũng cố gắng hướng ngòi bút về những con người VN còn khổ ải ở quê nhà, đời sống khó khăn của những người còn lầm than. Chúng ta có thể dùng một

chút về những chuyện đau thương của dân tộc của đất nước để viết một chuyện tình lãng mạn, một chuyện vui cười, nhưng rồi ngòi bút cũng sẽ quay về với cội nguồn, về tình dân tộc, tha thiết đậm đà như những đồng lúa những dòng sông hiền hòa của quê hương VN vẫn mãi mãi trôi chảy và trường tồn với dòng sinh mệnh của dân tộc.

Có vài điều trùng hợp thật kỳ lạ tôi xin một hai phút để kể ra đây là:

1- Chị Trương Anh Thụy khi viết cuốn *Chuyện Mùa* có để cho một nhân vật nữ tên Sửu ở làng Gomaringen, nơi tôi ở. Sao mà trùng hợp lạ. Nơi thành phố Reutlingen, cách làng Gomaringen tôi 10 cây số cũng có một chị tên Sửu, chị cũng gốc đạo Phật, thỉnh thoảng tôi và chị Sửu cũng gặp và trò chuyện, chị cũng là người có học, thích đọc sách báo, nhưng đến nay chị chưa lần nào hỏi đến cuốn *Chuyện Mùa*. Ngày nào nếu chị đọc được sách *Chuyện Mùa*, thế nào chị cũng hỏi tôi, bộ em đưa tên chị cho bà Trương Anh Thụy sao?

Ba vùng đất, làng Gomaringen, thành phố Reutlingen, thành phố Tübingen cách đều nhau 10 KM theo 3 góc của một hình tam giác. Ngày chị Trương Anh Thụy viết thư xin một tấm ảnh để biết quang cảnh làng Gomaringen, tôi chạy ra nơi bán Postkarte của làng, tìm không thấy quang cảnh rừng núi, đồi, suối của làng, chỉ thấy nhà cửa, nhà hội đồng xã, đành mua một tấm gửi ngay cho chị. Chị viết Mail than, không thấy đồi, rừng cây gì cả! Tôi nói để

đi chụp hình rồi gửi cho chị. Sau đó dồn dập chuyện khác trong hăng, trong nhà làm tôi quên mất. Nhưng khi chị viết về đồi, cây, chim chóc thì cũng đúng như cảnh ở Gomaringen, theo như tấm giấy tôi ghi ra những điều chị hỏi trước đó. May thật.

2- Nhà văn Phong Thu trong tập truyện *Sài Gòn Mưa Vẫn Roi*, có cho em bé tên Tuấn giống Thanh Sang. Sao không là Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm mà là Thanh Sang. Tôi cũng cùng quê với Thanh Sang, rồi hôm nay chị cũng viết bài cho cuốn sách của tôi để giới thiệu. (Nói thêm chút về Thanh sang!)

Những sự trùng hợp này đối với tôi cũng thấy là lạ và hay.

Trước khi chấm dứt bài viết, lần nữa tôi xin nói lời cảm ơn Ban Tổ Chức Ngày Kỷ Niệm của báo *Cỏ Thơm* hôm nay đã cho tôi có cơ hội nói lên vài ý nghĩ của mình trước quý vị quan khách.

Xin cảm ơn họa sĩ Nguyễn Sơn đang định cư ở nước Đức, người đã cộng tác rất nhiều hình ảnh trên báo *Cỏ Thơm*, Anh đã gửi tặng chúng tôi một tấm hình để in vào mặt trước của sách và vài tấm hình làm phụ bản. Anh nói lấy bao nhiêu cũng được, nhưng vì trang sách có giới hạn nên cũng chỉ xin anh vài tấm.

Cảm ơn hai nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung Phong Thu. Hai chị đã bỏ thời giờ để viết hai bài Giới Thiệu để in trong sách và đọc trong ngày hôm nay.

Xin chân thành cảm ơn tất cả Quý Vị.

Vũ Nam, ngày 7.8.2016

MÙA THU VÀ NHỮNG BÔNG HOA VÀNG

HỒNG THỦY

Mùa thu luôn đi kèm với những bông cúc vàng rực rỡ, tôi yêu mùa thu và < có duyên nợ > với tất cả những cánh hoa vàng.

Tuổi ấu thơ, thời gian tản cư về làng Sơn Lương, một ngôi làng nhỏ thơ mộng thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hai anh em tôi thường quanh quẩn ngoài vườn, trong trang trại của ông bà ngoại, bên những luống cải xanh đầy hoa vàng tươi thắm. Đuôi bắt những chú bướm muôn màu rực rỡ bay lượn xung quanh. Hình ảnh những bông hoa cải màu vàng, chắc hẳn đẹp lắm trong đầu óc non nớt của chú bé 12 tuổi, khiến ông anh Thi sĩ Nguyễn Đức Vinh của tôi đã làm bài thơ đầu tiên, có những câu thơ dễ thương như sau < Nhà bà tôi có rất nhiều cây. Ôi, na mít, mận, chuối, soan tây. Có cả vườn rau xanh bát ngát. Hoa cải vàng tươi, bướm lượn bay ... >

Lớn lên một chút, lần đầu được đi Đà Lạt, tôi đã ngẩn ngơ nhìn những chùm hoa vàng thắm đang khoe sắc

trên cành, tò mò hỏi mẹ < hoa gì mà có màu vàng đẹp quá >. Mẹ trả lời < hoa Mimosa >. Tôi yêu ngay loài hoa có cái tên đặc biệt từ dạo ấy.

Sau khi lập gia đình, những căn nhà của Hải quân cấp cho chúng tôi ở, luôn luôn có những chậu hoa vàng trước ngõ. Những giây hoa huỳnh anh màu vàng leo kín hàng rào, đã làm cho những căn nhà của cặp vợ chồng trẻ thơ mộng hẳn lên.

Những năm cuối cùng ở VN, gia đình tôi ở trong bán đảo Cam Ranh, nơi có bãi biển trong xanh, những đồi cát thơ mộng và những cây mai vàng rực rỡ. Đời sống của tôi lúc nào cũng có thấp thoáng hình ảnh những bông hoa vàng mà tôi yêu thích.

Lưu lạc sang đất Mỹ. Những ngày đầu đi học Anh văn. Nhân lúc đứng chờ xe cậu em đến đón, tôi đã bắt gặp một hình ảnh thật đẹp. Một cặp trẻ dừng xe lại bên đường, người thanh niên mở cửa xe bước xuống, chạy băng qua đường, hái mấy bông cúc đại màu vàng thật đẹp, đang lung linh trong gió giữa đám cỏ hoang, đưa tặng người

yêu . Hai cái đầu ghé sát vào nhau , hai bàn tay trao và nhận những bông hoa vàng , một cái hôn nồng nàn say đắm ... Sau đoạn phim thật ngắn quá tuyệt vời đó , chiếc xe lăn bánh đã mất hút , tôi vẫn còn đứng ngơ ngẩn nhìn theo , cho tới khi tiếng còi xe của cậu em đưa tôi về thực tại .

Hình ảnh quá đẹp của những bông hoa vàng tôi bắt gặp ngày hôm ấy, đã như chiếc đũa thần , biến đổi tâm hồn tôi ... Từ một thiếu phụ trẻ , đang xuống tinh thần cùng cực vì những tang thương của đất nước khi phải rời bỏ quê hương , sống với cuộc đời quá đột ngột , thâm trầm . Tâm hồn đầy những cảm giác chán nản , thất vọng của tôi , bỗng như được hồi sinh lại ... Đời sống bận rộn trên xứ người , tất bật lo trả nợ áo cơm , khiến tôi tưởng sẽ không bao còn có thể cầm bút viết lại .

Nào ngờ , những bông hoa vàng đã mang đến cho tâm hồn cần cỗi của tôi một chút lãng mạn , một chút trẻ trung , khiến hồn tôi bỗng lạc về những kỷ niệm xưa cũ ... của những ngày yên bình , mơ mộng trên quê hương thân yêu, để thấy đời còn đẹp, còn đáng sống.

Cái máu nghệ sĩ trong con người tôi lại dồn dập chảy , để rồi đến một ngày ... Cầm bút viết lại, những chuyện tình đẹp, lãng mạn đã bắt nguồn từ hình ảnh của những bông hoa vàng năm ấy...

Chớm Thu 2016.

Ý THU

Một chiếc lá vàng bay lững lơ
Vài tia nắng nhạt giải lụa thưa
Đóa hồng rụng cánh, thương người cũ
Khóm cúc tỏa hương, nhớ bóng xưa
Lãng bước theo mây tìm cõi mộng
Thả hồn nương gió kiếm trời mơ
Hoàng hôn dần tím sau vườn vắng
Vội vội thu về vương ý thơ

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BÀI HỌA:

CHUYỂN MÙA

Mây thu bàng bạc sắc xanh lơ
Thấp thoáng nhẹ bay trước liếp thưa
Lời gió vi vu quanh ngõ vắng
Tiếng chim riu rít khắp đường xưa
Một vườn lá úa khơi thi hứng
Mấy cánh hoa tàn dật mộng mơ
Xoay chuyển bốn mùa trong cõi tạm
Ung dung ta dật ít vần thơ.

TÂM MINH

PHÁT HÀNH BÁO CỎ THƠM

SỐ MÙA HÈ – 06/18/2016



Bạch Cúc, Ý Nguyễn



Vân Anh đọc Cỏ Thơm



NT Ngô Tăng Giao, GS Phạm Trọng Lệ,
NT Bùi Thanh Tiên, NT Phan Khâm.



Như Lan, cựu TP Thành, Bạch Cúc,
BKG Hoàng Dân Bình, GS Phạm Trọng Lệ.



NT Ngô Tăng Giao, NT Phan Khâm,
NV Ý Nguyễn, NT Võ Văn Gắng,
BKG Hoàng Dân Bình.



Thanh Minh, Toàn, Kim Bích, Mỹ Hạnh,
Ngọc Dung, Ý Nguyễn.



Thủ cặp loa vừa được một số anh chị em văn thi nhạc sĩ gom góp mua, với bản nhạc Hè Về của Nhạc sĩ Hùng Lân. Hoàng Cung Fa đệm Keyboard. Phạm Xuân Thái đánh nhịp (không có trong hình).



Hoàng Bạch Mai ngâm thơ



Ỡ Nguyễn ngâm thơ, Vũ Phương đệm sáo.



PARIS MỘT TÂM HỒN CHÂN QUÊ

Đỗ Bình

Ngày tháng nơi xứ người qua rất nhanh. Ở đây 4 mùa thay đổi, khi hoa xuân vừa chớm nụ, khách yêu hoa chưa thường lắm hết những nét đẹp của mùa xuân đã thấy hạ sang. Nắng hồng vừa ấm ngọn lá thì gió thu chợt đến mang những chiếc lá vàng đi còn lại những chùm hoa tuyết mùa đông trên cành. Thời gian như chiếc bóng âm thầm trôi ! Chỉ có những tâm hồn nghệ sĩ mới cảm nhận được cái bóng thời gian chấp cánh. Họ đã sống và hòa với nhịp thở của thời gian nên nắm bắt được quá khứ giữ cho dòng thời gian không bị đứt đoạn tan loãng, và đã minh họa nó qua áng văn vần thơ, điệu nhạc để hoài niệm của một thời xa khuất. Tâm hồn nghệ sĩ đôi khi vượt cả trước thời đại vọng lên tâm khúc bằng thứ ngôn ngữ riêng biệt mà người đương thời còn ngỡ ngàng chưa hòa điệu. Dân tộc Việt nam là một dân tộc thi sĩ vì có quá nhiều nhà thơ, thiển nghĩ một đất nước có nhiều thi sĩ là một đất nước có

những tâm hồn nhạy bén rung cảm sự huyền diệu của thiên nhiên, màu sắc của muôn hoa và sẽ luôn hướng về cái «đẹp và thiện».

Paris vào cuối thập niên 90 của thế kỷ trước, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam xuất hiện một Văn Đoàn mang tên VĂN BÁ, quy tụ một số



nhà khoa bảng đã có tuổi, yêu nghệ thuật sân khấu nên tự tập dượt để trình diễn những trích đoạn vở cải lương, những tuồng kịch cổ, hay những sáng tác mới công hiến cho công chúng. Trưởng nhóm là nhà thơ Văn Bá, bút hiệu của bác sĩ Nguyễn Văn Ba sinh năm 1927 tại Gò Công, Định Tường, Tiền Giang. Trong thời gian theo học Y Khoa Hà Nội ông có thụ giáo Hán văn với cụ Từ An Trần Lê Nhân (Cử nhân

Hán Học- tác giả Cổ Học Tinh Hoa). Ông sang Pháp du học và Tốt nghiệp Nhân khoa chuyên môn Đại học Paris Thủ khoa khóa 1961. Nguyên Giảng viên tại trung tâm nghiên cứu Khoa học quốc gia Pháp. (Centre National de la Recherche Scientifique C.N.R.S). Văn Bá làm thơ từ nhỏ. Đã xuất bản:

Thơ: Nén Hương Hoài Niệm (1955), ở Sài Gòn trước khi du học, và tái bản 1998. Hương Tình Yêu (1999). Thơ Văn Bá được vào hợp tuyển năm 1998.

Kịch: Lưu Bình Dương Lễ, Hồn Trương Ba Da Anh Hàng Thịt, Cổ Loa, Tri Âm, Lê Chi Viên. Hai vở kịch Lưu Bình Dương Lễ và Hồn Trương Ba ma anh hàng thịt được diễn nhiều lần ở Paris. Ngoài ra Văn Bá còn viết và xuất bản những tập biên khảo, tiểu thuyết song ngữ.

Dù qua Pháp từ giữa thập niên 50, và kết hôn với một phụ nữ bản xứ nhưng ông vẫn giữ một tâm hồn thuần Việt. Văn Hóa Việt đã ảnh hưởng sâu đậm đến người ngẫu phối của ông nên Bà đã có những phong cách ứng xử dịu dàng, phúc hậu giống như những phụ nữ Việt Nam trước năm 1954 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. Bà yêu chồng nên yêu văn hóa Việt hòa mình vào không gian Việt Nam thu hẹp. Bà thường mặc áo dài để dự những buổi lễ tết, họp văn thơ, hay những buổi diễn thuyết bằng tiếng Việt, bà ngồi nghiêm trang, im lặng hàng giờ bên cạnh nhà thơ Văn Bá. Có thể nói Bác sĩ Nguyễn

Văn Bá là một trong những người Việt thành đạt ở Paris, thành đạt ở đây bao hàm cả lãnh vực vật chất. Nhưng ông lại rất khiêm nhường, tự trọng, biết tôn trọng người khác. Nhà thơ Văn Bá rời quê hương lúc trẻ nhưng đã mang theo quê hương trong tâm hồn, cái quê hương đậm chất phù sa chân tình mộc mạc đầy cây trái ngon ngọt. Bản tính hiền hòa chơn chất hiện rõ trong cách sống, ngôn ngữ và cách giao tế với bằng hữu nên ông được mọi người nể trọng và quý mến. Đặc biệt các người em của ông dù tuổi đã cao, có học thức, địa vị trong xã hội nhưng đối với ông một lòng kính trọng người anh trưởng.

Nhà thơ đã tìm đến những tâm hồn đồng điệu qua sự giới thiệu của GS, nhà biên khảo, nhiếp ảnh gia Bùi Sĩ Thành nên gia nhập vào Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris năm 1999 trong đó có nhiều người đồng nghiệp hoặc khác ngành, mà một số văn thi nhạc sĩ tuổi đời cao, đã mất nhưng tác phẩm của họ vẫn lưu lại trong tâm hồn giới thưởng ngoạn. Trong lãnh vực văn học nghệ thuật những tác phẩm có giá trị đích thực sẽ không bị quên lãng phai theo thời gian. Tác phẩm mang tính nghệ thuật sẽ vượt thời gian thấm sâu trong lòng người. Trong Câu Lạc Bộ như một vườn hoa nhỏ, mỗi người một vẻ tạo nhiều màu sắc hương thơm cho vườn hoa. Nhà thơ Bằng Vân, GS Y khoa Trần Văn Bảng rất khiêm tốn nhưng vì bản tính nghệ sĩ bất cần đời và những vần thơ Miếu Cùini châm biếm nên nhà

thơ được mệnh danh là nông sĩ, nhà thơ Phương Du còn gọi ông là Tú Gân để so sánh với những nhà thơ xưa như Tú Xương, Tú Mỡ. Nhà thơ Văn Uyên, GS Y Khoa Nguyễn Văn Ái được xem là ẩn sĩ vì ít xuất hiện trước đám đông.

Nhà thơ Phương Du, BS Nguyễn Bá Hậu là hiền sĩ. Nhà thơ Văn Bá, BS Nguyễn Văn Ba là Việt sĩ vì ông còn giữ nhiều tính chất Việt Nam. Những lần họp thơ ở tư gia, nhà thơ Văn Bá mời một số bằng hữu, sự hân hoan vui sướng tỏa trên khuôn mặt, trong tiếng cười khi đón tiếp các bạn, nhà thơ Văn Bá say đắm đọc những bài thơ của mình được trình bày trước những tâm hồn đồng điệu: Học giả Thái Văn Kiểm, GS Bùi Sĩ Thành, Nữ Điêu khắc gia Anh Trần, Nhà thơ Đỗ Bình, nghệ sĩ Bích Thuận, nghệ sĩ Thúy Hằng, Nghệ sĩ Linh Chi, nhạc sĩ Trọng Lễ, k y s u Nguyễn Quý Toàn, Nhà văn hóa Phương Anh và Nhóm Văn Đoàn Văn Bá, Phu nhân ông cũng tham gia bằng những bài thơ thơ Pháp của những thi sĩ lừng danh Pháp.

Vào hè năm 2000 Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris tổ chức sinh hoạt chủ đề Chiều Tha Hương ở Viện Pháp Á quy tụ nhiều khuôn mặt trí thức văn nghệ sĩ nổi tiếng ở Paris. Đặc biệt có nhà văn, nhà thơ Du Thị Diễm Buồn ở Cali sang tham dự. Nhà thơ Song Thái tuổi đời cao nhất khai mạc đọc bài Thơ Là Gì? Nhà thơ Đỗ Bình giới thiệu Nhà thơ Du Thị Diễm Buồn, Nhà văn Hồ Trường An giới thiệu những thi phẩm của Du

Thị Diễm Buồn Nhà thơ Phương Du nói về Ý Nghĩa Của Sự Đau Khổ, GS Phạm Thị Nhung Nói về Ý Nghĩa Của Hoa Đào Trong Thơ Thôi Hiệu, Hai Nhà thơ Bình -Huyền (Nguyễn Trọng Bình và Thùy Huyền) đọc bài: thơ Đồi Sim, Nhà văn, nhà báo Tô Vũ Đố Thơ. Nhà thơ Văn Uyên say đắm vắn điệu thả hồn mình trong câu thơ với chất giọng Bắc sang sảng dù tuổi đời đã cao diễn ngâm bài: Tình Chung Thủy khiến hội trường vang âm thanh thơ. Tiếp theo là Nhà thơ Văn Bá, ông nói: “Dù không hẹn trước với BS Ái mà cả hai cùng đọc thơ tình. Ở bất cứ một chế độ nào thơ tình vẫn sống như thường vì thơ tình mang con người về với nguyên thủy.” Văn Bá với chất giọng mạnh miền Nam Nhà thơ diễn ngâm theo thể Lục Vân Tiên, bài: Khối Tình. Lối đọc và diễn xuất của ông âm hưởng cách nói của các nghệ sĩ cải lương miền Nam: Năm Châu, Bảy Nhiêu, Út Trà Ôn, Năm Nghĩa, Hữu Phước của thời thập niên 40, 50. Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật chủ đề Bên Trời Tưởng Nhớ do CLB VH VN Paris tổ chức vào ngày 15 tháng 6 năm 2002 tại Paris. Quy tụ nhiều khuôn mặt văn nghệ sĩ ở Paris và hải ngoại, sinh hoạt đã được GS Nguyễn Trọng Bình tức Nhà văn Bình Huyền đại diện ở Paris cho tuần báo Đại Chúng (Maryland Hoa kỳ) viết tường thuật.

Nhà thơ Đỗ Bình: Trưởng ban tổ chức, Nhà thơ Phương Du: Khai mạc chương trình, BS Nguyễn Bá Linh; MC, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng; MC.Nhà thơ,

họa sĩ Lưu Nguyễn Đạt (Hoa kỳ) nói về Thơ Việt, Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh (NaUy) người cuối cùng của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn nói về tác phẩm Xóm Cầu Mới của Nhà văn Nhất Linh. Nhà thơ, họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật (NaUy) nói về tranh dân gian: Lý Toét & Xả Xê. Nữ sĩ Phạm Thị Nhung giới thiệu tác phẩm Truyện Kiều và Tuổi Trẻ của Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ, GS Nguyễn Thị Hoàng giới thiệu tác phẩm Hồn Nước của Lưu Nguyễn Đạt. Nhà văn Hồ Trường An giới thiệu thi phẩm Vùng Cao Nước Ấn của Lưu Nguyễn Đạt. Nhà thơ Vân Uyên: Nói về người em trai là Nhà thơ, Nhạc sĩ Tử Phác, một trong những người bị tù trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, tác giả nhạc phẩm tiền chiến Tiếng Hát Quay Tơ, đồng tác giả với Lương Ngọc Châu viết bài: Tiếng Hát Lênh Đênh. Nhạc sĩ Trịnh Hưng Kể Những Kỷ Niệm Về Nhà Thơ Hữu Loan trong thời Kháng chiến. Nhà thơ Văn Bá cùng nhóm trình diễn tuồng Lưu Bình Dương Lễ: DS Lê Sương trong vai Dương Lễ phu nhân, DS Lê Châu trong vai Châu Long, Luật gia Lê Vinh Quang trong vai Lưu Bình, DS Kim Hoa, DS Nguyễn Văn Đức ...

Những văn nghệ sĩ Paris: Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, Nữ sĩ Quỳnh Liên, GS Nghệ sĩ Bích Thuận, GS Quỳnh Hạnh, Nhà thơ Thụy Khanh, Nhà thơ Hà Lan Phương, Nhà thơ Thùy Huyền, Nhà thơ Mây Thu, Nghệ sĩ Thúy Hằng, Nữ họa sĩ Hồng Loan, Nữ

điều khắc gia Anh Trần, Bà Phạm Thị Hoàn, Phạm Thị Lệ, Phạm Thị Diễm (3 ái nữ Học giả Phạm Quỳnh), Nhà văn Trần Đại Sỹ, Nhà văn Mai Lý Cang, Nhà nghiên cứu, phê bình văn học Nguyễn Thùy, ...

Nhà văn, nhà báo Tô Vũ, Nhà báo Phạm Hữu, Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, GS Võ Thu Tịnh, GS Bạch Thái Hà, GS, nhiếp ảnh gia Bùi Sỹ Thành, BS Nguyễn Duy Tài, BS Phạm Đăng Thiện... Nhạc sĩ Xuân Lô, Nhạc sĩ Lương Ngọc Châu, Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, Nhạc sĩ Anh Việt Thanh, Nhạc sĩ Anh Huy, Nhạc sĩ Lê Phương, Nhạc sĩ Nguyễn Đình Tuấn, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Toàn, Đạo diễn Trần Song Thu, Họa sĩ Vĩnh Ấn, Họa sĩ Lê Tài Điền ...vv...

Chủ nhiệm tuần báo Đại Chúng là Nhà báo Hoài Thanh đã dành trọn số báo để đăng. Xin trích lời tòa soạn: “Trong số báo 103 chúng tôi đặc biệt dành trọn Tuần Báo Đại Chúng cho anh chị em văn nghệ sĩ Câu Lạc bộ Văn Hóa Việt Nam Paris, France trước hết là để gởi niềm ưu ái và lòng kính trọng tri ân các anh chị em văn thi hữu đã cộng tác với TBĐC để truyền bá văn hóa và giữ gìn ngôi nhà văn hóa Việt Nam được đơm hoa kết trái. Sau đó chúng tôi muốn vinh danh những nhà trí thức, những văn nghệ sĩ lão thành mà tài năng, đức độ, sự khiêm tốn và tình yêu thương gắn bó của quý vị rất xứng đáng là một điển hình tốt, gương mẫu, mực thước cho tất cả mọi người nhìn vào đó học hỏi. Chúng tôi có thể nói rằng ngôi

nhà Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris là một tổ ấm của tất cả văn nghệ sĩ khắp nơi. Chúng ta có thể tìm thấy hơi ấm của nơi đó tình người trong những câu chuyện mà những anh chị văn nghệ sĩ viết về bạn bè về những ngày xưa xa lơ, xa lắc. Chúng ta cũng thấy nơi đó sự tôn trọng lẫn nhau giữa các văn thi hữu của các thế hệ khác nhau về tuổi đời, tuổi nghề nhưng vẫn chung vai sát cánh xây dựng giữ gìn nền văn hóa Việt Nam. Chúng ta còn tìm thấy nơi đó những con người dày dặn kinh nghiệm trong cuộc đời, vững chắc nghề nghiệp cũng như văn chương chữ nghĩa và phương thức hành văn trong sáng, chọn lọc. Chúng tôi xin kính mời quý vị viếng thăm Paris hoa lệ bằng những bài viết TBĐC đăng tải trong số báo này.

Nội dung của những câu thơ, câu văn, tiếng nhạc lời ca sẽ được đôi uyên ương Bình- Huyền diễn tả trong bài:” Buổi Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris”. Xin được kết thúc lá thư tòa soạn bằng lời nói đầy ý nghĩa sâu sắc của nhà thơ Đỗ Bình, người lãnh đạo tài năng của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris: “Văn chương thi phú và nghệ thuật Việt Nam hải ngoại mặc dù đang được mùa, đã không tránh khỏi một vài tiếng chì tiếng bác. Dĩ nhiên đó là quyền tự do của mỗi người, tuy nhiên xin trân trọng yêu cầu cả người yêu lẫn kẻ ghét hãy chịu khó mà xem xét thực hành hai điều. Thứ nhất là hãy để cho người ta tự do sống. Thứ hai là hãy chung sức gìn giữ cái

cuối cùng trong kho tàng văn học nghệ thuật Việt Nam của đầu thế kỷ này, vì Thi sĩ e rằng đến cuối thế kỷ 21 kho tàng đó sẽ chịu nạn, thất mùa rất lớn mà không cứu vãn được.” Vào thu 14 tháng 09 năm 2003, một số nhân sĩ trí thức ở Lyon đã tổ chức ngày văn hóa, và cũng là dịp muốn vinh danh một số văn nghệ sĩ ở Paris và hải ngoại đã đóng phần vun sỏi cho văn hóa Việt. Những người được mời diễn thuyết văn học nghệ thuật: GS Lê Mộng Nguyên, Nhà thơ Đỗ Bình, Nhà văn Hải Triều từ Canada qua, nhà phê bình Nguyễn Thùy, Nhạc sĩ Trịnh Hưng, Nhạc sĩ Trần Ngọc Hải (Linh mục), nhà thơ Văn Bá và nhóm kịch nghệ.. Sân khấu đại hí viện lớn, tất cả khách được mời đều phải lên hàng ghế trên sân khấu đối diện với khán giả. Chương trình khai mạc lúc 14h00, và nhóm Văn Bá trình diễn tuồng lúc 17h30. Hơn 3 giờ ngồi phải đối diện với những cặp mắt của 500 khách, Nhà thơ Văn Bá và các bằng hữu vẫn giữ bình tĩnh diễn thuyết, diễn xuất tuồng cổ. Buổi tổ chức rất thành công. Sau đó các bạn lấy xe lửa tốc hành trở về Paris.

Buổi sinh hoạt mang chủ đề: Hồn Đại Việt, mở đầu phần văn học, Học giả, TS Thái Văn Kiểm giới thiệu tác phẩm mới của Văn Bá, ông khen ngợi và nêu ra những cái hay nét đẹp trong tác phẩm. Qua phần nghệ thuật Nhà thơ Đỗ Bình đã giới thiệu 3 thế hệ nhạc sĩ sáng tác hiện đang có mặt. Thế hệ đầu gồm các nhạc sĩ:

Nhạc sĩ Xuân Lôì (Sinh trong gia đình văn nghệ nên vào làng âm nhạc ngay từ thuở còn nhỏ, những nhạc phẩm nổi tiếng của ông viết chung với các nhạc sĩ khác như Y Vân, Nhật Bằng, Lữ Liên... Nhạc phẩm *Bâng Khuâng* là ca khúc đầu tay ông viết năm 1947, bài *Về Làng Cũ*, cùng với Nhật Bằng năm 1949, bài *Nhật Nắng*, cùng với Y Vân năm 1955, bài *Đường Chiều*, cùng với Lữ Liên năm 1956. Hương Giang Mong Nhớ, cùng với Dương Thiệu Tước viết năm 1959.)

Nhạc sĩ Lương Ngọc Châu (Là một danh thủ vĩ cầm ở đất Hà Thành trước năm 1954, thầy của một số nhạc sĩ nổi tiếng sau này ở trong Nam. Ông qua Pháp rất sớm, do đó giới thưởng thức âm nhạc miền nam ít có biết! Bài *Tiếng Hát Lênh Đênh* của nhạc sĩ Lương Ngọc Châu mang chất thính phòng, bán cổ điển nên đòi hỏi một chất giọng ấm, sang và kỹ thuật trình bày điêu luyện. Bài này đã được Tài tử Ngọc Bảo trình bày ở Hà Nội trước năm 1954, Sau năm 1954 ở Sài Gòn do danh ca Sĩ Phú, và ở hải ngoại do BS, nhạc sĩ Phạm Anh Dũng soạn lại hòa âm và trình bày).

Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên (Với số tác phẩm đồ sộ lên đến vài trăm ca khúc, trong đó có những nhạc phẩm đã được chọn làm nhạc phim như: *BUI ĐỒI* vào năm 1957 do Lê Mộng Hoàng làm đạo diễn, nhưng bài *Trăng Mờ Bên Suối* viết năm 1949 là nổi hơn cả. Vì là một bài thơ được chính tác giả soạn thành nhạc nên đã lọt tã tận cùng của

cảm xúc qua âm thanh, gọi lên một không gian lãng mạn, với những hình ảnh mơ mộng của tình yêu lứa đôi. Lời và nhạc hài hòa dễ đi vào lòng người đã in đậm dấu hơn những ca khúc khác của tác giả! Mặc dù lời ca và cấu trúc của những nhạc phẩm đó không thua gì bài *Trăng Mờ Bên Suối*. Nhạc sĩ Trịnh Hưng (Bài *Tôi Yêu và Lối về Xóm Nhỏ...vv...* của nhạc sĩ Trịnh Hưng rất nổi tiếng được trình bày liên tục từ thập niên 50 cho đến nay, bài hát đã hòa vào trong những vũ khúc dân gian). Nhạc sĩ Mạnh Bích (Bài *Thôn Trăng* là tác phẩm nổi tiếng của nhạc sĩ Mạnh Bích viết sau năm 1954 ở Huế, được ca sĩ trình bày rất nhiều lần vào những năm đầu thập niên 60). Nhạc sĩ Phạm Đình Liên (Bài *Hẹn Một Ngày Về* 1957 đang du học ở Pháp).

Thế hệ kế tiếp gồm các nhạc sĩ: Phạm Đăng, Trần Văn Toàn, Ngọc Bích, Nguyễn Minh Châu.

Thế hệ trẻ gồm: Các nữ nhạc sĩ: Linh Chi, Trang Thanh Trúc, Tố Liên. Đây là lần đầu tiên ở Paris những nhạc sĩ khác thế hệ về lãnh vực sáng tác nhạc Việt gặp nhau để tâm tình nghệ thuật. Hiện diện đêm nay còn có một số nhạc sĩ sáng tác khác nhưng có lẽ vì khiêm tốn chưa muốn giới thiệu. Sau buổi họp mặt văn nghệ đó một thời gian, những nhạc sĩ như: Xuân Lôì, Lương Ngọc Châu, Trịnh Hưng, Mạnh Bích đã già từ thế giới âm nhạc, vĩnh viễn ra đi tìm cõi khác.

Nhà thơ Văn Bá theo khuynh hướng Thơ Mới, ông chú trọng về phần tứ thơ

nên bài hơi được dàn trải như những câu chuyện ngắn để thuật những đề tài quê hương, danh nhân, di tích lịch sử, tình người và tình yêu đôi lứa. Ông nói: “Làm thơ để cho người hiểu, cũng như làm thiếu nữ cho người ta trêu. Đã đành thơ cần âm điệu cũng như thiếu nữ cần vẻ yêu kiều nhưng mà thơ mà hòa nhạc làm mất ý tứ thơ!” Hàng ngàn năm xưa thơ và nhạc đã hòa nhau, trong thơ có nhạc trong nhạc có thơ. Âm nhạc có lời dễ làm rung cảm lòng người, và thơ đã nhập vào cung bậc hòa thanh thành nhạc để diễn tả tâm tình. “thơ hòa nhạc làm mất tứ thơ”, có lẽ nhà thơ e ngại bài thơ được phổ nhạc mà nhạc sĩ không để hết tâm hồn vào bài thơ lúc sáng tác sẽ làm giảm giá trị khúc phổ. Văn Bá có rất nhiều bài thơ tình chưa in chỉ đọc riêng cho bằng hữu trong đó có những bài thơ được chính tác giả chuyển sang Pháp ngữ, và do phu nhân của nhà thơ đọc. Thơ tình của Văn Bá được chọn vào tập thơ 500 bài Thơ Tình VN Và Thế Giới do ông Khai Trí Nguyễn Hùng Chương xuất bản. Có một lần Nhà thơ Văn Bá đã nói trong sinh hoạt văn học nghệ thuật: “Khối tình nào cũng vậy, thâm thúy nhất là lúc phân ly. Ở bất cứ một chế độ nào thơ tình vẫn sống như thường vì thơ tình mang con người về với nguyên thủy.” Nhà thơ Văn Bá đã từ giã cõi đời năm 2015 ở Paris để về miền miền viễn.

HOÀI TỐ

*Ta ước cùng nhau đến bạc đầu
 Uyên ương liền cánh tựa bên nhau
 Làm đôi bướm trắng trao duyên mãi
 Ai có ngờ đâu vạn cổ sầu.
 Tố Uyên em ơi đã hết rồi
 Những đêm trăng đôi mái đầu soi
 Đôi ta kẻ sát bên hiên vắng
 Thỏ thẻ yêu nhau chẳng tiếc lời.
 Những buổi bình minh rục ánh hồng
 Cỏ cây còn đọng giọt swong trong
 Ngát hoa em cắm lên vành tóc
 Anh mỉm cười khen đẹp lạ lùng.
 Những buổi trưa hè bóng ngả nghiêng
 Bên em anh kể chuyện hàn huyên
 Lá vàng rơi tả rơi trên tóc
 Em bảo tình ta lá cũng ghen.
 Những buổi hoàng hôn xuống bến sông
 Bên anh em dạo tiếng tơ đồng
 Chim chiều riu rít trong hoa lá
 Anh bảo chim kia cũng thấu lòng.
 Tình ta tưởng đẹp trọn ngày xanh
 Chị nguyệt than ôi đối chùng mình
 Nát ngọc châu chìm hoa vẫn số
 Cho ngày xuân thắm lối duyên lành.
 Định mạng em ơi quá đờn đau
 Giờ đây lòng trĩu mối u sầu
 Thời gian không xóa mờ kỷ niệm
 Hận tình dang đẳng dễ nguôi đâu.
 (Văn Bá)*

Paris tháng 7 2016.

Đỗ Bình

Tại sao chưa thể chấm dứt tình trạng nghèo khổ tại Hoa Kỳ

NGUYỄN QUỐC KHẢI

16-09-2016

Hoa Kỳ là một trong những nước giàu nhất thế giới với lợi tức hàng năm đầu người vào 2014 là \$55,800, sau Luxembourg, Singapore, Norway, Australia, Switzerland, Hong Kong, và một số các nước xuất cảng dầu hỏa. Tuy nhiên người ta vẫn thấy tình trạng nghèo khổ xuất hiện một cách công khai tại Hoa Kỳ như để thách thức những nhà làm chính sách và xã hội.



Một người vô gia cư nằm ngủ tại trạm xe điện ngầm gần Nhà Trắng, Washington-DC.

Vào năm 2014, có khoảng 47 triệu người sống trong hoàn cảnh nghèo khổ trong nước Mỹ, chiếm 15% tổng số dân

Hoa Kỳ. Theo định nghĩa của chánh phủ liên bang, một gia đình bốn người

có lợi tức hàng năm từ \$24,000 trở xuống là ở trong tình trạng nghèo và mức nghèo cho một cá nhân là \$12,000, hai người là \$15,000, và ba người là \$19,000. Ở Hoa Kỳ có khoảng 21 triệu người, tức 7% dân số, sống trong tình trạng cực kỳ nghèo khổ với lợi tức hàng năm chỉ bằng một nửa mức nghèo theo định nghĩa của chánh phủ liên bang.

Phân tích kỹ hơn, người ta thấy sự nghèo khổ tác hại không đồng đều trên toàn thể 47 triệu người này. Cũng vào năm 2014, tỉ lệ nghèo của đàn ông là 13% so với 16% của đàn bà. Tỉ lệ nghèo của gia đình với cả vợ lẫn chồng chỉ là 6% trong khi đó tỉ lệ này tăng lên đến 16% đối với gia đình chỉ có chồng và 36% đối với gia đình chỉ có vợ. Thật là đáng sợ.

Thông thường người ta tưởng rằng sự nghèo khổ là một hiện tượng của thành thị nhưng thực tế khác hẳn. Mức nghèo ở nông thôn là 17% so với thành thị là 15%. Khu vực nông thôn nghèo tập trung ở miền Nam, đặc biệt là vùng Đông Nam, bao gồm Mississippi Delta, Central Appalachia, vùng thuộc thổ dân da đỏ, và vùng Colonias dọc theo biên giới Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ. Hai lý do căn bản khiến tình trạng nghèo của vùng nông thôn nói chung nghiêm trọng

hơn thành thị: (1) Vùng nông thôn ít công việc đòi hỏi kỹ năng và trả lương cao; (2) Trình độ học vấn thấp.

Mức nghèo của các sắc dân cũng khác nhau. Cũng theo thống kê của US Census Bureau, vào năm 2014 tỉ lệ nghèo của dân da đen là 26%, so với dân gốc người Tây Ban Nha (Hispanics) là 24%, Á châu 12% và da trắng là 10%. Tuy tỉ lệ người da trắng thấp nhất, nhưng số người da trắng nghèo cao nhất (25.7 triệu) so với người da đen (10.7 triệu) vì người da trắng chiếm 80% của dân số Hoa Kỳ 321.4 triệu so với 12.8% của người da đen.

Bộ Canh Nông Hoa Kỳ ước tính rằng vào năm 2014 có khoảng 17 triệu gia đình (14%) đôi lúc trong năm thiếu thốn thực phẩm. Khoảng 61% những gia đình thiếu thực phẩm đã tham gia vào một hay hơn trong ba chương trình trợ giúp thực phẩm và dinh dưỡng lớn nhất của chánh phủ như Supplemental Nutrition Assistance Program (SNAP) thông thường gọi là Food Stamp. Hai chương trình còn lại là Unemployment Insurance Benefits (Bảo Hiểm Thất Nghiệp) và Earned-Income Tax Credit (Trừ thuế vì có con nhỏ). Ngoài ra còn có chương trình Social Security (An Sinh Xã Hội) và minimum wage (lương tối thiểu).

Tất cả những chương trình chống nghèo khổ này đã giúp cho 40 triệu người thoát khỏi cảnh nghèo khổ. Theo Center on Budget and Policy Priorities,

nếu không có những biện pháp trên, số người nghèo đã tăng gấp đôi. Nhưng tình trạng nghèo khổ chưa chấm dứt ở Hoa Kỳ như nhiều người mong ước. Để bi thảm hóa tình trạng này Tổng Thống Ronald Reagan từng tuyên bố “We fought a war on poverty and poverty won” (Chúng ta chiến đấu chống lại nghèo khổ và nghèo khổ đã thắng).

Thật vậy, trong tài khóa 2016, chánh phủ liên bang, tiểu bang, và địa phương đã chi tiêu tổng cộng khoảng \$1,057.4 tỉ vào các chương trình an sinh



Một phụ nữ da trắng: "Xin giúp bất cứ cái gì".

xã hội bao gồm Medicaid với \$577.2 tỉ và các chương trình khác với \$480.2 tỉ. Nói một cách khác, Hoa Kỳ đã tiêu khoảng \$22,500 mỗi năm cho mỗi người nghèo hay \$90,000 cho một gia đình bốn người nhưng tình trạng nghèo ở Hoa Kỳ không cải tiến đáng kể.

Khi điều nghiên về những người nghèo ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tôi nhận thấy không ai gầy gò ốm yếu. Họ ăn mặc khá tươm tất và mập mập. Những hình ảnh đính kèm trong bài này và nhiều hình khác tôi chụp được cho thấy

rõ như vậy. Thông thường chúng ta hiểu từ nghèo có nghĩa là túng thiếu, cực khổ, không có khả năng cung cấp cho gia đình thực phẩm, quần áo, và nơi trú ngụ. Nhưng chỉ có một số nhỏ trong 47 triệu người được xếp vào loại nghèo bởi Census Bureau đáp ứng những tiêu chuẩn này. Theo tài liệu điều trần trước Ủy Ban Kinh Tế Thượng Viện Hoa Kỳ của Nghiên Cứu Gia Robert Rector thuộc Heritage Foundation, một người Mỹ tiêu biểu nghèo theo định nghĩa của chính phủ có xe hơi, tủ lạnh, máy giặt, máy xấy, TV, DVD player, và được chăm sóc sức khỏe. Do đó, mức độ nghèo khổ không trầm trọng như ở các quốc gia khác.



Một người vô gia cư tại Columbus Circle, Washington-DC.

Một trong những nguyên nhân khiến tình trạng nghèo tiếp tục tồn tại trong vài thập niên vừa qua là sự thoái hóa của nền công nghiệp tại Hoa Kỳ vào các

thập niên 1980 khiến cho sự nghèo khổ thâm nhập vào miền Trung Tây (Midwest) và Đông Bắc (Northeast). Tình trạng kinh tế trì trệ vào các năm 2007-09 ảnh hưởng lớn vào tình trạng nghèo khổ. Một lý do khác là sự gia tăng dân số nhanh chóng của người gốc Tây Ban Nha (Hispanic) trong hai thập niên 1990 và 2000, đặc biệt ở California, Nevada, Arizona, Colorado, North Carolina, và Georgia.

Cũng theo Ô. Robert Rector, hàng chục triệu học sinh học dở dang đã nhập cư vào Hoa Kỳ trong những thập niên vừa qua một cách hợp pháp và bất hợp pháp. Khoảng 1/3 tất cả số người di dân trưởng thành ở Hoa Kỳ không có bằng trung học. Nói chung tỉ lệ nghèo của khối người di dân khá cao so với khối người còn lại. Một trong tám trẻ em nghèo ở Mỹ thuộc gia đình di dân bất hợp pháp và 1/4 của tổng số người nghèo ở Mỹ thuộc gia đình di dân. Khoảng 38% trẻ em Hoa Kỳ là những đứa trẻ ngoại hôn và sanh ra từ bà mẹ trẻ ít học. Đây là nguyên nhân làm cho chúng trở thành những đứa trẻ nghèo.

Do đó, Ô. Rector đề nghị rằng Hoa Kỳ cần phải duyệt lại chánh sách di dân, giám bớt nạn nhập cư bất hợp pháp, thi hành triệt để luật cấm thuê nhân công bất hợp pháp và tìm biện pháp phát triển gia đình và ngăn chặn tình trạng ngoại hôn.

Có năm trở ngại khiến Hoa Kỳ chưa thể chấm dứt được tình trạng nghèo khổ: (1) Một số khá đông dân Hoa Kỳ kiếm sống bằng những nghề lương thấp; (2) Ngày càng nhiều gia đình chỉ có một



Thanh niên thất nghiệp chờ người tới mượn làm theo giờ, phần lớn là việc chân tay.

cha hoặc mẹ. Do đó rất khó kiếm được việc làm tốt vừa chăm sóc gia đình; (3) Chương trình trợ cấp tiền mặt cho mẹ và con với lợi tức thấp gần chấm dứt (Temporary Assistance for Needy Families – TANF) ; (4) vấn đề sắc tộc và giới tính; và (5) Sức khỏe tâm thần xáo trộn khiến bệnh nhân khó có thể tìm được việc làm.

The National Coalition for the Homeless ước tính rằng hàng năm có khoảng 700 người sống ngoài đường chết vì giá lạnh. Những nhân viên xã hội tiếp xúc và khuyến khích họ vào các nhà trú nhưng nhiều người từ chối vì nhiều lý do như thiếu giường ngủ; luật lệ không thích hợp với người tàn tật, thiếu kiểm soát; thiếu riêng tư, sợ đám đông, sợ mất cắp, thành kiến về bệnh tâm thần, nghiện ma túy, không có tiền nghi cho người tàn tật, sợ lây bệnh, thu

tục phức tạp, bị từ chối vì bệnh tâm thần, kỳ thị đồng tính luyến ái, giờ giấc của nhà trú không thích hợp.

Phần lớn lợi tức của mọi cá nhân và gia đình thu nhận được từ việc làm. Phương cách đầu tiên để chống nghèo đói là tạo việc làm trả lương khá. Điều này đòi hỏi đầu tư đáng kể vào giáo dục và sách lược phát triển kỹ năng và kinh tế. Ưu tiên của chánh sách quốc gia còn có an ninh, quốc phòng, và ngoại thương. Trong khi đó quốc gia phải đương đầu với tài nguyên hạn chế và quyền lợi mâu thuẫn giữa ba nhóm lợi tức: thượng lưu (30 % trên cùng), trung lưu (40% ở giữa) và nghèo (30% thấp nhất). Nạn thất nghiệp là một nguyên nhân của nghèo đói, nhưng không một nước nào trên thế giới có thể xóa bỏ hoàn toàn nạn thất nghiệp. Trong khoảng thời gian từ 1950 đến 2016, tỉ lệ thất nghiệp thấp nhất ở Hoa Kỳ là 2.5% vào tháng 5/1953 và cao nhất là 10.8% vào tháng 11/1982 và gần đây hơn 9.9% vào 3/2010. Trong nền kinh tế thị trường luôn luôn có một số người



Một nhạc sĩ vỉa hè kiếm thêm tiền lẻ.

không đi làm vì đang ở trong tình trạng thay đổi công việc, chuyển ngành hay không chấp nhận mức lương bổng chủ nhân đề nghị.

Hiện nay chưa có biện pháp nhiệm mầu nào có chấm dứt tình trạng nghèo khổ ở Hoa Kỳ. Nhiều đề nghị đôi khi mâu thuẫn và tạo ra tranh cãi giữa hai phái bảo thủ và cấp tiến như tăng mức lương tối thiểu, cấp tiền mặt cho người nghèo, nghỉ làm vì gia đình vẫn được trả lương, và cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em. Mặc dù xã hội tạo cơ hội tương đối đồng đều cho mọi người tiến thân, có những người không có phương tiện hay đủ khả năng bắt được những cơ hội này. Họ sẽ phải nhờ vả vào xã hội lâu dài.

Tài liệu tham khảo:

1. William J. Bennett, Reduce Poverty by Promoting Schools, Families,” CNN January 17, 2013.

2. Peter Edelman, “Poverty in America: Why Can’t We End It?” The New York Time, July 28, 2012.

3. Tracy Farrigan, “Geography of Poverty,” Economic Research Service, USDA, December 17, 2015.

4. Evan Horowitz, “A Proven Way to Reduce Poverty? Give Poor People Money,” Boston Globe, October 29, 2015.

5. Robert Rector, “Understanding and Reducing Poverty in America,” The Heritage Foundation, September 25, 2016.

6. Paul Solman, “Will We Ever Get to ‘Full Employment’?” PBS, April 25, 2013.

7. Sam Webb, “Is Full Employment Possible Under Capitalism?” People’s World, February 27, 2013.

8. Poverty USA, Poverty Facts: The Population of Poverty USA,” an Initiative of the Catholic Campaign for Human Development, undated.



Statue of Liberty - Hình của Nguyễn Quốc Khải

Dấu Yêu Xưa

TIỂU THU

Những cú phen liên hồi kỳ trận cuối cùng cũng đem đến kết quả mỹ mãn. Chúng tôi, những đứa bạn thời Trung học đệ nhất cấp trường Bà Sơ ở cái tỉnh lỵ nhỏ bé nhưng muôn vàn đáng yêu, tí tặn cao nguyên Trung phần. Tình lý của chúng tôi hiền hòa, sạch sẽ với cát trắng và giòng sông Dakbla thơ mộng. Mùa hè có hàng phượng vĩ trở hoa đẹp rực rỡ soi bóng nước lung linh, đẹp như tranh vẽ. Chúng tôi sẽ họp mặt tại thành phố cờ bạc lừng danh Las Vegas và sẽ chiêm ngưỡng màn bắn pháo bông tuyệt đẹp của ngày July 4. Nghe Bạch Liên phát họa chương trình năm ngày ở đây rất hấp dẫn.

Vợ chồng Xuân Lan đến từ kinh đô ánh sáng Paris. Vợ chồng Băng- Thu và anh chị Cần - Hà đến từ San Diago. Vợ chồng Sơn- Liên ở Nam Cali, Kim Mi từ San Jose và tôi từ thành phố Mộng Lệ An của xứ tuyết lạnh Canada đất lạnh tình nồng. Riêng vợ chồng Yên-- Dũng cùng năm đứa con thì đã trụ tại Las Vegas hơn ba mươi năm có lẽ.

Lần đầu đi Mỹ một mình tôi rất lo lắng. Chỉ sợ đi lạc thì nguy to. Vì vốn liếng tiếng Mỹ của tôi thuộc loại English For Today! May quá có vé đi thẳng từ

phi trường E. Trudeau đến Las Vegas mà không cần phải đổi máy bay ở thành phố nào cả. Ông xã tôi luôn miệng trấn an và chờ cho bà vợ thỏ đế đi qua khỏi quan thuế, vẫy tay làm hiệu mới an lòng ra về. Trong khi chờ đợi lên máy bay, hai mắt tôi cứ chực sụp xuống. Vì cố ý chọn chuyến đi sớm nhất, sang Las Vegas sẽ còn nhiều thì giờ chơi với bạn, nên tôi phải có mặt ở phi trường lúc năm giờ sáng, tuy bảy giờ rưỡi máy bay mới cất cánh. Mà cố tật của tôi là thức trắng đêm khi phải lên phi trường sớm như thế. Tưởng mình đến sớm, có ngờ đâu thiên hạ đã xếp hàng rồng rắn để qua máy kiểm soát hành lý và quan thuế Mỹ. Đây là điểm rất đặc biệt. Quan thuế Mỹ làm việc ngay tại phi trường Canada. Qua tới phi trường Mỹ, chúng tôi chỉ việc lấy hành lý và đi thẳng ra ngoài rất nhanh chóng.

Đi vồn vện có năm ngày nên tôi chỉ đem một valy nhỏ và một túi xách tay. Yên- Dũng dặn Las Vegas mùa này nóng lắm, chỉ cần đem quần áo mỏng và một áo khoác. Ban đêm có thể hơi lạnh. Nhưng qua đó rồi mới thấy, cái hơi lạnh của L.V cũng chưa đủ mát cho người xứ lạnh như tôi và Xuân Lan. Trong valy và túi xách, tôi cố nhét nhiều nhất có thể nên cái nào cũng...nặng chình chịch. May quá, vì không gửi hành lý nơi quây nên chẳng ai cân đo đong đếm hành lý của tôi. Nhưng trước khi lên máy bay, cô nhân viên khuyên mọi người nên gửi valy cho họ thay vì tự mình kéo lên máy bay. Thôi cũng được, vì với chiều cao

khiêm tốn của tôi, đưa cái valy nặng chình chịch này lên khoang chứa hành lý trên đầu là cả một vấn đề chứ không phải chơi!

Phi cơ cất cánh rồi tôi chỉ muốn nhắm mắt đánh một giấc cho đã đời, nhưng cái bụng réo đói khiến tôi nhớ lại là từ sáng sớm tôi chỉ mới uống 1 ly cà phê để có thể tiếp tục mở mắt. Trước đây quan thuế Mỹ cấm ngặt không cho đem thức ăn qua khỏi trạm kiểm soát. Có một chị bạn đã phải vứt ổ bánh mì thịt vào thùng rác (hoặc phải ăn cho hết trước khi qua trạm, hoặc trả tiền phạt 500USD). Nhưng mới đây, một bà bạn đi đi về về Mỹ- Canada thường xuyên bảo cứ việc đem theo. Lúc này dễ lắm. Thế là ổ bánh mì gà rô ti thơm phứt đã lẳng lẳng theo tôi lên máy bay ngon ơ. Sau khi thanh toán ổ bánh mì và 1 ly nước lọc, tôi ngheo đầu ngủ một giấc say sưa đến khi phi cơ gần đáp xuống mới bừng mắt dậy.

Phi trường Las Vegas tương đối nhỏ, cách nhà vợ chồng Yên- Dũng khoảng 15 phút lái xe. Theo dòng người đi ra chỗ lấy hành lý, rồi theo hướng exit đi ra ngoài. Thì ra đây là trạm taxi. Tôi yên chí là bạn mình sẽ chờ ở cửa. Đâu biết rằng trừ Montreal, tất cả hành khách đến từ mọi nơi đều phải qua thủ tục quan thuế Mỹ. Mà cơ quan này nằm ở trên lầu. Các bạn tôi ngóng đến 45 phút vẫn không thấy bóng dáng tôi đâu cả thì cũng quỳnh lên. Trong khi đó ở tầng dưới, tôi kéo va ly chạy ra, chạy vào như gà mắc đẻ, mặt mày tái mét vì

sợ: tôi không có cell phone!!!! Thời may có một ông nhân viên phi trường đang ngồi nghỉ break, tôi chạy lại nhờ ông phone dùm cho Liên. Có ngờ đâu nhỏ này ở nhà chứ không ra phi trường đón tôi như đã định trước. Nàng thấy số cell phone hiện lên lại tưởng là phone của tôi nên gọi ra phi trường báo tin cho vợ chồng Yên- Dũng, cùng Kim Mi đang kiếm tôi như điên ngoài đó. Họ gọi lại số phone của ông Mỹ (cứ định ninh là của tôi), không thấy trả lời, họ để lại message liên tiếp...Tội nghiệp ông Mỹ tốt bụng, có nghe cũng chả hiểu mô tê gì cả và chắc như đinh đóng cột là ông có xô nhỏ chùm!

Cuối cùng thì Kim Mi và Yên-Dũng cũng "bắt" được tôi ở cửa đi ra bãi taxi. Khi biết tôi không có cell phone, hai nàng trợn tròn mắt "trời đất ơi, sao bà gan quá vậy. Dám đi một mình mà không có cell phone"! Tôi cũng đành cười trừ, giải thích "tớ có cellphone đó chớ. Nhưng là model thời còn mỗ ma Tổng Thống ...Kennedy. Tớ chỉ mở khi cần gọi và sau đó thì tắt. Mà sang đây không dùng được." hihhi. Sự thật thì trước khi đi, ông xã có đem ra quầy điện thoại hỏi cách thức dùng bên Mỹ, thì một tên nhân viên cà chớn đã nói chắc mồm: "Ông cứ việc đem qua Mỹ. Gọi thoại mái y chang như ở Canada". Lúc vừa xuống phi cơ, tôi mở điện thoại thì hỡi ơi không gọi được! Đúng là đồ cà chua. Trở về Montréal tôi phải ra đó mắng mỏ cho hấn một trận mới được. Dĩ nhiên là trước những cái Iphone6 và

6+ quá sức hiện đại của các bà bạn, tôi đâu dám "số" cái cell phone cổ lỗ sĩ của mình ra! Đành phải xin gọi ké! Ba ngày đầu chúng tôi ở khách sạn Harrods. Bốn cặp nên lấy hai phòng có 2 giường đôi và cửa thông qua. Nhờ anh chị Băng-Thu là VIP của sòng bài nên được ở khách sạn free và ăn buffet free, xem show free luôn. Quá vui!

Về tới khách sạn, check in xong chúng tôi kéo nhau đi ăn trưa. Buffet ở tầng trệt. Chao ơi, khắp nơi là máy đánh bạc. Hàng hàng lớp lớp. Đèn màu xanh đỏ tím vàng chớp lia lịa. Một cô mán rùng xướng đồng bằng lần đầu như tôi cảm thấy choáng váng mặt mày luôn! Thức ăn ê hề, nhưng tôi mê cua tuyệt nên đã tận tình thưởng thức tới mấy đĩa. Gần 10 năm mới gặp lại anh chị Cấn-Hà nên chúng tôi có rất nhiều chuyện kể cho nhau nghe. Nhất là chúng tôi mới khám phá ra chị Hà và tôi có bà con. Tôi đùa "Cùng là dân Cao Lãnh mà không có họ hàng mới là lạ nha!". Tha hương ngộ "bà con" cảm động lắm quý vị ơi. Cho nên mặc dù mới biết chị lần đầu, chúng tôi đã cảm thấy thân thương nhau vô cùng. Chưa chi đã có màn hẹn hò gặp nhau ở San Diego. Nghe Liên kể vườn hoa nhà anh chị Cấn- Hà đẹp lộng lẫy. Có cả hồ cá và cây cầu nho nhỏ bắc ngang thơ mộng lắm. Gì chứ hoa lá cành là món ruột của tôi. Suốt mùa hè tôi hầu như sống ngoài vườn. Bò lê bò càng, tay lấm chân bùn chăm sóc hoa cỏ và vườn rau nho nhỏ. Mặt mày, tay chân đen thui như dân Haitien. Tôi tin

rằng hoa trong vườn tôi rất hạnh phúc. Vì hết mùa đông, hạt rụng xuống từ mùa thu năm trước cứ thế mà nảy mầm. Thành cây rồi trở hoa bất cứ chỗ nào chúng thích. Không theo một quy tắc nào cả. Cho nên vườn hoa nhà tôi đầy màu sắc xanh đỏ tím vàng chen lẫn, lẫn lộn nhau một cách rất ư là ...tự do! Giống như một bức tranh của trường phái lập thể!

Ăn uống xong chúng tôi kéo hết lên phòng. Phe phụ nữ túm lại một chỗ để trao đổi quà. Thôi thì đủ thứ: son phấn, quần áo, nữ trang fancy...Tôi mắc trông cháu nên không đủ thì giờ đi lựa quà. Nhờ bà bạn đi mua dùm một lô son môi. Có một cây màu đỏ bordeaux ngả sang tím. Liên nước da ngăm ngăm nên chọn màu này. Kim Mi cười cười:"tao biết mày thích màu nho lăm mà". Mọi người cười phá lên. Liên ngơ ngác chả hiểu gì. Tôi ghé tai nói nhỏ: "Mày nói lái đi. Màu nho là mò... đó". Liên la lên "đồ con quý!" rồi cũng cười ngật ngèo. Liên mang cho tôi một bịch sen Huế. Loại thượng hạng bảo đảm nấu chè bùi số dách. Kim Mi tặng lại tôi một cây son. Đúng là chí ...mến gặp nhau.

Sau màn quà cáp, cả đám rủ nhau xuống kéo máy. Giờ này trời nắng đổ lửa nên chả ai đi ra ngoài. Tôi nói tụi bây xuống chơi đi, tao ngủ 1 chút. Suốt đêm qua thức, lên máy bay ngủ chòn nên hơi mệt. Mấy cái miệng la lên "trời ơi, tới đây mà ngủ hả? xuống kéo máy độ hai tiếng, vợ chồng Yên Dũng tới là tụi mình kéo đi ăn cơm tàu. Tiệm

ngon nhất Las Vegas đó". Nhưng tôi lắc đầu quầy quậy "Hồi giờ tao hông biết chơi đánh bài". Nhỏ Liên cố thuyết phục: " Kéo máy dễ lắm, mà vui nữa. Xuống dưới tao dạy cho". Nhưng tôi đã chui vào mền nhắm tịt mắt lại. Cứ như thế. Suốt mấy hôm ở Las Vegas, đám bạn đi kéo máy là tôi lại kéo...gỗ. Nhỏ Liên nói "Thiệt, tao phục mày sát đất. Tới vương quốc cờ bạc mà nhất định không thử thời vận!". Tôi cười " Có tụi bây đóng tiền điện, tiền bóng đèn đủ rồi, đâu cần tới tao đóng thêm nữa!". Mà thật vậy, tới ngày chia tay tổng kết lại, người thua vài chục, kẻ vài trăm đô. Nếu ngược lại chắc mấy cái casino này đã dẹp tiệm từ lâu. Mấy ai làm giàu nhờ cờ bạc, trừ phi là cờ gian bạc lận!

Đúng 6g, chúng tôi xuống lobby chờ vợ chồng Yên-Dũng tới đón đi ăn tối. Đây là một tiệm người Hoa, nằm trong khu phố Tàu. Sạch và đẹp. Sở làm của Dũng cách đây độ 5 phút lái xe nên anh chàng là khách ruột của nhà hàng này. Chúng tôi được ông chủ đón tiếp thật niềm nở. Đang là mùa tôm hùm, mua một tặng một nên tha hồ ăn. Chúng tôi bầu Kim Mi làm thủ quỹ. Cô nàng thanh toán mọi thứ trước, ngày cuối tổng cộng rồi chia đều. Như vậy không ai phiền ai. Vui vẻ cả làng. Trong khi ăn, phái nữ chúng tôi bắt đầu nhắc lại những kỷ niệm xưa. Ôi, những ngày xưa thân ái. Trừ tôi chỉ có 4 năm trung học Đệ nhất cấp chung, những nàng kia quen nhau từ hồi còn đê chỏm. Biết nhau tới đời ông nội, ông ngoại...chưa

kể còn là hàng xóm láng giềng. Nhà Kim Mi xéo cửa nhà nhỏ Liên, nhà Yên sát hàng rào nhà tôi vv...và vv...nên kỷ niệm dài dằng dặc, kể hoài không hết. Những kỷ niệm từ năm đê thất tới năm đê tứ tuôn trào như suối. Nhiều chuyện mang lại tiếng cười dòn dã, nhưng cũng không thiếu chuyện khiến chúng tôi không nén được tiếng thở dài. Mỗi đứa là một mảnh đời khác biệt. Không ai giống ai. Chúng tôi nhắc đến từng đứa trong lớp mà ngậm ngùi. Thoắt một cái mà đứa nào cũng đầu hai thứ tóc. Tuổi đời xấp xỉ bảy mươi! Nhưng hề gì. Tuổi tác chỉ là một con số. Cười được cứ cười. Liên là một đứa can đảm đáng nể. Trong người cô nàng có đủ thứ bệnh. Nó kể : "ông Sơn nói chỉ trừ bệnh Sida là tao chưa có thôi. Chứ bệnh gì tao cũng có". Thế mà mặt mày nó lúc nào cũng tươi rói, miệng cười toe toét, khoe hai cái "đồng xu" bên khóe miệng. Hồi trẻ nó rất xinh, bây giờ cũng còn rất mặn mà và vẫn... điệu roi điệu rụng! Cứ thấy mỹ phẩm là hai con mắt cô nàng sáng lên như đèn pha.

Vợ chồng Liên có 2 trai 2 gái. Đứa nào cũng đẹp. Nhất là con bé út, giống Liên hồi nhỏ như đúc. Khuôn mặt trái soan, cặp mắt to với hàng lông mi cong vút. Nụ cười tươi rói khoe hai hàm răng đều như hạt bắp. Nó là kết quả của thời "hậu học tập" của ông Sơn. Tụi tôi trêu "bao nhiêu tinh túy ông dồn vào cú chót nên nó mới hoàn hảo như thế!". Mấy đứa con của Sơn- Liên đều có công ăn việc làm tốt, nên khi nghe ông bà già đi

Las Vegas cậu cả đã vội cầm tiền đến tặng "ông bà" đi kéo máy cho vui!

Chuyện chồng con nó cũng khá ly kỳ. Số là Sơn gặp Liên ở nhà 1 đứa bạn cùng lớp. Bạn ông Sơn là người yêu của nhỏ này. Mấy người họ đang ngồi đầu lảo râm ran thì nhỏ Liên tình cờ đi vào. Mới gặp nàng mà Sơn đã buông lời tán tỉnh có phần lả lơi, bị nhỏ Liên mắng cho một trận. Nhưng chính vì vậy mà anh chàng thiếu úy Chiến tranh Chính trị bị coup de foudre. Anh ta hỏi địa chỉ nhà nhỏ Liên và từ đó bám riết cho đến khi nhỏ chịu...gật đầu. Sinh quán Đà Lạt nên Sơn nói tiếng ... Đà Lạt. Cho đến khi theo Sơn ra phi trường đón bà mẹ chồng tương lai lên làm lễ hỏi, nhỏ Liên mới tá hỏa khi thấy một bà Bắc Kỳ chính hiệu răng đen, tóc vấn khăn nhưng từ trên phi cơ bước xuống! Nhưng rồi đầu cũng vào đây. Con nhỏ khôn khéo, lanh lợi nên được nhà chồng rất quý. Khi xưa đi học, tụi tôi một nhóm bốn, năm đứa luôn luôn đứng đầu lớp, nhưng phá phách đến nỗi các soeur cũng chịu thua! Sau 75, với cái mác Đại úy Chiến Tranh Chính trị, ông Sơn đi tù 7 năm. Tội nhất là khi bị đưa đi cải tạo, bạn tôi vừa mới sinh đứa con thứ ba được hai tháng. Ban đầu những người ra trình diện bị đưa tới giam sát biên giới Lào, Liên phải cùng một nhóm các bà lần mò đi bộ từ thị xã lên tới trại giam để thăm và tiếp tế cho chồng. Họ phải đi từng đoàn vì lúc đó rừng còn nhiều cọp beo. Đi lẻ tẻ bị cọp vồ như chơi! Vài tháng sau Sơn bị đưa đi Tiên Lãng và ở đó suốt 7 năm dài.

Phản Kim Mi sang Mỹ năm 75 một nách bốn con còn bé tí. Mi là đứa lên xe hoa sớm nhất trong đám bạn cùng trang lứa. Mới năm đệ lục, đệ ngũ tụi tôi còn ngu ngơ khờ khạo, nàng đã biết chung diện với mái tóc đánh rối, áo chít eo, đi guốc cao gót...Kết quả là một anh Thiếu úy Biệt Động Quân đã vội vàng rước nàng địa dinh từ năm Đệ Tứ! Do đó con của Mi lớn tuổi hơn con của bạn bè đồng trang lứa. Năm 74, ông xã Kim Mi đóng lon Trung tá từ trận để lại vợ và bốn đứa con còn quá nhỏ. Mi may mắn qua được xứ Cờ Hoa. Những năm đầu nơi xứ lạ quê người Kim Mi rất vất vả, vừa đi học vừa đi làm để nuôi bốn đứa con thơ dại. Nhưng Mi là một người đàn bà có đầu óc bén nhạy trong lãnh vực kinh doanh, nên sau này nàng ta làm chủ một hãng Địa ốc có tiếng ở San Jose và các con cũng đều thành tài. Mỗi năm vào ngày July 4 là cậu con trai nhà sĩ lại mua vé, book hotel ở Las Vegas cho mẹ đi giải trí. Tuy công danh, sự nghiệp thành công rực rỡ nhưng đường tình duyên có phần lận đận. Ngoài người chồng tử trận ở Việt Nam, sang Mỹ một thời gian Kim Mi tái giá với một anh cựu sĩ quan QLVNCH. Anh Thúc cao lớn, đẹp trai lại trí thức. Hai người yêu nhau say đắm. Hạnh phúc tưởng bền vững đến cuối đời, ngờ đâu bệnh ung thư đã mang anh đi quá sớm. Cho tới giờ Kim Mi vẫn ở vậy vì chưa tìm ra một người giống như anh Thúc! Tụi tôi đứa nào cũng cầu mong cho Mi sớm tìm được

người trong mộng để cùng nhau chia xẻ nốt những ngày còn lại. Cuộc đời vốn ngắn ngủi Kim Mi ơi!

Ở Hotel được hai hôm, vì anh chị Băng-Thu và Can-Hà phải về Santa Ana ăn cưới, tụi tôi lóc cóc thu dọn hành lý ra đóng đô nhà cặp Yên- Dũng. Căn nhà hai tầng rộng mênh mông với năm phòng ngủ, tọa lạc trong khu riêng biệt rất sang trọng. Chỉ cách khu sòng bạc mười lăm phút lái xe. Lần đầu ngủ một mình một phòng, tôi sợ ma phải để đèn sáng đêm mới dám nhắm mắt. Dĩ nhiên quê quá không tiết lộ cho ai biết cả. Hihi.

Một điều thật bất ngờ là tôi gặp một sự ngạc nhiên rất thú vị tại đây. Yên người Huế, Dũng người Bắc, nhưng cô con dâu út lại là người Nam, miệt Lai Vung. Gặp tôi, con nhỏ mừng lắm vì cùng là dân Đồng Tháp- Cao Lãnh... Lai Vung nổi tiếng từ xưa với món nem chua và quýt đường. Những vườn quýt rộng mênh mông trĩu nặng những quả quít chín vàng, da bóng lưỡng và dĩ nhiên là ngọt như đường. Chiều hôm đó chúng tôi được thưởng thức món dưa leo chấm mắm kho quẹt với sả ớt và thịt ba rọi. Ngon quá chừng. Mấy ngày qua ăn toàn cao lương mỹ vị đến phát ngán.

Cuộc tình của Yên-Dũng đáng viết thành tiểu thuyết. Một cuộc tình đẹp như mơ. Ngày xưa, gia đình Yên là hàng xóm của gia đình tôi. Hai nhà cách nhau một hàng giậu. Nhưng không phải giậu mông toi mà là giậu chè tươi. Miền Trung nhiều nhà trồng chè tươi để nấu nước uống. Tất cả anh em nhà này

đều xinh đẹp. Da trắng như tuyết, môi đỏ như son. Anh cả của Yên bằng tuổi tôi. Chỉ mới năm Đệ thất mà anh chàng đã biết ngày ngày núp sau cửa sổ nhìn lên con bé hàng xóm, là tôi, đi học về mà tôi nào có biết. Yên phone cho ông anh để nói chuyện với tôi cho vui. Thăm hỏi sức khỏe nhau xong, ông ấy cười khê "nhớ lại hồi đó ngày nào tui cũng núp sau cửa sổ nhìn lên ..." khiến tôi vừa ngạc nhiên vừa...cảm động. Ít ra mình cũng từng là mối tình... cảm đầu tiên của một đảng nhi đồng! Tôi cũng cười "Trời ơi, lúc đó tui mới 12, 13 tuổi thôi nha ông." Năm sau gia đình tôi dọn ra chợ mới. Thế là cuộc tình...nhỉ chưa chớm đã tàn! Bây giờ đầu hai thứ tóc, nhắc lại kỷ niệm xưa sao mà bùi ngùi chi lạ! Anh của Yên là phi công, sau 75 đi học tập cải tạo, trốn trại bị bắt lại rồi bị tụi VC dùng báng súng đánh ngang thắt lưng, nên mấy năm nay anh ấy phải ngồi xe lăn vì đau đớn không đi đứng được. Vợ của anh cũng cùng xứ Cao Lãnh với tôi.

Nhìn cách xưng hô của vợ chồng Dũng-Yên mà ...thèm! Những tiếng "mình ơi...mình à" họ gọi nhau ngọt sớt khiến tôi không khỏi nhớ tới ba má mình ngày xưa. Ông bà cũng xưng hô với nhau như vậy. Tiếng "mình" sao mà đáng yêu hết sức. Tuy tuổi đời ngoài sáu mươi mà Yên vẫn giữ được dáng vẻ thon thả của thời con gái. Giọng nói nhẹ nhàng, đảm thắm của Yên khiến chàng Dũng, hơn ba mươi năm sau ngày cưới, vẫn yêu nàng mê mết. Đúng

ra, đây là cuộc hôn nhân thứ nhì của Yên, nhưng là lần đầu của Dũng.

Sau 75, vợ chồng Yên bỗng bé năm đưa con vượt biên, được ông anh ruột bảo lãnh qua Mỹ và từ đó định cư luôn ở tiểu bang Nevada. Không may chỉ một thời gian sau ông xã Yên lâm trọng bệnh qua đời. Nỗi mất mát thật kinh hoàng đối với người vợ trẻ, một nách năm con như Yên. Vợ chồng mới sang Mỹ nên còn nghèo lắm. Nhưng vị cứu tinh mang tên Dũng đã từ Paris bay về sang khi hay tin ông xã Yên qua đời. Lúc đầu chỉ định sang thăm, an ủi Yên mà thôi. Nhưng sau đó người hùng bèn quyết định ở lại luôn và bắt chấp sự phản đối của gia đình bên Pháp, Dũng đã làm đám cưới với Yên một thời gian sau đó và nhận con của nàng làm con của mình. Yên thấy Dũng yêu thương đám con mình thật lòng nên cũng yên tâm lên xe hoa lần nữa. Suốt hơn ba mươi năm qua, Dũng đã chăm sóc, nuôi dưỡng các con của Yên y như con ruột của mình và sự đền đáp thật xứng đáng. Năm đưa con và các cháu nội ngoại của Yên đều yêu quý Dũng. Con gọi ba, cháu gọi ông một cách đầy triu mến. Điều đáng quý nhất là Dũng chấp nhận không có con riêng với Yên, để tránh cảnh con anh, con em, con chúng ta... dễ lâm vào hoàn cảnh khó xử. Tội tôi vẫn cho rằng với tình yêu bao la của Dũng, Yên là một người đàn bà may mắn nhất trên đời.

Những ngày cùng nhau đi ăn, đi chơi, đi xem hết tất cả những sòng bạc huy hoàng, tráng lệ của Thiên đường cờ bạc Las Vegas, cùng nhau chụp những bức hình đủ kiểu, đủ dáng, đưa nào cũng cười toe toét hết cỡ...là một kỷ niệm không bao giờ phai mờ trong tâm khảm của chúng tôi. Tuy nhiên, ngắm nhìn toàn bộ những sòng bạc lộng lẫy này tôi không khỏi chạnh lòng, nghĩ đến biết bao gia đình đã tán gia bại sản, biết bao kẻ thân bại danh liệt hoặc tự hủy hoại cuộc đời vì nó. Thế mà thiên hạ vẫn kéo đến rần rần, sát phạt suốt ngày đêm và thường là ra về với chiếc túi rỗng không. Mãnh lực của con ma cờ bạc thật là mãnh liệt!

Ngày chia tay chúng tôi ôm nhau, đưa nào cũng sụt sùi, cặp mắt đỏ hoe không biết chừng nào mới có dịp tái ngộ. Lần trở về nhà, trên phi cơ, tôi không ngủ được, tâm trí vẫn còn in đậm kỷ niệm của những ngày vừa qua. Những ngày sáu đứa chúng tôi cùng sống lại quãng đời học sinh vô tư của hơn nửa thế kỷ về trước. Ôi, thời gian bước đi bằng đôi hia bảy dặm. Mới ngày nào tóc xanh mượt mà, cặp mắt trong veo. Bây giờ là những cụ bà với mái tóc bạc phơ (nếu không nhuộm!), cặp mắt mờ huyền...mờ và đôi chân hơi lạng quạng chứ không còn những bước đi vững vàng như xưa! Nhưng dù sao thì chúng tôi cũng đã có một cuộc hội ngộ thật hoàn mỹ. Tạ ơn Trời.

TIÊU THU

MỪNG HỘI NGỘ CỎ THƠM LẦN THỨ 21

Văn nhân thi hữu khắp gần xa,
Tề tựu về đây họp một nhà.
Nghệ sĩ Thủ Đô cùng họp xưởng,
Thành viên Tạp Chí hát vui ca.
Cỏ Thơm tô điểm nền văn học,
Chữ nghĩa lưu truyền tiếng nước ta.
Con cháu Lạc Hồng gìn bản sắc,
Lời hay ý đẹp trở đơm hoa.

NGÔ VĂN GIAI Virginia (8/28/2016)

Họa 01 **TÌNH VẴN**

Cho dẫu nghìn trùng có cách xa
Tình vẫn vẫn đẹp nếp non nhà
Nuôi hồn bản quán nơi ngâm họa
Dưỡng chất cội nguồn chốn hát ca
Chẳng những ngân nga từ đất bạn
Mà còn thấm thấu đến quê ta
Cầu mong tạp chí ươm thông tuệ
Chăm bón cây đời mãi nở hoa.

KẺ VẴN

Họa 02 **MỪNG TẠP CHÍ CỎ THƠM**

Năm châu bốn biển có đâu xa
Tám hướng mười phương kết nối nhà
Rộn rã chào mừng vui hội ngộ
Hân hoan hòa tấu hát ngâm ca
Từ chương nghệ thuật nền văn học
Tiếng mẹ cội nguồn nước Việt ta
Kính chúc Cỏ Thơm thăng tiến mãi
Tỏa hương ngào ngạt khắp trời hoa.

PHÙNG TRẦN - TRẦN QUẾ SƠN (Illinois; 8/28/2016)

Họa 03 **NGÀY VUI HỘI NGỘ**

Chớ ngại về đây dẫu quá xa!
Năm châu bốn biển tụ chung nhà
Đồng hương thân hữu cùng hòa tấu
Nghệ sĩ Cỏ Thơm họp xưởng ca
Tiếng hát, câu hò vang sân khấu
Lời hay, ý đẹp ngập hồn ta
Giữ gìn văn hóa yêu nguồn cội
Tam Cá Nguyệt San đơm trở hoa.

NHƯ THU Cali 8/28/2016

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm Kỷ Niệm 21 Năm Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật

Tường thuật: **Phan Anh Dũng**



Tâm Hảo, Ngọc Dung, Ngọc Trinh

Để duy trì một truyền thống tốt đẹp từ bao nhiêu năm qua, Ban Điều Hành Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã tổ chức một buổi họp mặt với văn, thi, họa, nhạc sĩ cùng thân hữu vào buổi trưa ngày 28 tháng 8 năm 2016 tại địa điểm quen thuộc: nhà hàng Harvest Moon ở thành phố Falls



*Bạch Cúc, Mỹ Hạnh, Germaine Lọc,
Loan Phương, Ý Nguyên.*

Church, tiểu bang Virginia.

Phóng viên Đào Hiếu Thảo của Đài truyền hình VieTV đến sớm để phỏng vấn chị Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung. Anh cũng ở lại cho đến phút cuối để thực hiện một phóng sự, với mục đích thông tin đến cộng đồng một trong những sinh hoạt văn học nghệ thuật không thể thiếu ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.



*NV Phạm Hữu Bình, chị Anh Phạm,
Hoàng Mai, David Roodman.*

Ban Tổ Chức đã dành 45 phút để khách có thì giờ hàn huyên ở 3 bàn Hội Sách. Sau khi quan khách đã đến khá đông đủ, chương trình được chính thức khai mạc lúc 12:15 pm.



*Nhà thơ Ngô Tăng Giao, Biên Khảo Gia
Nguyễn Văn Thành và phu nhân cùng ái nữ.*



BKG Trần Bích San, Dược sĩ Nguyễn Đức Thụy, GS Phạm Trọng Lệ, NV Phạm Hữu Bình, Dịch giả Diễm Trân.

nói sơ lược về chương trình họp mặt và yêu cầu mọi người giúp đỡ nạn nhân vụ bão lụt nặng vừa qua ở Baton Rouge, Louisiana (thể theo lời yêu cầu của một vị Chủ tịch cộng đồng người Việt ở đó, nhấn qua anh Trần Bích San).

Trước khi nhà hàng dọn thức ăn trưa, Phan Anh Dũng - Phó Chủ Nhiệm đặc trách

Anh Trần Bích San - biên khảo gia kiêm Chủ Bút của Cỏ Thơm đến từ New Orleans, Louisiana - mở đầu với nghi lễ Quốc Ca Hoa Kỳ, Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa và một phút mặc niệm. (Ghi chú: tiết mục nghi lễ năm nay được anh Trần Bích San đảm nhận vì Phó Chủ Nhiệm đặc trách Nội Vụ Phan Khâm có đại tang, không thể đến dự). Kế tiếp, chị Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung đọc diễn văn chào mừng và cảm ơn quan khách. Chị cũng đã



Chị Lộc Khuê, Mina, Ca sĩ Lộc Khuê Nhà báo Hoài Thanh cùng phu nhân và nhạc mẫu, NB Phạm Bá Vinh, NV Phong Thu.

Ngoại Vụ của Cỏ Thơm - đã mời ban điều hành, một số văn thi hữu và các nghệ sĩ góp mặt trong chương trình văn nghệ chụp hình kỷ niệm. Một số người tham dự không khỏi ngậm ngùi nhớ đến những văn thi hữu đã từng đứng trên sân khấu này nhưng nay đã

ra đi vĩnh viễn - gần đây nhất, trong năm 2016 là thi sĩ Phan Ngọc, họa sĩ Đinh Cường, biên khảo gia Nguyễn Ngọc Bích...

Sau khi mọi người thưởng thức 7 món ăn ngon miệng của nhà hàng Harvest Moon, một chương



NS Trịnh Phước Chí, quý Nhà thơ Ngô Văn Giai, Phan Văn Phụ, Võ Văn Găng, Lý Hiếu, Sỹ Thành, Ngọc Quyên, Xuân Thường

trình ca nhạc chọn lọc do 2 MC khả ái Thái Phượng và Đàm Xuân Linh điều khiển, xen kẽ là 2 diễn giả Phong Thu và Phạm Trọng Lệ phụ trách phần giới thiệu sách của nhà văn Vũ Nam và Phạm Hữu Bình. Các nghệ sĩ trình diễn được hỗ trợ với: Sĩ Thành (keyboard), Tiến kèn (saxophone), Phạm Dương Hiền (violin), Đàm Xuân Linh (violin), Trịnh Phước Chí (đàn vọng cổ) và Vũ Phương (sáo). Mở đầu phần văn nghệ là ca khúc *Hè Về* của cổ nhạc sĩ tài ba Hùng Lĩnh do một ban



rũ của một số nhạc sĩ chưa được nhiều người biết

đến như: Trương Lê Sơn, Lê Khắc Bình,

Nguyễn Ngọc Thiện ...

BUỒN THEO NĂM

THÁNG (thơ: Lý Hiếu)

- ngâm thơ: *Hoàng*

Bạch Mai

TÂM GỬI (sáng

tác: Trương Lê Sơn) -

tiếng hát: *Như Hương*

HUẾ MƯA HOÀI (sáng

tác: Lê Khắc Bình) -

song ca: *Hiếu Tâm &*

Hoàng Cung Fa

Giới thiệu sách của NV Vũ Nam - diễn giả:

Phong Thu

TỪ GIỌNG HÁT EM (sáng tác: Ngô Thụy



hợp ca hùng hậu gồm 7 nữ và 4 nam do nhạc sĩ Phạm Dương Hiền điều khiển: *Tâm Hào, Như Hương, Thái Phượng, Loan Phượng, Hiếu Tâm, Bạch Mai, Ngọc Thu, Xuân Thuởng, Hoàng Cung Fa, Sĩ Tuấn, Phan Anh Dũng.*

Kế tiếp là những tiết mục được các nghệ sĩ tự chọn và trình bày đặc sắc, mỗi người mỗi phong thái riêng, được tán thưởng nồng nhiệt. Trong số các nhạc phẩm được trình bày, có những sáng tác đầy tình cảm nhưng không kém phần quyền





Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung,
 Nguyễn, Đình Tiến, Như Hương,
 Sỹ Tuấn, ... ,
 Phạm Dương Hiền,

mời được nhạc sĩ lão thành Trịnh Phước Chí với tiếng đàn vọng cổ thật ngọt và tiếng hát vọng cổ thật mùi của Ngọc Quyên - để cùng anh song ca tân cổ giao duyên "Chiếc Áo Bà Ba", một bản nhạc ít phổ biến của cổ nhạc sĩ Trần Thiện Thanh.

Miên) - tiếng hát: *Loan Phượng*
 CHIẾC ÁO BÀ BA (sáng tác: Trần Thiện Thanh) - song ca: *Xuân Thương & Ngọc Quyên*
 Giới thiệu sách của NV Phạm Hữu Bình - diễn giả: *Phạm Trọng Lệ*
 VỀ ĐÂY NGHE EM (nhạc: Trần Quang Lộc - lời: A- Khuê) - hòa tấu: *Phạm Dương Hiền, Sĩ Thành & Tiến kèn*
 TÌNH VỌNG (sáng tác: Diệu Hương) - tiếng hát: *Sỹ Tuấn*
 THỜI ANH HÃY VỀ (sáng tác: Nguyễn Ngọc Thiên) - song ca: *Như Hương & Sỹ Tuấn*

Chương trình họp mặt được kết thúc khoảng 3:45 pm trong tinh nghệ sĩ quý mến nhẹ nhàng. Thay mặt Ban Tổ Chức, xin thành thật cảm ơn sự ủng hộ ưu ái của quý văn thi hữu, độc giả và ca nhạc sĩ đã đến chung vui với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom vào một ngày cuối hè nóng bức.

Thân chúc quý vị nhiều sức khỏe và an vui. Mong gặp lại tất cả vào buổi họp mặt lần tới.

Phan Anh Dũng

Richmond, Virginia USA - 15 tháng 9, 2016

Hai diễn giả Phong Thu và Phạm Trọng

Lệ đã cố gắng giới thiệu sách trong thời gian vừa đủ để thính giả hiểu thêm về tác giả và tác phẩm.

Đặc biệt năm nay ca sĩ Nguyễn Xuân Thường đã



Hải Yến, Vũ An Thanh, Ngọc Thanh,
 Ngọc Thủy, Loạn Phượng, Hiếu Tâm,
 Tâm Hào, Ngọc Trinh, Phan Anh Dũng,
 Anh Tuyền, Đàm Xuân Linh.



Hoàng Dân Bình, Phan Anh Dũng, Bạch Mai, Tâm Hào, Bạch Cúc, Ý Nguyên, Ngọc Dung, Phạm Hữu Bình, Ngô Tăng Giao, Anh Nguyen Pham, Hoàng Mai, David Roodman.



Hồng Ngọc,
Trương Anh
Thụy, Phong Thu,
Ngọc Dung,
Vũ Nam,
Việt Bằng,
Mỹ Hạnh,
anh chị Tuấn KQ



Ngồi: Cung Lan, Bà Kim Tước, Võ Ngoan. Đứng: Thanh Bình, Trần Bích San, Ngọc Liên, Kiều Loan, Thanh Minh, Hồng Thủy, Mai Hương, Diễm Trân, Tom Kratzke, Thanh Tùng.





Ngọc Tú, Thanh Quỳ, ... Thu Cúc, Minh Trân, Bích Liên, Toàn Lee, Vân Trang, ..., Hồng Thủy.



Như Hương, Hoàng Dung, Hồng Thủy, Tâm Hào, Phong Thu, Thái Phượng



Việt Bằng, Phạm Xuân Thái, Phạm Trọng Lê, Nguyễn Văn Thành,
Bùi Thanh Tiên, Thúy Diễm



Ban Trị Sự: Chủ nhiệm ngoại vụ Phan An Dũng, TTK Đỗ Trang Mỹ Hạnh, Chủ bút Trần Bích San chụp hình kỷ niệm với NV Phạm Hữu Bình và NV Vũ Nam.



Hàng 1: Phong Thu, Bạch Mai, Hoàng Dung, Ý Nguyên, Trương Anh Thụy, Uyên Thao, Ngọc Dung, Trần Bích San, Hoàng Song Liêm, Hồng Thủy, Diễm Trân, Cung Thị Lan.
 Hàng 2: Vũ Nam, Phạm Bá, Nguyễn Lân, Nguyễn Văn Thành, Ngô Tăng Giao, Huy Lâm, Mỹ Hạnh, Hàng 3: Phan Anh Dũng, Bùi Thanh Tiên, Phạm Trọng Lệ, Lý Hiểu, Phạm Hữu Bình, Hoàng Dân Bình, Phạm Văn Tuấn, Phạm Xuân Thái.



Ngọc Liên, Kiều Loan, Diễm Hoa, Mai Hương, Diễm Trân, Nguyễn Lân.



Lộc Khuê, Ngọc Dung, Nguyễn Lân, Thanh Bình, Tâm Hào, Phong Thu, Vũ Nam.



Hàng 1: Ngọc Quyên, Ngọc Thu, Tâm Hảo, Hiếu Tâm, Bạch Mai, Như Hương, Loan Phương, Thái Phương, Phong Thu. Hàng 2: Trịnh Phước Chí, Xuân Thương, Hoàng Cung Fa, Phạm Dương Hiền, Sĩ Tuấn, Đàm Xuân Linh, Đinh Minh Tiến, Sĩ Thành, Phan Anh Dũng.



NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NV Vũ Nam, NV Phong Thu, GS Phạm Trọng Lê, NV Phạm Hữu Bình và phu nhân, NS Phan Anh Dũng.

HÌNH ẢNH: HENRY VIỆT & PHẠM VĂN TUẤN

Giới thiệu “TRÙNG TRÙNG DUYÊN KHỜ” của Kim-Vũ

+++

Đây là một tác phẩm cô đọng được viết ra do sự thôi thúc của tình trạng bạo động trên thế giới, bắt đầu từ sự kiện 9/11.

Bắt đầu như thế, nhưng khi tác phẩm được khai triển theo đà cảm hứng, cuốn sách đã chuyển từ những hiện tượng thực tế của thế giới đương đại qua những suy tư triết học có tính chất bản thể, rồi từ đó dẫn dắt đến những địa hạt luận lý học, đạo đức học, và tâm lý học. Nghĩa là tất cả những phạm trù căn cốt nhất của triết học.

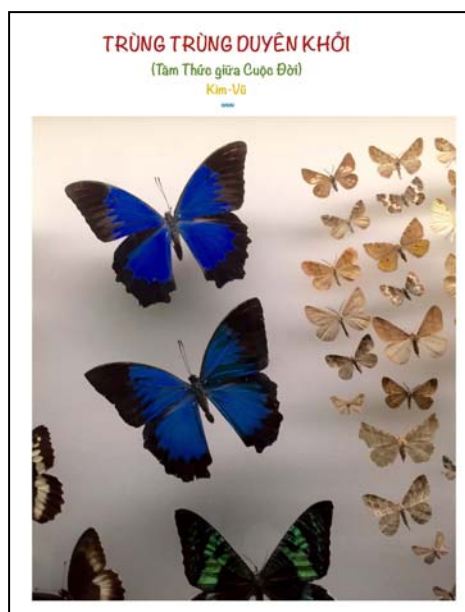
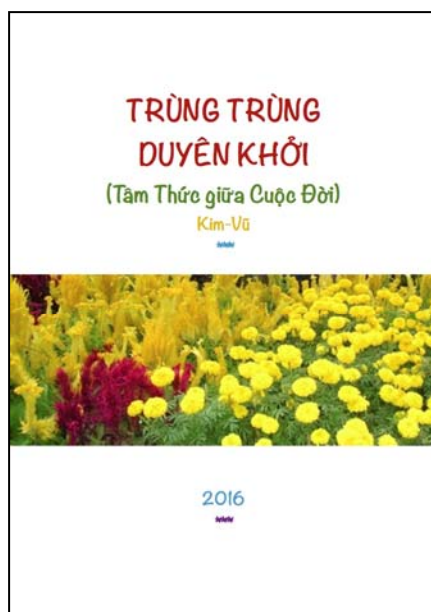
Tác giả đưa ra luận chứng là khởi điểm của vũ trụ chúng ta không hề đi từ những hiện tượng vật chất của boson, fermion, quark, lepton, vv..., nghĩa là những thành tố cơ bản “dưới nguyên tử” của vật chất trong khoa vật lý lượng tử đương đại, mà từ TÂM trong ý nghĩa rộng lớn và bao trùm nhất.

Cuốn sách gồm 108 chương, gói gọn trong 108 trang, đặc biệt thêm Chương 0, như một gợi ý cho người đọc nhận dạng vấn đề và tự đào sâu thêm để tìm ra lời giải cho chính mình về ý nghĩa cuộc sống ton trần thế .

Nội dung được gói gọn trong hai câu đặt nơi đầu sách:

Nhìn từ KHÔNG, thấy CÓ Gì.
Nhìn từ CÓ, KHÔNG THẤY Gì.

+++





7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

TỦ SÁCH CỎ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ Phan Khâm
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LÊ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng
PHƯỢNG VẪN NỔ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỞNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHUÔNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013) –
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao
MONG MANH – Thơ: Ý Anh
BƯỚC LẠ QUÊ HUƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo của Nguyễn Văn Thành

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 ()

1 trang trong: US \$60.00 ()

Trang trong bìa trước: US \$100.00 ()

Trang trong bìa sau: US \$100.00 ()

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

Giá báo: US\$7.00